


NGUYỄN VŨ MINH NGUYỆT

VÀNG TRẮNG
Sáng mãi
HỒI KÝ

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG - 2014

Lời giới thiệu

“ cuộc đời là một hành trình. Trên hành trình ấy chúng ta không thể kiểm soát được hết những gì sẽ xảy ra, nhưng chúng ta có thể lựa chọn cho mình một lối đi riêng. Mỗi ngã rẽ trong đời đều cất giấu những bí ẩn thẳm sâu. Ở đó có cả niềm vui, sự đam mê, cũng có khi lại là nỗi buồn, sự chán nản và cả sự chết chóc”.

Câu chuyện của một nữ du kích trong chiến tranh từ năm 1965 đến một người thành đạt năm 2014 cho chúng ta thấy, là một thiếu niên mưu trí, dũng cảm, kiên cường từng bước chị đã trưởng thành và đảm trách qua nhiều cương vị công tác quan trọng. Đặc biệt, trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chị thật sự được Đảng tin tưởng, đồng chí, đồng đội, nhân dân mến phục, tin yêu, còn kẻ thù thì run sợ.

Sau ngày giải phóng đất nước cho đến tận hôm nay có nhiều bài báo viết về chị có tiêu đề lớn: “Người nữ du kích núi Chúa”, “Bông hồng xứ Quảng anh hùng”, “Bông hồng gai” trên núi Chúa, “Người nữ du kích kiên cường”...

Ai đã từng một lần đến Văn phòng công chứng Bảo Nguyệt 50 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu TP. Đà Nẵng hẳn sẽ còn lưu lại một gương mặt thân thiện, dễ gần, đáng người phúc hậu.

Lần giở mỗi trang hồi ký của chị “Vàng trắng sáng mãi” là bạn đọc đang bước sâu hơn vào ký ức của một nữ du kích “Ngày ấy...”

bây giờ”. Ký ức dữ dội, đau thương, tàn khốc nhưng cũng đầy nhân bản và xúc động lòng người, sẽ dẫn dắt người đọc trở lại quá khứ, trở lại để thấu hiểu những điều khủng khiếp đã diễn ra trong thời chiến. Đây chỉ là một phần nhỏ còn sót lại trong hồi ức cô du kích xã Sơn Viên huyện Nông Sơn. Nhưng hơn thế nữa, đằng sau những câu chuyện hào hùng ấy, chúng ta sẽ tìm thấy những khoảnh khắc đẹp đẽ đến kỳ lạ của thiên nhiên và tâm hồn đẹp của người chiến sĩ Cách Mạng.

Câu chuyện nhân văn mà cuốn hồi ký muốn truyền tải vẫn còn mãi cùng với dư âm xúc động lòng người, ngay cả khi những trang sách cuối cùng được gấp lại. Lịch sử đã, đang và sẽ mãi vinh danh chị, các anh hùng liệt sĩ trong hai cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

Trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn hồi ký đặc biệt của cô du kích năm xưa “Vàng Trắng sáng mãi” của Nguyễn Vũ Minh Nguyệt.

A Chước Đen

Hội viên Hội Nhà văn Thành phố Đà Nẵng



Lời tác giả

Đầu tiên, tôi xin cảm ơn Tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã cho tôi cuộc sống này.

Tôi xin cảm ơn đồng đội (người còn sống và người đã khuất) đã cùng tôi nhiều năm tháng lăn lộn nơi chiến trường, lập nên nhiều chiến công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trong đó có sự đóng góp hết sức quan trọng của người dân huyện Nông Sơn.

Cảm ơn nhà văn A Chước Đen - Hội viên Hội Nhà văn thành phố Đà Nẵng đã cùng tôi biên tập bản thảo hồi ký (Vàng Trắng sáng mãi).

Cầu mong linh hồn Tổ tiên, ông bà, cha mẹ cùng đồng đội, chiến sĩ vô danh và người dân vô tội bị địch sát hại sống mãi trong cuốn hồi ký này.

Nguyễn Vũ Minh Nguyệt

Tuổi thơ ở bên mẹ

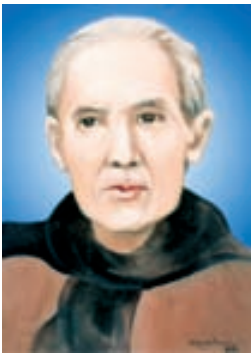
Tôi sinh ra tại làng Phước Bình thuộc xã Sơn Viên, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Mẹ tôi kể, gia đình tôi là một gia đình có truyền thống yêu nước, ông cố nội tôi tham gia phong trào Cần Vương bị Pháp xử tử. Thời kỳ đó gia đình tôi thuộc diện tầng lớp trung lưu, thuộc loại khá giả nhất nhì trong làng, cha là ông Nguyễn Đắc Triết, mẹ là bà Võ



Cha
Nguyễn Đắc Triết

Thị Thảo - tham gia hoạt động cách mạng nuôi giấu cán bộ cách mạng nằm vùng hoạt động. Bao nhiêu tài sản cha, mẹ đều đóng góp nuôi quân, nuôi giấu cán bộ. Người làng thời đó kể chuyện, mẹ tôi là người đẹp và có nhiều tài vật, nhân hậu nhất làng Trung Lộc (thuộc xã Quế Lộc bây giờ) mặc dù mẹ tôi trước đó đã có một đời chồng nhưng ông ấy đã qua đời để lại một người con gái. Cùng ở trong làng, cha tôi vẫn yêu mẹ tôi say đắm và hỏi cưới mẹ làm vợ (mẹ thời đó cũng là con nhà quyền quý) nên đám cưới lần thứ hai của cha mẹ tôi cũng

được tổ chức linh đình, rước dâu bằng kiệu... Mẹ chung sống với cha sinh rất nhiều con nhưng đều chết non, bây giờ cũng không có tên có tuổi... Không rõ mẹ sống với cha tôi được bao nhiêu năm thì cha mang trọng bệnh nên từ già mẹ con tôi ra đi mãi mãi... Khi cha mất, mẹ đang mang thai tôi được hai hay ba tháng gì đó cho nên khi lớn lên tôi không được may mắn và diễm phúc như các bạn cùng trang lứa được vòng tay ấm của cha ôm mình vào lòng và được nhìn thấy khuôn mặt cha tươi cười như các bạn.



Mẹ
Võ Thị Thảo

Tôi chào đời thêm một gánh nặng cho mẹ, mẹ tần tảo nuôi ba chị em tôi khôn lớn. Hai chị gái của tôi là chị Tám và chị Chín (còn gọi là Nguyễn Thị Tám và Nguyễn Thị Ánh Hồng), còn anh hai tôi tên Nguyễn Đắc Xương có vợ ở riêng, anh ba tôi tên Nguyễn Đắc Phước bỏ nhà đi làm ăn ở đâu không rõ, ở nhà chỉ có ba chị em, bên cạnh việc chăm sóc cho ba chị em tôi mẹ còn hoạt động Cách mạng, nuôi một số cán bộ Cách mạng nằm vùng hoạt động như ông Hà Đông - nguyên là bí thư Huyện ủy huyện Quế Sơn, ông Phan Thi và một số người khác tôi không nhớ rõ tên. Những ngày còn tấm bé, tôi là một cô bé nghịch ngợm nhất làng, trèo cây bắt tổ chim, bắt cá, chạy theo mấy đứa trẻ nhỏ chăn trâu nghêu ngao khắp các cánh đồng ruộng và chơi những trò tinh nghịch như dàn trận, chơi trận chiến giả; cũng hô hào xung phong, cũng đánh giáp lá cà với quân địch, cũng phân thắng bại như một trận chiến đấu thật sự mặc dù lúc đó tôi chưa có khái niệm địch ta, kẻ thù là như thế nào cả.



*Đồng chí Hà Đông
(Lê Quang Bửu)
Bí thư Huyện ủy
(từ 01/1968 đến 10/1968)*



*Đồng chí Phan Thi
Bí thư Huyện ủy
(từ 5/1947.....)*

Những ngày tháng đó gia đình tôi sống trong cảnh thiếu thốn tình thương của cha và còn thiếu cả vật chất nữa, nhưng mẹ vẫn dành những miếng ăn ngon nhất nuôi các chú hoạt động Cách mạng. Nhiều lần thấy mẹ làm thịt gà, chị em tôi ngửi mùi thơm, nuốt nước bọt, đứng vây quanh nồi thịt xin mẹ được ăn nhưng mẹ bảo: “Các con ra gốc xoài bắt rầy vô mẹ rang cho ăn luôn thể”. Chị em tôi tưởng thật rủ nhau chạy ào ra vườn đào bới những con bọ rầy và con sùng béo ngậy, đó là trò chơi cuốn hút, chị em tôi quên cả đói và khi về đến nhà món thịt gà kia không cánh mà bay mất dạng. Có nhiều lần chúng tôi phát hiện có các chú mặc đồ bà ba đen ở nhà trên nhưng không biết các chú vào nhà từ khi nào. Có lần vô tình mẹ bảo tôi vào thùng lấy lúa cho gà ăn, vừa mở nắp thùng lên thấy có bàn tay ai đưa lên nắm lấy tôi, tôi la hét thật

to, lúc đó mẹ có mặt ngay ôm tôi vào lòng và nói: “Nói nhỏ, đó là các chú làm Cách mạng, các con biết và không nói với ai chuyện này nhé, khi nào làm thịt gà mẹ bồi dưỡng cho”. Từ đó chúng tôi cũng biết phụ mẹ làm công việc cho các chú “người nhỏ làm việc nhỏ”. Thiếu tình thương của cha, thỉnh

thoảng có các chú trong nhà cũng thấy vui. Chị em tôi càng gắn bó với các chú nhiều hơn, sau này mới biết mấy chú là “Cộng sản”.

Mẹ đã thay cha chăm lo cho ba chị em tôi, dành cho chúng tôi tình thương yêu lớn nhất. Thời đó không biết nhờ vả vào ai, bên cạnh có em gái của cha, cô ruột của tôi thì giàu “nứt đố đổ vách” nhưng mẹ cũng không làm phiền, có bao nhiêu ruộng đất mẹ bán sạch nhưng cũng không đủ, mẹ thật vất vả, chạy ngược chạy xuôi tần tảo nuôi ba chị em và nuôi cả các chú cách mạng nhưng mẹ không có một tiếng than phiền, hồi bé tôi đã kịp nhận ra nụ cười nhân hậu luôn nở trên khuôn mặt mẹ mỗi khi ai đó cần sự giúp đỡ. Chị em tôi được mẹ dạy dỗ rất chu đáo, bày vẽ làm công việc nhà và chăm lo việc đồng áng, luôn có những bài học đạo đức của người xưa để chỉ cho các con mình nào là “đồng tiền tài như phấn thổ”, “nghĩa trọng thiên kim”, mẹ tôi lấy cả lời của ông Tam Khôi nào đó để răn dạy: gái thời dọn dẹp trong nhà, công dung ngôn hạnh, nét na cho dịu dàng. Mẹ sống rất nhân hậu; bao dung, luôn cảm thông chia sẻ tình làng nghĩa xóm, chia sẻ vật chất cho những người có hoàn cảnh khó khăn hơn mình. Những đức tính đó của mẹ luôn được tái hiện hằng ngày trong sinh hoạt, mỗi ngày như giọt nước chảy đều thấm sâu vào tâm trí, chị em tôi được thừa hưởng những phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam xưa và nay.



Lần đầu xa mẹ

Những ngày sống êm ấm bên mẹ không được bao lâu, một hôm tang thương ập đến gia đình, mẹ bị một số lính, cảnh sát súng ống linh kinh đến nhà trói tay dẫn mẹ đi. Chị em tôi và cả làng bàng hoàng, không biết chuyện gì xảy ra với mẹ, tôi là người khóc to nhất, chạy theo níu tay, hai chân ôm vòng lấy chân mẹ, nhưng sức yếu, chúng nó lôi mẹ ra khỏi vòng tay chúng tôi rồi nói: “Đánh cho chết con nòi Cộng sản”. Chúng dùng giày đinh đập trên thân thể mẹ, dùng roi quất trên lưng chị em tôi, mặt mày dữ tợn rồi lôi xềnh xệch mẹ trên đường ruộng, qua bao thửa ruộng, chúng tôi khóc khàn cả tiếng. Chúng chẳng cần quan tâm đến sự đau khổ của chị em tôi. Ngay lúc đó mẹ cúi gập người xuống, thì thào trong tai tôi: “Con ngoan đừng khóc nữa, chị em đùm bọc nhau sống



Minh Nguyệt 10 tuổi

cho tốt, ít hôm mẹ về đó”. Tôi vẫn nhớ như in, đây là ký ức khủng khiếp nhất, trời đất quay cuồng như muốn sụp đổ trong mắt tôi, nắng đỏ lửa, làm mắt tôi hoa lên, nhìn mẹ qua hàng nước mắt, nhờ bộ áo dài màu đen mẹ mặc bay trong gió, đó là điểm nhìn thấy rõ, dù có ở xa, tôi vẫn thấy dáng mẹ hiên ngang đi trước họng súng của quân thù, có lúc vấp ngã, mẹ bị chúng kéo lê trên đường làng. Những dấu ấn ấy thật khó phai mờ trong mắt trẻ thơ, nung nấu cho chị em tôi lòng căm thù giặc sâu sắc. Trước khi bước sang tuổi lên 7, lần đầu tận



Ông Hà Đông - Nguyên Bí thư huyện ủy Quế Sơn làm giấy xác nhận

mắt chúng kiến chiến tranh và “hít thở” mùi đấng cay của nó. Sau này chúng tôi biết được mẹ tôi bị địch bắt bỏ tù vì hoạt động cách mạng, nuôi giấu cán bộ nằm vùng hoạt động. Thời gian sau này tôi mới hiểu, đó là Mỹ, Ngô Đình Diệm đề ra luật số 10 năm 1959, đầu lê, máy chém đi khắp nơi tìm tiêu diệt cơ sở cách mạng, địch ráo riết vây bắt những người Cách mạng nên nhiều cơ sở Cách mạng bị lộ, bị địch bắt bỏ tù; trong đó có mẹ của chúng tôi.

Sau khi mẹ bị bắt, nhà có ba chị em, chị Tám tôi lúc đó khoảng mười một tuổi, mà phải cáng đáng hai em nhỏ, cuộc sống vô cùng cực khổ, mùa khô ráo còn có cái ăn, mùa mưa lũ lại càng đói rét. Có nhiều đêm mơ mẹ trở lại, khi tỉnh giấc chỉ thấy một màu đen, ngoài trời mưa rơi mỗi lúc càng nặng hạt, thỉnh thoảng có luồng gió lạnh thổi qua khe hở phen tre, càng làm tôi nhớ mẹ nhiều hơn, đêm ấy bên cạnh tôi vẫn có hai chị. Thiếu tình thương của cha mẹ, thiếu cơm ăn, áo mặc. Chị em tôi lúc đó toàn mặc đồ ké thải ra của mấy đứa em con cô tôi, nhưng chị lớn luôn động viên hai em “cũ người mới ta”. Hằng ngày ba chị em xuống bờ khe hái rau dại và đào hang bắt dế về rang với muối mặn chút, nhưng đói quá ăn vẫn thấy ngon lành. Cuộc sống cơ cực cứ vậy trôi qua... Một hôm cô ruột Nguyễn Thị Dung, biết được gia cảnh gia đình tôi, thấy còn lại ba chị em tôi nheo nhóc đói khổ nên cô đưa tôi về nhà cô ở Trung Phước xã Sơn Khương để nuôi dưỡng, lúc đó chị em tôi không muốn rời nhau, nhưng với hoàn cảnh hiện tại không cách nào khác là chấp nhận, còn chị Chín của tôi (chị Nguyễn Thị Ánh Hồng) thì được gửi vào cô nhi viện Tây Lộc Huế...



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG TD-KT TỈNH
Số: X/C/ĐN-TĐ

Tam Kỳ, ngày 4 tháng 8 năm 2004

GIẤY XÁC NHẬN

THƯỜNG TRƯC HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TỈNH QUẢNG NAM

Xác nhận cho bà: **Vũ Thị Thảo**

Quốc tịch: Xi - Quê Lạc, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

Tên quốc tịch: Xi - Quê Lạc, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

Theo hồ sơ lưu tại Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh Quảng Nam của bà: **Vũ Thị Thảo** trong biên khai thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ đã được Hội đồng TD-KT xã Quế Lạc, UBND huyện Quế Sơn và UBND tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng (cũ) đề nghị Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba. Quyết định số 941/KT-HĐNN7 ngày 26/12/86, số bằng: 4347 là đúng.

Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh Quảng Nam xác nhận để các cơ quan liên quan giải quyết chế độ cho bà: **Vũ Thị Thảo**.

TM. HỘI ĐỒNG TD-KT TỈNH QUẢNG NAM
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Phước Tuấn

Chim đàn lẻ cánh

Sau khi mẹ ra tù, ở với mẹ không được bao lâu, cô tôi là bà Nguyễn Thị Dung tìm cách đưa tôi vào Sài Gòn sống với con cô tên là Nguyễn Thị Bích Hà (Phú). Thời gian ở đây tôi được chứng kiến nhiều hoạt động đấu tranh của sinh viên Phật tử, biểu tình, chống chính quyền Mỹ - Ngụy. Nhiều lần địch đàn áp dùng xe vòi rồng và hơi cay giải tán đám biểu tình tại trước bùng binh Quách Thị Trang (trước chợ Bến Thành). Tôi và các bạn nhỏ hòa nhập, trà trộn vào đoàn sinh viên Sài Gòn giương cao biểu ngữ “Đả đảo chế độ Mỹ - Ngụy - Đả đảo đế quốc Mỹ”. Chúng đàn áp những người biểu tình rất dã man. Trong đoàn biểu tình của chúng tôi nhiều người đã



Ba chị em họ Nguyễn Phước

ngất xỉu vì lựu đạn cay của địch. Có lần tôi nhớ đưa đám tang Lê Văn Ngọc từ Viện Hoá Đạo, khi đến Lăng Ông Bà Chiểu, địch chặn đoàn người lại và đàn áp dã man, tôi cùng em gái con cô ruột tên là Nguyễn Thị Xuân Vinh bị chúng đánh đập bằng dùi cui và đập vào người bằng giày đinh, chúng tôi chạy tán loạn nên đã thất lạc nhau. Tôi có sức khoẻ hơn Vinh nên đã chạy thoát ra khỏi vòng vây, Vinh còn ở trong đám người biểu tình. Sau đó tôi tìm kiếm và đã lôi được Vinh ra rồi chạy vào nhà dân trốn. Đến tối hai chị em mới về tới nhà. Cuộc sống như vậy cứ tiếp diễn mãi, tôi và Vinh đã từng nhiều lần theo đoàn người xuống đường chống đối Mỹ - Ngụy. Ngoài việc biểu tình ra chị em tôi còn nhịn ăn để lấy tiền tiêu vặt hằng ngày ủng hộ những người nghèo và cúng dường tại chùa Vĩnh Hội...nơi Thầy Xuyên (tôi không biết Pháp danh) là cơ sở Cách mạng, hoạt động tại địa bàn này.

Chưa tròn 7 tuổi, định mệnh đưa tôi vào đất Sài Gòn, đây chính là giai đoạn lần thứ 2, được hít mùi thuốc súng, được chứng kiến máu chảy lênh láng trên đường Sài Gòn của đoàn biểu tình. Mỗi ngày nghe lóm chuyện người lớn kể tôi đã cơ bản hiểu theo cách nhìn của đứa trẻ lên 7, đó là sự bất công. Thật khó nói rắc rối từ đâu đến trên quê hương mình, đã bắt đầu từ đâu và từ lúc nào. Chẳng ai giải thích câu hỏi trong đầu tôi, dần tôi tự tìm ra câu hỏi cho chính mình qua các sự việc hằng ngày.



Ngày đầu tham gia vào du kích

Đầu năm 1965 quê hương tôi được giải phóng, nhân dân cả vùng được thoát khỏi cảnh kìm kẹp của kẻ thù, mọi nhà rất phấn khởi, ai cũng tham gia phá dỡ ấp chiến lược ủng hộ kháng chiến, góp phần xây dựng chính quyền cách mạng. Lúc này tôi đang ở Sài Gòn, nghe tin quê hương giải phóng tôi rất mừng. Đây là cơ hội tôi được trở về quê cha đất tổ, được gặp lại mẹ, chị và bà con trong xóm làng. Ngày đặt chân trên mảnh đất thân yêu có nhiều cảm xúc lạ xuất hiện. Bao ký ức buồn vui lẫn lộn với một đứa trẻ lên 8-9 làm sao diễn đạt bằng lời, chỉ có trong suy nghĩ con trẻ, có đôi lần tôi thậm chí lau nước mắt lăn trên má. Nhớ lại cảnh tượng mẹ bị đánh đập dưới báng súng của địch,



*Minh Nguyệt ngày đầu
tham gia cách mạng*

nhớ câu chuyện mẹ kể về ông cố nội bị lính Pháp xử trảm, nhớ cảnh máu chảy lênh láng trên đường phố Sài Gòn. Hôm nay người người rủ nhau kéo về làng giải phóng để xây dựng quê hương, được chăm sóc mồ mả, ông bà, tổ tiên. Lúc đó tôi cũng rạo rức xin cô ruột tôi tên Nguyễn Thị Dung trở về quê, cô bảo: “Về quê, con xin tham gia Cách mạng để trả thù cho bà con bị địch sát hại và trả thù cho cậu Thái (Nguyễn Đình Thái) con cô nữa”. Thật sự với độ tuổi đưa trẻ lên 8-9 làm sao hiểu rõ thế nào là làm cách mạng, chỉ nghĩ làm sao phải xin cho bằng được vào đội du kích để trả thù cho ông cố nội, cho cha mẹ, anh chị, dòng họ và xóm làng.

Lúc đầu xin gia nhập vào đội du kích, chú Sáu Minh (tức là Lê Văn Minh) lúc đó làm xã đội trưởng du kích xã Sơn Thọ không cho tôi gia nhập vào du kích bởi vì tôi quá nhỏ không thể cầm súng. Chú nói: “Súng cao quá đầu làm sao cháu chiến đấu được với kẻ thù trong lúc địch có súng ống hiện đại, âm mưu thâm độc, bom đạn ác liệt liệu cháu có trụ nổi không?”. Tôi cứ bỏ mặc lời khuyên ấy ngoài tai. Chú lại tiếp tục ra sức thuyết phục để tôi bỏ ý định gia nhập vào đội du kích. Nhưng tôi vẫn không nao núng, không chùn bước theo năn nỉ chú cho tôi được cầm súng chiến đấu trực diện với quân thù, cuối cùng tôi cũng đạt được nguyện vọng, chú Sáu đã cho tôi gia nhập vào đội quân du kích.

Nhớ lại ngày đầu vào được đội du kích, đó là niềm vinh dự lớn. Ôi bao khó khăn đối với đứa bé gái lên 9-10 tuổi như tôi, thôi thì đây là con đường mình tự chọn phải cố làm tốt công việc các anh chị giao phó. Nghĩ lại một vóc dáng nhỏ thó, một sức mạnh vượt tầm vóc của cô bé lên 9. Đó chính là

sức mạnh của tổ tiên, từ ông nội, cha mẹ, những người dân vô tội và cuối cùng là từ những kẻ thù muốn giết tôi nhưng không thể.

Tham gia vào đội được vài tháng, thì có đồng chí Lưu Hữu lúc đó là phó ban binh địch vận tỉnh Quảng Nam thấy tôi có thể làm công tác giao liên cơ sở mật nên đã tìm gặp và động viên tôi tham gia công tác giao liên mật. Nhiệm vụ này rất là khó khăn, có thể hy sinh bất cứ lúc nào, việc ai làm nấy biết, giả sử địch bắt có chết cũng không khai. Tôi nói chuyện với chú: “Cháu thích chiến đấu trực diện với quân thù hơn là chiến đấu thầm lặng”. Nhưng ông Hữu bảo: “Không dễ gì tìm ra người lanh lợi như cháu để tham gia vào cơ sở bí mật”, bảo tôi tìm cách nói với các anh trong đội là tôi sợ chết khi phải trực tiếp chiến đấu với địch, để cho người trong đội nghi ngờ là mình chưa thông khi tham gia vào đội du kích.



Nhận nhiệm vụ mới

Đây là chỉ định của chú Hữu cũng là lời động viên tôi: “Con cố gắng hoàn thành việc Cách mạng giao, dù địch bắt được dù có chết cháu cũng không khai báo”. Lúc đó tôi còn rất bé nhưng tôi vẫn ý thức được làm Cách mạng là gian khổ, là chết chóc. Như nhà thơ Tố Hữu nói “Làm Cách mạng từ khi tôi đã hiểu - Dấn thân vô là phải chịu tù đày - Là gươm kẻ cổ - Là súng kẻ tai - Là thân sống chỉ còn một nữa...”. Sau đó tôi suy nghĩ và nhận lời, tôi đã đi liên lạc từ Quế Sơn ra Đà Nẵng bằng con đường hợp pháp (đi bộ từ Xã Sơn Thọ đến Hương An, trên 60 km vì đi đường vòng sau đó bắt xe ra Đà Nẵng). Đoạn đường từ xã Sơn Thọ đến Hương An tôi phải cuộc bộ theo đoàn người đi buôn, như vậy địch khó phát hiện. Những ngày nắng ấm dễ đi, còn những ngày mưa gió, rét buốt cả chân tay, nhiều lần bàn chân dộp rất đau, đi lại thật khó khăn. Mỗi lần đi đưa thư tôi luôn chuẩn bị một nắm cơm vắt gói bằng bẹ cau đi đường để ăn. Khi nhận nhiệm vụ, tôi chẳng nề hà, nhưng tâm trạng luôn sống trong cảnh bất an, vì phải cảnh giác cao độ đề phòng địch phát hiện. Thầm lặng chiến đấu một mình, cũng nhờ có thời gian độc lập, tôi có tính tự lập rất sớm, luôn tự động viên cố gắng hoàn thành công việc. Thật sự phần thưởng của tôi lúc ấy chỉ là lời khen

của các cô chú, trong những chuyến xuyên rừng một mình trong đêm tối, tôi luôn nhớ đến hình ảnh mẹ cha, ông nội hiện về động viên tôi rất nhiều, làm để mẹ vui lòng “con cũng giống mẹ năm xưa”. Mỗi ngày đi đưa tin tức tôi phải dậy từ 2 giờ sáng, đến xế chiều mới ra được Đà Nẵng. Thời gian đó tôi ốm nhom, da đen. Không hiểu tại sao mình lại có ý chí mạnh mẽ như vậy. Trong khi các bạn ở thành phố cùng trang lứa luôn được cha mẹ đưa đón đến trường, mình hằng ngày phải đi bộ mấy chục cây số, nhìn các bạn tụ họp chơi đùa trong sân trường, cũng đôi lần tôi chạnh lòng, ứa nước mắt. Ước gì đất nước sớm hòa bình, mình cũng được đến trường học như các bạn. Ý nghĩ ấy cũng tan nhanh vì nhớ lại mình còn phải đem tin về vùng Cách mạng...

Có một lần đưa tin ra Đà Nẵng, tại số nhà 52 đường Triệu Nữ Vương, nhà của bà Mười Nguyệt. Có một người hàng xóm của cô Nguyệt đến chơi hỏi tôi: “Mi làm gì mà ra ngoài này mãi, có phải làm liên lạc cho Cộng sản không?” Người hỏi tôi cũng là người trong làng cũ ở xã Sơn Thọ. Lúc đó tôi có cảm giác mình đã bị lộ, nếu tiếp tục đi lần nữa chắc chắn sẽ bị bắt, mà bắt sợ lộ cơ sở cách mạng. Ngày hôm sau, tôi quay về Sơn Thọ tìm chú Hữu trình bày sự việc như trên và xin chú cho tôi được nghỉ nhiệm vụ giao liên. Chú Hữu nhất trí, sau đó tôi lại lao vào trận chiến đấu mới với cương vị là xã đội phó tác chiến của du kích xã Sơn Thọ, lúc đó tôi vừa tròn 10 tuổi.




Hồi ức trong rừng

Khi viết lại trang hồi ký này, cũng nhiều cảm xúc buồn vui quay về, gọi lại trong tôi bao khuôn mặt đồng đội, như thước phim quay chậm, từng chi tiết nhỏ lần lượt tái hiện. Chiến tranh đã qua đi 39 năm, nhắc lại vẫn thấy đau lòng. Người đi người ở, khi có dịp trở lại chiến trường xưa, nhớ ánh mắt nụ cười thân thương của đồng đội, nhớ những đêm thức trắng bàn kế hoạch tác chiến, nhớ những phút giây ôm đồng đội trên tay và bắt lợc trước cái chết của họ. Khi nghĩ đến quãng đời ở trong rừng, tôi nghĩ ngay đến mưa rơi. Thậm chí giờ đây sau bao năm, tôi không thể lắng nghe tiếng mưa rơi chậm chạp, đều đều mà không bị kéo lại quãng thời gian ấy. Tiếng mưa rơi khơi lại trong tôi hình ảnh đồng đội tôi nhóm lửa ngồi vòng tròn, không trao cho nhau lời nói mà chỉ trao cho nhau sự ấm áp và an toàn của cơ thể mỗi người, và khoảng thời gian đó dường như vô tận, lặng lẽ mặc niệm đồng đội đã hy sinh, cầu mong linh hồn liệt sỹ che chở cùng đồng hành tiếp sức cho các trận đánh sau.

Nghĩ quãng thời gian ở trong rừng cùng đội du kích, nghĩ ngay đến sự đói khát, cái hiện thực duy nhất đốt cháy cơ thể tôi đó là những lúc lên cơn sốt rét rừng. Rừng là mưa, là gió, là đói khát. Nhưng hơn thế nữa, nó là nơi của sự đau khổ và quan trọng hơn cả, là nơi của sự hóa thân, cho tôi có một sức mạnh phi thường, để tìm ra chân lý.

Giai điệu huyền thoại

 Ngày 27 tháng 1 năm 1965, như trong lịch sử Đảng bộ xã Quế Lộc ghi chép, đó là đêm mở màn chiến dịch. Bộ đội chủ lực của ta tập kích vào quận lỵ Quế Sơn (thôn Cang Tây, thị trấn Đông Phú) diệt gọn 3 trung đội nghĩa quân và mờ sáng hôm sau đánh thiệt hại nặng 1 đại đội biệt lập ở Sơn Châu (nay thuộc Xã Quế Châu). Phối hợp với chiến trường cả huyện.

Đầu tháng 2 năm 1965. Hằng ngày đội du kích của tôi tập trung lên phương án tác chiến, bẻ gãy các trận càn qui mô của địch, ban đêm chống bọn biệt kích về tập kích và tăng gia sản xuất để có cái ăn cho đội và cho những người dân kiên cường bám trụ “dân quê tôi kiên cường, quyết bám trụ nơi quê hương đầy khói lửa đến phút cuối cùng, một tấc không đi, một ly không rời”. Ôi! Cảnh chết chóc tang thương từng giờ phút diễn ra trước mắt chúng tôi, làm sao quên được cái chết của gia đình ông Cống (thôn Phước Bình Trung), địch càn quét vào làng, chúng bắt những người dân lương thiện (trong đó có gia đình ông Cống). Bọn Mỹ- ngụy trói tay, trói chân cột vào chuồng trâu, chắt củi chung quanh rồi châm lửa đốt, ngọn lửa bùng lên, những người bị đốt vùng vẫy, đau đớn, van xin nhưng nào bọn chúng có động lòng thương xót, mà ngược lại

chúng càng reo hò, tỏ ra sung sướng trước sự giã dũa đau đớn của đồng loại, bọn chúng coi đây là thành tích tìm diệt “Việt Cộng”. Ở cái tuổi lên 10 như tôi phải chứng kiến cảnh đó thật là khủng khiếp... Nhìn những xác chết co rúm, cháy đen, một cơn đau dâng lên cổ họng, bụng và đầu tôi, việc giết chóc như trên nó khuấy động những cảm xúc mạnh đến tâm lý con trẻ, gây cho tôi sự căm phẫn cực độ, chính sự tàn ác của chúng đã thúc giục tôi chiến đấu hăng say để trả thù cho họ...

Đi đôi với nhiệm vụ trên, phong trào dân công phục vụ tiền tuyến của xã lúc này cũng rất sôi nổi đã có hàng trăm hàng ngàn lượt người tham gia vận chuyển lương thực, kiêng thương, tải đạn phục vụ chiến dịch xuân hè 1965 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Cũng trong thời gian này được phân bổ của huyện, hai xã Sơn Thọ, Sơn Phúc đã vận chuyển hàng ngàn chục tấn lương thực lên huyện tỉnh. Phong trào mẹ chi chiến sĩ cũng được phát động rộng khắp. Cả xã có 150 mẹ nhận nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh. Trong thời gian đó mẹ làm trong ban thương binh xã hội xã Sơn Thọ và cũng nhận một anh thương binh làm con nuôi tên anh là Bùi Văn Sư - quê ở Điện Thọ, huyện Điện Bàn.

Để ngăn địch không đánh phá, cấp ủy chính quyền mỗi xã chỉ đạo cho nhân dân đào giao thông hào, địa đạo, công sự chiến đấu, trận địa bắn máy bay, đặt hầm chông, cài mìn, bẫy. Từ tháng 3 đến tháng 11 năm 1965, nhân dân Sơn Thọ, Sơn Phúc đã đào được 3000 mét giao thông hào, từ Triền Rang đến cắm Trung Yên; xây dựng tuyến hàng rào chống địch càn quét từ Trung Phước (Sơn Khương) vào Sơn Thọ, Sơn Phúc, dài 5500 mét; huy động nhân dân đóng góp cây chông ngăn

chống bộ binh đi càn và cây chông dài để chống địch đổ bộ đường không.

Trong những năm 1965, quân và dân hai xã Sơn Phúc, Sơn Thọ đã phối hợp với bộ đội chủ lực huyện, tỉnh, quân khu V đứng chân trên địa bàn xã đánh tan rã 13 trung đội địa phương quân, nghĩa quân diệt 195 tên, bắt sống 116 tên, thu gom 300 súng các loại, 35 máy điện thoại; phá hủy 25 bót gác, lô cốt nhiều hàng ấp chiến lược.

Ngày 10 tháng 1 năm 1966, quân Mỹ và chư hầu đã đổ bộ vào Quế Sơn tại Hòn Ao (xã Quế Phong) và tiến hành càn quét sâu vào các xã Trung Quế Sơn. Để đối phó với chiến dịch mùa khô 1965 – 1966 của Mỹ – Ngụy, huyện ủy mở rộng đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong tất cả cán bộ Đảng viên và nhân dân nhằm đả thông tư tưởng sợ Mỹ, ngại hy sinh gian khổ và xác định quyết tâm đánh Mỹ, phát động phong trào: “Nắm chắc tay cày, tay súng thi đua diệt Mỹ”, “một tác không đi, một li không rời, quyết tâm đánh Mỹ, diệt Ngụy”, “Tuổi trẻ Quế Sơn anh hùng”... Hưởng ứng các phong trào trên, tháng 2 năm 1966, tiểu đội du kích xã do đồng chí Lê Liên, xã đội trưởng xã Sơn Phúc chỉ huy, đã phục kích đánh một trung đội biệt kích đi càn vào các thôn trong xã, diệt 13 tên, thu 6 súng. Từ ngày 6 đến ngày 13 tháng 8 năm 1966, địch tiếp tục mở cuộc càn quét, đốt phá nhà cửa, xả súng bắn vào đồng bào đang gặt lúa tại thôn 2 làm chết và bị thương 10 người dân. Đầu tháng 9, lực lượng du kích đã phục kích địch đi càn tại cầu Chúc, diệt 17 tên lính Ngụy làm bị thương nhiều tên khác, thu 11 súng, buộc chúng phải tháo chạy ra Trung Phước (xã Sơn Khương), tiếp đó ngày 18 tháng 10, Mỹ thả bom bắn phá

dọn đường cho lính bộ binh đổ bộ xuống xã Sơn Khánh (nay thuộc xã Quế Long) rồi vượt đèo Le lên gò Đoát (thôn 1) giết hại hàng chục người dân vô tội.

Tháng 10, 11 năm 1965 địch liên tục cho máy bay oanh tạc xuống hai xã Sơn Phúc và Sơn Thọ, nơi đây thành vành đai trắng. Sơn Phúc và Sơn Thọ nằm lọt vào các dãy núi như một cái chảo nên địch đánh bom thì sự hủy diệt rất lớn...

Sau những trận bom ác liệt của máy bay phản lực, địch cho máy bay H34 và máy bay trực thăng UH1A, máy bay lên thẳng hàng mấy chục chiếc quần thảo và sau đó chúng đổ bộ xuống chiếm các ngọn đồi hiểm trở nhằm khống chế toàn bộ mọi hoạt động của lực lượng vũ trang cũng như người dân của các xã này: như đồi Bà Dung, đồi máy Gạo, Dốc Chuối (Núi Chúa), Cắm ông Non.... Sau khi đổ bộ bọn chúng cho lính càn quét, đốt phá nhà cửa, phá hoại tài sản của dân lành. Tôi trực tiếp chỉ huy các đồng chí Phan Nên, Ngô A, Phan Toàn, chị Đỗ Thị Dần, anh Dương Văn Thanh, Phan Có và các đồng chí khác bám sát địch và phối hợp cùng với bộ đội địa phương tổ chức đồng loạt tấn công vào các đội hình của lính Mỹ - Ngụy làm cho chúng hoang mang co cụm, không dám triển khai. Trong đợt chống càn này du kích xã Sơn Thọ thu được thắng lợi lớn, tiêu diệt cả trung đội Mỹ và làm bị thương hàng chục tên lính Mỹ khác. Bộ đội chủ lực và du kích Sơn Thọ đã làm chủ hoàn toàn trận địa, phục kích tất cả các chốt bắn tỉa nên bọn chúng rất lo sợ, hạn chế được sự càn quét đốt phá, giết hại dân lành.

Cũng trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 1966, Mỹ dùng máy bay lên thẳng đổ bộ một tiểu đoàn bộ binh xuống xã Sơn Phúc, sau đó đánh chiếm các thôn trong

xã và cắt đứt hành lang từ tây Quế Sơn xuống đông và trung Quế Sơn đi qua xã Sơn Phúc. Tháng 11, Mỹ lại đổ bộ xuống Đốc Chuôi và tổ chức càn quét vào xã Sơn Thọ. Lực lượng du kích xã đã phối hợp với V11, bộ đội địa phương huyện tổ chức đồng loạt tấn công vào đội hình quân Mỹ, diệt 15 tên, làm bị thương 5 tên, thu 12 súng tiểu liên và hoàn toàn làm chủ trận địa. Đi đôi với đấu tranh vũ trang, Ban đấu tranh chính trị xã đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh chính trị, binh địch vận với hàng ngàn lượt người tham gia. Ngày 30-3-1966, 1.500 người dân thuộc 3 xã Sơn Phúc, Sơn Thọ, Sơn Khương tổ chức đấu tranh tại Nông Sơn. Trong đợt đấu tranh này, địch đã bắn chết 3 người dân và làm bị thương một số người dân khác.

Trong năm 1966, lực lượng vũ trang 2 xã Sơn Phúc, Sơn Thọ đã phối hợp với bộ đội chủ lực chống địch càn quét hàng chục trận tiêu diệt 45 tên lính Mỹ-ngụy, làm bị thương hàng chục tên ác ôn khác, thu 29 súng các loại, đào hơn 200 địa đạo tại thôn 4 và dương Ông Tiếp (thôn 1). Trong 2 tháng, đội du kích luôn triển khai phá rối, bắn tia làm cho quân địch sợ co cụm lại, lực lượng 3 xã tiến hành đánh hàng chục trận lớn, nhỏ tiêu diệt hàng trăm tên, bắn rơi 3 máy bay trong đó: xã Sơn Khương 120 tên, xã Sơn Thọ trên 60 tên, xã Sơn Phúc trên 40 tên và làm bị thương trên 30 tên khác và thu nhiều khí tài đạn dược, ta thu các loại vũ khí này về trang bị cho anh em du kích 3 xã dùng vũ khí của địch để tiêu diệt địch. Sau trận đánh này du kích 3 xã được cấp trên khen ngợi và đi báo thành tích điển hình ở quân khu do Ban chỉ huy xã đội báo cáo, trong trận này tôi được tuyên dương.

Mặc dù chiến tranh ác liệt sống chết cận kề nhưng anh em trong đội chúng tôi vẫn hăng say, lạc quan tin tưởng ở ngày

thắng lợi. Bên cạnh chuẩn bị cho chiến đấu chống càn quét của Mỹ - Ngụy tôi còn hỗ trợ cho bà con ra xã Sơn Khương đấu tranh trực diện với kẻ thù. Khi tôi cùng đội du kích yểm trợ bà con ra Trung Phước để đấu tranh yêu cầu Mỹ - Ngụy không được bắn pháo, ném bom giết hại dân lành và kêu gọi con em của họ bỏ súng rời hàng ngũ lính Ngụy về với Cách mạng. Trong đợt đấu tranh này bọn Mỹ - Ngụy đã bắn chết ba người và bị thương một số người khác (trong đó có ông Nguyễn Muôn còn gọi là ông Năm Muôn - cùng xóm tôi đã hy sinh).

Cuộc chiến đấu càng ngày càng ác liệt, ban ngày thì bom, pháo của Mỹ - Ngụy dội xuống làng quê không ngớt, những tiếng nổ của bom, đạn chát chúa, tiếng máy bay gầm rít cả ngày trên bầu trời làm cho sự sợ hãi của người dân ngày càng tăng. Ban đêm thì bọn biệt kích về hoạt động, phục kích tiêu diệt lực lượng du kích, không đêm nào chúng tôi có được một giấc ngủ yên dù chỉ một tiếng đồng hồ.

Chiến dịch mùa khô 1965 - 1966 thất bại, Mỹ - Ngụy tiếp tục mở chiến dịch mùa khô 1966 - 1967. Ở Quảng Nam, vùng trọng điểm chúng luôn đánh phá là vùng nông thôn, trung du miền núi. Với chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”, Mỹ ngụy liên tục mở nhiều cuộc hành quân càn quét, đánh phá, lập thêm đồn bót, xây thêm cứ điểm để mở rộng phạm vi kiểm soát. Ở Quế Sơn, Mỹ đưa quân lập căn cứ cấp trung đoàn tại Cẩm Dơi (Đông Phú) vào năm 1966, căn cứ cấp lữ đoàn tại núi Quế (Quế Thọ) vào năm 1967.

Những năm ác liệt

Những năm 1965-1968 địch trải quân ra sức đánh phá làm cho mọi hoạt động của cách mạng bị tê liệt. Địch đốt cháy thóc gạo, bắn chết trâu, bò, phá hủy hàng chục héc ta ruộng vườn của dân thuộc 2 xã Sơn Thọ và Sơn Phúc. Trong điều kiện vô cùng khó khăn đó, trong đội du kích có người không trụ nổi đã dao động, hoang mang và đầu hàng địch. Đội du kích chúng tôi đã gặp không ít khó khăn, mọi quy luật hoạt động của du kích chúng đều nắm bắt (vì bọn biệt kích này do bọn người địa phương Sơn Thọ chiêu hồi dẫn đường nên rất thông thạo), từ đó chúng tôi đã chuyển hướng hoạt động và quy luật chiến đấu tác chiến mới. Tôi lên kế hoạch ban ngày cho bám trụ, nắm tình hình địch; ban đêm chia ra từng tổ phục kích các ngõ ngách đi về trong thôn để sẵn sàng đánh bọn biệt kích.

Bọn này rất ác, tứ phía chúng tôi đều có địch, tôi phải sống chui lủi nơi bụi bờ để bám sát và đánh địch. Bà con trong xóm rất thương anh em trong đội du kích, khi thấy chúng tôi họ vừa mừng vừa lo, nhiều người gặp chấp tay lạy tôi “thím lạy con Mười ơi! (bà con quê tôi thường gọi tôi là Mười). Mỹ - Ngụy ở đó mà răng con dám đi rứa, chạy đi chớ không nó bắn chết”. Tôi cảm ơn và nói đùa với họ: “da con bằng

đồng thuyền Mỹ bắn đạn không vô người đâu”, nói vậy để bà con yên tâm chứ đạn bom nó có chừa ai đâu, sợ chết thì đâu dám đánh địch được. Tôi lúc đó người vừa nhỏ vừa ốm như con mấm, đen thui như cục than hầm, tôi còn ở độ tuổi “con nít” nhưng không hiểu sao lúc đó tôi liều lĩnh, gan dạ, không sợ bom đạn hay thuyền Mỹ - Ngụy nào cả.

Để thống nhất chỉ đạo kháng chiến, tháng 4 năm 1967 huyện ủy Quế Sơn chủ trương sáp nhập 2 xã Sơn Phúc, Sơn Thọ lại thành Sơn Viên. Xã Sơn Viên lúc mới thành lập được chia ra làm 7 thôn, sau này một thời gian ngắn thì sáp nhập còn lại 5 thôn. Chi bộ Sơn Viên cũng thành lập, có gần 20 đảng viên, do đồng chí Đỗ Ngọc Cán làm bí thư; đồng chí Đỗ Tấn Hùng làm phó bí thư kiêm bí thư đoàn thanh niên. Đến tháng 7 năm 1967, đồng chí Đỗ Ngọc Cán được điều về huyện công tác thì đồng chí Đỗ Tấn Hùng thay làm bí thư. Sau khi hình thành đi vào hoạt động, cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận đoàn thể xã Sơn Viên đã phát động phong trào thi đua “tìm Mỹ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt” sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân.

Tôi nhớ trong trận càn năm 1966, quân đội Mỹ đổ bộ xuống 2 xã Sơn Thọ và Sơn Phúc gồm 1 trung đoàn thủy quân lục chiến, có máy bay và pháo yểm trợ và đóng quân tại Cẩm Ông Non, Đồng Võ. Chúng cho quân càn quét đốt phá nhà cửa bà con Thôn Thọ Đông, Đồng Võ, Đồng Bàu. Tôi chỉ huy đội du kích xã Sơn Thọ tác chiến, bắn bia, bắn tĩa, chặn đánh, quần lộn với địch gần nửa tháng trời. Chúng cho bộ binh đi dọc phía trước cánh đồng Võ và cho quân càn ra thôn Thọ Tây, còn tôi cho du kích nằm phục kích dọc theo ven xóm

Thọ Tây từ phía nhà ông Khá hướng ra cánh đồng Vò, Ổ Ổ và dọc hóc Tôm, phía nhà ông Bốn Chinh, cho bắn tỉa và sau đó cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt giữa ta và địch. Chúng tôi chiến đấu hăng say, chỉ nhằm về phía quân thù mà chiến đấu quên cảnh giác mưu mô của quân thù. Chúng cho một cánh quân bọc hậu qua cánh rừng, phía trên hóc Tôm bọc hậu đội du kích của tôi, chúng nhả đạn vào tôi xối xả. Tôi nhớ mãi lúc đó có chị Manh (con ông Mông), gọi tôi “Mười ơi! Chết rồi, địch bao vây kín hết rồi, chạy rút lui đường mô đây”. Tôi quay ra thấy Mỹ thẳng nào thẳng nấy to lớn mặt đỏ gay đang chĩa súng vào tôi. Tôi bảo chị Manh, chị chạy xuôi xuống bờ khe đi, đừng chạy chung chết cả đám. Lúc đó tôi như con thoi vọt rào chạy thoăn thoắt qua vườn ông Á, xuống vườn ông Cấp chạy băng qua đồng ruộng cây Mung. Bọn chúng phục ở trên xóm Hóc Ngói phát hiện ra tôi nên chúng xả đạn như mưa vào tôi, khi tôi chạy qua đến nhà ông Hường, nhà ông ba Nguyên, ông Bốn Thí thì tầm ngắm của địch bị che khuất nên tôi thoát chết. Tôi chạy xuống bờ khe và nấp ở đó để theo dõi động tĩnh bọn địch có còn phục kích không? Khi tiếng súng ngừng nổ tôi quay lại tìm đồng đội thì đồng đội tôi vẫn bình yên, không ai thương vong hay chết chóc gì cả, chúng tôi mừng lắm... Sau đó tôi quay lại xem những người dân ở xóm nhà ông Bốn Thí thì biết được thím Hai Đậu bị trúng đạn của Mỹ đã chết, tôi thương thím vô cùng... Chúng tôi cùng bà con lo chôn cất thím trong đêm. Ngày hôm sau địch tiếp tục càn quét bắn chết rất nhiều trâu bò của bà con, đốt sạch nhà cửa, nói nhà chứ thật sự đâu có còn là nhà nguyên vẹn nữa vì địch càn đi càn lại nhiều lần đốt sạch hết, bà con chỉ che lại mấy tấm tranh để che nắng. Chúng bắt hết dân làng, lừa lên xe chở đi, trong đó

có cả mẹ và chị Tám tôi, đưa vào khu đồn tại Quận Đức Đức. Khi đó tôi vô cùng đau đớn, hét lên những tiếng vang dội trên bầu trời trống rỗng. Thời gian chạy loạn mỗi người phải tự lo bản thân, khi bình tâm trở lại, đội chúng tôi củng cố lại lực lượng, đánh trả bọn chúng và lợi dụng thời cơ Mỹ đổi quân, du kích xã Sơn Thọ phối hợp với bộ đội chủ lực thuộc trung đoàn 31 đánh phản kích suốt 1 ngày trên cánh đồng Võ và đồng Bàu, bọn Mỹ trở tay không kịp ta tiêu diệt hết gần 1 tiểu đoàn Mỹ hơn 300 tên. Trận này du kích chúng tôi thắng lớn đã tiêu diệt rất nhiều tên địch và thu nhiều vũ khí đạn dược. Đơn vị tôi được quân khu tuyên dương công trạng, trong đó có thành tích của tôi.



Chiến công thầm lặng

Tôi còn nhớ rất rõ trong đợt này các loại vũ khí ta thu được rất nhiều nhưng trong đó có loại đến bây giờ tôi cũng không rõ nó là loại đạn pháo gì? Hai đầu thì trống, quả đạn nằm giữa, có 1 con cò để nhấn cho đạn nổ. Tôi vui mừng lắm khi tịch thu được cây đạn pháo này, tôi vác nó trên vai rất oách đi khoe khắp xóm, chờ có thời cơ tôi tiếp tục dùng nó để đánh địch lập công. Thật vậy một thời gian sau địch tiếp tục đổ quân càn quét tôi đem nó ra sử dụng và nhấn nút, khi nhấn xong một tiếng nổ lớn phát ra, đẩy lùi tôi ra đằng sau, lúc đó tôi bất tỉnh nhân sự, chẳng còn biết chuyện gì xảy ra xung quanh mình. Khi tỉnh dậy tai ù, miệng mặn chát trong họng, sờ vào mặt thì thấy máu chảy ra ở mũi và cả tai. Khi hoàn hồn lại nghĩ: “Không biết địch có chết thằng nào không?” Suýt nữa mình chết rồi: “đúng điếc không sợ súng”. Tự động viên: “không sao, còn sống là tốt rồi, còn có cơ hội để đánh địch trả thù cho bà con”. Dù sao đây cũng là bài học để trải nghiệm trong chiến trường, như vậy cũng làm cho bọn chúng thất điên bát đảo, lo lắng và đề phòng... Sau trận chết hụt đó, chưa dám kể cho ai, mãi sau này có dịp cầm lại cái thứ chết người đó, tôi mới kể chuyện, cả đội cười ra nước mắt.

Mở đường máu

Trong trận càn năm 1967 bọn Mỹ chiếm đóng khắp nơi, những con đường huyết mạch từ xã này qua xã khác đều bị bọn chúng cho quân đóng chốt và phục kích khắp nơi nên việc hành quân đi lại của quân dân ta gặp không ít khó khăn. Tôi nhớ giữa tháng 10, có một chiều bộ đội chủ lực (sư 2 hay gì đó tôi không nhớ chính xác, trong đó có đồng chí là nhà thơ hay nhà văn tên Phương cùng đi theo đoàn) đến liên hệ với tôi dẫn đường cho họ vượt qua vòng vây của địch. Lúc đó bộ đội đã tập kết ém quân trong núi, chỉ mấy đồng chí chỉ huy tìm liên hệ với tôi, lộ trình của họ hành quân vượt qua thôn Thọ Tây, xã Sơn Thọ, qua Sơn Phúc và qua thôn 4 Xã Sơn Phúc qua Hóc Thượng (sau đó họ đi đâu tôi không cần biết vì bí mật quân sự). Mặc dù từ nơi tôi đóng quân đến nơi họ cần đến đường chim bay chưa đầy 4km nhưng vô cùng nguy hiểm, phải vượt qua bao nhiêu là chốt của Mỹ, liệu đưa đoàn bộ đội đi có đảm bảo an toàn không? Nếu có địch phục kích tôi hy sinh là chuyện nhỏ nhưng đoàn bộ đội toàn cán bộ lãnh đạo cấp cao, nhớ có một sơ suất nhỏ thì mất mát, thiệt hại rất lớn. Qua một hồi suy tính tôi không thể giao việc này cho đội viên du kích được mà tôi trực tiếp dẫn đường, một là sợ lộ bí mật quân sự, hai là tôi không đủ niềm tin. Tôi nhận

lời tìm mở đường máu đưa đoàn bộ đội cấp cao qua khỏi vòng vây của địch, sau đó tôi đi trình sát nắm tình hình động tĩnh của Mỹ để chuẩn bị súng ống, đạn dược, lộ tiêu chờ trời tối là xuất phát. Sau khi nắm chắc tình hình của địch, tôi đã trao đổi cụ thể với chỉ huy của bộ đội chủ lực và xuất phát, tôi đi đầu tiên bám địch và rải lộ tiêu, sau đó là đoàn bộ đội, cứ cách nhau 3, 4m. Nếu có địch tập kích thì tôi hy sinh trước còn đội hình như vậy có thể an toàn... Cuộc hành quân diễn ra căng thẳng, tôi không sợ hy sinh nhưng sợ có việc gì là tổn thất lớn cho cách mạng nên tôi rất thận trọng. Sau mấy tiếng đồng hồ lặn lội và cuối cùng tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đưa đoàn cán bộ - bộ đội vượt qua vòng vây của địch an toàn... Trên đường quay về thu hồi lộ tiêu, khi về đến cứ thì trời cũng gần sáng. Đến bây giờ tôi tin chắc rằng những người tôi dẫn đường trong đêm đó chắc cũng có rất nhiều người còn sống và có bao giờ họ nghĩ đến con bé Nguyệt (hay còn gọi là con Mười) du kích xã Sơn Thọ năm xưa bây giờ vẫn còn sống và vẫn luôn nhớ về họ, những người mà nó chẳng biết tên tuổi, duy nhất chỉ có một người nó nghe lóm được tên là Phương - là nhà thơ hay nhà văn gì đó. Tôi nghĩ rằng chắc trong cuộc chiến ác liệt có rất nhiều kỷ niệm và những kỷ niệm có thể quên nhưng có những kỷ niệm không bao giờ quên đối với mỗi người, trước cái chết luôn cận kề đối với họ và với tôi, nhưng cái thiêng liêng nhất luôn hiện hữu trong đầu tôi bao giờ cũng nghĩ về Tổ quốc và lòng căm thù giặc sâu sắc..

Trong thời gian tháng 7 năm 1967 này, cuộc sống của người dân quê tôi nói chung và đội du kích của tôi nói riêng vô cùng cực khổ, tất cả vật chất để trang bị cho đội du kích chúng tôi hoàn toàn tự cung tự cấp, không được sự viện trợ


của chính phủ. Nhiều ngày nhiều tháng đói, rách không có cơm ăn, áo quần để mặc, vừa đánh giặc vừa lo sản xuất, đến mùa lúa chín Mỹ - Ngụy dẫn quân vào càn quét và gặt sạch hết lúa của chúng tôi. Nhiều lúc muốn đánh trả lại, nhưng sợ chúng dùng người dân để làm bia đỡ đạn cho chúng. Lúc này anh Đỗ Tấn Hùng làm bí thư chi bộ xã luôn sát cánh bên hai chị em tôi. Chị Nguyễn Thị Ánh Hồng làm chủ tịch hội phụ nữ xã. Tôi theo năn nỉ anh cho mấy trái lựu đạn để tôi gài đánh giặc gặt lúa, anh Hùng đồng ý cho, tôi mừng lắm chờ đến tối



*Anh Đỗ Tấn Hùng
Nguyên Bí thư chi bộ xã Sơn Viên*

anh sẽ đưa ra. Nhưng khi thấy anh, trong tay chẳng có một trái lựu đạn nào, anh lại hứa lèo với tôi, ngày mai nhưng đến nhiều cái ngày mai anh cũng không đưa. Tôi giận anh lắm, làm tôi không có cơ hội để giết địch, làm hỏng cả kế hoạch đánh địch cướp lúa, cướp đi miếng ăn của bà con mình. Sau này tôi biết anh không cho lựu đạn là vì hai lý do: một là anh sợ bà con bị địch bắt đi làm bia đỡ đạn cho chúng bị chết, hai là sợ tôi chết...

Những phút giây nghẹn lòng

uộc chiến đấu cứ thế cuốn tôi vào nhiều trận đánh ác liệt, qua từng giờ từng phút không có lúc nào yên tiếng máy bay gầm rít trên bầu trời, tiếng ca nông bắn cảm canh suốt cả ngày và thâu đêm suốt sáng không sao ngủ được. Tôi cứ cầu mong qua một đêm đừng có ai chết và bị thương là mừng rồi. Bỗng một đêm đau thương lại đến với gia đình tôi, qua một loạt canh nông đội xuống làng, tôi nghe tiếng bà con la làng kêu cứu, đội du kích chúng tôi chạy đến để cứu giúp. Khi đến hiện trường được thấy cận cảnh đau thương, tôi điếng người khi nhìn thấy anh Hai của tôi tên là Nguyễn Đắc Xướng nằm chết trên vũng máu, còn chị dâu tôi là Ngô Thị Nghiêm vợ anh Xướng và mẹ đẻ chị dâu tôi cũng bị thương và nằm quằn quại trên vũng máu. Cả đội nén đau thương, khiêng anh Hai tôi đặt qua một bên rồi lo cấp cứu bằng bó vết thương cho bà và chị Hai. Cái chết của anh tôi, đạn pháo đã xé toạc thân hình anh không còn nguyên vẹn, tôi dùng khăn dù lượm từng miếng thịt, xương quanh đó cho vào vải rồi chôn anh tại vườn nhà.

Đến sáng hôm sau, tôi vận động bà con đưa chị Hai tôi và bà ra vùng Mỹ - Ngụy chiếm đóng tại Trung Phước để đấu tranh yêu cầu chấm dứt việc bắn pháo bừa bãi vào dân làng và chữa chạy vết thương cho những người trên. Nhưng bọn chúng không thực hiện cứu chữa người bị thương mà còn đàn áp những người này, buộc quay về lại làng Sơn Thọ và bảo: “quân theo cộng sản về vùng Cộng sản mà chết”. Sau đó chúng tôi đưa những người bị thương về lo cứu chữa và lo chôn cất dân làng. Sự đau thương này quá lớn đối với một đứa trẻ ở độ tuổi từ 8-12 do tận mắt thấy nhiều cảnh tàn ác của kẻ thù, từ đó biến đau thương thành hành động, tôi đã lao vào cuộc chiến hăng say chẳng cần thiết mạng sống của mình...

Đứng trước biết bao hiểm nguy, không ai có thể lường được sự việc. Cuộc chiến đấu với kẻ thù tuy vô cùng ác liệt gian khổ nhưng trong đội du kích chúng tôi vẫn lạc quan, đùm bọc yêu thương nhau như anh em một nhà. Tôi nhớ mãi những ngày đó anh em trong du kích áo quần không có để mặc, tôi được các anh bộ đội chủ lực cho một tấm chăn để đắp, tuy không mới nhưng đó là cả tấm lòng của các anh đã chia sẻ cho chúng tôi. Tôi đem nó ra cắt may áo quần cho anh em đội du kích. Tôi không sao quên được, lúc đó áo quần anh Toàn rách tơi tả, chỉ còn cái quần đùi, nên tôi ưu tiên may cho anh 1 bộ. May xong anh cầm trên tay có vẻ mừng lắm, anh nói “Nguyệt ơi để anh mặc nó vào ngày chiến thắng”. Anh đem bộ đồ “mới” cột vào thắt lưng thì ngay lúc đó bọn biệt kích đã tập kích vào làng, tôi cho toàn đội triển khai các ngã đường chuẩn bị chiến đấu. Tôi cùng anh Toàn và Nguyễn Đình Bá triển khai ra chốt ngõ đường từ bến Khe Nhang vô xóm. Tôi đi trước, sau tôi là anh Toàn và Đình Bá. Khi chúng tôi vừa bước ra bờ ruộng thì bọn biệt kích nằm phục sẵn xả súng vào

chúng tôi làm anh Toàn ngã gục hy sinh tại chỗ, đạn găm đầy thân thể anh và xuyên lỗ chỗ qua cả bộ áo quần mới anh chưa kịp mặc. Còn tôi nấp vào bờ ruộng chống trả lại bọn chúng, bọn chúng cũng chết một tên và bị thương hai tên. Sau đó chúng tôi nằm phục và chờ lấy xác anh Toàn, khi đó trời cũng gần sáng. Cả đội thương xót anh vô cùng. Tấm áo vải chần tôi may cho anh, anh chưa kịp mặc để đón ngày chiến thắng thì đã trở thành bộ đồ tang liệm sưởi ấm anh trong lòng đất mẹ.

Thế là một đồng đội ra đi, bao suy nghĩ lộn xộn trong đầu, không biết ngày mai và những ngày tiếp theo, đến phiên ai hy sinh đây? Mặc dù không tìm thấy câu trả lời, tôi đã nhận ra một điều: Thời khắc tôi phải chết chưa đến, những lúc có tang thương trong đội, chúng tôi thường ngồi sát bên nhau, nâng đỡ tinh thần và tự động viên nhau phải mạnh mẽ hơn mới chiến thắng được.

Vào mùa khô 1967, địch tăng cường đánh phá tàn phá; chúng cho cả xe tăng và xe cơ giới lần chiếm vào các xã Sơn Phúc - Sơn Thọ. Chúng mở rộng nhiều căn cứ địa, xây dựng nhiều trận địa pháo như ở Bằng Thùng, Bằng Trĩ, Bằng Gia, Núi Chúa, Gò Om. Ngoài trận địa pháo bọn chúng còn đổ bộ biệt kích xuống các ngọn núi này để tìm diệt lực lượng cách mạng và nhằm khống chế toàn bộ khu vực ba xã Sơn Phúc, Sơn Thọ, Sơn Trung. Địch gia tăng đánh phá đã làm cho mọi hoạt động của người dân và của lực lượng ta gặp rất nhiều khó khăn. Chúng thấy một bóng người hoặc một con vật đều nã pháo vào tấp tập làm cho dân chúng và lực lượng du kích không bám trụ và sản xuất được. Mặc dù cuộc sống vô cùng ác liệt, gian khổ nhưng người dân trong các xã vẫn kiên cường bám trụ giữ làng; ban ngày thì vào hang núi ẩn nấp, ban đêm thì về làng sản xuất, chuẩn bị phương án đánh biệt kích.

Nhiệm vụ đánh biệt kích bây giờ chủ yếu là lực lượng du kích nên chúng tôi được huấn luyện cách đánh. Lúc bấy giờ chúng chiếm đóng các ngọn đồi hiểm trở, chúng cho máy bay H34 chở một trung đội biệt kích Mỹ đổ tại đồi Dương Công, Hồ Cá Tràu Hòn Tàu thôn 1. Tôi được BCH xã đội phân công chỉ huy chiến đấu và nhận nhiệm vụ cùng một tiểu đội nhanh chóng tiếp cận hiện trường. Quân địch vừa đổ, hiện trường còn lạ chúng chưa dám triển khai nên đội chúng tôi tiếp cận nhanh, phát hiện ngay. Trong vòng chưa đầy ba tiếng đồng hồ từ khi đổ quân tôi đã cho nổ súng tấn công ngay, đánh tới tấp phủ đầu, địch không kịp trở tay. Tôi bàn với anh em trong đội: “mình đánh nhanh rút gọn để tránh địch khỏi phản công lại và máy bay oanh tạc”.

Ngày 26 tháng 3 năm 1968, đây cũng là giai đoạn tôi bước vào độ tuổi 13, được phân công làm nhiệm vụ giữ chức xã đội phó, đồng chí Võ Ký làm xã đội trưởng. Chỉ huy các đồng chí Hồ Ngọt, Phan Nền, Phan Pháp. Trong thời gian này đội du kích chúng tôi đã biết cải tiến dùng mìn đánh địch đi càn tại Gò Định diệt được 7 tên địch, thu 5 súng và một máy PRC 10. Tháng 7 đội chúng tôi cải mìn cải tiến (đạn 105 ly) tại Núi Chúa, đánh tan xác một máy bay và diệt gần hai trung đội Mỹ. Ngày 10 tháng 8, đồng chí Trần Đình Đắc và chị Phạm Thị Thanh (thuộc thôn 1) giữ chức vụ xã đội phó hậu cần, chúng tôi bám đánh địch đi càn tại Hồ Cói Hòn Tàu diệt 3 tên địch. Ngày 18 tháng 8 cũng vào năm đó, một đơn vị biệt kích Mỹ đổ quân xuống đá Trắng Bụng ở thôn 3. Ngay trong đêm ấy một tiểu đội du kích chúng tôi ở xã Sơn Viên đã tổ chức tập kích vào nơi đóng quân của địch, diệt 5 tên, làm bị thương nhiều tên khác, thu 2 súng.

Phút thư giãn

Sau ngày đánh địch tan tác, chúng rút quân chạy về xuôi, đây chính là những giây phút nghỉ ngơi ngắn ngủi, được thoát khỏi âm thanh gầm rú hỏa lực của địch. Chị Thanh và tôi, 2 chị em thăm thi chuyện trò về những ước mơ, khát vọng của mình. Chị kể cho tôi nghe rất nhiều chuyện về tình cảm lứa đôi, lúc đó tôi sà vào lòng chị để được chị yêu thương, âu yếm... Chị thương tôi lắm và ngược lại tôi quý mến chị không kém, tôi xem chị như người chị hiền từ, như người mẹ chở che cho con lúc buồn vui, đau ốm. Nhiều lúc mệt chúng tôi nằm vùi xuống đất, chỉ nằm yên lặng ngắm bầu trời trong xanh, để lấy năng lượng từ đất mẹ thân yêu, nỗi nhớ làng xóm, nhớ mẹ tràn ngập cõi lòng. Vài phút thư giãn cũng là lúc tranh thủ đi cải thiện bữa ăn cho đồng đội. Lúc nào trên vai chị em tôi cũng mang theo khẩu súng tiểu liên, luôn cảnh giác địch tập kích. Ngày hôm nay được đi hái rau rừng cùng chị Thanh, bắt cá trong hồ bom, chị em tôi còn thi nhau bắn chim rừng. Tôi bắn giỏi nên đi một lúc được 10 con chim đủ loại, sau đó đem về nướng than củi rừng thật là ngon tuyệt, ngày ấy ăn gì cũng thấy ngon. Tôi là người hạnh phúc nhất mỗi khi nhớ lại chuyện vui buồn của con gái, thích nhất khi



*Chị Phạm Thị Thanh
Nguyên xã đội phó du kích
xã Sơn Viên*


rảnh rồi, chị bắt chí trên đầu, cắt tóc và bện tóc cho tôi. Đó là những giây phút hiếm hoi được chị âu yếm.

Khi 2 xã Sơn Thọ - Sơn Phúc nhập thành xã Sơn Viên, tôi vẫn được giữ chức vụ xã đội phó, lo phụ trách công tác tác chiến. Chị Phạm Thị Thanh làm xã đội phó phụ trách hậu cần, chị và tôi sát cánh bên nhau, như hình với bóng. Có gì ngon chị cũng để phần cho út Nguyệt, mỗi khi ốm không ăn được chị lo nấu cháo trắng ăn với muối để nhanh lại sức. Thời đó gạo trắng hiếm lắm,

chị vỗ về tôi như người mẹ, người chị cũng nhờ đó tôi có thêm dũng khí và sức mạnh để đối mặt với quân thù.



Vào trận chiến

 Ngày 29 tháng 10, du kích thôn 4, xã Sơn Viên đã bắn rơi một chiếc (trong 4 chiếc) máy bay chiến đấu của địch đang đánh phá tại đây diệt toàn bộ bọn giặc lái và xạ thủ, thu 2 súng đại liên. Ngày 16-11, một trung đội du kích xã do đồng chí Phan Dậu, xã đội trưởng chỉ huy đã bắn rơi một chiếc máy bay H34 và tiêu diệt 18 tên, thu 16 súng tại Đòng Đình. Tháng 12, đội du kích Sơn Viên tiếp tục chặn đánh một đơn vị lính Mỹ đi càn tại xóm 8, thôn 4 diệt 12 tên, thu 8 súng và 1 máy PRC10.

Trong năm 1968, lực lượng vũ trang xã Sơn Viên đã đánh địch hàng chục trận, tiêu diệt trên 60 tên, làm bị thương nhiều tên khác, thu 19 súng, 2 máy truyền tin PRC 10, bắn cháy 3 máy bay. Trong các trận đánh này đã nổi lên nhiều tấm gương chiến đấu mưu trí, gan dạ, dũng cảm như đồng chí Phan Dậu, trong đó có tên tôi Nguyễn Vũ Minh Nguyệt... (lịch sử Đảng bộ xã có ghi nhận). Trong năm 1968, ta đã tổ chức 6 cuộc đấu tranh chính trị lớn và nhỏ tại quận lỵ, với hàng ngàn lượt người tham gia.

Công tác bảo vệ vùng giải phóng, luôn luôn được cấp ủy, chính quyền, mặt trận - đoàn thể tập trung chỉ đạo. Trong 3 năm 1965-1968, nhân dân xã Sơn Viên đã phá hủy hơn 23.000

mét hàng rào áp chiến lược; xây dựng hơn 5.000 mét hàng rào chiến đấu, cắm hơn 20.000 cây chông; đào 2 tuyến địa đạo chung quanh gò Tai Xay sâu 6 mét, rộng 2 mét, dài 200 mét và 6.000 mét giao thông hào sâu 1,2 mét. Dọc theo các tuyến địa đạo, giao thông hào có 3.200 hố công sự chiến đấu. Trên bãi trống, gò đồi thấp, ta có cắm 17.000 cây chông dài 2 mét để chống địch đổ bộ đường không.

Trong 4 năm (1965-1968), đây là những năm tháng tôi cùng đồng đội lăn lộn chiến đấu ngày đêm với địch. Lực lượng vũ trang xã đánh độc lập và đánh phối hợp với bộ đội chủ lực trên 80 trận lớn nhỏ, tiêu diệt hơn 5000 tên địch (trong đó có gần 10 tên ác ôn), bắt sống 130 tên, làm bị thương hàng trăm tên khác; phá hủy 25 bót gác, 10 lô cốt; thu 135 súng các loại, 2 máy truyền tin PRC 10 và PRC 25; bắn cháy 4 máy bay, 13 xe quân sự (trong đó có 3 xe tăng); bắn hỏng nặng 3 xe quân sự khác. Trận chiến đấu này ta đã tiêu diệt trên 1 tiểu đội biệt kích, về phía ta không có ai thương vong. Đây là chiến thắng vang dội làm cho quân thù khiếp sợ đã từ bỏ các cứ điểm này không dám đổ biệt kích xuống nữa. Chiến công này du kích của xã Sơn Thọ và Sơn Phúc được Quân khu khen tặng huân chương dũng sĩ diệt Mỹ, trong đó có chiến công của tôi Nguyễn Vũ Minh Nguyệt.

Sau khi thất bại đồi Dương Cống, Hòn Tàu, địch có ý định đổ biệt kích xuống Núi Chúa, chúng cho máy bay quần thảo suốt ngày đêm nơi khu vực Núi Chúa. Ban chỉ huy xã đội du kích chúng tôi nhận định trước sau chúng sẽ đổ bộ xuống Núi Chúa nên chúng tôi cho triển khai để chuẩn bị cuộc chiến đấu mới...

Khúc bi ai

Một hôm, đến bây giờ tôi vẫn nhớ như in lúc đó trời đã nghiêng về phía phương tây xa thẳm, chỉ còn sót lại vài tia sáng mong manh nhường mình cho bóng hoàng hôn mật mờ ôm trùm lên vũ trụ. Hoàng hôn đã phủ xuống xóm làng tôi, tôi cùng đồng đội và những người dân bám trụ rời khỏi núi Hàm Vung (Hố Lù) để về lại làng lo chiến đấu và sản xuất. Chúng tôi vừa bước chân ra khỏi bìa rừng thì bọn biệt kích trên đỉnh Núi Chúa phát hiện và dội pháo tới tấp vào chúng tôi, chúng tôi vẫn cố chạy về vào làng - nơi có hầm để ẩn nấp. Trong khi chạy, phía trước tôi có rất nhiều người nhưng tôi chỉ nghe được tiếng gọi thất thanh của chú Đạm gọi tôi “Mười ơi... ! Con chạy theo chú về lối này, hướng nhà ông Miết gần hầm hơn”. Mặc dù nghe chú gọi nhưng tôi không chạy theo chú vì chạy như vậy tuy có gần nhưng người đông sợ nguy hiểm. Vì chạy lên đồi trống bọn biệt kích trên Núi Chúa phát hiện dễ hơn nên tôi chạy thực mạng về phía hầm nhà ông Ngung. Trên đường chạy pháo vẫn nện theo, khi đến hầm ông Ngung tôi vừa chui vô hầm thì quả pháo cũng vừa nổ sát hầm chúng tôi. Khoảng một tiếng đồng hồ sau trời tối nên địch chỉ còn bắn cầm canh, tôi vọt ra khỏi

hầm thì nghe tiếng kêu cứu, chúng tôi chạy đến thì trận pháo trên đã nã trúng hầm nhà ông Miết làm chết trên 10 người dân vô tội- trong đó có chú Đạm của tôi, người đã gọi tôi chạy theo chú.

Quá đau đớn trước cái chết của người dân vô tội, lòng căm thù bọn biệt kích Núi Chúa lên đến cực độ, tôi hạ quyết tâm đánh bằng được bọn biệt kích Núi Chúa để trả thù cho chú Đạm và những người dân vô tội của tôi. Tôi họp bàn với các đồng chí Phan Nên, Phan Có, Ngô A, anh Ngọt, anh Pháp và một số đồng chí khác hạ quyết tâm đánh biệt kích đến cùng dù có phải hy sinh thân xác. Cả đội du kích chúng tôi đều hưởng ứng, mọi người xin thề “thề quyết tử cho Tổ Quốc quyết sinh”.

Sau cuộc họp chúng tôi cho triển khai tìm các loại bom, pháo của địch thả xuống chưa nổ đem về cải tiến để chuẩn bị cài đặt trên Núi Chúa nhằm tiêu diệt kẻ thù. Toàn đội chúng tôi phấn khởi lắm, chia nhau mỗi người mỗi ngã tìm bom, pháo. Sau khi tìm được 4 quả pháo đem về hi hà hi hục tìm mở ngòi nổ và nghiên cứu cải tiến cách thức cài đặt như thế nào cho hiệu quả nhất. Việc chuẩn bị này cũng vô cùng gian khổ và nguy hiểm, chúng tôi toàn con nít chưa trải qua trường lớp tháo gỡ bom, mìn nào nên chỉ cần một sơ suất nhỏ thì cả đội du kích của tôi cũng tan tành, nát thịt. Mặc dù biết việc làm này rất nguy hiểm nhưng lòng căm thù bọn biệt kích rất cao nên chúng tôi không hề nao núng, không một mảy may run sợ. Biết là trận chiến này tôi và đồng đội tôi có thể hy sinh nhưng tôi không hề dao động mà tôi hăng say chuẩn bị. Gần một tháng trời và thành quả của chúng tôi đã làm xong. Bây giờ là đến giai đoạn cũng vô cùng khó khăn không kém, làm sao mà

chuyển được những quả pháo này lên tận đỉnh Núi Chúa đây? (đỉnh núi này cao gần 1.000m so với mặt biển) quả đạn pháo nặng gần hàng trăm kí. Chúng tôi đưa nào đưa nấy nhỏ loắt choắt, pháo thì nặng trĩu, đường lên đỉnh Núi Chúa dốc dựng đứng, tôi suy nghĩ nát óc nhưng không biết làm sao mà có thể đưa mấy quả pháo lên đỉnh núi đây... Ôi! Thật là khó... Ông bà ta nói cái khó nó ló cái khôn. Chúng tôi quyết định cột dây kéo kẻ trước, người sau hì hà hì hục hết ngày này qua ngày khác. Cuối cùng chúng tôi cũng chuyển được 4 quả đạn pháo lên đỉnh Hàm Vung - Núi Chúa.



Núi Chúa xã Sơn Thọ huyện Nông Sơn

Một ngày, hai ngày trôi qua chúng tôi cầu mong cho quân địch đổ biệt kích xuống. Quả như dự đoán, vào một buổi

chiều địch cho máy bay quần thảo và cho ném bom xuống khu vực xã Sơn Thọ và dưới chân Núi Chúa rất ác liệt. Sau hơn hai giờ đồng hồ ném bom xong, địch cho hàng loạt chiếc máy bay H34, máy bay trực thăng lên thẳng quần thảo, lượn vòng quanh Núi Chúa và sau đó chúng hạ máy bay ngay Hàm Vung - Núi Chúa - ngay chỗ chúng tôi đặt pháo đổ bộ quân xuống, tôi theo dõi và hồi hộp chờ đợi vì sao chưa thấy pháo

nổ... 1 phút, 2 phút rồi 3 phút trôi qua, chúng tôi lo lắng vô cùng không lẽ chúng phát hiện được chỗ đặt pháo của tôi. Như vậy thì công sức của tôi trở thành công cốc, đang suy nghĩ miên man thì lập tức tôi nghe tiếng pháo nổ ùng, ùng, ùng, ùng... Nhìn các cột khói đen nghi ngút tôi và đồng đội vui mừng ôm nhau khóc, niềm vui chưa trọn vẹn thì bọn Mỹ cho máy bay quay lại quần thảo, ném bom và thả lựu đạn. Ngay lập tức tôi cho triển khai chiến đấu tập trung bắn máy bay, cuộc chiến đấu diễn ra rất ác liệt... bọn chúng liên tục ném bom, dội xuống xã tôi, để yểm trợ cho máy bay trực thăng thả lựu đạn. Trời càng ngày càng tối, máy bay không tài nào hạ cánh được bởi vì chúng tôi khống chế toàn bộ trận địa này. Kết quả trận đánh tôi đã bắn rơi một máy bay và tiêu diệt sạch một trung đội biệt kích không còn sống sót một tên. Từ đó trở đi bọn Mỹ không dám bén mảng đặt chân đến Núi Chúa... Người dân quê tôi không còn nơm nớp lo sợ bọn biệt kích Núi Chúa nữa. Sau khi thất bại bọn Mỹ - Ngụy cay cú lắm, có tin loan truyền chúng treo giải thưởng: “20.000 USD cho đứa nào bắt được con Nguyệt, 5000 USD cho đứa nào bắt được một tên du kích Sơn Viên”.

Cuộc chiến đấu của chúng tôi không được nghỉ ngày nào bởi vì địch thua đau nên rất cay cú. Chúng tiếp tục cho quân càn quét vào Sơn Viên, chúng đóng quân ở đồi Núi Vú. Đến đêm tôi cùng đồng chí Rân và 1 đồng chí khác mò vào nơi đóng quân của bộ chỉ huy càn quét của Mỹ đóng tại đồi Núi Vú. Tôi mò vào kéo trộm được 7 chiếc ba lô nhưng chúng tôi thì chỉ có 3 người không biết cách nào mà đem về cho hết, bỏ thì tiếc. Sau đó chúng tôi vận chuyển theo kiểu dây chuyền và chuyển

những chiếc ba lô này về đơn vị an toàn. Sau khi bọn Mỹ quay về nơi chúng đóng quân thì phát hiện đã mất những chiếc ba lô, chúng nhả đạn như mưa xuống quanh khu vực chúng đóng quân. Khôi hài hơn nữa đến sáng ngày hôm sau, chúng cho máy bay OV10 quần thảo kêu gọi “lực lượng đồng minh, lực lượng Việt cộng” cho chúng xin lại những chiếc ba lô trên. Chúng tôi vừa mừng vừa buồn cười, chúng tôi chửi chúng là đồ trẻ con. Trong những chiếc ba lô này chúng đựng đạn dược tài liệu và 1 ba lô đựng toàn tiền đô la Mỹ. Tài liệu có lẽ là rất quan trọng với bọn chúng, nhưng tôi thì không quan tâm nên đã đốt



Núi Vú cùng nữ du kích ngày nay


sạch, đạn thì trang bị cho du kích, còn tiền chúng tôi chẳng biết sử dụng nó vào việc gì vì chúng tôi có mua bán gì đâu và cũng chẳng biết giá trị của nó.

Tôi vút lẳng lốc, thỉnh thoảng có mấy cô ở Duy Xuyên lên bán muối và thuốc tây, tôi đưa cho mấy cô đó để đổi muối và lấy thuốc tây cho bệnh xá của xã, từ đây cũng đỡ lo đã có thuốc để điều trị cho du kích và bà con. Bệnh xá của xã lúc này do anh Ngô Xuân Thọ phụ trách, tôi và đồng đội mừng lắm. Như vậy một chiến công nữa đến với tôi và đồng đội mà không hề đổ máu.

Đội du kích chúng tôi và anh chị ở bệnh xá như anh Thọ, Vân và Nguyễn A luôn sát cánh bên nhau. Tôi nhớ mãi anh Thọ và tôi trên vai lúc nào cũng có 2 cây súng (1 cây AR15 và 1 cây M79), hai anh em tôi luôn bám sát địch với nhau. Anh cũng dũng cảm gan dạ lắm, anh theo sát đội quân du kích để kịp thời cứu chữa, băng bó vết thương. Trong trận chống càn tại cánh đồng Thôn 4, đồng chí Nguyễn A đã hy sinh, nhưng địch giữ xác anh A nằm phơi nắng cả ngày trên đồng ruộng. Đến tối tôi và anh Thọ mới mò ra vác xác anh A đưa về chôn cất.



Khoảng lặng

 uối năm 1967, du kích xã Sơn Khương và xã Sơn Viên phối hợp mỗi xã 1 tổ du kích tấn công điểm tựa đồn đội bà Lâm Trung Phước xã Sơn Khương, tổ du kích xã Sơn Viên, tổ Sơn Khương có anh Đặng Nghĩa (Nhâm), Lê Sự, Nguyễn Ngọc Anh (Trút) hạ quyết tâm đánh chốt điểm tựa. Thật là chiến tranh mới có chuyện thần kỳ, chỉ có 6 người mà dám đi tấn công một chốt kiên cố của địch, trận đánh tuy không thành, bởi vì khi chúng tôi đi gần tới chốt địch bị vướng lựu đạn do bọn địch cài đặt sẵn, chúng tôi bị thương hết 3 người, là: anh Huỳnh Ngọc Liên, anh Lê Sự, anh Ngọc Anh. Khi rút lui ra ngoài ngã ba cây Muồn, độ vài trăm mét, lúc kiểm lại con số thấy thiếu anh Huỳnh Ngọc Liên, cả đội phải quay vào tìm kiếm, đúng anh Liên đã bị thương, khi gặp được đồng đội vào cứu anh rất mừng. Ngay lúc đó chúng tôi phải triển khai, người chiến đấu, người công anh ra, địch lúc đó vẫn tiếp tục nả súng, đạn bay qua đầu chúng tôi, nhưng rất may không ai bị trúng đạn. Khi chúng tôi đưa thương binh về đến ban chỉ huy tiền phương ở đồi gò Tai Xay, anh Thọ và Hữu Sáu đã băng bó vết thương cho các anh. Máu ra nhiều, anh Liên lạnh toát, người run bần bật, tôi thấy thương anh quá đã đến bên anh động viên, chia sẻ, an ủi anh và cười chéo dù

(dù pháo sáng lượm của máy bay Mỹ ném xuống) trên cỏ đắp cho anh đỡ lạnh, rồi chúng tôi diu nhau về hầm của anh Hai Nhâm trọ lại 1 đêm, sáng hôm sau đưa anh về trạm xá anh Ngô Xuân Thọ để điều trị vết thương cho anh. Đó là trận đột kích phá rồi vào cuối năm 1967 làm cho địch mất ăn, mất ngủ, đảo điên, không còn tinh thần chiến đấu. Mỗi lần vượt qua hiểm nguy, lòng hưng phấn, càng thấy yêu quê hương nhiều hơn và biết trân trọng giây phút được sống bên đồng đội.



*Kỷ niệm ngày gặp mặt Đội du kích
truyền thống xã Quế Lộc*

Làm Cách mạng, đơn giản chính là từ tâm: “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật bình thường nhất: yêu cây trồng ở trong vườn, yêu dãy núi bóng đổ xuống đồng ruộng, yêu vị hương chua mát của khế rừng, yêu lúa mạ của mùa xuân. Yêu khe - suối đổ vào sông Thu Bồn. Con sông Thu Bồn đi ra biển lớn. Lòng yêu nhà, yêu làng yêu cánh cò bay lượn trên không, trên đồng ruộng. Đó chính là lòng yêu nước...”

Tất cả niềm vui hay nỗi buồn trong thời kỳ đó, luôn được thiên nhiên xoa dịu. Những giọt sương, những cơn mưa rừng cũng xóa nhòa dấu tích. Sự sắp xếp đầy nghệ thuật của

Làm Cách mạng, đơn giản chính là từ tâm: “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật bình thường nhất: yêu cây trồng ở trong vườn, yêu dãy núi bóng đổ xuống đồng ruộng, yêu vị

những chiếc lá thô đỏ trên những hàng cây dương xỉ xanh mảnh mai, hoa, cỏ, rong rêu mọc trên đá, dẫu rừng và tiếng chim muông, đều là tặng vật của rừng. Đặc biệt dễ thấy nhất vào mùa mưa, cái mới được sinh ra từ cái cũ, sự sống được sinh ra từ cái chết. Khi tâm hồn lắng đọng, tôi cảm nhận được mình là một phần của thiên nhiên, có nhiều lúc đói, khát mù cả mắt, cái đẹp của rừng chẳng còn mấy giá trị trong mắt tôi. Nhưng giờ đây khi viết lại trang hồi ký, tôi thấy mình còn để sót lại nhiều ký ức buồn, vui trong rừng và đồng đội...



Anh Liên - đồng đội tôi

Chiến tranh là vậy, thời kỳ đó, sáng thì chống càn, tối mò vào căn cứ của chúng để tập kích. Có một lần đội chúng tôi đang họp mặt tại cơ quan thôn Thọ Tây xã Sơn Thọ để sinh hoạt thì một loạt pháo từ Đức Dục nổ xuống nơi chúng tôi đang họp. Quá bất ngờ không kịp ẩn nấp nên chị Đỗ Thị Dần đã hy sinh ngã gục vào tay tôi. Khi đó tôi cảm nhận chân trái mình như có vật gì vừa cửa vào, tay vẫn còn ôm đồng đội vào lòng, nhìn xuống chân thấy

máu chảy ra thấm ướt cả ống quần. Lúc đó do hoảng hốt tôi không cảm nhận được sự đau đớn của thể xác mãi cho đến lúc

đồng đội đến sơ cứu cho tôi (chị Vân y tá xã sơ cứu). Quá đau xót khi chứng kiến cảnh đồng đội mình lẫn lộn trong vũng máu. Thời gian đó, lòng thương yêu đồng đội càng trở nên mạnh mẽ, tôi thề sống chết với quân thù. Lúc đó đội chúng tôi lao vào cuộc chiến quyết liệt, quên cả bản năng sinh tồn của mình, có lẽ nhờ sức mạnh linh hồn của đồng đội tôi. Bọn lính quá ác độc, một thời gian rất ngắn bên cạnh tôi có 2 đồng đội đã hy sinh, khi nhìn cảnh thương tâm, có nhiều lần tôi cảm thấy buồn nôn, tim hoảng loạn, thấy chóng mặt. Nhưng lúc đó có cái gì đẩy tôi ra khỏi vòng suy nghĩ đó, tôi phải sống mạnh mẽ hơn để cứu bản thân và trả thù cho đồng đội. Nói vậy nhưng nước mắt vẫn làm nhòa mắt tôi, không khí lúc đó đau thương thật khó tả. Tôi thấy lòng nặng trĩu, cơ thể lúc đó cũng tê cứng đến nỗi không còn cảm nhận là của mình. Chiến tranh là vậy, chết chóc là lẽ thường tình, không biết rồi đây ai còn ai mất. Thôi không dám nghĩ đến nó nữa, phải biến đau thương thành hành động, trút căm giận lên đầu ngọn súng để trả thù cho đồng đội.

Chẳng ai có thể biết trước sự việc, nhiều đêm thức trắng, ăn uống thiếu thốn, cơ thể chúng tôi ngày càng gầy gò hơn. Sau trận phục kích đó, đội chúng tôi phải củng cố thương binh về trú ẩn trong núi xã Sơn Phúc, nằm lại đây chờ đến tối mới chuyển tiếp về hồ Ông Vò xã Sơn Thọ để giấu thương binh. Trong thời điểm này tôi cũng ngã bệnh, mỗi giờ nhiệt độ càng lên cao. Anh em trong đội lo sợ tôi bị sốt rét ác tính, cái chết đến đột ngột không kịp trở tay. Lần đó không còn thuốc hạ nhiệt, anh chị phải hái lá rừng (đó cũng là vị thuốc nam chữa hạ sốt) giã nát xoa lên khắp cơ thể tôi. Khi đó buộc tôi phải cởi

hết áo ra để thuốc dễ thấm trực tiếp vào da, toàn thân phủ lá rừng, như thể người tiền sử. Ngay lúc đó cũng có một hai bạn có độ tuổi như tôi, họ không thể nhịn cười, cũng nhờ trận cười hồn nhiên của các bạn, vô tình truyền thêm sức mạnh cho tôi. Ngày ấy còn nhỏ tẹo, nên chẳng có gì đáng ngại. Con nguy kịch qua rồi, lúc bước ra khỏi võng, thấy lá rừng cùng bao trái sung nhỏ nằm la liệt bẹp dí trong võng, tóc thì rối như tổ chim, người thối khỏi nói hôi như cú. Khi trong người thấy dễ chịu hơn, lại nhớ đến đồng đội bị thương, vùng dậy, chạy xuống hỏi Ông Vô thăm anh Sỹ bị thương. Vừa bước vào cửa hầm, gặp ngay chị y tá tên Vân đang rửa vết thương cho anh, vết thương lộ cả xương ra ngoài. Lúc đó tôi bị choáng vì thương anh, cũng vì mình chưa được khỏe, cảm giác cơ thể mình nhẹ đến nỗi không làm chủ được bước đi. Nó khiến tôi bật khóc, nhưng khi khóc, tôi cảm thấy mình như được an ủi và mạnh mẽ hơn. Khi đó tôi chỉ là một đứa trẻ, cũng thấy ngạc nhiên bởi chính sức mạnh của mình, nhưng tôi biết đó không chỉ là sức mạnh của tôi mà là sức mạnh đến từ tổ tiên, ông bà, cha mẹ và cả đồng đội tôi. Ngay thời điểm đó, tôi thấy dâng lên trong lòng ý chí của tuổi trẻ: ý chí sinh tồn. Nhường chỗ cho sự sợ hãi bằng một cơn giận dâng lên trong lòng, sự giận dữ tôi chưa từng trải qua. Vô cùng căm thù những tên Mỹ-Ngụy, bởi vì chúng gây bao đau thương trên quê hương Việt Nam. Mỗi giọt máu, mỗi giọt sinh lực, mỗi giọt sống xung quanh tôi luôn quý trọng. Lúc bước ra khỏi hang trú ẩn, trời chưa tối hẳn, trăng đã lên khỏi ngọn tre. Thứ ánh sáng bạc như màu sữa đổ tràn trên tóc và bờ vai tôi, không khí cũng hơi se lạnh, cảm giận đến thế vậy mà tất cả cơn giận chột tan nhanh

vào không gian mờ ảo ấy. Càng về đêm nằm mắt võng ngoài trời, càng nghe rõ tiếng thở của rừng, tiếng nước chảy róc rách, tiếng khóc ni non của côn trùng nghe mà rợn cả người. Tất cả như mang cả linh hồn đồng đội tôi hòa vào cây, vào lá, vào ánh trăng treo trên ngọn cây. Tôi đón nhận nó như một phần cơ thể của mình. Ngay lúc đó tự động viên mình: “Cố lên Nguyệt ơi, hãy dũng cảm kiên cường”. Lúc đó trong đầu vang lên câu hò mẹ ru khi còn bé.

*Chiều chiều chim Vịt kêu chiều
Bâng khâng nhớ mẹ
Chín chiều ruột đau...*

Câu hò theo tôi xuống núi, theo tôi lên đồi theo vào giấc ngủ miên man: “Ôi mẹ ơi! mẹ ơi! con ước gì mẹ đang ở bên con”. Khi câu hò xuất hiện, tôi thấy mình hưng phấn và mạnh mẽ hơn, sẵn sàng tiếp nhận nhiệm vụ mới.



Nhớ mẹ

Sau khi xuống núi an toàn, tôi lần mò chống gậy về làng, người đầu tiên gặp tôi là anh Ba Su (anh là thương binh) cũng là con nuôi của mẹ tôi. Nhìn thấy em gái trong hoàn cảnh thảm hại, anh không kìm nổi nước mắt. Tóc tai bù xù, rồi đến nổi không chải được vì sốt rét hơn 10 ngày. Ngay lúc đó tôi nhờ anh cắt tóc gần sát gốc tóc, đầu chí nhiều, ngứa gãi đến chảy máu và có đôi chỗ đã thành ghẻ, chốc bốt mùi hôi khó chịu. Anh Su lấy hột ngát (loại hột này người dân quê tôi dùng để sút cá), giã nát pha với một ít nước xoa lên tóc, để vài phút con chí say thuốc, tự động rơi xuống áo tôi rất nhiều. Khi nhắc lại thấy mà nổi da gà, lúc đó vùng chiến khu chị em chúng tôi thiếu thốn đủ thứ. Gọi đầu bằng lá tu hú, lá này vò ra rất nhót, sau khi được tắm gội loại lá này tôi thấy người nhẹ nhàng hơn, đây cũng là vị thuốc nam.


Thời gian đó tôi vẫn còn sốt nhẹ, trong lúc ngồi dưới hầm trú ẩn trong vườn, có một người hàng xóm đến gọi: “Mười ơi! Mẹ con về ở ngoài đồng Miếu”. Nghe tiếng nói vọng đó tôi bật dậy, chạy thật nhanh ra đồng Miếu, nhưng chẳng thấy mẹ, lúc đó trời đã chập choạng tối. Bao ước mong gặp lại mẹ tan vào bóng đêm. Không thể nào tả nổi cảm xúc của mình đó, cuối cùng tôi cũng chỉ là một đứa trẻ, tôi rất cần

có mẹ khi cơ thể ốm đau, tiếng khóc thoát ra từ lồng ngực, vô cùng đau đớn: “Mẹ ơi! con nhớ mẹ vô cùng”. Trời đất cũng lặng gió trước cảm xúc của đứa trẻ. Ngay lúc đó có vài hạt mưa rơi nhẹ trên tóc, cũng là lúc tôi phải vào hầm trú ẩn. Điều duy nhất có thể làm lòng tôi phấn chấn, chính là nhờ lòng tin ngày chiến thắng không xa, tôi sẽ gặp lại mẹ, ước ao mẹ vẫn sống khỏe chờ đợi con về.

Sau khi nghe tin tôi đau thập tử nhất sinh, chị tôi Nguyễn Thị Ánh Hồng, lúc đó đang công tác tại Ban an ninh huyện Quế Sơn, xin chú Đỗ Ngọc Cán (trưởng ban an ninh) cho chị tăng cường về xã Sơn Viên, để gần và có điều kiện chăm sóc cho tôi. Sau đó, chị được phân công làm Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ xã Sơn Viên, thời gian này rất ác liệt, đói cơm, thiếu muối, chị em vẫn đùm bọc nhau, cùng nhau vượt khó để sống và chiến đấu.



Sinh tồn

 uộc kháng chiến càng ngày khốc liệt, bom ngàn tấn bom đạn trút xuống thung lũng Sơn Viên bé nhỏ của tôi, B52, bom tọa độ ngày đêm không ngớt... lại còn chất độc hóa học rải xuống cây cối chết hết, chỉ có loại cây ngải tây (ngoài Bắc gọi cây Dong riềng) thì còn sống. Địch càn liên miên, chúng tôi đói quá không có gì để ăn, tự phân công nhau, người đi vớt cá nổi trên hồ bom, do bom Mỹ dội, cá nổi trắng lên, khi đem về kho, ăn vào có mùi khét lẹt của thuốc súng, thấy rục sáng ánh lân tinh.

Nhớ nhiều lần một mình đi đào củ ngải ăn thay cơm, đào mãi rồi cũng hết, lần này trên vai vác 2 cây súng và một cái cuốc đi tìm sắn, khoai lang rài để về ăn. Khi tôi đang đào bới, bụi sắn nằm sâu quá vì nó chui lên từ hầm giao thông hào nên sâu lắm, đào gần nửa mét rồi mà chẳng thấy củ sắn đâu. Khi tôi đang lui hui đào bới thì bị Mỹ phát hiện chĩa súng vào bắn tôi, tôi chỉ kịp ôm được 2 cây súng bắn trả bọn chúng, rồi chạy thực mạng nổ súng ám hiệu cho đội du kích tập trung sẵn sàng chiến đấu.... Trong chiến tranh cũng có nhiều chuyện vui, buồn, với độ tuổi như tôi, có lẽ chẳng biết gì về chính trị. Tôi yêu mẹ như tất cả đứa trẻ đều yêu mẹ của chúng. Mẹ là sức mạnh lạng lẽ trong cuộc đời tôi, cũng là người quan trọng

và có ảnh hưởng nhất. Mẹ thay cha che chở cho tôi những bước đi chập chững vào đời, mẹ cho tôi lòng dũng cảm để đương đầu với kẻ thù rất sớm. Nhưng không phải vì thế mà tôi mất đi tính trẻ con, hay vô cảm với cảnh vật xung quanh mình.

Ngày còn ở bên mẹ, những lúc vui đùa cùng các bạn trong làng, bơi đùa trên quê hương, cùng nhau lội trong những con mương để mò cua bắt cá, rồi trần truồng nằm sưởi ấm một cách vô tư. Khi còn ở chung với hai chị, chúng tôi thường hay chơi những trò chơi tự mình nghĩ ra với mọi đồ vật có trong tay, in bánh in bằng đất sét, những khúc tre, những cây que hay những hòn đá cuội. Tôi nổi tiếng là một đứa trẻ chạy nhanh hơn hai chị. Nghịch ngợm đến thế, khi ở trong rừng, tôi cũng rất sợ bóng tối và nhất là phải đi tuần tra ngang bãi tha ma, sợ mà phải bám chặt tay vào nhau để giảm căng thẳng. Nhưng sống lâu rồi cũng quen. Trước mới gia nhập vào đội, thấy một cái bóng trên lán trại, bóng không có hình dạng rõ rệt, chỉ là một hình phản chiếu tối màu của một cái cây ở trong rừng cũng đủ làm tôi chết khiếp.

Thời đó nhiều ý nghĩ lẫn lộn không rõ nét, nhưng chẳng dám tâm sự với ai, sợ đồng đội phê bình là chưa thông tư tưởng họ không cho mình vào đội. Cuộc sống rất khó khăn với độ tuổi lên 9-12, có nhiều lần đi tuần tra một mình trong đêm, nghe đủ loại âm thanh vọng về. Lúc gần xuống nhà dân, tôi trở nên căng thẳng, bởi những âm thanh, tiếng động không rõ ràng, nghe cả tiếng khóc than từ nơi hố bom có người chết, khe nước, hầm trú ngụ của dân đều phát ra những âm thanh lạ, thỉnh thoảng nghe tiếng tru đầy ám ảnh của lũ chó bị chủ bỏ đói. Lúc đó cả đội đều có cảm giác rợn cả người, nhất là

những đêm trực chiến ở vườn chú Ba Năm thì nghe tiếng khóc càng gần hơn. Có một số chị em nữ, không dám ra ngoài tiểu tiện nếu không có người cùng đi chung, nhất là chị Manh sợ có lúc tè ra quần. Như tôi vừa kể, đội du kích chúng tôi lúc đó, vẫn còn ở độ tuổi thiếu niên, làm sao tránh khỏi những cảm xúc đó. Mỗi ngày thường xuyên phải đối diện với nó, những lúc như vậy, đội chúng tôi luôn tự động viên: “mình là đại diện của dân”. Có nhiều lần vượt qua thử thách cùng đồng đội, tôi tự hỏi không hiểu làm cách nào tôi có thể gánh vác trách nhiệm, xã đội phó phụ trách tác chiến với cái tuổi lên 10-13. Nhiều ngày đi càn, đội du kích phải ở trong rừng, không khí ẩm ướt, muỗi rừng luôn tấn công tất cả mọi người, không phân biệt ta và địch.

Rất nhiều lần, nhớ lại cảnh đau thương của dân làng, trong đó có đồng đội, tôi luôn cố nén cảm xúc của mình, nén sự thương xót dành cho nạn nhân trong chiến tranh, căm ghét những kẻ săn bắt dân mình. Không khí những ngày ác liệt, có lúc đến nghẹt thở, mùi thuốc súng và cái chết hòa vào trong gió. Lúc đó tôi cảm thấy một sức nặng đè lên trái tim và hơi thở của mình, nhiều đêm không ngủ được, phải đi tuần tra giữ sự bình yên cho dân. Mong muốn lớn nhất ngay thời điểm này, đừng có bom oanh tạc xuống nhà dân và thà nguyện cầu hòa bình đến sớm để được về bên mẹ và người thân.

Thời gian tham gia trong đội du kích, cũng có đôi lần bị ốm, nhưng lần này trong đội có chị Thanh tôi gọi thân mật là chị Bảy. Chị như chị cả trong đội, mỗi khi có ai trong đội đau, chị luôn nhiệt tình chăm sóc chu đáo, riêng tôi chị có quan tâm đặc biệt hơn, vì tôi là em út trong đội. Thiếu tình thương cha mẹ,



*Bông hồng xù Quảng
Nguyễn Vũ Minh Nguyệt*

cảm xúc được gần chị như được ở bên mẹ, nhờ có chị bên cạnh, đó là cơ hội tốt cho bản thân tôi, chị luôn động viên tinh thần cả đội, như người chị, người mẹ nhân hậu.

Tổng tấn công nổi dậy tết Mậu Thân (1968). Du kích tôi tập trung tại xóm Hóc Thượng, thôn 4 Sơn Viên. Chị Thanh lo chuẩn bị thổi cơm nước, còn đội du kích thì lo chuẩn bị súng ống, đạn dược. Chúng tôi nô nức chuẩn bị vào trận chiến, bởi ngày trước đó được quán triệt đây là trận chiến quyết liệt, để giải phóng hoàn toàn miền Nam. Lúc đó động cơ của chúng tôi 1 là tiêu diệt sạch quân thù, 2 là giải phóng, được gặp lại mẹ và người thân. Chúng tôi chuẩn bị bỏ theo 1 bộ áo quần mới, để ngày giải phóng mặc đi biểu dương lực lượng quân giải phóng. Khí thế lúc này hùng hực trên từng khuôn mặt đồng đội tôi. Dù biết ngày mai đây xung trận, không biết ai còn ai mất, chiến đấu thật khốc liệt, nhưng chúng tôi không một mảy may do dự, chuẩn bị xung trận với khí thế hào hùng nhất...



Mậu Thân (năm 1968)

Khi đến ngày và giờ “G” du kích xã được phân công thành nhiều mũi cùng với bộ đội chủ lực. Tôi được phân công giải phóng thôn Cà Tang- hiện xã Sơn Khương, đội chúng tôi hành quân và ém quân tại địa điểm đã định. Ngồi chờ đợi, thời gian chỉ còn một vài tiếng đồng hồ mà sao thấy thời gian dài vô tận..... Dù đã từng đối mặt với quân thù, nhưng giây phút này thật khó tả, người lạnh toát, run bắn cả người, hai hàm răng đánh vào nhau cầm cập như thể tôi đang lên cơn sốt rét rừng. Mặc dù tôi không sợ địch hay sợ hy sinh, nhưng có lẽ là phản xạ tự nhiên của con người trước giờ phút sinh tử. Lúc này chúng tôi nằm sát bờ áp chiến lược thôn Cà Tang, tôi đã trấn tĩnh lại và thấy trong người nóng bừng, đêm đó là đêm giao thừa của năm 1967 sang 1968 tiết trời vào Xuân lạnh



Minh Nguyệt

lắm, nhưng tôi không còn thấy lạnh nữa mà lửa trong tim tôi đang hùng hực chờ lệnh tấn công...Năm 1968, năm của tổng tấn công và nổi dậy với những chiến thắng vang dội trên khắp chiến trường miền Nam, trong đó có sự đóng góp của quân dân Quảng Nam- Đà Nẵng.

Tháng 1 năm 1969, tôi tròn 14 tuổi. Nixon bước vào Nhà Trắng triển khai chiến lược chiến tranh mới lấy tên là “Việt Nam hóa chiến tranh”. Chính là thời gian tôi được tham gia vào bộ đội địa phương của huyện Quế Sơn.

Đầu năm 1969, đây là niềm vinh dự lớn nhất trong cuộc đời tôi, được nghe thư chúc tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người chỉ ra phương hướng cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong giai đoạn mới là: “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”, và khẳng định: “chắc chắn giặc Mỹ sẽ hoàn toàn thất bại. Quân và dân ta trong cả nước thừa thắng xông lên, nhất định sẽ giành thắng lợi hoàn toàn”.



Một trang sử mới

Tháng 2 năm 1969, tôi chính thức nhận nhiệm vụ mới. Những hoạt động mới của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn làm cho cuộc đấu tranh của nhân dân cả nước càng căng thẳng và phức tạp hơn trước. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đứng trước thử thách lớn, đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc, kiên trì đấu tranh để đưa sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi. Đây cũng là giai đoạn bước vào thử thách mới của Nguyễn Vũ Minh Nguyệt.

Trở lại câu chuyện, cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) là cột mốc đánh dấu sự thất bại chiến lược chiến tranh cục bộ, góp phần quan trọng phá sản chiến lược toàn cầu phản ứng linh hoạt của đế quốc Mỹ. Đế quốc Mỹ gấp rút củng cố bộ máy chỉ đạo chiến tranh ở miền Nam, đồng thời buộc chính quyền Sài Gòn ban hành lệnh tổng động viên, bắt lính, đôn quân và hiện đại hóa quân đội. Trong gần 4 năm 1969-1972, địch đã nâng quân chủ lực, quân địa phương (phòng vệ dân sự). Đồng thời với việc tăng cường lực lượng ngụy quân, củng cố ngụy quyền, đế quốc Mỹ mở hàng ngàn cuộc hành quân càn quét, phản kích hòng đẩy lùi lực lượng chủ lực của ta lên vùng núi dọc biên giới, tăng cường đánh

phá, hủy diệt các vùng giải phóng, các vùng căn cứ Cách mạng.

Từ năm 1969, Mỹ ngụy dồn dân bình định quyết liệt vùng nông thôn, miền núi. Chúng mở nhiều cuộc hành quân càn quét, đánh phá, chà đi xát lại nhằm tiêu diệt cơ sở Cách mạng của ta bằng cả biện pháp quân sự lẫn kinh tế. Để bảo vệ Đà Nẵng, Mỹ ngụy tăng cường hệ thống phòng thủ nhiều tầng, từ xa, từ tuyến Cẩm Dơi, Núi Chúa với nhiều lực lượng khác nhau. Chúng dùng B52, bom tọa độ cày ủi, cào sạch nhà cửa, vườn tược những vùng nông thôn. Đồng thời ra quy định một số vùng chúng được tự do bắn phá.

Trong thời gian từ năm 1969-1972, các vùng Gò Nổi, Hòn Tàu, Núi Chúa, vùng núi Tây Đại Lộc liên tục bị địch dùng máy bay B52 đánh phá ác liệt. Nhằm ngăn chặn hành lang tiếp tế của ta, chúng dùng chất độc hóa học trên quy mô lớn để phá hoại mùa màng, giết hại trâu, bò, phá hoại việc sản xuất của nhân dân ta. Năm 1969 cũng như tình hình chung trên toàn miền, lực lượng cách mạng ta gặp nhiều khó khăn, luôn bị địch đánh phá. Cán bộ và nhân dân các vùng nông thôn phải sống ngày đêm dưới hầm, đói kém, bệnh tật, cuộc đấu tranh của nhân dân ta càng căng thẳng và phức tạp hơn trước. Toàn Đảng, toàn dân ta đứng trước thử thách lớn, đòi hỏi sự nỗ lực vượt bậc, kiên trì đấu tranh để đưa sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi.

Cũng như các vùng cách mạng ở Quảng Nam, địch tiến hành triển khai kế hoạch “bình định đặc biệt”, “bình định cấp tốc” với hàng loạt cuộc càn quét, đánh phá bằng hải lực, không quân ở vòng ngoài rồi giao lại cho bọn địa phương

quân, nghĩa quân, cán bộ xây dựng nông thôn trấn giữ, bình định ở bên trong.

Ở Quế Sơn, địch dùng hàng trăm lượt máy bay B52 rải thảm, tạo ra vành đai trắng chung quanh các căn cứ, đồn bót của chúng. Còn ở xã Sơn Viên, lúc này địch dùng máy bay ném bom, rải thuốc khai hoang, bắn phá ác liệt kết hợp với tổ chức càn quét, dồn tất cả dân trong vùng vào các khu đồn tại Nông Sơn, Trung Phước, Đức Dục. Tuy nhiên, với tinh thần “một tấc không đi, một ly không rời”, cấp ủy, chính quyền, Mặt Trận, đoàn thể vẫn quyết tâm thực hiện phương châm 4 bám: Bám dân, dân bám đất, trên bám dưới, du kích bám địch để duy trì, phát triển lực lượng, bảo vệ vùng giải phóng.



Nhiệm vụ mới



*Có bộ đội huyện Quế Sơn
Nguyễn Vũ Minh Nguyệt*

Đầu tháng 2 năm 1969,

hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, xã đội du kích xã Sơn Viên chúng tôi học tập, tập huấn chính trị, nhằm củng cố tinh thần nâng cao nhận thức về Đảng, Cách mạng, để mỗi người kiên định lập trường, quan điểm, xác định tư tưởng vững vàng bước vào cuộc chiến đấu mới. Tôi nhớ rất rõ sau khi được Đảng trang bị tư tưởng, chúng tôi rất phấn khởi sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới.

Sau đó lãnh đạo cấp ủy Đảng cấp trên động viên chúng tôi đăng ký tòng quân vào bộ đội hoặc thanh niên xung phong để bổ sung cho chiến trường. Mọi người hưởng ứng giơ tay xin đăng ký trong đó có tôi đăng ký vào bộ đội. Khi chốt danh sách, giao quân, tôi và chi

Thương (nữ) được BCH Huyện đội Quế Sơn do ông Tô Ca nhận, còn một số anh em khác gồm anh Đỗ Tấn Hùng, Đồng Vĩnh Hương, chị Thi Ba và một số anh chị em khác đi thanh niên xung phong.

Khi đọc danh sách những người ra đi, tâm trạng tôi lúc đó buồn vui lẫn lộn. Nghĩ đến cảnh chia tay mỗi người mỗi ngã, rồi mai đây khi nước nhà thống nhất ai còn ai mất chúng tôi có còn gặp lại nhau không? Khi nghĩ đến điều ấy, tôi ôm chặt chị Thạnh vào lòng khóc không thành tiếng, nước mắt cứ thế tuôn trào, không gian lúc đó thật buồn tênh “người buồn cảnh có vui đâu”. Như cảm nhận được cảnh sắp chia tay của đội chúng tôi, chị Thạnh ôm tôi vào lòng an ủi, chị nói: “quả đất còn xoay, có ngày chị em ta gặp lại, chị mong em lên đường nhận nhiệm vụ mới luôn mạnh khỏe và lập nhiều chiến công, hẹn ngày chiến thắng chị em ta sẽ lại gặp nhau”. Mặc dù biết vậy nhưng lòng cảm thấy buồn vô hạn... lúc này mỗi người mang cảm xúc khác nhau, nhưng sẽ cùng nhau có một nỗi buồn, là không còn được sát cánh bên nhau để chiến đấu đánh địch.

Đêm đó cả đội thức trắng để động viên an ủi nhau giữa kẻ ở người đi. Một thời gian dài sinh hoạt trong đội cùng ăn, cùng ở chung một hầm trú ẩn, tất cả đều biết tính nết của nhau, như anh em một nhà, sống chết có nhau, rồi cũng có nhiều tình cảm khác len lỏi vào tâm hồn chúng tôi, nhưng thời gian đó công việc tuần tra bám địch cả ngày lẫn đêm, còn thì giờ nào mà nghĩ tình cảm riêng tư. Có điều mỗi người sẽ cảm nhận tình cảm theo cách riêng của họ, khi trưởng thành hơn tôi mới nghiệm ra rằng: “Tình bạn chân thành là những người sẽ đồng hành với ta và giúp ta vững bước trên con đường

hướng đến một cuộc sống tốt đẹp, cảm giác thoải mái bình yên không thể nào diễn tả được bên cạnh một người bạn mà ta không cần phải cân nhắc cân trọng trong suy nghĩ cũng như trong lời nói”. Năm 13-14 tuổi, khi chưa biết đến tình yêu nam nữ, tôi vẫn biết cảm xúc nhớ nhung da diết, cảm xúc như nhớ mẹ, người thân. Thời đó thật vô tư, dường như không biết u sầu, có buồn cũng chỉ thoáng qua, lúc nào cũng thấy vui vẻ bên đồng đội, ngày tháng trôi đi một cách phẳng lặng, thông dong tự tại, chỉ đến khi cả đội sắp rời xa, mỗi người nhận nhiệm vụ mới, lúc này mới có nhiều chuyện lạ trong tình cảm mỗi người.

Nhớ lần đó tôi được chuyển công tác lên Huyện đội Quế Sơn, lúc sắp ra đi nhận nhiệm vụ mới cả hội trường xôn xao, ai cũng lo lắng sắp bước vào trận địa mới. Cả hội trường náo nhiệt, nhìn phía cuối phòng, thấy anh Huỳnh Ngọc Liên ngồi thờ ra, vẻ mặt u buồn, luôn liếc nhìn tôi, đôi mắt ấy như có điều gì muốn nói, chưa một lần tôi bắt gặp. Cảm nhận nó khác khác làm sao, chốc chốc tôi khẽ liếc nhìn trộm về phía anh, ánh mắt của tôi cũng bất chợt gặp phải ánh mắt của anh, khuôn mặt tôi lại có dịp ửng đỏ vì xấu hổ, không thể ngăn cản nhiều cảm xúc lạ đang dâng tràn trong lồng ngực. Không biết mình phải làm thế nào, tôi quay người nhìn về hướng khác, vội vã cúi đầu xuống để giấu đi cảm xúc, nhưng sâu thẳm tận đáy lòng, tôi đã yêu thích ánh nhìn chăm chú ấy của anh mất rồi! Khi có suy nghĩ đó thoáng trong đầu, khiến tôi càng thấy vô cùng hổ thẹn, không biết có phải là thứ tình yêu của đôi nam nữ hay không? Bao câu hỏi thật khó lý giải, ở độ tuổi 13, sắp bước qua tuổi 14 chưa biết tình yêu nam nữ là gì, nhưng mỗi lần nhìn ánh mắt tự nhiên phóng khoáng hay đôi môi của

anh nhìn như đang cười mà không phải là cười khịa, trong mắt tôi, đó đều là sự lịch thiệp và khoáng đạt vô bờ bến! Những sợi dây tình cảm vô hình vẫn vương, làm khuôn mặt tôi lúc đó như được những cánh hoa nhuộm thành một màu hồng rực. Trước khi cụp mặt xuống, tôi còn kịp nhìn thấy anh đi những bước chân mạnh mẽ và dứt khoát về hướng tôi. Anh đến và nói với tôi giọng run, thỏ thẻ: “Mười ơi! Em đi rồi thiếu bóng hình em anh buồn vô hạn, em thông cảm cho anh lúc này vì còn có cha già, chữ hiếu nên anh không thể xung phong lên đường cùng em và đồng đội được, anh biết chúng ta chia tay nhau không biết có ngày gặp lại em không?” Anh vội vã nhét vào tay tôi một bức thư anh đã viết sẵn từ bao giờ, mồ hôi hay là nước mắt đã thấm ướt lá thư, đôi mắt anh vẫn đượm nỗi u buồn. Anh nói: “bức thư này sẽ đồng hành cùng em trên mọi miền đất nước, là niềm động viên an ủi em, trên mọi nẻo đường chông gai, gian khổ, lúc buồn em giở nó ra xem như có anh bên cạnh, anh rất tiếc mình không được đồng hành cùng em trên đường hành quân, để có dịp che chở cho em”. Tôi nhận lấy phong thư của anh mà lòng buồn vô hạn, đây là món quà tinh thần, cũng là bức thư tình đầu tiên anh tặng cho tôi. Khi đứng gần anh tôi đã cảm nhận được mùi hương vô cùng mạnh mẽ, anh là người con trai đầu tiên khiến tôi cảm nhận được cảm giác ấm áp khi tiếp xúc giữa một chàng trai và một cô gái.

Cầm lá thư từ tay anh, trống ngực tôi đập liên hồi, tôi bất an, tôi lo lắng, tôi xấu hổ, tôi hoảng loạn, tôi không biết mình có nên lấy hay không? “Đây là tình yêu đầu đời anh dành cho tôi chăng?”. Những cảm giác mơ hồ đó lại đem tới cho tôi một chút lưu luyến. Khái niệm về tình yêu trong tôi

chưa hình thành rõ, nhưng với độ tuổi 17 của anh đã đến thì, người ta thường nói: “Tình yêu đơn phương”. Thời gian đi tuần tra bám địch cùng anh, đã nhiều lần anh có cử chỉ khác lạ, có vẻ quan tâm đến tôi nhiều hơn anh em trong đội. Mỗi lần đi hành quân qua vườn dân bỏ hoang, anh vội hái vài quả ổi chín mọng tặng tôi, có khi vài trái sim rừng: “Có lẽ mình là em út trong đội, anh biết tôi thiếu tình thương của cha khi chưa lọt lòng, từ đó anh càng thương tôi nhiều hơn, thôi đó cũng là chuyện đương nhiên”. Dù thân lắm nhưng hai đứa vẫn giữ khoảng cách, chưa một lần nắm tay nhau hay ngồi bên nhau tâm sự riêng tư, anh luôn là người chủ động hỏi thăm tôi, sự tinh ý của anh đã nhiều lần làm tôi xúc động. Bằng giọng hơi run anh hỏi tôi đủ thứ, từ chuyện “Hôm nay em làm gì?” đến “Hôm qua em cảm thấy thế nào?”. Lúc đứng đối diện với nhau hồi lâu tôi không nói một lời nào, muốn trốn chạy để xua tan cảm giác bất an mà anh vừa mang đến cho tôi. Tôi hiểu anh lúc đó còn hồi hộp hơn tôi, qua ánh mắt, nụ cười thay lời nói để truyền cho anh hiểu những tình cảm chân thành tôi dành cho anh.

Thư anh trao, tôi cầm chặt trong tay không dám mở ra đọc nơi có đồng đội sợ họ nhìn thấy, không biết anh viết những gì trong đó? Có phải anh nói đã “thương” mình không?. Sau đó tôi lên ra vườn nắp vào công sự soi đèn pin mở thư ra xem. Anh viết rất dài cả 4 trang giấy kẻ ô vuông, trong thư có đoạn anh viết: “... Nguyệt ơi! Mặt trời đã nghiêng về phương tây xa thăm chỉ còn sót lại vài tia sáng mong manh và sắp nhường mình cho bóng hoàng hôn mịt mờ ôm trùm lên vũ trụ làm cho anh cảm động viết lên cho Nguyệt đôi dòng chữ tâm tình, yêu thương với tấm lòng nồng nhiệt trước giờ từ giã và xa nhau.

Thôi em hãy yên trí ra đi thanh thoi như chiếc dờ kia đã sắp rời bến cũ, nhưng làm sao cho con dờ này nó sẽ trở lại với chúng ta trong một mùa xuân tuyệt đẹp huy hoàng của non sông đất nước, mau đến với chúng ta trong một ngày quyết định... anh biết Nguyệt rất buồn và hãy thông cảm cho anh em nhé, hẹn ngày tái ngộ....”. Đọc xong thư anh, có nhiều điều khó hiểu, cảm giác bất an trong lòng, chân tay tôi lúc đó như đang bị một sợi dây vô hình nào đó trói chặt lại. Đó là cảm giác từ trước tới nay tôi chưa hề bắt gặp. Tôi xếp thư vội vào áo, chạy một mạch về hội trường. Đêm hôm ấy, tôi mang trong lòng một nỗi niềm không biết tỏ cùng ai, cảm giác ngọt ngào xen lẫn xấu hổ, trần trọc khó ngủ. Cảm xúc ấy len lỏi, tung tăng theo bước chân tôi trên nẻo đường nhận nhiệm vụ mới.

Sáng hôm sau, chúng tôi tập trung tại điểm đã định theo ban tuyển quân hành quân về đơn vị mới. Tâm trạng của tôi lúc đó nặng trĩu nhiều tâm sự, một nỗi buồn da diết xâm chiếm ngự trị tâm hồn tôi. Bao kỷ niệm vui buồn, đau thương của những ngày chiến đấu ở quê nhà nó trở dậy mãnh liệt, nhớ đồng đội, nhớ những ngày sống chết có nhau, cùng chia cho nhau những vui buồn, đói khổ, bệnh tật thiếu thốn mọi điều...

Tôi cùng đoàn đi về đơn vị mới, đi trong im lặng để cho kịp mọi người. Khi đoàn hành quân lội qua suối, băng rừng mãi đến khi mặt trời còn khoảng cây sào thì đã đến địa bàn vùng núi Sơn Trung (sau này tôi mới biết), chúng tôi chia nhau làm 2 cánh quân. Bên thanh niên xung phong do anh Tấn Hùng dẫn đường về đơn vị, còn tôi và bạn Thương đi về đơn vị bộ đội. Một lần nữa phải xa anh Hùng và các anh chị trong đội, chúng tôi khóc thêm một lần nữa, lưu luyến không

muốn rời xa nhau, nhưng vì nhiệm vụ đành gạt nước mắt chia tay. Về được đến đơn vị, trời cũng vừa nhá nhem tối, các anh chị trong đơn vị tiếp đón chúng tôi rất chu đáo, ân cần. Đơn vị tôi đến nhận nhiệm vụ là đơn vị pháo binh (trực thuộc huyện đội Quế Sơn), do anh Nguyễn Quốc Dũng làm chính trị viên trung đội, anh Đình làm trung đội trưởng, tôi và Thương rất bỡ ngỡ nên 2 chị em tôi luôn quấn quýt bên nhau. Tôi lần la làm quen với chị nuôi quân, chị tên là Năm, xem và giúp chị chuẩn bị bữa ăn tối cho đơn vị. Chị bảo tôi: “em hành quân xa mệt nên nghỉ ngơi cho khỏe để chị tự làm lấy”, không cho tôi phụ giúp. Những ngày đầu Thương và tôi nhớ nhà vô cùng, nhớ mẹ, nhớ đồng đội, nhớ con đường mòn đi tuần tra quanh làng, nhớ cả tiếng cười dòn tan, vang dội cả cánh rừng Núi Chúa, khi lập được công.

Công việc ở đơn vị mới vừa được thành thoi, tôi ra đòi cao trèo lên tảng đá ngồi nhìn xuống đồng bằng, mà suy nghĩ. Điều làm tôi băng khuâng nhiều nhất là lá thư anh Huỳnh Ngọc Liên gửi, nói thật là tôi chưa dám đọc kỹ bức thư đó, có nhiều lý do bất tiện. Mỗi khi có dịp đọc lại bức thư ấy, tôi lại nhớ kỷ niệm giây phút hồi hộp nhận thư từ tay anh. Trên đoạn đường trở về phòng, trong đầu tôi đầy ắp những hình ảnh khi nhìn đối diện với anh, vừa vui sướng vừa xấu hổ. Tôi thẹn thùng liếc nhìn anh, đôi mắt anh như đang xoáy sâu vào khuôn mặt tôi! Hai má lúc đó nóng lên, bỗng chốc lại đỏ ửng, trông ngực tôi đập thình thịch, tôi biết anh giờ này cũng có tâm trạng buồn như tôi, đó chỉ là cảm xúc lạ đầu đời. Nghĩ đến đó, thấy lòng mình thấp thỏm không yên, thêm vào nỗi nhớ mẹ, nhớ chị, nhớ đồng đội, nhớ làng xóm đang bủa vây tâm hồn tôi. Cảm giác như chim lạc bầy, như chim non xa rời

tổ ẩm... đang suy nghĩ miên man thì bạn Thương đến vỗ vai và bảo: “Nguyệt ơi! mơ mộng vừa thôi vào ăn cơm kẻo hết phần đó”. Bữa cơm đầu tiên có chị nuôi phục vụ, gọi là cơm chứ thực ra sẵn lát khô ghế com, gạo để nấu cơm nó có màu đỏ. Mấy anh trong đơn vị gọi là gạo bọc thép, tôi tò mò hỏi thì các anh giải thích là gạo lúa đỏ, chỉ bóc vỏ thôi chứ không giã trắng (bây giờ gọi nó là gạo lức). Gạo để lâu ẩm mốc, cộng với sẵn khô xông khói nên nó tạo ra mùi hôi khó chịu, tôi không tài nào nuốt nổi. Phần mệ, phần trong cơm có lẫn phân chuột “cục” nào “cục” nấy to bằng đầu đũa ăn nên tôi nhặt vài lát sẵn ăn cho qua bữa. Mấy anh lớn tuổi như anh Dũng, anh Đình, anh Lưu động viên tôi: “cố gắng ăn đi em, có cơm ăn là tốt rồi vì gạo này đơn vị phải hành quân hàng mấy chục cây số băng rừng lội suối qua bao nhiêu đèo bót giặc đi đến tận các xã Phú Hương, Phú Diên mới lấy được gạo. Có khi trên đường đi lấy lương thực bị địch phục kích, anh em trong đội phải hy sinh, hạt gạo này là tất cả tấm lòng của đồng bào và xương máu của chiến sĩ đó”...

Khẩu đội chúng tôi ăn ở sinh hoạt trong 2 lán trại. Đêm đầu tiên tôi và Thương móc võng gần nhau và không sao ngủ được, tiếng suối nước chảy róc rách, tiếng ếch ương, ếch nhái kêu ọp ẹp nghe sao buồn não ruột. Thỉnh thoảng tiếng đại bác (ca nông) bắn cầm canh vu vơ, lúc gần lúc xa trong đêm tĩnh lặng càng rợn người. Tôi trông trời mau sáng để tôi làm quen tiếp xúc với nhiệm vụ mới.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm giúp chị Năm lượm phân chuột, trứng gián trong gạo để chị nấu bữa sáng cho đơn vị. Sau khi cơm nước xong anh Lưu khẩu đội trưởng dạy tôi cách sử dụng pháo 80 và 81, cách tính cự ly, bọt nước, tầm ngắm...

tôi học tiếp thu nhanh nên anh Lưu rất khen... Trong ngày này Thương cũng chuyển qua đơn vị nữ chiến đấu tên gọi đơn vị nữ 93 do chị Lan làm chỉ huy trưởng (đơn vị tôi và đơn vị của Thương cũng đều trực thuộc huyện đội Quế sơn). Hằng ngày chúng tôi tập luyện... được một thời gian đơn vị tôi có nhiệm vụ đánh vào Núi Quế. Đêm 11, rạng 12 tháng 5 năm 1969, chúng tôi tập kích tiêu diệt cứ điểm này, khi hành quân tôi xin mấy anh cho vác mìn pháo, nhưng mìn pháo thì nặng mà nó đập vào lưng rất khó vác. Tuy nó đập vào lưng tôi rất đau nhưng sợ các anh không cho tôi tham gia chiến đấu nên tôi cố gắng chịu đựng. Vì tốc độ hành quân nhanh, tôi đau quá chạy theo không kịp nên tụt lại sau, anh Dũng lệnh cho tôi chuyển mìn pháo cho đồng chí khác. Tôi năn nỉ được vác nòng pháo dễ hơn và tôi vác nòng pháo chạy thoăn thoắt mặc dù nòng pháo cũng rất nặng. Sau khi đến trận địa chúng tôi tập kích vào đồn địch nã đạn vào căn cứ của địch làm cho địch chết và bị thương rất nhiều. Sau đó chúng tôi nhanh chóng rút lui, tránh địch phản công trở lại bị tổn thất.

Đúng như dự đoán, sau đó địch ở cứ điểm Núi Quế và Cắm Dơi - Quế Sơn phản công lại, chúng nã đạn pháo như mưa vào khu vực chúng tôi, may sao chúng tôi vẫn an toàn và tiếp tục hành quân về cứ điểm. Ngày hôm sau tôi nằm ngủ như chết, khi tỉnh dậy đơn vị tôi họp rút kinh nghiệm trong đợt tập kích vừa qua và rút ra những ưu, nhược điểm để cho những trận chiến đấu sau thắng lợi.

Nhớ lần hành quân cùng đồng đội đi làm nhiệm vụ tại xã Sơn Viên. Khi đến chân đèo Le (gò Đoát) thì bị pháo bày, pháo Bi đập tới tấp, tôi bị thương vào mông phải. Lúc đó ngất liệm tại bờ ruộng, khi tỉnh không biết ai đã đưa tôi vào nhà

ông Nguyễn Minh ở thôn 1 xã Sơn Viên để cứu chữa. Sau khi tỉnh lại được bà con nói chính chị Tào Thị Hoa là người sơ cứu cho tôi, lần đó đi công tác cùng tôi còn có chị Nguyễn Thị Hồng Thành cùng đơn vị (hiện chị đang sống tại phường Hòa Thuận Tây, Tp. Đà Nẵng). Hiện nay, mảnh đạn vẫn chung sống với tôi và hoành hành dữ dội mỗi khi trái gió trở trời.

Không bao lâu tôi đã làm quen được với nhiệm vụ mới, hàng ngày tập luyện, những lúc rỗi rãi tôi thường giúp chị nuôi lợn gạo, hái rau rừng để cải thiện bữa cơm cho đơn vị. Trong đơn vị tôi là bé nhất nên được các anh quý mến hay nhường cho tôi phần cơm ít sẵn và mỗi lần đi đồng bằng về các anh hay cho tôi ít viên kẹo ú. Hồi đó kẹo ú là món ngon nhất tôi thích lắm, như vậy cứ mỗi lần đơn vị có người đi đồng bằng tôi lại trông ngóng... như trông mẹ đi chợ về...

Thời gian trôi qua, nỗi nhớ đã nguôi ngoai nhưng khi nắng chiều tắt tôi lại thần thờ ra tảng đá hay nhánh cây cao, ngồi lặng lẽ ngóng về làng, nhìn mặt trời khuất núi, quê hương trông thanh bình và xinh đẹp. Tôi thấy những khóm tre làng với những dải đất trải dài hai bên, nơi đó có mẹ và gia đình cùng đồng đội của tôi, nỗi nhớ theo vào giấc ngủ đến nỗi mỗi khi nghĩ đến họ, một sự trống rỗng khổng lồ lấp đầy lòng tôi. Nỗi nhớ nhưng xen lẫn sự lo lắng và sợ hãi cho số phận người thân, đã mấy đêm liền không sao ngủ được phần vì lạ chỗ, đêm lại khóc thầm cố giấu đi cảm xúc đó sợ đồng đội biết, họ sẽ đánh giá tư tưởng mình chưa thông.

Những ngày không chiến đấu và tập luyện, đơn vị chúng tôi xuống đồng bằng gửi gạo để có cái ăn và dự trữ khi địch càn quét không đi được. Mỗi lần đi lấy gạo cũng căng thẳng như đi chiến đấu, cũng mò đi trong đêm tối, địch phục kích có khi phải hy sinh, tội nhất là các anh lớn đi trinh sát nắm tình

hình sau đó đội hình đi sau. Nếu qua quốc lộ 1 mà nghe tiếng chim te te kêu thì đoàn người phải dừng lại, không biết có linh tính gì không mà loài chim này như người dẫn đường cho chúng tôi, anh em trong đội nói vui: “đó là linh hồn liệt sĩ báo hiệu”, khi nó kêu có nghĩa có địch phục kích, để khỏi tổn thất chúng tôi phải quay lại tìm đường khác mà đi... thường là lấy gạo luôn trong đêm và nhanh chóng quay về cứ, nếu lấy gạo gần như xã Phú Diên, Phú Hương suôn sẻ thì về đến chân núi cũng là lúc vừa tảng sáng, nếu như lấy lương thực ở xã Phú Phong quá xa, chúng tôi đi mất nhiều ngày mới về đến cứ, ban ngày thì ẩn nấp ban đêm gửi tiếp.

Cuộc sống và chiến đấu cứ thế trôi qua, ban ngày thì tập luyện, ban đêm thì đi pháo kích vào đồn địch. Đơn vị tôi đánh rất nhiều trận, lập được nhiều chiến công vang dội, làm cho địch mất ăn mất ngủ, có lúc thì tập kích đơn phương, có lúc thì đánh phối hợp với bộ đội chủ lực tập kích vào các cứ điểm như Cẩm Dơi, Núi Quế, huyện lỵ Quế Sơn và những nơi khác có đồn bót của địch...

Tôi nhớ rất rõ, hôm đó tôi và đồng chí Trần Đình Đoàn huyện đội phó đi công tác về vùng tây Quế Sơn, từ chỗ chúng tôi đóng quân là núi Hòn Tàu về vùng tây mặc dù đường đi không xa nhưng hiểm trở và địch phục kích Đèo Le và nhiều chỗ khác nên chúng tôi phải đập núi băng rừng, gai góc cứa nát hết áo quần và vào tận thịt da chúng tôi. Phần thì pháo đại bác, máy bay ném bom tọa độ không ngớt trút xuống núi Hòn Tàu, cả ngày lặn lội trong rừng đến tối mới đến được vùng Tây. Sau khi làm việc với xã Sơn Viên xong tôi tìm về thăm chị ruột là Nguyễn Thị Ánh Hồng, chị em hàn huyên tâm sự trong những ngày xa vắng..., mấy ngày sau tôi quay về đơn vị, đồng chí Đoàn còn ở lại công tác, tôi rất tiếc thời gian quá ngắn

nên không thăm hỏi được hết đồng đội trong đó có anh Ngọc Liên, khi quay về đơn vị mới tôi rất nuối tiếc, nhưng vì nhiệm vụ không thể ở nán lại được.

Trên đường quay về đơn vị mới thật gian nan cũng không kém lúc đi là mấy. Lúc đầu đi có anh Đản dẫn đường, lần này quay về tôi phải tự mình tìm theo đường cũ. Cũng may có thời gian ở trong rừng Núi Chúa xã Sơn Viên nên xác định hướng cũng không khó khăn lắm, nhưng cảm giác lúc đó trống trải không có đồng đội bên cạnh, một mình con gái đi trong rừng sẽ có nhiều điều bất lợi, khó lường trước, nhưng đã là nhiệm vụ phải bầm bọng biết kêu than với ai đây.



Anh Quốc Dũng đứng ngoài bên trái

Qua một ngày băng rừng lội suối, khi đã tìm về đơn vị, tôi cảm nhận một cách mãnh liệt rằng tai họa đã đến với đơn vị. Không gian im lặng một cách khác thường, không

một tiếng động, mùi thuốc súng lan tỏa một vùng và cái chết hòa vào trong gió đến rợn cả người. Đơn vị tôi bị địch tập kích đốt phá tan hoang không một bóng người, rừng cây xơ xác, không biết đồng đội chuyển về hướng nào, có ai hy sinh không? Bao câu hỏi không ai giải đáp, cảm thấy một sức nặng

đè lên trái tim và hơi thở, lúc đó tôi như rấn không đầu chẳng biết đi đâu! Tâm hồn hoảng loạn, tôi ngồi sụp xuống bụi cây khóc, nhưng không dám khóc thành tiếng. Những tiếng nức nở đã thoát ra từ lồng ngực khi tôi bị bỏ lại trong cánh rừng hoang vắng, nhiều suy nghĩ hoang mang không biết địch có còn ở gần đây không? Sau khi bình tâm trở lại, tôi băng rừng đi qua đơn vị 93 (đơn vị Nữ) để tìm hỏi xem địch có đánh phá vào nơi đó không? Vừa đi xem động tĩnh quan sát địch có còn không? Khi bò qua khỏi con suối, đang trần trụi suy nghĩ, bỗng nhiên tôi nghe thấy một âm thanh rất khẽ. Đó là tiếng rên đau đớn của ai đó, tôi sợ quá nhưng cố lấy bình tĩnh bò sát lại gần, không biết có phải quân địch hay ta không nhỉ? Tôi liếc nhìn xung quanh phát hiện 1 chiếc võng móc dưới lùm cây nơi gần bờ suối, tôi bò lại gần hơn phát hiện võng dù của bộ đội nên bớt sợ. Khi tiếp cận gần hơn chỗ võng, không khí lúc đó có mùi thối, tiếng vo vo của ruồi nhặng, phát hiện 1 đồng chí nằm trong võng. Vừa chạm vào dây võng, đám ruồi bay lên tung tóe như ong vỡ tổ, lộ cả vết thương bị ruồi nhặng đục khoét lòi đến xương. Cơ thể chẳng còn ra hình dạng người, mùi hôi thối càng bốc lên dữ dội rất khó chịu. Tôi bẻ nhánh cây đuổi đám ruồi kia cho nó bay đi và khẽ gọi: “đồng chí ơi, đồng chí ơi”. Khi nghe tôi gọi anh mở mắt ra và gọi đúng tên tôi: “Nguyệt ơi! Cứu anh với”. Trời ơi! chính là người đồng đội cùng khẩu đội đã dạy tôi cách sử dụng pháo mà tôi không nhận ra bởi vì lúc đó khuôn mặt và toàn thân anh đã biến dạng. Khi thấy tôi anh vẫn còn biết xấu hổ, toàn thân lúc đó không mảnh áo che thân, trần truồng như con nhộng. Anh còn biết tự lấy nhánh lá dùng để đuổi ruồi và che chỗ kín của mình, anh kể: “Khi em vừa đi công tác địch đã đánh vào cứ

điểm của đơn vị mình. Các anh chiến đấu có ai hy sinh không thì anh không rõ, nhưng có 2 đồng chí khác bị thương quá nặng và đã bò xuống suối ẩn nấp không biết có còn sống hay không?”. Rồi sau đó anh nhờ tôi múc cho anh ít nước để uống. Tôi biết anh đói và khát lắm, nên vội lấy phần cơm mang theo mới cho anh, nhưng anh không thể nào ăn được vì bỏ đói gần 10 ngày trời. Tôi lấy bình đồng xuống suối múc nước cho anh uống, khi tỉnh hơn một chút, anh bảo tôi: “Em xuống suối cứu 2 đồng chí bị thương, xem họ có còn sống hay đã chết rồi, họ bị thương nặng hơn anh”. Tôi vội vã đi tìm, nghe mùi thối là tôi đi theo hướng đó. Đến được nơi, tiếng rên ấy đã ngắt quãng và đang có vẻ yếu dần, cuối cùng tôi cũng tìm được 2 anh, cũng nằm trên võng ruồi nặng bu quanh đầy người. Hai anh này bị thương rất nặng, cơ thể gần như hoại tử toàn phần. Lúc đó tôi xua đàn ruồi bay ra khỏi cơ thể lộ rõ phần thịt đã rã, toàn thân các anh lúc nhúc giòi bò ra, con nào con nấy ú na, ú nần. Tôi choáng váng, buồn nôn với cảnh tượng đó, không sao tả hết nổi, thật khủng khiếp như phim kinh dị thời bây giờ, các anh không còn sức để nói chuyện. Chỉ còn hai con mắt nhấp nháy yếu ớt thật thương tâm.

Ngay thời điểm đó, lòng thương đồng đội trở nên mạnh mẽ trong tôi, tôi cũng không biết làm sao. Lòng thương người đi ngược với bản năng sinh tồn của tôi, lúc đó hết sợ địch mà chỉ sợ các anh ấy chết. Tôi chạy lặn xảng xuống suối múc nước rửa vết thương cho các anh, lúc đó chẳng có cồn, bông băng gì cả, tôi chỉ biết lấy nước suối rửa vết thương. Biết làm thế sẽ nhiễm trùng, nhưng còn cách nào khác hơn, rửa vết thương anh này xong rồi lại sang anh kia. Quần lộn với 3 anh hồi lâu trời cũng đã sẫm tối, tôi vô cùng đau đớn phải để

các anh lại trong rừng. Đêm trong rừng rất lạnh và đầy nguy hiểm cho bản thân các anh và tôi, nhưng chẳng còn cách nào khác, tôi phải chạy thật nhanh trong rừng, đường đi không dễ dàng, nhiều lúc cảm thấy mình như gần kiệt sức. Sự hiện diện của cái chết đè nặng lên người khi nhớ lại cảnh tượng của các anh phải chịu đựng gần 10 ngày, tôi lại nhớ mẹ và đồng đội vô cùng, nỗi sợ hãi, sự cô đơn, mất mát và sự bất lực của tôi trước đồng đội. Khi đầu mình mẫn hơn, tôi lại tiếp tục chạy thực mạng, té lên té xuống cố làm sao tìm về đơn vị càng sớm, càng tốt để báo cho người đến cứu các anh. Phải mất vài tiếng đồng hồ tôi mới về đến ban chỉ huy huyện đội Quế Sơn vừa đi vừa sợ không biết địch có còn ở đây, sợ nó phục kích bắn mình chết mà không kịp thực hiện lời hứa với các anh (lâu quá bây giờ tôi không còn nhớ tên các anh).

Khi dò dẫm tìm về đến huyện đội thì ở đây cũng vắng tanh không có một bóng người. Một cơn đau dâng lên trong cổ họng, bụng và đầu, tôi cố kìm nén cảm xúc ấy trong lòng để không bật khóc thành tiếng. Tôi đi vào các lán trại để tìm nơi trú ẩn thì bất thành linh có một người sẹ sẹ đi đến từ phía sau và bùm miệng tôi. Ôi! tôi sợ quá muốn ngất xỉu, tim đập như đánh trống trong lồng ngực, người đó nói nhỏ vào tai tôi “anh Tĩnh đây”. Tôi mừng quá khóc thành tiếng, anh kể cho tôi nghe địch đánh phá vào đơn vị nên đơn vị đã hành quân đi nơi khác... Tôi kể cho anh nghe: “có 3 đồng chí ở khẩu đội 81 bị thương rất nặng nằm dưới suối gần đơn vị 93, nếu không kịp thời đến cứu các anh thì chắc các anh sẽ chết mất”. Ngay hôm đó anh cùng tôi tích cực tìm người trong đơn vị cán các anh về trạm xá. Khi đến nơi 2 anh nằm dưới suối đã chết, anh Lưu (tôi gặp đầu tiên) còn sống và chuyển về CK110 cứu

chữa, tội nghiệp cho các anh quá khi cận cảnh nhìn thấy cái chết đến từ từ. Không từ nào để diễn tả cảnh tượng đó, toàn thân các anh bị bom lãng tinh ngấm vào, các anh đau đớn quần quại nhìn cơ thể mình đang bị thổi rữa, người đầy giọt hôi thối. Khi nhìn thấy đồng đội chết trong rừng một cách thâm thảm, đây là một trong những kỷ niệm đau đớn khó quên, sâu sắc nhất trong đời hoạt động cách mạng của tôi.

Khi sự bình tĩnh thế chỗ cho nỗi sợ hãi, nhiều ngày trong thời gian đó, tôi thường có một cơn giận dâng trào lên trong lòng, với lứa tuổi 14 như tôi đã phải chứng kiến nhiều điều đau thương xảy đến cho đồng bào và đồng đội, không bao giờ tôi quên những hình ảnh đó. Căm ghét đế quốc Mỹ và bọn tay sai nguy quân - nguy quyền (năm 1972 được tổ chức cho ra Bắc điều trị bệnh và học tập văn hóa, sau này làm bài văn, kể chuyện về kỷ niệm sâu sắc trong đời hoạt động cách mạng, tôi đã kể chuyện về hoàn cảnh 3 anh bị thương và được thầy Chài cho tôi điếm giõi).

Bây giờ khi viết những dòng hồi ký này tôi vẫn nhớ như in hình ảnh của các anh, hồi đó mấy đêm liền hầu như tôi không ngủ được. Nó khuấy động những cảm xúc mạnh mẽ trong tôi, cố nén sự thương xót dành cho đồng đội, kìm nén căm ghét những kẻ thù đang xâm chiếm đất nước Việt. Không rõ anh Lưu khi tôi gặp trong rừng nay anh có còn sống đến bây giờ không? hay anh đã qua đời rồi, tôi cầu mong anh luôn gặp nhiều may mắn...

Sau khi địch rút, đơn vị chúng tôi trở về lo thu dọn, làm lại lán trại ổn định cuộc sống sinh hoạt và chuẩn bị chiến đấu... Thời gian sống và chiến đấu ở khẩu đội 81 (đơn vị pháo

binh) tuy không lâu nhưng nó đã để lại cho tôi bao kỷ niệm. Mỗi lần nhận công tác mới, lại chuyển đơn vị, luôn có những người bạn mới, nhiều cảm xúc khác nhau. Mỗi năm tôi lại thêm một tuổi, độ tuổi cũng theo đó mà trưởng thành và tôi đã có cái nhìn rộng mở hơn, hòa nhập nhanh với môi trường mới. Những khuôn mặt trước lạ sau quen, rồi cũng là bạn chiến đấu sống chết có nhau, chia cho nhau từng củ khoai, miếng bánh, cây kẹo... Khi được lệnh điều động về cơ quan huyện đội Quế Sơn, tôi biết về cơ quan huyện đội là mình không còn trực tiếp chiến đấu nên tôi cũng rất buồn, nhưng vì mệnh lệnh phải chấp hành từ già đồng đội, từ già những khẩu pháo thân yêu để về huyện đội nhận nhiệm vụ mới.



Công tác Ban chỉ huy huyện đội Quế Sơn

(Tháng 7 năm 1969)

Tôi về Ban chỉ huy Huyện đội Quế Sơn và được phân công vào ban quân nhu chuyên may áo quần cho bộ đội. Với tính cách mạnh mẽ, luôn muốn hoạt động tác chiến, nay lại bị bó gối vào bàn máy may, không được chiến đấu trực diện với quân thù thật là buồn. Vào ban quân nhu có buồn thật, vì đây không phải là sở trường của tôi. Tôi phải dần làm quen công việc này, nhưng suy đi tính lại nhiệm vụ nào cũng phục vụ cho bộ đội, cho cách mạng, miễn là mình hoàn thành nhiệm vụ là tốt rồi, khi đã xác định rõ tư tưởng, tôi cảm thấy yên lòng với nhiệm vụ mới.

Nơi tôi đóng quân là phía đông núi Hòn Tàu, đây cũng là nơi địch chú ý, hằng ngày bom đạn ngàn tấn dội xuống, bộ phận của tôi được thiên nhiên ưu ái cho một cái hang đá. Tổ tôi gồm có chị Ngọc, chị Cúc nuôi quân, chú Phòng, anh Tài quản lý. Nhờ cái hang này mà ban đêm chúng tôi ngủ ngon lành trong tiếng bom B52, bom tọa độ. Chúng tôi chỉ lo là bom rơi trúng ngay trên tảng đá, mà nếu như vậy thì chết, còn biết đâu mà sợ.

Về đơn vị này tuy có buồn nhưng có nhiều chị em nữ như chị Lan Hương ở văn phòng, Lê, Phượng... ở thông tin, Hồng Thành ở quân y... Chúng tôi có điều kiện trao đổi tâm tư tình cảm, chia sẻ cho nhau những vui buồn của cuộc sống. Ngoài công việc chuyên môn may tư trang cho bộ đội, đơn vị tôi còn tham gia đi gùi gạo và mỗi bộ phận giúp chị nuôi hái rau rừng để cải thiện đời sống. Có một kỷ niệm thật khó quên. Tôi nhớ lần đó đến phiên tôi phụ giúp chị nuôi, chị Cúc cùng tôi đi hái rau rừng. Mỗi người đi mỗi ngã, tôi thấy ở trong bụi có mấy cây Lan Huệ rất tốt, hái nhập chung trong số rau chị Cúc đã hái. Khi đem về nấu canh, các bộ phận ăn trước, thấy các anh có dấu hiệu như ngộ độc thức ăn, mặt mày biến sắc, tím tái; đau bụng, kèm theo nôn mửa. Tôi và vài anh em khác chưa ăn thì không có việc gì. Ngay lúc đó các anh quân y tìm hiểu chị nuôi đã cho bộ đội ăn thứ gì mà cả cơ quan bị ngộ độc. Chị Cúc nói: “Vẫn như mọi khi, các loại rau như tàu bay, rau sắn hằng ngày vẫn hái, vì sao chị chẳng hiểu”. Lúc đó thấy mọi người hoang mang sợ có phải địch rải thuốc độc trên vùng rau ta hay hái không, suy nghĩ mãi mới nhớ ra mình có hái một ít rau lạ, cứ ngỡ đó là bụi Lan Huệ. Anh Trương y sỹ hỏi tôi: “Bụi Lan Huệ đó màu xanh sẫm hay nhạt?”. Tôi nói: “Xanh sẫm non mơn mớn rất đẹp”. Anh Trương nói: “Chết rồi, chính nó là cây Tỏa Lơi chứ không phải cây Lan Huệ, may mà em chỉ hái có ít, chứ nhiều thì sẽ gây tử vong vì Tỏa Lơi rất độc”. Nghe vậy, tôi sợ quá khóc, vì suýt nữa làm cho anh em trong đơn vị mất mạng, hú hồn, hú vía. Cuối cùng cơn nguy kịch của anh em đã qua, đó là bài học cho tôi rút kinh nghiệm sau này không dám đụng vào loại cây đó nữa.

Thời gian làm công tác ở quân nhu, mặc dù không phải là trực tiếp chiến đấu nhưng cũng rất gian khổ, ác liệt, hằng

ngày hứng chịu nhiều bom đạn dội xuống nơi chúng tôi đóng quân. Thời gian này địch liên tục càn quét và rải chất độc, rải máy phát hiện âm thanh, cây nhiệt đới. Nghe nói máy này nó phát hiện tiếng động nhảy lẩm, khi nó nghe được âm thanh tiếng chân người, tiếng nói là lập tức có bom pháo dội xuống, dùng mọi thủ đoạn tiêu diệt lực lượng cách mạng. Năm 1969 nhiệm vụ giành và giữ dân, diệt ác, phá kềm, mở rộng vùng giải phóng. Đơn vị của tôi phải luôn luôn thay đổi nơi đóng quân. Tôi nhớ lần chúng tôi hành quân đến nơi gần sát vùng địch đóng quân để địch chủ quan ít để ý, đó là vùng núi ở Đồng Lũng- thuộc xã Sơn Trung, ở đây có nhiều hang đá dễ ẩn nấp. Một hôm, địch tập kích càn quét vào núi này. Quá bất ngờ nên đơn vị chưa kịp di chuyển sơ tán đi nơi khác, chúng tôi vội vàng chui vào hang ẩn nấp. Mỹ - ngụy tràn vào khu vực la hét trên hang đá nơi chúng tôi ẩn nấp, đó cũng là vị trí chúng tôi hành quân về nghỉ tạm. Nhìn thấy rõ mặt mày bọn chúng, tôi nghĩ nếu địch ở lâu trên tảng đá này có lẽ chúng tôi chết đói, chết khát chưa nói đến nó bắt được chúng tôi, ngồi ẩn nấp dưới hang đá mà suy nghĩ miên man. Ước gì lúc này được lệnh chiến đấu, chúng tôi sẵn sàng nhả đạn và bung lựu đạn để tiêu diệt kẻ thù có lẽ đỡ sợ và đỡ run hơn, còn ngồi bị động trong hang thật khủng khiếp, từng giây từng phút trôi qua hồi hộp chờ đợi địch rút.

Đang suy tư, bỗng nhiên chúng tôi nghe rào rào nước chảy xuống theo kẽ đá. Tưởng địch phát hiện cho xăng vào thiêu sống chúng tôi, lúc đó chị em tôi ôm chặt vào nhau như thay lời nói tạm biệt trong sự thảm lặng. Mỗi giây phút trôi qua cảm nhận cái chết đến gần hơn một cách mãnh liệt, nỗi sợ hãi hiện trên từng khuôn mặt đồng đội. Chúng tôi im lặng chờ



*Anh Nguyễn Thanh Tân -
Chính trị viên huyện đội Quế Sơn*

giây phút bị thiêu sống đến nghẹt thở, cuối cùng không thấy ngọn lửa nào cả. Cả đội hoàn hồn lại, tôi lấy tay chấm vào nước vừa chảy xuống hầm, đưa lên mũi ngửi thì ra đó là nước tiểu, cả đội vừa tức nhưng cũng hú hồn là mình vừa thoát được nạn.

Khi viết lại trang hồi ký này, bao ký ức xưa lại ùa về, không từ nào tả nổi cảm giác của mình trong lúc đó, lúc ôm sát các chị vào lòng. Tôi nghe cả nhịp tim đập như đánh trống trong lồng ngực các chị, khuôn

mặt luôn thay đổi sắc màu. Làm cách mạng là vậy đó, nhưng không phải vì thế mà chúng tôi yếu lòng, khi cần đối đầu với địch, chị em chúng tôi sẵn sàng quyết tử, quyết sinh với chúng để bảo vệ đất nước. Sống có nghĩa là phải chiến đấu, sống có nghĩa là tôi có thể cất giọng ca và có thêm nhiều kỷ niệm để nhớ về một ngày được sống trên mảnh đất quê hương mình.

Sau trận suýt chết hụt đó, chúng tôi hành quân về lại núi Hòn Tàu. Từ phía địch bủa vây, ở căn cứ rừng núi vùng giáp ranh chúng dùng B52 rải thảm, pháo bắn cầm canh suốt ngày đêm; quân “Mỹ lết” hàn kín các tuyến đường xuống đồng

bằng; máy bay “gáo”, “rọ” (đây là máy bay OH13) quần lượn sát từng ngọn đồi, thôn xóm tìm kiếm, phát hiện các hoạt động của ta. Thời đó, vùng giải phóng trù phú của huyện nhiều nơi trở nên trắng dân, trắng đất, nên việc đi lại của chúng tôi gặp nhiều trở ngại. Chúng phục kích dùng mìn claymo (một loại mìn bi rất nguy hiểm, độ sát thương rất lớn) cài đặt khắp các nẻo đường, nếu bộ đội ta vướng phải, không thể chạy thoát được, bởi vì sau khi mìn nổ, chúng rọi đèn pin quan sát. Nếu bộ đội ta bị thương chưa chết, thì chúng dùng súng bắn tía cho đến chết. Sau đó chúng nằm phục giữ không cho ta lấy xác, có khi chúng phục giữ cả tuần xác chết trương sinh hôi thối, có nơi làm môi cho heo rừng và thú dữ thật khủng khiếp...

Thời kỳ năm 1969, bộ đội ta hy sinh rất nhiều, xác chết nằm phơi đầy đường, không lấy được xác để chôn cất, những thi thể đó, sau khi Mỹ - Ngụy rút đi chỉ còn lại nắm xương nhăm nhở không nguyên vẹn. Trên đường hành quân, mỗi người đi qua đắp vài nắm đất, hoặc lấy cây rừng đắp lên đó, lâu ngày trở thành nấm mộ “liệt sỹ vô danh”... Địch dùng mọi thủ đoạn, như tăng cường rải thuốc độc hóa học lên hậu cứ nhằm phá hoại sản xuất của ta, ngăn chặn mọi hoạt động giao lưu kinh tế của nhân dân ở vùng chúng kiểm soát và vùng giải phóng. Lương thực, thực phẩm và các mặt hàng nhu yếu phẩm tiêu dùng thiết yếu khác khan hiếm nghiêm trọng; nạn đói bắt đầu đe dọa đến đời sống nhân dân và các lực lượng vũ trang. Chúng đánh phá điên cuồng và quyết liệt, lương thực đơn vị chúng tôi đã cạn, đơn vị được lệnh đi lấy gạo tại vùng đông Quế Sơn. Lúc này, địch phục kích khắp nơi, chúng tôi phải băng rừng lội suối đi trong đêm, hay tờ mờ sáng. Phía trên bầu trời, các loại máy bay “gáo”, “rọ” của Mỹ hoạt động

với cường độ rất cao; chúng xà xuống thấp, treo lơ lửng để nhìn rõ từng căn nhà, bụi cây, dùng đại liên, rốc két, lựu đạn bắn vào nơi chúng nghỉ ngơi. Sử dụng các loại mìn làm bằng vỏ lon đồ hộp để phá những căn hầm kiên cố của ta. Máy bay “gáo”, “rọ” có trang bị yếu, khi đi làm nhiệm vụ thường có 2 chiếc “cá lẹp” (HUIB) bay kèm. Nếu “gáo”, “rọ” bị ta bắn sẽ bay vọt lên để (HUIB) lao xuống trút từng tràng đạn đại liên, rốc két và HU1A đổ quân vây bắt, tiêu diệt lực lượng ta. Thủ đoạn tác chiến này đã làm cho lực lượng ta tiêu hao nhiều, nên thời gian đó đi gửi gạo, được đến nơi vị trí nhận gạo đã khó, khi nhận gạo xong trên vai thêm một gánh nặng, lại tiếp tục đấu trí với địch để giữ an toàn lương thực cho đơn vị. Trên đường quay về đơn vị, trời đã tối, đoạn đường đèo Đá Trắng địch đã phục mấy ngày rồi, thủ đoạn cài mìn của Mỹ rất hiểm độc, có những quả mìn Claymo sát thương một lúc nhiều cán bộ chiến sĩ ta. Chúng gây nên tình hình căng thẳng, đi lối nào cũng gặp mìn, gặp địch; mặc dù các đơn vị của huyện, du kích, bộ đội chúng tôi rất cảnh giác, nhưng không ít lần tổn thất vì bị phục kích hoặc vướng đạp mìn.

Ngày đi công gạo lần đó, tôi thấy bộ đội chết nhiều nhưng chưa lấy được xác. Mùi hôi thối từ tử thi bốc lên nồng nặc cả một vùng rộng, nhưng không có đường nào khác con đường độc nhất vô nhị là phải băng qua đoạn đèo Đòn Gánh (thuộc đèo Đá Trắng). Đoạn đường này rất hẹp, nằm sâu hai bên bờ đất, chúng tôi mỗi người đi cách nhau 5 mét. Anh Nhi và các anh trình sát đi trước bám địch, còn đoàn người chúng tôi đi sau, khi đi đến đoạn hẹp nhất của đèo Đòn Gánh, những xác chết lâu ngày sinh trương, bóng lộn, đen nhánh, nằm chắn ngang trên đường thật khủng khiếp. Thấy cảnh tượng rừng

ron và đau xót đó, chúng tôi không cảm được nước mắt. Lúc này anh Tư đi trước, chị Nguyễn Thị Mười (Mười Tép) huyện đội phó, huyện đội Quê Sơn đi sau, kể theo là tôi. Khi chị Mười phát hiện xác chết sinh to, ánh trắng mờ mờ ảo ảo chiếu rọi vào tử thi trông càng khủng khiếp hơn, chị hoảng quá gọi “anh Tư ơi! Chờ kéo tôi qua với”. Anh Tư quay lại nắm tay chị Mười kéo qua, còn tôi cố gắng bước qua nhưng sỏi chân của tôi quá nặng không vượt qua khỏi xác chết nên trúng vào bụng, nước trên người tử thi bắn lên đầy người và mặt tôi. Tôi sợ đến chết người nhưng chẳng còn cách nào hơn là phải cắn răng chịu đựng... Chiến tranh là vậy đó, làm sao nói hết nỗi đau của người chiến sĩ cách mạng, nhất là các chị em phụ nữ, mỗi kỳ tới tháng không có lấy một tấm vải để đặt chỗ kín, cứ thế để nó tuôn chảy hòa quyện trên đường hành quân, màu đen của quần cũng là tấm bình phong che chở cho chị em tôi. Mỗi khi hành quân, trên vai mang nặng, những bước đi như chạy cũng là lúc chúng tôi gặp nhiều trở ngại. Ướt, rồi lại khô cứng cựa vào đùi non, mong sao đến đoạn có suối để rửa cho vải quần mềm ra, đây là trở ngại lớn mà chị em phụ nữ chúng tôi phải đồng hành cùng với nó trong suốt hành trình làm nhiệm vụ.

Hàng ngày phải vượt qua bao chướng ngại trên lộ trình hành quân, luôn nhìn thấy cảnh thương tâm diễn ra quanh mình. Bất lực trước những xác chết đang thối rữa ở nhiều mức độ khác nhau, tràn ngập cả trên đất hoa màu, đồng ruộng của dân. Lúc đó chúng tôi đang trên đường tải gạo, không thể chôn cất các anh được. Ngày hôm đó rất lạ, chỉ như một bộ phim kinh dị, không khí ẩm ướt đến nghẹt thở, mùi thuốc súng và mùi tử thi hòa trong gió. Tôi cảm thấy một sức nặng luôn đè

lên trái tim và hơi thở khi bắt gặp đồng đội cùng chiến đấu cho đất nước đã tử nạn. Đã qua hơn 40 năm, nhưng có dịp nhắc lại, tôi vẫn bồi hồi xúc động kèm theo cảm giác buồn nôn, chóng mặt. Có lẽ sức khỏe giờ đây không tốt, khi nhắc lại cảnh thương tâm, tôi vẫn thấy mình như ngập chìm trong nỗi đau đớn ấy. Nhiều đêm lún quá sâu trong ký ức đến nỗi không thể cử động thân thể được. Thật ra khi vô tình giẫm lên xác đồng đội, nước trong cơ thể tử thi bắn tung té vào người, dù tắm gội rồi nhưng vẫn còn nặng mùi, không tài nào ăn cơm được. Thời đó đâu có xà phòng thơm để khử mùi. Nhiều ngày sau đó, tâm trí tôi vẫn bị tác động mạnh mẽ. Luôn tự hỏi với chính mình, không biết khi không được chôn cất tử tế, linh hồn đồng đội tôi sẽ đi về đâu, ngay cả bản thân tôi khi rơi vào hoàn cảnh như các anh... Khi ý nghĩ này xuất hiện, tim tôi co thắt lại, thật khó thở, nước mắt chọt trào ra ướt cả trang hồi ký tôi đang viết dở dang. Đã nhiều lần tôi khóc thầm trong đêm đen, luôn cầu xin trời đất, ông bà tổ tiên của các dòng họ che chở cho đất Việt sớm kết thúc chiến tranh, để cảnh đau thương không còn, mọi nhà được sum họp, Bắc – Nam anh em một nhà.

Năm 1969 là giai đoạn ác liệt. Dịch phản kích trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt kinh tế, địch dùng mọi thủ đoạn phá nguồn cung cấp hậu cần cho kháng chiến, bộ đội, du kích, nhân dân trụ bám lâm vào tình trạng thiếu đói, bệnh tật. Để giải quyết khó khăn đó, các đơn vị đóng trên địa bàn huyện Quế Sơn tích cực xoi mở đường hành lang xuống vùng địch thu mua lương thực, thực phẩm, mở rộng sản xuất tự túc, tình thế khó khăn cho lực lượng kháng chiến đóng trên địa bàn huyện, đơn vị V76 chúng tôi cũng rơi vào hoàn cảnh chung đó.

Trở lại câu chuyện đi gùi gạo. Ngày hôm đó, đi được một đoạn thì bị địch phục bắn vào đội trinh sát. Khi nghe tiếng súng bắn trả, báo hiệu của trinh sát, chúng tôi biết địch đã phục kích. Cả đội vô cùng lo lắng, không biết anh Nhì và các trinh sát của ta có ai hy sinh không. Vừa đi vừa chạy, lòng cứ nghĩ vài ba ngày nữa thì các trinh sát của ta cũng giống như những đồng chí trên đoạn đèo Đòn Gánh. Nghĩ đến cảnh tượng đó, chúng tôi ai nấy đều rơi lệ, khóc không thành tiếng. Lúc này đơn vị không đi theo đường mòn, mà phải đi xuyên qua rừng, theo hướng khác, chúng tôi vừa đi vừa run không biết địch ở đâu? Đến rạng sáng hôm sau mới tìm được nơi ẩn nấp, dưới cánh rừng cây cao không quá 1mét. Ngồi nấp dưới bụi cây mà ai nấy lo âu, vừa sợ máy bay tàu “gáo”, tàu “rọ”, vừa sợ địch lùng sục, không dám đi vì sợ địch phát hiện. Một ngày phơi nắng vừa đói vừa khát, nhưng cái đói, cái khát không đáng sợ bằng địch phát hiện tiêu diệt chúng tôi. Tôi cầu mong ơn trên phù hộ cho cả đội được bình yên. Ngày hôm đó sao thấy thời gian dài đằng đặc, tôi mong cho đến tối để hành quân về đơn vị nơi hậu cứ. Chờ mãi rồi cũng đến tối, ơn trên phù hộ đơn vị bình an, chỉ có các anh trinh sát thì chưa biết tin, về đến đơn vị thiếu vắng các anh trinh sát nỗi lo lắng hỏi hộp chờ đợi dâng lên cực độ... Qua ngày thứ hai chúng tôi ngồi bàn tán về các anh thì đột nhiên các anh xuất hiện. Cả đội vui mừng khôn xiết, ôm chàng lấy nhau, đâu phải chiến đấu trực diện với quân thù mới có hy sinh, chết chóc. Ở tuyến sau hậu cần, trong lúc phục vụ chiến đấu cũng ác liệt, gian khổ không kém ...

Thời kỳ này địch tăng cường đánh phá, cần quét chốt giữ các ngã đường đặt mìn phục kích, phát hiện bộ đội ta là chúng cho mìn nổ, việc đi lại gặp rất nhiều khó khăn. Các đơn

vị chủ lực phần đông lấy quân số từ các tỉnh khác, nên họ ít thông thạo đường sá. Khi có việc hành quân đi đồng bằng gùi gạo gặp không ít khó khăn, luôn phải có người địa phương dẫn đường. Có đơn vị khi xuống đồng bằng gùi gạo, khi trở về đơn vị, gạo không còn nữa. Có rất nhiều nguyên nhân, một do địch phục kích, hai là đi lạc đường, bởi vì lúc đó thường đi trong đêm tối, họ còn phải ăn dọc đường. Tôi nhớ có mấy lần đơn vị của Mặt trận 44 đóng quân phía trên đơn vị chúng tôi đã vào kho gạo của đơn vị tôi lấy trộm gạo. Đơn vị tôi phát hiện bắt giữ, trời thì lạnh mà các đồng chí đó lại đói nữa, chúng tôi cũng rất thương tâm. Họ cũng là đồng chí của mình, nên có bức tức chúng tôi vẫn cho cơm ăn, lấy võng chần để đồng chí ấy ngủ. Sáng dậy, đồng chí đó đã bỏ đi từ khi nào cả đội không ai hay, nhìn trong võng có một lá thư ghi đôi dòng xin cảm ơn đơn vị tôi.

Từ đó, chúng tôi cảnh giác hơn. Lấy gai rào chắn cẩn thận quanh kho gạo nhưng rồi cũng vào một đêm mưa to, gió lớn, chúng tôi nghe tiếng động nơi kho gạo. Đơn vị thận trọng kéo quân vây quanh kho và quả nhiên có người đang lấy trộm gạo cho vào các bao tải. Đơn vị giữ lại, cho người canh gác cẩn thận. Sáng hôm sau lấy lời khai tên tuổi đơn vị, các anh cho biết là ở Mặt trận 44, sau đó đơn vị mời lãnh đạo đơn vị và đồng chí Phạm Mai Thanh được cử đến để nhận quân. (anh Mai Thanh sau này là bạn thân của tôi nguyên là giám đốc Công ty vật tư Thành phố Đà Nẵng). Tình hình thiếu lương thực của bộ đội chủ lực căng thẳng hơn đơn vị chúng tôi nhiều, bởi vì chúng tôi là bộ đội địa phương, thông thạo đường sá nên việc lấy lương thực tuy có khó nhưng cũng thuận tiện hơn bộ đội chủ lực.

Bằng những biện pháp thủ đoạn, Mỹ-ngụy bắt hết đồng bào vùng giáp ranh giải phóng vào khu đồn. Mọi sinh hoạt cán bộ, bộ đội chúng tôi phải tuyệt đối cảnh giác “đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng”. Nếu lơ là, mất cảnh giác là tổn thất rất lớn. Do đói, nhiều đồng chí sống bằng trái cây trong rừng, lá rừng và khoai lang sống, thậm chí nhỏ sắn tươi ăn sống đến nổi say sắn đã chết (loại sắn này nhỏ lên chưa xử lý chất độc ngấm trong nước, dân gọi là sắn Tây lùn). Thời gian này quá ác liệt, không dám đốt lửa vì sợ địch phát hiện. Có nhiều đơn vị không cảnh giới để khói bay lên trời đang lúc nấu ăn, địch phát hiện gọi pháo tới bắn cả đơn vị tan hoang. Tại họa từ nhiều phía, chết do sốt rét ác tính, phần chết do rắn độc, thú dữ trong rừng. Thỉnh thoảng đi hành quân, phát hiện vồng bộ đội mọc trên cây, nhưng chỉ còn lại đống xương... Ôi! chiến tranh thật khủng khiếp...

Nhớ những năm 1965 - 1968, được tham gia vào đội du kích xã Sơn Viên, lúc đó tôi nhận nhiệm vụ xã đội phó, thay phiên nhau vào nhà dân động viên bà con đóng góp lúa gạo, hoa màu để tiếp tế cho bộ đội. Theo chỉ đạo của tỉnh, huyện ủy Quế Sơn giao nhiệm vụ cho các xã, đội trong huyện đóng góp lương thực, thực phẩm và huy động nhân công làm đường để bộ đội chủ lực chuyển quân. Chính quyền xã Sơn Viên đã vận động nhân dân đóng góp hàng chục tấn lương thực để nuôi quân. Ở mỗi xã, mỗi thôn luôn có kho dự trữ lúa gạo cho bộ đội. Tất cả việc nói trên tôi đã có một thời gian tham gia cùng dân làng, nên tôi rất rõ lộ trình đó.

Tháng 9 năm 1969, địch càn vào Hòn Tàu, đơn vị tôi chuyển quân đi nơi khác ở cánh bắc Lộc Đại để tránh tổn

thất. Được vài hôm, tự nhiên tôi thấy không khí đơn vị thật âm đạm. Nhìn khuôn mặt anh chị em có một nỗi buồn lớn, trong đơn vị ai cũng khóc, lúc này lãnh đạo đơn vị thông báo cho toàn đơn vị biết, Bác Hồ Chủ tịch kính yêu của toàn dân đã qua đời. Nghe tin Bác mất, cả đơn vị chúng tôi ai nấy đều khóc òa lên, thương tiếc Người Cha già kính yêu của dân tộc Việt Nam. Khi Bác còn sống, chúng tôi vẫn thường nói với nhau trông ngày thống nhất, chúng tôi sẽ ra Hà Nội gặp Bác. Bây giờ Bác đã đi xa rồi, chúng tôi không còn cơ hội gặp Bác, biến đau thương thành hành động cách mạng để dâng lên vong linh của Bác... Sau ngày làm lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng là ngày phát động phong trào đơn vị “học và làm theo di chúc của Bác”. Biến đau thương thành hành động cách mạng, quyết tâm góp phần “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào...” giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc.

Trước ngày dự lễ truy điệu, đơn vị phân công tôi quay lại cơ quan để may băng tang cho kịp làm lễ truy điệu, tôi phải băng rừng lội suối về lại đơn vị một mình. Về tới nơi không còn bóng dáng một đồng đội nào, tôi cảm giác sợ sợ, nhưng vì nhiệm vụ thiêng liêng, nên tôi đã tự động viên mình. Sau khi may xong, tôi quay về đơn vị dự lễ truy điệu Bác kính yêu trong tiếng khóc thương vô hạn...

Sau đó đơn vị phân công chị Mười Tép (huyện đội phó), anh Tỉnh và tôi về lại để trông coi và giữ đơn vị. Đói, chúng tôi phải ăn khoai chà thay cơm. Thức ăn lương khô mắm cái do chị Bảy và chị Ngọc nuôi quân để lại không còn, anh Tỉnh bắt được mấy con chuột đem thui lông, rửa sạch nướng, mời chị Mười và tôi ăn. Chị Mười nói “Eo ôi, ông Tỉnh ơi !Ăn chi

kinh rứa”, tôi thấy sợ lạnh toát người, nhưng thấy thương anh Tỉnh vì đói quá phải ăn để sống mà còn sức chiến đấu. Tôi nói nhỏ vào tai chị Mười: “Chị không ăn thì để cho anh ăn, nói như rứa là mất quan điểm đó”. Tôi bấm bụng gấp miếng thịt chuột cho vào miệng, giả bộ khen ngon để cho anh Tỉnh vui lòng, cố nhai nuốt nhưng trong cổ họng tôi chỉ muốn chực trào ra, tôi trợn mắt để nuốt cho trôi miếng thịt chuột qua cổ họng. Lúc đó chị Mười bỏ ra ngoài, không dám đối diện với cảnh hai anh em ăn thịt chuột (chị Mười bây giờ vẫn còn sống ở Tam Kỳ, Quảng Nam). Sau này cứ mỗi lần thấy chuột, tôi lại nhớ đến những kỷ niệm trong những ngày đói cơm lạt muối đó.

Khi nghĩ đến những ngày sống trong rừng làm cách mạng, tôi nghĩ ngay đến mưa rơi. Thậm chí giờ đây sau rất nhiều năm tiếng mưa rơi đều khơi lại trong tôi hình ảnh đồng đội ngồi thành vòng tròn, họ không trao cho nhau lời nói mà chỉ trao cho nhau hơi ấm của cơ thể. Khi nghĩ đến rừng, tôi nghĩ đến sự đói khát, không đủ thức ăn, nước uống hay thuốc men thích hợp, cái chết đến từ mọi phía. Ở trong hang tối hầu như không có dấu hiệu phân biệt đêm và ngày. Chúng tôi gần như không nhìn thấy mặt nhau trong bóng tối, chỉ còn giọng nói và năng lượng thoát ra từ mỗi cơ thể. Bên ngoài, mỗi bụi cây rậm rạp trong rừng vô số chỗ trú ẩn của kẻ thù, mỗi một giây, một phút, mắt và tai chúng tôi đều mở to để cảnh giới. Trong hang lạnh và ẩm ướt, mặt đất thì lầy lội, đêm tối rất tàn nhẫn, không có giường để ngã lưng, không có chăn đủ ấm, chỉ có mấy mét vải dù như vậy là phước lắm. Trong rừng phải đối đầu với thú dữ, hổ và rắn rết và nhiều côn trùng nguy hiểm khác.

Với độ tuổi 13 - 14, có nhiều lần tôi phải bật khóc thào trước sự thử thách quá lớn, nhưng khi khóc, tôi cảm thấy mình được an ủi và mạnh mẽ hơn lên. Mặc dù phải chịu đựng mọi khắc nghiệt của cuộc sống ở trong rừng, tôi vẫn nhớ có những lúc, đặc biệt là khi màn đêm buông xuống trời thanh trong, tâm trí hoàn toàn thanh thản, tôi lặng yên lắng nghe đồng ca của đêm đen và ngắm sao đêm trong trạng thái hoàn toàn thả lỏng. Một ngôi sao treo lơ lửng như một chiếc đèn lồng trong mùa trung thu. Tôi luôn trân trọng mỗi thời khắc hạnh phúc mà mình hiếm hoi có được, vì biết sẽ chẳng bao giờ mình gặp lại giây phút ấy.

Ở trong rừng, chúng tôi thường theo linh cảm để phán đoán tránh địch, có khi trèo lên một ngọn cây để quan sát xem có địch tuần tra đi trong rừng. Có một lần tôi được phân công việc này, ngồi lặng lẽ làm người chăm sóc và làm đôi mắt cho các bạn trong đội. Khi bình minh đến, từ trên cao nhìn xuống, đó là giây phút tôi nhận được nhiều hạnh phúc, không gian trong thanh bình và xinh đẹp. Tôi không thấy chiến tranh, tôi nghĩ đến mẹ và người thân yêu. Tôi nghĩ đến các đồng đội tôi đang móc võng ngủ phía dưới. Thật sự ngồi trên cây không phải lúc nào cũng thanh bình. Một lần ngồi trên cây thấy bọn lính ngự áo quần rằn ri đang tiến về phía chúng tôi, tôi hoảng quá vội vàng tụt xuống và báo động cho mọi người biết có địch để sẵn sàng chiến đấu.

Sau ngày 02 tháng 09 năm 1969 Bác mất, tâm trạng chúng tôi như con thuyền không người lái, tất cả không nói ra bằng lời, nhìn ánh mắt buồn đau cho tôi thấy rõ điều ấy. Tổn thất này vô cùng lớn không có gì bù đắp nổi đối với sự nghiệp



*Năm 1970, chiến tranh trên núi cùng
chị Ánh Hồng, chị Lan Hương, chị Kim Hòa*

cách mạng dân tộc Việt Nam và các nước bạn trên toàn thế giới. Địch lợi dụng sự kiện đau thương ấy, tuyên truyền lung lay tư tưởng, niềm tin của cán

bộ chiến sĩ, kết hợp mở nhiều trận càn quét, đốt sạch, phá sạch, chà xát vùng giải phóng. Đây là thủ đoạn tàn bạo, chúng đã làm cho một bộ phận nhân dân trong xã, huyện Quế Sơn không dám trực diện đấu tranh với chúng. Đơn vị chúng tôi, tổ chức học tập tư tưởng, biến đau thương thành hành động cách mạng, quyết vượt qua khó khăn ác liệt cùng toàn dân góp phần mang hoài bão của Bác đến thắng lợi hoàn toàn.

Mặc dù chiến tranh ác liệt là vậy, cái chết có thể đến bất cứ lúc nào, với sức trẻ tràn đầy sinh lực chúng tôi vẫn hồn nhiên vô tư đón nhận sự may rủi đó. Các chị em nữ trong đơn vị như: chị Lan Hương, Hồng Thành, chị Hồng Lễ, Kim Phượng, chị Tới, chị Tài chúng tôi thương nhau như chị em một nhà. Trong số chị, có chị Lan Hương vừa đẹp gái lại có học vấn cao, đệ ngũ, đệ lục (lớp 6 – 7) chi đó, chị và tôi kết nghĩa tình chị em. Đêm nào hai chị em luôn móc võng sát bên nhau tâm sự, lúc rảnh rỗi công việc chị tranh thủ dạy tôi làm thơ, chị đặt tên cho tôi là Liên Hương... Sau nhiều ngày được

trò chuyện, được đọc thơ chị viết, có một hôm hưng phấn, tôi tập tôm làm thơ tặng chị.

*Liên Hương, chị đặt tên em
Cái tên son sắc thủy chung trọn đời
Dù cho nghịch cảnh đôi nơi
Liên Hương vẫn nhớ những lời chị răn...*

Khi nghe tôi đọc thơ, chị cười vui, mắt ướm lệ chị nói: “Ôi em gái chị làm thơ hay quá, mới đó mà sắp trở thành thi sĩ nhỉ”. Chị Lan Hương đẹp gái, vẻ đẹp rất thuần Việt, nên nhiều anh bộ đội thời đó có dịp công tác đến đơn vị chúng tôi có thơ gửi tỏ tình. Trong số thơ tỏ tình, có bài thơ của anh Nguyễn Hữu Hùng tôi thích nhất, anh dùng chữ cái đầu dòng tên chị “Trần Thị Lan Hương” làm thơ. Khi được chị kết nghĩa tình chị em, tôi được chị chia sẻ tình cảm riêng tư của mình. Thơ tỏ tình mỗi người mỗi kiểu, đọc thơ anh Hữu Hùng vào những năm (1969-1970) nay vẫn còn in đậm nét trong lòng. Hồi đó, tôi hay đọc thầm trong miệng, riết rồi thuộc lòng như bài học ở trường. Thơ anh Hữu Hùng đã qua bao nhiêu năm rồi, mỗi khi có dịp đọc lại, cảm nhận như anh và chị đang hiện hữu bên tôi cùng chia sẻ những hoài niệm.

Trần Thị Lan Hương, Em ơi!

*Thưa thớt hàng cây cháy ngọn dừa
Rũ cành lá rụng gió thổi đưa
Âm thầm mang nặng tình quê mẹ
Nhịp bước quân hành dưới nắng mưa.*

*Thao thức đêm nay nhớ quê nhà
Hồi người em gái ở phương xa*

In bóng ngày xưa thời cấp sách.

*Lỡ làng duyên mộng chuỗi ngày qua
Ai ơi! Chiến đấu thù giặc Mỹ
Nợ nước thù nhà quyết xông pha.*

*Hành quân chiến đấu giành thắng lợi
Ươm dặt niềm tin chưa xóa nhòa
Ơn người theo Đảng vì độc lập
Nghĩa cả tình dân giữ sơn hà
Giữ gìn non nước theo lời Bác.*

*Em ơi chiến đấu dặt vắn thơ
Mơ ước bao năm đến bây giờ.
Ơn Đảng Bác Hồ em vững bước
In đậm niềm tin rực bóng cờ.*

Bây giờ ôn lại những kỷ niệm xưa, tôi thấy một nỗi nhớ trào dâng. Ở tuổi 15 sắp bước qua tuổi 16, tôi chưa biết khái niệm tình yêu nam nữ, cái tuổi dậy thì có bao nhiêu cái mới mẽ phát triển về mặt tâm sinh lý, về cơ thể con người, các chị bày vẽ cho tôi cách ứng xử, với người khác giới. Thời gian đó các chị không thổ lộ cảm xúc, tình cảm riêng tư ra ngoài mặt, nhưng tôi cũng cảm nhận được các chị có tình cảm lạ với người khác giới. Mỗi khi có các anh ở đơn vị khác đến công tác, chị tỏ vẻ lung túng có nhiều cử chỉ thừa, không hiểu đó có phải là tình yêu không?. Chị Lan Hương luôn bảo tôi thiết kế may những kiểu áo mới, mỗi ngày sắn se mái tóc dài đen óng mượt của mình. Có gì vui buồn, chị thường tâm sự cùng tôi, thật ra lúc đó tôi nghe để chị vui, kèm theo tính tò mò ở tuổi con gái mới lớn, nghe mà không có lời góp ý, vì sự việc

đó chưa đi qua tình cảm của mình. Phải công nhận khoảng thời đó tôi bắt đầu có ý thức biết phân biệt thơ hay và không. Nhiều đêm nằm móc võng bên nhau chị say sưa kể cho tôi nghe, những lời tán tỉnh của các anh bộ đội, tiếng thì thầm hòa quyện với tiếng suối róc rách cộng với tiếng đồng ca của rừng đêm dần đưa tôi vào giấc ngủ, thế là câu chuyện luôn bị gián đoạn, không có hồi kết thúc, đêm nào cũng như vậy. Ở độ tuổi ăn ngủ như tôi, lúc nào cũng thèm ngủ, nhiều đêm hành quân trên đường vừa đi vừa ngủ gật, khi sụp chân xuống bờ ruộng giật mình, mới tỉnh ngủ. Đến bây giờ tôi không sao hiểu nổi, làm sao vừa đi, vừa ngủ giỏi vậy, khi về đến đơn vị chúng tôi lăn ra ngủ như chết. Không cần ăn uống mà cũng không cảm thấy đói, nhưng thời đó, đâu có thể làm theo ý cá nhân được buộc phải dậy để làm nhiệm vụ mới.

Mùa đông năm nay đến sớm hơn mọi khi. Mưa tầm tã ở vùng núi Hòn Tàu, trời bỗng đổi gió bắc lạnh thấu xương, chẳng có được áo ấm che chở qua mùa đông rét mướt, lúc này cảm giác nhớ mẹ, người thân, nhớ đội du kích xã Sơn Viên da diết. Ngoài trời mỗi lúc mưa trút càng nặng hạt, nhất là ban đêm ngủ trên võng lạnh lưng, tôi phải lấy miếng áo mưa lót dưới lưng cho đỡ lạnh. Một hôm đơn vị hành quân về hướng xã Sơn Khánh (bắc đèo Le) trời mưa tôi được phân công giúp chị nuôi nấu cơm. Hôm đó chị nuôi bị đau, tôi đi chặt củi, mùa mưa không có củi khô nên phải chặt củi tươi về nhóm lửa nhưng nó không cháy. Tôi cắm đầu vào bếp Hoàng Cầm để thổi. Bếp Hoàng Cầm là sáng kiến mang tên người tiểu đội trưởng nuôi quân của Đội điều trị thuộc đại đoàn 308. Từ chiến dịch Hòa Bình (Đông Xuân 1951-1952) vì thế khói không bay lên cao được, chỉ tỏa ra vùng thấp mù mịt làm mắt

tôi chẳng nhìn thấy gì. Thật ra lúc đó tôi chưa có kinh nghiệm nấu ăn với kiểu loại bếp này, nhìn phía trước một làn khói trắng chẳng thấy rõ mặt người, tôi hoảng quá vừa thối, vừa khóc vì sợ cơm không chín cho bộ đội ăn. Sau đó Hồng Thành vô tình xuống bếp uống nước, thấy cảnh tượng lúng túng của tôi chị vào phụ, cuối cùng củi bắt đầu bén đỏ, tôi mừng vì đã có cơm cho bộ đội ăn đúng giờ. Nhưng buồn thay mắt tôi lúc đó lại có dấu hiệu không nhìn thấy mọi vật rõ, tôi hoảng vực nước rửa mặt liên tục, dần dần mắt đỡ hơn, qua một ngày mắt tôi đã trở lại bình thường.

Tôi mong mùa đông sớm qua đi để cho đồng đội và tôi bớt lạnh, bớt đói. Cái đói, lạnh và bệnh tật cộng thương vong làm chúng tôi xuống sức. Gạo không đủ nấu cho cả đơn vị ăn, chỉ để dành cho những đồng chí ốm đau, những người khỏe đến bữa phát cho mỗi đồng chí 1 lon khoai chà ăn thay cơm. Có khoai chà ăn cũng là may mắn lắm vì mùa đông đường sá đi lại khó khăn nên lương thực không thể lấy được chỉ có thể ăn cầm hơi. Mấy chị em chúng tôi ngồi tâm sự với nhau mong cho chiến tranh sớm kết thúc được về với mẹ ăn những món ăn do tay mẹ nấu, được mẹ âu yếm ôm vào lòng thật hạnh phúc biết bao. Cũng nhờ có cảm xúc ấy chính nó đã nâng đỡ tinh thần tôi rất nhiều, luôn tin tưởng vào tương lai tươi đẹp, mong hòa bình đến sớm trên quê hương để có dịp ôm mẹ vào lòng.

Năm 1970, tôi không nhớ chính xác là tháng nào, Mỹ rải chất độc da cam trên các cánh rừng Việt Nam. Huyện Quế Sơn tôi lúc đó cây rừng rụng lá, phá hủy hoa màu và quan trọng phá hủy nơi che giấu và ẩn nấp của quân ta, làm cho

hiều người bị nhiễm độc. Có nhiều người đau ốm, có những bệnh lạ xuất hiện không rõ nguyên nhân, vết thương khó lành, chất độc chẳng chữa một ai, rừng trụi lá nên việc đi lại của dân quân, bộ đội gặp nhiều khó khăn.


Mấy hôm sau đơn vị phân công tôi ra đòi cảnh giới địch. Trong lúc đang cảnh giới, tư tưởng tập trung nhìn quan sát mọi phía, bỗng nhiên có người chụp vào vai, tôi hoảng quá định la lên thì người đó kịp ngăn tôi lại. Tôi nhận ra đó là anh T.K công tác bên văn hóa thông tin huyện, anh ngồi xuống và trò chuyện với tôi đủ thứ. Tôi xem anh như người anh trai cùng quê, anh nói anh rất quý mến tôi, anh bảo: “Nguyệt ơi! Cho anh về Quê Lộc với em”. Tôi nói với anh: “Em đang công tác nên không về Quê Lộc được”. Anh cứ kè nài hỏi đường về xã tôi, tôi hỏi: “Anh về công tác hả?”, anh nói: “Anh không về công tác mà muốn về thả “Trúm” bắt lươn”. Tôi vô tư nói: “Ở đây cũng có đồng ruộng, ao hồ cơ sao anh không đi thả mà đòi về quê em chi xa, vả lại mùa này nước lớn khó thả lươn lắm”. Tôi không hiểu ý anh như thế nào, mà cứ nói lấp la lấp lúng, có thái độ khác thường, nhìn mắt thì đỏ au như người vừa uống rượu. Dần hiểu ra thái độ không tốt, tôi rất sợ muốn chạy nhanh về đơn vị nhưng ngặt một nỗi ca trực của tôi chưa hết nên đành ở lại. Lúc này tôi phải có cử chỉ nghiêm túc, súng cầm chắc trên tay, không đeo vào vai, tư thế sẵn sàng tự vệ bản thân, thấy không xong anh T.K rút lui, hú hồn, hú vía.

Khi bình tâm trở lại, nhìn quanh tứ phía, rừng im lặng đến não lòng. Nó khiến tôi bật khóc, khi rơi vào hoàn cảnh như đã kể trên, tôi lại nhớ về một đồng đội, anh tên Huỳnh Ngọc Liên. Anh luôn có một tâm hồn trong sáng, luôn giúp đỡ tôi khi còn ở trong đội du kích xã Sơn Viên, ước gì có anh

bên cạnh lúc này để che chở cho tôi. Lúc được gần anh tôi thấy bình thường, khi rơi vào hoàn cảnh như thế này tôi mới thấy rõ chân tướng từng người. Thời gian rảnh rỗi, đọc lại trang thư anh viết lúc chia tay đội du kích, thấy thương anh vô cùng. Những câu chữ mộc mạc sao mà ấm áp, tràn đầy tình quê hương, luôn làm thổn thức lòng tôi. Nghĩ đến mai đây khi chiến tranh chấm dứt không biết có ngày gặp lại nhau không? Hay chiến tranh sẽ cướp đi mạng sống một trong hai đứa, thậm chí lòng mình: “Nếu còn sống em sẽ chờ đợi anh”, như trong thư anh viết cho tôi: “Anh mong con đò này sẽ trở lại với chúng ta trong một mùa xuân tuyệt đẹp huy hoàng của non sông, mau đến với chúng ta trong một ngày quyết định...”. Càng đọc thư anh tôi thấy tâm hồn mình như bay bổng, có điều gì đó thật lạ lẫm, không diễn đạt bằng lời. Đêm hôm ấy trong lòng có nỗi niềm không biết tỏ cùng ai, cảm giác ngọt ngào xen lẫn xấu hổ, trần trọc khó ngủ. Ngoài trời, từng giọt mưa tí tách tí tách nhỏ giọt từ chiếc lá này xuống chiếc lá kia, một cơn gió thổi tới, mưa bay vào làm ướt cả chiếc võng. Đêm đó, trong lòng tôi cũng có một trận mưa, một trận mưa thê lương, thấm đẫm trái tim nặng nề của tôi. Qua một năm, thêm một tuổi cảm xúc cũng dần thay đổi, đọc lại thư xưa, tôi biết đó là lời bộc bạch yêu thương đầu đời anh dành tặng tôi. Hôm nay sống gần chị Lan Hương, tôi dần rõ hơn về tình cảm khác giới, hiểu rõ được tình cảm ấy cũng là khoảng cách giữa tôi và anh càng rộng hơn, tôi chỉ sống với những hoài ức mong manh qua trang thư ấy. Tình cảm vừa chớm nở nhưng nghịch cảnh vô tình bóp nghẹt, khép kín cảm xúc đầu đời trong trang thư, không dám thổ lộ, sợ xấu hổ và sợ cho rằng tôi lãng mạn sống trong ảo tưởng.

Nhớ lần đó, cùng nhau đi chống càn, đội du kích xã Sơn Viên chúng tôi phải mở đường mới để tiếp cận gần hơn đồn địch. Nói là đường chứ thật đâu phải rõ đường, toàn chui nhủi như chuột trong hang, sau khi đánh phục kích địch xong, đội chúng tôi trở lại hang đá. Khi đến nơi kiểm tra quân số thấy đủ cả đội vui mừng. Phần tôi lúc đó khỏi nói, tóc tai bù xù, bao cỏ cây, lá rừng vướng trên tóc, lúc này có thèm quan tâm đến bộ dạng mình. Bỗng nhiên thấy anh Liên tiến sát lại gần và nói: “Nguyệt ơi! Để anh lấy lá khô vướng trên tóc em nhé”, một cử chỉ rất thân thiện, anh đâu biết được lúc đó tôi rất là xúc động, khi nhìn lên tôi bắt gặp ánh mắt hiền hậu, trong veo, môi anh luôn nở nụ cười thân thiện. Khi mỗi đứa một nơi, mới thấy nhớ thương những cử chỉ bình dị đó, tôi cố níu kéo kỷ niệm mong manh theo suốt cuộc hành quân, để giữ ngọn lửa trong tim qua những ngày đông dài rét mướt và đói khát... Thế là một mùa đông đã trôi qua, mang theo bao hoài niệm, nhường chỗ cho mùa xuân đang đến, trong những niềm tin và hy vọng mới...

Những ngày giáp Tết 1969

ồi ức trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, không thể kể hết trong tập hồi ký này, có nhiều chuyện thoát chết thật là bí ẩn. Những chuyện ẩn tượng, khó quên trong lúc làm nhiệm vụ, bên cạnh phục vụ chiến đấu đơn vị chúng tôi còn tham gia tăng gia sản xuất. Để có lương thực mà ăn, chúng tôi hành quân xuống xã Sơn Thượng trồng sắn. Những ngày giáp tết được ở trong nhà dân tôi thấy thật hạnh phúc, được đơn vị cho phép ăn tết cùng nhân dân, nhất là chị em nữ chúng tôi vui mừng ra mặt, như được đón tết cùng gia đình. Tết đến nhân dân vẫn dành cho chúng tôi bánh tết, thịt heo, tuy không nhiều nhưng lần đầu trong cuộc hành quân chúng tôi được hưởng cái cảm giác hương vị của mùa xuân (từ 1965 - 1970). Nghe nói tết năm nay địch tuyên bố ngừng bắn trong đêm giao thừa, để cho nhân dân giữa vùng địch và vùng ta bà con được sum họp với họ hàng. Chúng tôi nghe vậy nhưng không chủ quan mà luôn đề cao cảnh giác trước âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù.

Đúng như dự đoán, chúng tôi thức để đón giao thừa trong niềm vui và háo hức, thì súng nổ dữ dội từ phía Tháp

Bằng An. Chỉ huy lệnh khẩn cấp cho đơn vị chuẩn bị chống càn và nếu địch càn vào thì rút lui để đảm bảo an toàn cho đơn vị. Ngay trong đêm đó chúng tôi hành quân về lại căn cứ, đi suốt đêm đến sáng hôm sau mới về đến đơn vị.

Phải nói rằng đây là thời kỳ khó khăn, ác liệt nhất kể từ khi quân Mỹ đổ bộ vào đất nước ta. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra vô cùng giằng co và quyết liệt, có lúc tưởng chừng không thể vượt nổi. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ, quân dân Quế Sơn đã kiên trì bám trụ chiến trường, vừa chiến đấu, vừa củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng đánh địch, thắng địch, vượt qua khó khăn, thử thách, từng bước giành lại thế chủ động chiến trường.

Sau Tết Mậu Thân, đơn vị chúng tôi chuyển về vùng núi Hòn Chiên thuộc xã Sơn Thắng (Quế An) để tập huấn. Đơn vị chúng tôi đóng quân trên núi này toàn hang đá nên cũng phần nào yên tâm, có nơi tránh được bom, pháo. Đợt tập huấn này nhằm quán triệt tư tưởng cho đơn vị nhận thức sâu sắc những thắng lợi quân và dân ta đã giành được trong năm qua, những âm mưu thủ đoạn xảo quyệt của kẻ thù, củng cố lòng tin, xác định quan điểm lập trường, không được bi quan chán nản dù chiến tranh kéo dài và tàn khốc.

Sau đợt tập huấn, chúng tôi về lại đơn vị để chuẩn bị nhiệm vụ mới. Sau đợt tập huấn chính trị mọi người phấn khởi, mặc dù chiến trường vẫn ác liệt, bom đạn vẫn tới tấp dội xuống như mưa nơi núi Hòn Tàu, nơi đó có đơn vị tôi đóng quân. Một hôm chúng tôi đang vui vẻ, bỗng hung tin báo về là chị Kim Phượng ở bộ phận thông tin huyện đội hy sinh trên đường chị làm nhiệm vụ. Chị còn rất trẻ ở độ tuổi đôi mươi,

thật vô cùng đau xót khi có đồng đội hy sinh. Thời đó không thể về dự đám tang chị, anh em trong đội mỗi người có một cách riêng để tưởng nhớ đến chị. Anh Hữu Hùng (bạn chị Lan Hương) đã làm thơ tặng chị, những chữ cái đầu dòng ghép thành tên chị: **“Kim Phượng đã hy sinh”**.

*Khi em khôn lớn em theo Đảng
Yêu nghề liên lạc sống dọc ngang
Mến người liên lạc vai mang*

*Phong ba bão tố vững vàng đi lên
Hoa tàn rơi rụng chốn hồ sen
Ươm dệt câu thơ khúc ruột mềm
Ơi em! Cô gái giao liên
Người em đã mất nhưng tên vẫn còn*

*Đoàn viên tiên tiến em gương mẫu
Anh đã tin em thuở ban đầu*

*Hỡi người em gái vùng sâu
Yêu nghề liên lạc hát câu thanh bình*

*Sinh trên mảnh đất kiên cường ấy
In bóng em tôi những tháng ngày
Nhớ em anh viết bài này
Hương tình rơi lệ từ đây xa rồi.*

Đọc thơ như thay lời lẽ truy điệu dành tặng cho chị Kim Phượng. Mỗi khi ai đó đọc thơ nói về chị luôn làm tôi rớm lệ, cuộc đời người như ngọn đèn trước gió, chẳng thể nào nói trước được điều gì. Tất cả đều do trời đất sắp xếp, nỗi buồn

này chưa vui, nỗi buồn khác lại chồng chất lên, khoảng cách thật gần gũi. Ít hôm sau anh Trung Kiên lại hy sinh, một lần nữa tiễn đưa anh qua dòng thơ do anh Hữu Hùng viết tặng, người bạn “Trung Kiên” của mình, như cái tên cha mẹ đã đặt cho anh đó.

Nguyễn hỏi vì sao tôi xa bạn
Hữu sự gì đây chẳng trung Thành
Hùng người quê mẹ trọn tình Kiên
Đời ai chẳng muốn sống bình yên
Đời Kiên sao lại đành an giấc
Trường cứu ai hay gió thu ngàn
Thọ tàn hoa héo Kiên đành xa thu.

Chiến tranh thật tàn khốc, khốc tiễn đưa người này chưa ráo nước mắt, lại ngậm ngùi tiễn đưa những đồng đội khác. Anh Hữu Hùng vừa làm thơ tặng anh Trung Kiên, trong bài thơ các chữ cái đầu câu là Nguyễn Hữu Hùng đời đời trường thọ và anh cầu mong anh Trung Kiên yên giấc ngàn thu ở đoạn cuối câu thơ. Anh mong rằng mình vẫn sống trường thọ nhưng có ngờ đâu chiến tranh đã cướp đi niềm mơ ước của anh. Bài thơ của anh chưa ráo mực thì một tin sét đánh đến với chúng tôi là anh Hữu Hùng đã hy sinh, không lấy được xác, địch sát hại rồi ném anh cùng đồng đội xuống giếng nước làng. Chiến tranh tàn khốc là vậy giữa cái chết và cái sống cách nhau trong gang tấc, sống được giây phút nào thì vui về giây phút đó. Chúng tôi đã xác định được chết chóc hy sinh là lẽ thường tình, nếu ngại sự hy sinh thì không ai dám làm cách mạng, như nhà thơ Tố Hữu đã viết:

*“Đời cách mạng, từ khi tôi đã hiểu,
Dấn thân vô là phải chịu tù đày.
Là gươm kề cận cổ, súng kề tai,
Là thân sống chỉ coi còn một nửa...”*

Trong vài tháng có bao nhiêu biến cố đến đơn vị chúng tôi, sau khi Kim Phụng, anh Trung Kiên, anh Hữu Hùng hy sinh đơn vị chúng tôi tổn thất nhiều nhân tài, không còn ai làm thơ động viên tinh thần anh em trong những năm tháng ác liệt của chiến tranh. Người đau khổ nhất có lẽ chị Lan Hương, chúng tôi luôn tự động viên nhau, biến đau thương thành hành động để tiếp tục chiến đấu, cuộc chiến còn dài lâu.

Một hôm sau những đợt càn quét, vây lùng của địch cuối năm 1969 đầu năm 1970, đơn vị chúng tôi đang dòi điếm đóng quân. Một buổi chiều, mặt trời chưa tắt nắng, mọi người trong đơn vị sắp xếp lại nơi ở mới, bỗng có một người bò vào đơn vị từ hướng nào không rõ. Thân thể bần thỉu, tóc tai bù xù thật thê lương, chị mang theo một mùi hôi khó chịu. Nhìn xuống cơ thể chúng tôi phát hiện, một cánh tay của chị bị thương đứt rời ra, các thớ thịt ở cánh tay bị hoại tử, vết thương không được băng bó. Ngay lập tức đơn vị chúng tôi sơ cứu cho chị. Lúc đó đơn vị lấy một tấm ván đặt chị nằm xuống, cơ thể đang sốt cao, người quần quai co rúm, chị không còn nhận thức. Anh Trương y sĩ đơn vị lo cứu chữa cho chị cả một ngày không hề thuyên giảm, nhiệt độ cơ thể vẫn cao, bởi vì vết thương quá nặng đã hoại tử. Nhiễm trùng uốn ván, cái chết như cận kề, hai hàm răng chị nghiến chặt, người uốn cong vòng, trông cảnh tượng hãi hùng. Chúng tôi phụ anh y sĩ bó tay, bó chân để chị đỡ co giật. Lúc đó tôi có mặt chứng kiến

ngay từ đầu, không có cách gì để giành lại sự sống cho chị. Tụ dung trong đầu tôi lóe lên một tia hy vọng, nhớ mình có quen biết một anh bác sĩ ở đơn vị 89 tên là Chur, đơn vị anh đóng quân trên đầu dốc, cách xa đơn vị tôi đóng quân là một buổi đường. Tôi nghĩ nên nhờ anh may ra có thể cứu chữa được chị. Còn nước, còn tát, tôi không ngần ngại xin đơn vị cho tôi đi nhờ bác sĩ để về cứu chữa cho chị. Được sự chấp thuận, tôi lập tức băng rừng ngược dốc dưới trời nắng như đổ lửa tìm đến đơn vị của anh Chur (anh người Hà Bắc hay Bắc Ninh tôi không nhớ chính xác). Khi đến được đỉnh dốc, đơn vị anh đóng quân dưới con suối, tôi vừa đổ dốc, trượt chân bổ nhào gây tiếng động mạnh. Máy thu tiếng động bắt được nên đã nện pháo xuống nơi tôi vừa phát tiếng động, chỉ cách nhau mấy phút, suýt nữa tôi bỏ mạng. Đơn vị anh cũng một phen hú vía, chờ cho pháo dứt tôi vào gặp được bác sĩ Chur và nói sự việc xảy ra trong đơn vị, nhờ anh đến cứu chữa trị cho đồng chí nữ thương binh. Anh sốt sắng chuẩn bị dụng cụ lên đường theo tôi về đơn vị. Khi về đến nơi, thấy cảnh thương tâm, anh lấy dây thừng buộc chặt chị vào miếng ván, để khỏi vùng vẫy sợ gãy kim tiêm, anh nhanh chóng tiêm thuốc SAT, sát trùng và cắt bỏ vết thương đã hoại tử bằng bó lại, anh ở lại theo dõi gần tối. Khi thấy tình hình có khả quan, ít co giật, nên mới trở về đơn vị. Trước khi ra về anh còn dặn dò tôi, nếu có gì thì tin cho anh biết. Tôi rất biết ơn anh, đã cứu sống chị qua cơn nguy kịch.

Không biết hòa bình lập lại, anh còn sống không? Nếu bây giờ còn sống anh đọc được những dòng hồi ký này anh vẫn nhớ đến lần đó, tôi cầu mong anh luôn mạnh khỏe, bình an hạnh phúc và gặp nhiều may mắn... Sau khi chị bớt co giật,

tôi là người luôn theo sát tình hình diễn biến bệnh của chị. Bón từng thìa cháo nhỏ, luôn đắp khăn ướt cho hạ nhiệt, mọi sinh hoạt của chị đều một tay tôi lo. Sau này chị khỏe lên tôi mới hỏi chuyện, biết được tên và nơi quê hương của chị. Chị tên là Hồng người quê Thăng Bình, công tác ở đơn vị tài liệu tỉnh Quảng Nam. Được sự chăm sóc của đơn vị tôi, sức khỏe chị đã qua cơn nguy kịch, vẫn còn sốt nhẹ, đơn vị tôi không còn đủ thuốc để điều trị cho chị, nên đã cử người cán chị lên bệnh xá CK 110 để chữa trị tiếp, như vậy tôi thấy lòng yên tâm hơn.



Tình đồng đội



Cùng với Hồng Thành

Sau một thời gian cơn sốt rét rùng lại hành hạ tôi, ký sinh trùng luôn tiềm ẩn trong người, nếu cơ thể yếu sẽ là cơ hội để nó tái phát. Đơn vị chuyển tôi lên CK110 điều trị. Đến nơi, cơ thể tôi vẫn còn sốt cao. Lúc đó tôi vẫn nhớ đến chị Hồng nên khi bác sĩ đến khám bệnh, tôi hỏi thăm chị y sĩ Thanh Mai về tình hình vết thương của chị Hồng, do huyện đội Quê Sơn gửi lên điều trị đã khá

lên chưa?. Được biết vết thương chị quá nặng, hoại tử quá sâu, nay bệnh xá đã cách ly, cho chị nằm một mình dưới hang đá. Vết thương hôi thối không thể để nằm chung với các thương bệnh binh khác. Thật đau lòng khi biết rõ sự tình như vậy, tôi lặng im trong đau đớn, không thể giúp chị được ngay lúc này,

vì cơ thể tôi đang lên cơn sốt. Sau một ngày, người hơi khỏe hơn, tôi lần mò đến hang đá nơi chị nằm để xem tình hình thế nào. Quả đúng không sai mùi hôi thối xông lên nồng nặc cả hang đá, thật khó chịu. Cơ thể tôi còn yếu tôi đã nôn thốc, chóng mặt, choáng trước cảnh tượng thê thảm của chị. Nghĩ lại mình còn may mắn hơn chị nhiều, thế là sức mạnh từ đầu truyền vào cơ thể tôi, không còn cách nào khác, vừa điều trị cho mình, vừa chăm sóc cho chị. Mỗi ngày phải đối diện và ngửi mùi hôi “thum thum” riết rồi cũng quen. Khi tắm gội cho chị, tôi phải nhường cả áo quần của mình, hằng ngày y tá chỉ đến rửa vết thương rồi về. Sợ chị buồn, khi rảnh tôi đến thăm và chăm sóc thêm cho chị, tinh thần chị lúc này cũng khá hơn, vết thương đỡ nhiễm trùng. Lần này thấy tôi đến chị vui nở nụ cười, chị nói: “Nguyệt ơi! Nếu không có em chắc chết rồi”. Nhìn vào mắt chị tôi thấy hai hàng lệ lăn trên khuôn mặt xanh xao, thật cảm động khi nhìn thấy đồng đội mình vượt qua được cửa tử thần. Tôi tranh thủ xách nước dưới suối lên gội đầu, lau chùi thân thể chị. Thời gian ở bên chị được gần nửa tháng, cơ thể tôi hết sốt phải trở lại đơn vị. Lúc này vết thương chị có đỡ hơn nhiều, chị đi lại được tôi mừng và chia tay chị ra về trong lòng có phần yên tâm hơn.

Sau khi về đơn vị công tác được một thời gian thì đơn vị chuẩn bị cho chiến dịch mới. Lúc này Hồng Thành được ban chỉ huy phân công đi cùng với đồng chí Vân trợ lý tác chiến xuống các xã vùng Đông nắm tình hình địch để về phục vụ cho chiến đấu. Thành đi được hơn 1 tuần thì có lệnh triệu tập về để chuẩn bị cho chiến dịch đánh Nông Sơn. Đồng chí Vân cùng Thành đi đến đoạn hang con Cóc (thuộc Vùng Nghi Sơn) phía trước địch đã phục sẵn, phát hiện Hồng Thành chúng nổ

súng xối xả vào người chị. Qua câu chuyện kể lại của đồng chí Vân thì Thành lúc đó bị thương rất nặng không chạy được, địch bắt chở đi về hướng Đà Nẵng, còn đồng chí Vân chạy thoát được về đơn vị báo cáo tình hình. Đơn vị cảnh giác sợ Hồng Thành chịu không nổi sự tra tấn của địch mà khai nơi đóng quân. Ngay lập tức đơn vị đã hành quân đến địa điểm mới, sau nhiều ngày nghe ngóng tình hình, thấy vẫn yên tĩnh nên hành quân về lại đơn vị cũ. Bình yên trở lại chúng tôi thấy lo lắng cho Thành không biết địch đã làm gì trên thân xác chị. Lúc đó Thành bị thương rất nặng, có thể không chịu nổi sự tra tấn của địch mà chết luôn. Bao nhiêu câu hỏi đặt ra trong đầu chúng tôi, đều không có lời giải đáp...

Nhiều lần cống gạo cùng đơn vị, có một chuyện làm tôi thật khó quên. Tôi và anh Lê bí thư chi đoàn cùng một số đồng chí khác có khoảng 20 chục người trong đoàn đi cống gạo và thực phẩm. Trên đường về đến đầu dốc núi Lộc Đại Bắc, phải đi băng qua các đám ruộng, chúng tôi phát hiện phía bên kia ruộng có một số người lấp ló. Không rõ địch hay ta, mọi người nghi ngờ địch phục kích, nên không ai dám băng qua cánh đồng. Chờ hơn một tiếng đồng hồ chẳng thấy động tĩnh gì. Đồng chí Lê lệnh cho tôi phải đi qua trước để khảo sát đường, nếu đúng là địch thì chỉ một mình tôi hy sinh, còn đơn vị vẫn bảo toàn lực lượng. Lúc đầu tôi còn do dự, nghĩ đồng chí Lê trả thù mình, vì trước đây đồng chí có ý tỏ tình cảm với tôi, nhưng tôi đã từ chối. Tôi nghĩ anh là người chỉ huy cao nhất phụ trách đoàn cống gạo, tôi phải chấp hành, hôm đó trong đoàn cống gạo tôi là người nhỏ nhất. Đây là mệnh lệnh, không thể từ chối, lập tức xác định tư tưởng, tư thế sẵn sàng, tôi biết chắc hẳn mình sẽ hy sinh, hay bị địch bắt sống. Nếu

bị bắt sống, phải khai là dân đi buôn như vậy địch ít nghi ngờ, lúc đó tôi không mặc áo quần bộ đội, nên cũng dễ đối phó với địch. Đây là lần đầu tiên, mặt đối mặt với nòng súng của địch, như con thiêu thân lao vào ánh sáng. Đi được vài bước, chờ tiếng súng nổ, đầu óc tôi căng thẳng tột độ, không ai có thể che chở cho tôi trong hoàn cảnh này, tôi thậm chí xin linh hồn tổ tiên, cha tôi cùng đồng đội phù hộ trợ giúp, trên người không có gì che chắn, địch sẽ xả đạn trực diện vào ngực tôi. Đi trong tâm trạng cái chết đến bất ngờ, sao lâu quá, địch chưa nổ súng về phía tôi, không dám quay đầu lại, sợ địch phát hiện nơi ẩn nấp đồng đội mình. Tôi cố lê từng bước chân nặng nhọc trên bờ ruộng lầy lội, nghĩ trong đầu hay là địch thấy tôi có một mình để chờ bắt sống. Ngay lúc đó hình ảnh mẹ xuất hiện, nhớ cảnh địch bắt mẹ kéo lê trên đường làng, lập tức tôi được mẹ truyền sức mạnh vô hình, đầu óc sẵn những câu trả lời với địch khi bị bắt: “như tôi tên là gì, con của ai đi đâu về”, tất nhiên, những câu hỏi này tôi đã được các bác lãnh đạo giáo huấn khi mới tập tòm tham gia công việc giao liên, lúc đó tôi 11 tuổi. Những câu trả lời được chuẩn bị phải thật logic để địch khỏi nghi ngờ.

Vừa đến được bìa rừng phía bên kia, tôi cảm nhận một cách mãnh liệt rằng tai họa đang tiến càng gần hơn. Đang căng thẳng quan sát, bước chân càng lúc đến gần bờ ruộng bên kia, lòng tôi xâm chiếm nỗi sợ kinh hoàng rằng mình đang bị dẫn tới cái chết. Tôi không tin nổi số phận của mình, tôi nhìn lên trời xanh tìm lại sức mạnh của mình, từ lòng căm thù giặc Mỹ cày xéo trên quê hương. Một lần nữa tôi cầu xin linh hồn đồng đội cho tôi dũng khí đối diện trực tiếp với quân thù. Khi ý nghĩ này xuất hiện, tôi cảm thấy dâng lên trong

lòng mình một ý chí của tuổi trẻ: ý chí sinh tồn. Qua được bờ ruộng bên kia nghi có địch, lúc này tôi có thể nhìn quan sát rõ áo quần họ đang mặc, thì ra số người đó là các đồng chí đơn vị chủ lực qua màu áo họ mặc tôi biết. Tôi mừng đến chảy nước mắt, như trút một gánh nặng “ngàn cân treo trên sợi tóc”, vội chạy ngược lại cánh đồng có đồng đội mình, để làm ám hiệu không phải địch mà là ta... Khi được báo hiệu an toàn, đơn vị tôi hành quân qua. Các anh bộ đội chủ lực thời gian đó họ thật sự cũng căng thẳng không kém gì tôi. Họ nói, khi phát hiện có người đi qua cánh đồng, họ cũng tưởng là địch, chuẩn bị nổ súng, nhưng chưa có lệnh chỉ huy, mặc khác do tôi đi một mình nên thận trọng chưa nổ súng, chúng tôi mừng ôm nhau mà khóc... Mỗi một lần thoát chết, tôi cảm thấy ngạc nhiên bởi chính sức mạnh của mình, nhưng tôi biết đó không chỉ là sức mạnh của tôi mà còn là sức mạnh của “Linh Việt” hỗ trợ cho tôi.

Thời gian thấm thoát trôi qua, tôi xa Quê Lộc đã gần 2 năm trời, không nhận được tin tức gì về gia đình. Bỗng một hôm nhận được tin dữ, chị ruột là Ánh Hồng bị thương rất nặng, ngay thời điểm ấy, ước gì mình có cánh bay về nhà, để được chăm sóc sức khỏe cho chị, nhưng thực tế hoàn cảnh lúc đó không cho phép, vì nhiều lý do.

Tháng 7 năm 1970, để hỗ trợ cho kế hoạch “bình định đặc biệt”, Mỹ mở nhiều trận càn lớn vào các địa bàn các xã trong huyện. Ban ngày, chúng lùng sục xăm hầm bí mật; ban đêm tổ chức phục kích kết hợp ngăn chặn các ngã đường vào các xã, nên đơn vị không cho đi. Đau thắt cả ruột, khi nghĩ lại cảnh xưa, cũng vì trước đây khi còn ở đội du kích xã Sơn

Viên, có một lần tôi ốm rất nặng, không ai chăm sóc nên chị Hồng xin chuyển công tác từ ban an ninh huyện Quế Sơn về nhận công tác ở xã Quế Lộc để tiện chăm lo cho tôi. Khi bệnh tình được hồi phục, tôi lại nhận nhiệm vụ mới, đi về huyện đội Quế Sơn, còn chị phải ở lại xã nhà nhận nhiệm vụ mới. Nay chị gặp nạn, tôi lại không có mặt, tất cả vì hoàn cảnh, thôi đành ngâm đắng nuốt cay biết chia sẻ cùng ai, cầu xin tổ tiên phù hộ cho chị sớm bình phục chờ ngày em về.

Bao chuyện buồn đến cùng một lúc, cộng thêm bệnh sốt rét rừng tái phát trong cơ thể tôi, vượt quá sức chịu đựng của tuổi 16. Sốt rét rừng đến với tôi, cuốn tôi vào cõi mê man trong nhiệt lên 40 độ C có khi sắp 41 độ C, toàn thân run lên cầm cập, hai hàm răng va vào nhau, miệng đắng, ăn uống thật khó khăn, không sao nuốt nổi. Da mặt tôi xanh xao, do mất máu vì mỗi khi lên cơn sốt, một số hồng huyết cầu bị vỡ. Thế chưa yên đâu, ngày hôm đó địch đổ bộ vào khu vực đơn vị đóng quân ở núi Nghi Sơn. Không lê nổi bước chân, buộc đồng chí Dũng trong đơn vị cùng tôi chạy. Sau cuộc đụng độ với địch, chúng tôi bước đi một cách đau đớn và lặng lẽ trong rừng, đến một cái hang mới để trú ẩn. Trong hang chúng tôi rửa vết thương cho nhau. Thật vô cùng đau đớn trong đơn vị có người hy sinh. Khi rơi vào hoàn cảnh như thế này, chúng ta sẽ thấy tình đồng đội quý báu biết bao. Trong đầu tôi càng rõ nổi nhớ mẹ và người thân, nhiều suy nghĩ tiêu cực trong đầu khi con người rơi vào tình cảnh đau ốm. Lúc chiến đấu đối đầu với địch, không biết sợ chết, mà giờ chết vì bệnh sốt rét thật uổng công. Sốt nhiều lần trong năm, gan và lách sưng to, đi lại thật khó khăn, ăn uống cũng không tiêu hóa, vô thứ gì, thì ra ngoài nguyên thứ đó. Thời đó có gì ăn đâu, thương

lắm chị Bảy (nuôi quân) nấu cho được chén cháo trắng, như vậy cũng là quá tốt. Nằm trên võng chờ đợi cơn sốt qua đi, càng thấy thời gian dài vô tận, bất lực với bệnh tật, thôi trời kêu ai nấy dạ, nỗi khổ bao trùm lên cả dân tộc Việt, đâu phải mình ta, tự an ủi, động viên bản thân: “Nguyệt ơi! hãy dũng cảm đối đầu với nghịch cảnh, vượt lên trên chướng ngại vật cản đường”. Lúc này cơ thể tôi xuống dốc nhiều, chỉ một cơn gió lạnh vô tình thổi qua cũng làm tôi rùng mình ớn lạnh. Anh Nguyễn Quốc Dũng chính trị viên, huyện đội Quế Sơn thấy tình cảnh tôi ốm đau mãi, anh khuyên nên đi điều trị, để mau hết bệnh, còn về phục vụ cho cách mạng lâu dài. Tôi năn nỉ ở lại đơn vị để điều trị, nhưng sau đó bệnh tình không thuyên giảm, còn nặng hơn. Cuối cùng đành phải xa đơn vị đi lên tuyến trên, bệnh viện C17 để điều trị...



Chuyển viện về bệnh viện C17

Tôi

nhớ ngày hôm đó có đồng chí tên là Cang không nhớ họ của anh, (chính ủy hay phó chính ủy)

Mặt trận 44 đến đơn vị tôi công tác. Trên đoạn đường đi công tác, đồng chí Cang sẽ đi về hướng bệnh viện. Lãnh đạo đơn vị nhờ đồng chí Cang đưa tôi đi bệnh viện C17. Bệnh viện C17 lúc này đóng tại làng Triêng huyện Khâm Đức. Mỗi một lần chuyển đi nơi khác, sẽ xa đồng đội, cảm giác như sắp xa rời người thân. Bao gấn bó vui buồn, sống hơn hai năm trời, từng chết sống đối khổ có nhau, biết cả tính cách từng người, như đại gia đình lớn của tôi. Khi đến đơn vị khác, tôi phải



Chị Hoàng Thị Minh năm 1973

làm lại từ đầu như tìm hiểu cách sinh hoạt của đơn vị mới, tìm hiểu tính cách từng người, rất nhiều lo âu trong đầu đứa trẻ 15 bước qua tuổi 16. Trên đường đến bệnh viện, chúng tôi phải vượt qua nhiều đèo cao núi lớn, có thể xảy ra bất cứ điều gì, như bỏ mạng nơi xứ lạ, không ai đoán trước sự việc. Tôi chẳng có gì phải băn khoăn, nhưng có một điều tôi mong ước gặp được mẹ và chị. Ôi! Suy nghĩ lung tung quá, nhưng nếu không đi, thì cũng chết vì thiếu thuốc, sức khỏe hiện tại lại tuột dốc, như báo hiệu cho tôi linh cảm được điều ấy. Đi trong rừng, cứ ám ảnh hình ảnh chị Hồng bị thương, sợ vết thương bị hoại tử giống như trường hợp của chị Hồng tài mậu mà tôi đã cứu sống. Thời đó kháng sinh rất hiếm, vì bộ đội bị thương rất nhiều, tưởng tượng, chân chị lúc đó thối rữa, có khi giòi bắt đầu đục khoét, khi cảm thụ điều này tôi càng thấy đau lòng hơn. Chống chọi với vết thương, cái đói, cái lạnh, dù bên cạnh chị lúc đó có bà con và đồng đội, nhưng xã tôi là xã trắng không sản xuất được bà con cũng đói. Dân có thương chị cũng chỉ chia sẻ cho nhau tình cảm, còn vật chất họ cũng đói khó khăn như ta, lấy đâu mà chia sẻ. Càng nghĩ tôi càng ân hận nhiều hơn, giá như lúc đó tôi không ốm nặng, chị vẫn ở trên ban An ninh huyện thì chưa chắc đã lâm vào hoàn cảnh như ngày hôm nay, vả lại thời đó tuyến huyện đã có bệnh xá. Còn ở xã không có thuốc đầy đủ. Từ chỗ tôi đóng quân nếu đi về xã Quế Lộc, đường không có địch, thì cũng chỉ mất hơn một buổi đường (đi bộ), thời gian này địch đóng chốt các đường vào làng, xã, nên tôi đành ngậm ngùi ra đi ...

Ngày ra đi lần này, không biết mai đây có dịp gặp lại đồng đội tôi không? Cũng có thể là...bao suy nghĩ ập đến, với độ tuổi như tôi, chưa thể phán đoán đủ mọi việc hàng ngày diễn ra trước mắt chỉ làm theo quán tính. Lúc ra đi xa đơn vị,

cảm nhận tương lai mờ mịt vì đây chính thức ra khỏi địa bàn huyện Quế Sơn, xã Quế Lộc, đến vùng đất mới...

Chân rời xa đơn vị, như người mất hồn cứ bám theo gót chân 2 đồng chí dẫn đường. Lúc đó họ chẳng buồn hỏi tôi câu nào, lặng im nghe chính nhịp tim mình đập loạn nhịp, lòng buồn rười rượi. Cơ thể không khỏe luôn xuất hiện nhiều cảm giác hoang mang, tâm trạng nặng nề, cộng thêm một số đồ tư trang của mình, tôi muốn vứt bỏ hết, cả tâm thân không lê nổi. Trước khi rời xa đơn vị, các anh còn tặng tôi chiếc gậy Trường Sơn, đó là người bạn chung thủy nâng đỡ tôi vượt lên bao con dốc, vượt qua thác, vượt cả sông sâu, bao tiếng than thở nó là người nghe thấy, như sức mạnh đồng đội tôi tiếp sức. Từ xã Sơn Long bắt đầu đi, đi suốt cả ngày tôi mệt mỏi, ê ẩm cả đôi bàn chân, những bước đi càng chậm lại, cố vượt qua bao con dốc đứng, muốn hụt hơi, cả thân thể rã rời như có ai đó buột đá vào chân. Mẹ ơi! cứu con với. Đó là tiếng kêu có sức mạnh vô hình, khi nghĩ đến mẹ, tôi cố vượt lên. Nhưng chỉ được một đoạn, lại rút lui phía sau, thỉnh thoảng anh cần vụ quay đầu lại xem tôi có đi kịp không? Đến được xã Sơn Bình hay xã Sơn Tân, chúng tôi nghỉ đêm bên đầu nguồn sông Thu Bồn. Khi được dừng chân, dù cơ thể đang mệt mỏi, tôi cố hít thật sâu luồng gió mát trong lành từ con sông thổi về, được giải phóng tầm nhìn, được nhìn vẻ đẹp vội vã của ánh nắng chiều. Chính giây phút này đây, làm sao ai có thể hiểu rõ tâm trạng một thiếu nữ như tôi, chỉ biết cảm lặng nuốt từng giọt đắng cay đi qua cuộc đời mình. Tất cả vì lý tưởng mình đã chọn, phải ôm trọn hoài bão sự nghiệp để dòng chảy lịch sử đưa ta đến nơi cần đến.

Thế là một đêm không ngủ được vì lạ chỗ, tâm trạng ngổn ngang rối bời. Suốt đêm thức trắng nghe bom gầm, đạn

rít mà lạnh cả người, càng về đêm, càng thấy lòng buồn tênh. Mỗi cử chỉ, mỗi tiếng ngáy ngủ của 2 đồng chí càng vang to như hò kéo gõ. Khi bình minh thức dậy, tất cả đều mang một tâm trạng riêng, nên chẳng ai nói chuyện với ai một lời nào. Vừa đi đến địa điểm khác, trước mặt tôi xuất hiện hàng chữ viết vội sau chiếc nong phơi lúa, hoặc trên tảng đá “ Ở đây tai vách mạch rừng, ai đi công tác xin đừng ba hoa”. Tôi thấy câu khẩu hiệu này nó ngồ ngộ, không hiểu vì sao rừng lại có tai? Suy nghĩ mãi, ba hoa thì tôi hiểu, còn rừng thì làm sao có tai để mà nghe được những người nói chuyện trao đổi với nhau, nghĩ mãi không tìm ra câu trả lời, nhưng không dám hỏi 2 đồng chí kia, thôi khi nào có dịp mình sẽ hỏi, để sau.

Sáng hôm sau chúng tôi dậy rất sớm khi mặt trời chưa thức dậy để vượt qua dòng sông Thu Bồn, tránh sự phát hiện của địch và máy bay tập kích. Chúng tôi cặm cụi đi mãi trong rừng, ở đoạn núi sắp đến địa phận huyện Phước Sơn, ở đây nhiều vết (giống con đũa) nó bám vào người một cách im lặng, không hay biết, khi cắn no, nó tự động nhả ra, lúc phát hiện là máu đang chảy. Nhìn nó lúc nha, lúc nhúc, ngúc ngoắc cái đầu chờ chực bám vào người mà khiếp sợ. Có lẽ Mỹ ngại, bom đạn tôi cũng không sợ bằng sợ những con vết này. Ngay lúc đó tôi cho áo vô quần và lấy đoạn dây rừng buộc chặt ống quần để cho nó khỏi chui vô người. Đến bây giờ khi viết lại dòng hồi ký đoạn này, cảm giác vẫn rợn rợn. Đi suốt một ngày đường, mặt trời đã xuống núi chúng tôi đến đoạn Cây Gõ Vuông (thuộc xã Phước Sơn). Đoạn này nổi tiếng có thú dữ, như cọp, gấu, rắn, rắn độc, trước đây được nghe các anh chị trong bộ đội có dịp hành quân qua đây kể chuyện, bộ đội ta đi lạc cọp ăn thịt, nhiều đồng chí đã hy sinh. Nghĩ đến đó mà tôi

khiếp sợ, vừa đi, vừa quan sát xem có con thú nào lảng vảng quanh khu vực đó? Thế là mất tập trung, chậm một bước, mất hút bóng 2 người, khu vực lạc cũng chính là ngã tư đường, không biết rẽ đi hướng nào, rẽ trái, rẽ phải hay đi thẳng. Tôi hoang mang lo sợ, lúc này trời đã dần tối. Tôi hoảng quá dừng lại ngồi ngay ngã tư đường khóc, khóc không thành tiếng, nếu khóc to, không bằng nói: “lạy ông tôi ở bụi này” lúc đó chỉ cầu trời, cầu đất, cầu tổ tiên, nhất là cha tôi linh thiêng, mong làm sao kéo 2 đồng chí đó quay lại đón tôi. Lúc này tôi không dám đi một bước, nhờ các anh quay lại không biết tôi đi hướng nào là chết luôn. Trong thời gian chờ đợi, lũ vét đáng nguyên rửa ấy, nó bám đầy người, tôi không bận tâm bằng cái sợ lạc mất người dẫn đường, lúc này chỉ nghĩ đến sự tồn tại của chính mình. Không còn ai nghe tôi khóc, người thân ở xa quá: “Mẹ ơi! con bỏ xác nơi xứ người”, trời đất đang nuốt chửng tôi vào màn đêm. Chung quanh toàn rừng rậm, màu sắc dần chuyển màu, muông thú kêu nghe rùng rợn, nghĩ nếu người dẫn đường không quay lại đón, tôi sẽ là vật cúng rừng, làm mồi cho muông thú. Sự lo lắng đến cực độ, toàn thân vã mồ hôi, tay chân rã rời, cảm thấy một sức nặng đè lên tim và hơi thở của tôi, mắt tôi lúc đó luôn quan sát tứ phía. Mỗi giây phút trôi qua, mặt trời càng tắt nắng, rừng trở thành những khuôn mặt quái dị trong lòng một thiếu nữ như tôi, nỗi sợ hãi không thể tả bằng lời. Thế trong giây phút đó, bản năng sinh tồn của người trong tôi trỗi dậy, lập tức có ý nghĩ tìm nơi móc võng để tránh thú dữ và lũ vét đáng ghét, trừ trường hợp xấu nhất hai người dẫn đường không quay lại đón tôi. Bỗng từ xa vang giọng nói gọi tên tôi: “Nguyệt ơi! Em đang ở đâu” tiếng gọi càng đến gần hơn, lúc này tôi cũng gọi với: “Em đang ở

chỗ ngã tư đường”. Chỉ vài phút tôi thấy bóng anh cần vụ, tiếp đến đồng chí Cang, mừng như được cứu sống, sau đó chúng tôi đi suốt đêm trong rừng, lần này tự nhủ lòng, không để tình cảnh ấy xảy ra một lần nữa.

Đến chân dốc Cúm thì chúng tôi dừng lại vì tôi không tài nào đi nổi, hai chân mỏi, thật sự không bước nổi. Tôi ngã đầu chúi xuống đất, buộc hai đồng chí phải nghỉ lại đêm trong rừng. Tối đó tôi không có gì ăn, đồng chí Cang là cán bộ cấp trên, được anh cần vụ mang thức ăn, nấu riêng, tôi và anh cần vụ ăn khẩu phần thấp hơn. Ăn xong anh giúp tôi móc võng trên cao để tránh thú dữ, tôi mệt lã người nằm xuống ngủ như chết. Đến nửa đêm thức giấc, nghĩ lại cảnh lạc đường, tôi cảm thấy vô cùng kiệt sức và chán nản, bất lực trước cơ thể mang bệnh, trong đầu luôn nghĩ về người thân nhất là mẹ. Thời gian này nhiều câu hỏi đặt ra trong đầu: “Định mệnh nào đang chờ đợi tôi ở phía trước?” Mặc dù tôi không tìm thấy câu trả lời cũng như sự thanh thản, tôi nhận ra một điều: Thời khắc tôi phải chết chưa đến”.

Sáng hôm sau tỉnh dậy và đi tiếp về hướng bệnh viện quân y C17, quân khu 5. Khi đến được bệnh viện, tôi thấy mình như đã thoát chết thật đúng nghĩa, cảnh sống nơi đây không như dưới đơn vị tôi, họ sống có gia đình và con cái. Ở đồng bằng trung du vùng quê tôi, ngay cả ở đơn vị tôi dưới đó, chỉ yêu nhau đã đưa ra kiểm điểm mà ở đây có gia đình chồng con chẳng khác nào một làng quê. Sau khi làm thủ tục xong tôi vào nhập viện, anh cần vụ và đồng chí Cang tiếp tục trên đường công tác.

Những ngày sống chữa bệnh tại bệnh viện, thấy cơ thể mình khỏe hơn, tôi tự nguyện giúp bệnh viện làm lán trại cho

thương bệnh binh vào điều trị. Lần đó cùng các chị thương bệnh binh khác như chị Sanh Anh quê Quảng Ngãi là dược sỹ cao cấp và chị Hà quê Phú Yên, cùng các chị khác ra rừng chặt cây tre lồ ô, gỗ, lá cọ đem về dựng lán trại, tôi bắt đầu làm quen với các chị, rồi kết nghĩa chị em với chị Hà và chị Minh (vợ anh Cang). Chị Minh đã có một cháu gái, tôi thấy phần chần hơn với cuộc sống hiện tại đã giúp tôi lấy lại thăng bằng cuộc sống, không còn hoang mang tư tưởng, được trực tiếp giúp đỡ cho nhiều người thương bệnh binh nặng hơn mình, giúp các chị hộ lý chăm sóc thương binh, như thay băng, lau thân thể các anh bệnh nặng, bó bột và sàng thuốc viên.

Hằng ngày phải chứng kiến cảnh thương tâm mà các anh phải vượt qua, đau đớn đến xót cả lòng. Ngoài những công việc trên, tôi còn giúp chị nuôi ra rừng hái rau. Việc hái rau cũng không đơn giản, phải đi xa hằng buổi đường, ra những nương rẫy đồng bào thiếu số, hoặc xuống hố sâu bề mẳng rừng. Trên đường đi bom tọa độ, B52 rải thảm rất nguy hiểm, có lần tôi và chị Nghĩa suýt bỏ mạng do bom dội xuống. Tôi thích nghi nhanh với môi trường, cả con người thân thiện trong đơn vị mới, nhất là chị Nghĩa nuôi quân quê ở Bình Định. Rau ở vùng núi này cũng khác hẳn ở quê tôi. Ngoài rau tàu bay còn có môn dóc, môn thực, cây ngà voi, đem về trộn với bột cam, chúng tôi gọi là (ô-rân) ăn rất ngon.

Ban đêm tôi lại phụ giúp chị nuôi xắt sắn khô đến phòng rộp cả tay. Loại sắn này do đồng bào thiếu số cung cấp, nó chỉ được xông khói đen thui, lát nào lát nấy dày gần hai phân, có đoạn như đũa nguyên củ nhỏ. Trước khi xắt phải ngâm trước cả ngày để cho mềm. Ở đây tuy ăn có đỡ hơn, nhưng cũng toàn

là sản công vài hạt cơm, dù sao vẫn no cái bụng. Thời gian ở bệnh viện C17, được nghe mấy anh chị kể chuyện, chúng ta ở gần xã hội chủ nghĩa. Mọi người được ăn thịt hộp, lương khô do đồng bào miền Bắc chi viện, kể đến đâu bọn tôi thèm nuốt nước bọt. Ước gì ngày hòa bình đến sớm, chúng tôi sẽ có tất cả như những gì các anh chị kể chuyện. Thời gian sống điều trị nơi đây, tôi học được nhiều bài học quý báu, trưởng thành hơn trong mọi lĩnh vực, như biết sơ đẳng cứu thương, biết nhiều tên thuốc, như ngồi chép tài liệu (giai đoạn này không có máy in), may vá áo quần cho thương bệnh binh và cho cá cán bộ ở đó. Việc gì tôi cũng xung phong phụ giúp, không quản ngày đêm khi các anh chị cần, trong đơn vị ai cũng dành tình thương cho tôi, mỗi người có cách thể hiện khác nhau, cái quan trọng nhất mà tôi cần chính là tình yêu thương đồng loại.

Đã qua hơn 30 năm hòa bình lập lại, ký ức nhớ về các anh chị như anh Quý (quản lý), chú Khôi phó giám đốc bệnh viện, chị Nghĩa nuôi quân và nhất là chị Huỳnh Thị Minh (quê Tam Kỳ) đã giúp tôi đủ thứ, có miếng gì ngon vợ chồng anh chị cũng dành phần cho út Nguyệt. Ở đây ngoài vợ chồng chị Minh, còn có các gia đình khác, chồng chị Minh lúc đó đang làm công tác hậu cần, anh chị có con nhỏ nên đơn vị ưu tiên cho chị được gần anh để tiện công tác và có thời gian nuôi con.

Được về điều trị tại bệnh viện quân y C17, tôi thấy cách sinh hoạt ở đây có nhiều đổi mới, thoáng hơn như cách sinh hoạt ở địa phương Quê Lộc. Với suy nghĩ ngây thơ trong đầu: “Làm cách mạng không có gia đình riêng tư, trong lúc đang làm nhiệm vụ”. Ở xã tôi thời làm trong đội du kích, anh chị nào lén lút yêu nhau thì sẽ bị phê bình, nhưng sao ở đây lại

được tự do, có gia đình và con nhỏ. Bao câu hỏi đặt ra trong đầu, chẳng dám tâm sự cùng ai, mỗi ngày tự tìm hiểu qua câu chuyện các đồng chí đang công tác tại bệnh viện. Thì ra muốn yêu nhau cũng phải báo cáo với tổ chức, biết để hiểu rõ kỷ luật, mà tuân thủ. Thời gian ở bệnh viện C17, hằng ngày, hằng giờ phải đối diện với cảnh đau thương của đồng đội, thậm chí bệnh tình của mình cũng chẳng quan tâm đến. Mỗi ngày nhận thuốc về phòng uống, thấy cơ thể có khỏe hơn lại đến phụ giúp các chị y tá, làm đủ mọi việc trong bệnh viện như các việc phổ thông, riết rồi cũng quen mặt tên thuốc và cách sơ cứu cho bệnh binh. Một hôm, trời đổi gió cơ thể tôi cũng dần suy yếu, tôi luôn cố gắng chịu đựng. Lúc này cơn đau âm ỉ luôn xuất hiện về đêm, mỗi lúc một nhiều, lần đó không thể chịu nổi, tôi ngất lịm trên giường bệnh, được y bác sĩ cấp cứu, họ quyết định chuyển tôi ra miền Bắc điều trị.



Vượt Trường Sơn (1971)

Khi cảm quyết định chuyển viện, tôi lặng lẽ khóc thầm, nghĩ khoảng cách xa mẹ và người thân càng rộng thêm, cứ ngỡ lên bệnh viện C17 mình sẽ sớm hết bệnh về quê công tác lại. Bao nhiêu chuyện buồn đến cùng một lúc, chẳng thể nào định vị được cuộc đời mình sẽ trôi về hướng nào, chỉ có lập trường tư tưởng là mình làm chủ được nó. Một lần nữa chuyển viện, cũng là lúc phải xa quê hương đến tận miền Bắc, đây mới thật đúng nghĩa xa quê hương. Chúng tôi ôm tạm biệt nhau và khóc. Tôi chẳng sợ đối mặt với quân thù, nhưng sợ nhất nỗi nhớ mẹ và người thân, luôn làm tôi hay khóc thầm: “ước gì có mẹ trong lúc này, để tôi được ôm mẹ trước khi ra miền Bắc”. Điều ước thật đơn giản, nhưng trong hoàn cảnh chiến tranh thật khó thực hiện. Mỗi lần có ý nghĩ về mẹ, tôi lại có một niềm tin thật mạnh mẽ, ra đi mang cả tình yêu của mẹ vào chiến trường, cùng đồng hành nơi đất khách quê người.

Tạm biệt bệnh viện C17 thân yêu, tạm biệt các anh chị trong bệnh viện, tôi vượt Trường Sơn lên đường ra Bắc. Khi chuyển viện, bác sĩ cử hai đồng chí mang võng cán tôi. Cơ thể lúc này suy nhược, suy tim, gan, lách to không thể đi bộ

hiều. Trong lúc đi trong rừng, các anh cán tôi trên võng, nhiều đoạn dốc đứng, có nhiều lần vấp chân suýt nữa lật võng, thấy thương hai đồng chí. Tôi không nỡ để họ cán mình, nên xin phép hai anh cho mình đi bộ. Đi bộ được khoảng đâu một cây số nhưng rất chậm, trèo dốc như muốn đứt hơi, cũng may lúc đó các anh biết và khuyên tôi: “Em đừng ngại, đây là nhiệm vụ của các anh, chúng ta là đồng đội, biết mai đây các anh còn sống để cán em không?”. Thật câu nói như nguồn sức mạnh truyền thêm cho tôi niềm tin vào tương lai tươi đẹp, một sức mạnh đoàn kết, chỉ có ở người lính Cụ Hồ mới có những câu nói đẹp ấy.

Chuyến đi vượt Trường Sơn trong ba tháng, không phải lúc nào tôi cũng để các anh cán trên võng. Lúc khỏe hơn tôi đi bộ, nhiều lúc “điếc không sợ súng” tôi thường chủ quan với bệnh tật, có lẽ mình còn nhỏ làm sao hiểu được hậu quả diễn biến của bệnh tình. Bác sĩ đã chẩn đoán: “Suy tim, gan, lách của em to, không thể vượt Trường Sơn bằng cuộc bộ, nên được đơn vị cử người đi hộ tống cán”. Thế mà tôi không nghe theo chỉ định, suýt nữa mất mạng, cũng vì thương đồng đội họ một không kém gì mình.

Ngày đầu chúng tôi lên tuyến đường vùng núi Khâm Đức, trên đường đi mệt thì ngồi nghỉ, khát nước thì có nước dưới suối, đói thì có cơm nắm, đi theo đường dây 559. Nghe các anh bộ đội kể chuyện vì sao có con đường này: “năm 1959; đúng vào năm sinh nhật lần thứ 69 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đoàn 559 thành lập, đánh dấu sự khởi đầu tuyến đường Trường Sơn”. Lộ trình ngày đi, đêm nghỉ, qua từng binh trạm họ giao quân cho nhau rồi quay về nơi xuất phát. Ngày đầu vượt qua được sông Cê Ca Mán thì trời cũng đã bắt đầu tối,

đoạn này nghe nói giáp giới với nước bạn Lào. Trên đường đi bom đạn vẫn gầm rít, có đoạn đi qua còn mù mịt khói bom. Cả vùng rừng còn nhiều nơi lửa bốc cháy nghi ngút khói, cộng với mùi thuốc bom. Đến tối tôi được bàn giao cho binh trạm khác và nghỉ ngơi tại điểm này. Tối đầu tiên ở giữa núi rừng không một người quen, một mình tôi là nữ. Đêm đó nằm không sao ngủ được, lại nhớ mẹ, nhớ chị và đồng đội cả cũ lẫn mới. Mỗi khi chuyển đến nơi ở mới, luôn mang trong lòng nỗi lo âu và hoang mang, không đoán trước phía trước mình chuyện gì?



Ảnh minh họa các chị bộ đội tải đạn

Chẳng biết tâm sự cùng ai, tâm trạng luôn căng thẳng, sống ở lán trại tạm bợ giữa rừng, màn đêm phủ kín, nghe chim kêu vượn hú mà rợn cả người, thao thức mãi không sao chợp mắt được phần lo bom đạn, thú dữ đã đàn hành và còn cả lo sợ người không tốt sàm sỡ trong đêm... thật khổ cho thân gái ở độ tuổi 16 như tôi. Đêm nằm

trần trọc mãi gần sáng mới ngủ được. Sáng hôm sau dậy ăn vội cơm nắm để lấy sức tiếp tục lên đường cùng các đồng chí binh trạm. Mỗi trạm lại cử hai người mới thay phiên cán vồng cho tôi, như vậy tôi lại có cơ hội quen biết nhiều anh bộ đội.

Sau một tháng lội rừng, sức khỏe tôi xuống dốc, nhưng nhờ sức trẻ cũng tạm thời vượt qua. Mỗi ngày luôn phải đi trong rừng, càng vô sâu cây cối



Ảnh minh họa các chị bộ đội tài đạn

mọc càng rậm rạp, cộng với sức khỏe còn yếu, có đoạn phải đi bộ, không tránh khỏi vấp ngã, mỗi lần như thế bụng va mạnh xuống đất tôi rất đau đớn vì gan, lách đã sưng to, dù thế nào các anh binh trạm cũng cố gắng đưa tôi đến trạm để nghỉ. Mỗi lần ngủ lại binh trạm mới, tôi thật sự cảm thấy khó ngủ những cảm giác bất an luôn xuất hiện, ngày này qua tháng nọ. Đêm tối rất tàn nhẫn, không có giường để ngã lưng, chăn mền không đủ ấm, không ánh sáng nào ngoài ánh trăng. Đêm rất lạnh và đầy nguy hiểm, những cơn ác mộng và sự dụ dỗ của thần chết.

Trên đường vượt Trường Sơn, tôi gặp đủ loại phương tiện, từ phương thức đi bộ gùi thồ sơ khai, vận chuyển cả bằng cơ giới, vừa chi viện vừa đánh lùi địch. Trên đoạn đường

Trường Sơn không khí thật sôi động. Đường Trường Sơn lúc này phát triển mạnh, đây là con đường chi viện đặc lực cho chiến trường miền Nam. Mỗi chặng đường ra phía Bắc, tôi luôn thấy các anh chị thanh niên xung phong, bộ đội mang những gói hàng nặng trĩu trên vai và đẩy những chiếc xe đạp cải tiến (gọi là xe thồ) đầy ắp hàng, chi viện cho chiến trường phía Nam. Họ đi vào còn tôi lại đi ra, thấy cảnh tượng khí thế đó, tôi rất buồn mình ốm đau không còn cơ hội để đóng góp công sức cho cách mạng. Gặp được các chị trên đường dây 559, nhìn cách ăn mặc tôi tàn bản thiu, khi đứng gần mùi cơ thể bốc hôi khăm khăm thấy mà thương. Các chị đâu còn thời gian để chăm lo cho bản thân, tất cả gấp rút cho chiến trường miền Nam. Tôi chia sẻ với các chị xà phòng tôi để dành, nghĩ mình đi ra miền Bắc chắc đầy đủ hơn mang theo làm chi cho nặng trong lúc các chị thiếu thốn.

Đi hết ngày này qua ngày khác vượt qua bao nhiêu đồi cao, suối chảy xiết, con sông rộng đầy chông gai nguy hiểm, có những lúc trời mưa lũ nguồn tràn về, chúng tôi băng qua suối lũ đục ngầu cuộn cuộn, hung dữ như muốn nhấn chìm, cuốn trôi chúng tôi. Vượt lũ qua các con sông, hoặc suối nước chảy xiết, chúng tôi dùng những sợi dây rừng buộc vào cây để lần qua, nếu lỡ buông tay thì làm mồi cho cá, sợ nhất là những ngày trời mưa nước nguồn đổ về làm ngập các nẻo đường.

Đi không biết bao lâu đã đến ngã 3 Đông Dương, nơi này giao nhau giữa 3 cánh quân Nam bộ, Khu 5 và Quảng Trị. Khi đến được trạm này, tôi may mắn làm quen với những người bạn mới họ cùng đồng hương Quảng Nam. Chúng tôi kết thành đoàn để đi với nhau, đoàn tôi gồm có anh Nhiều

(hiện nay ở Lê Đình Dương Đà Nẵng), chị Hoa, Duy Xuyên ... lúc này có các anh chị đồng hương cùng trên đường ra Bắc, tôi thấy lòng yên tâm hơn. Chúng tôi luôn động viên nhau những lúc ốm đau, tôi đã kết nghĩa chị em với chị Tào Thị Hoa, hiểu được tình cảnh của nhau. Chúng tôi thương nhau như chị em ruột thịt. Đi hết ngày này qua ngày khác, băng rừng, lội suối, vượt qua các con sông lớn như sông Xê Băng Hiên, sông Xê Pôn..... qua đường 9 Nam Lào, vượt qua đường 9 rất căng thẳng, suốt ngày máy bay quần lượt nếu địch phát hiện, cái chết không tránh khỏi, mỗi khi băng qua lòng luôn nom nớp lo sợ, qua được đoạn nào có nghĩa là ta còn sống.

Sau khi qua được đường 9 - Nam Lào bình yên, chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình. Đi liên tục không nghỉ hơn 3 tháng, mới đến trạm cuối cùng của đường dây 559 thuộc đường Trường Sơn. Trên đường tôi đi ra Bắc, ngược lại từng đoàn người nối tiếp nhau đi vào Nam, gặp chúng tôi các anh bộ đội lục tui còn tiền là cho chúng tôi, người còn vài hào, người còn mấy xu, các anh bảo: “ Anh vào miền Nam chẳng sử dụng được




nên cho các em ra miền Bắc để mua sắm”. Lần đầu tiên trong đời tôi nhìn thấy những đồng bạc có in hình Bác Hồ kính yêu, có nhiều cảm xúc thật khó tả. Số

tiền các anh cho tổng cộng được 6 đồng, tôi cất giữ và không quên chúc các anh vào chiến trường lập nhiều chiến công oanh liệt. Hồi đó sao người ta sống thật tình cảm, có lẽ họ hiểu được, không biết mình sẽ hy sinh lúc nào. Tối đó nghỉ lại tại trạm một đơn vị khác, chúng tôi được xem phim. Lần đầu tiên trong đời được xem phim, màn ảnh rộng, tôi thắc mắc tự hỏi: “làm sao con người đi trên tấm vải đó được”, tôi chú ý quan sát mà chẳng phát hiện được người đi ra từ tấm vải, tự thấy xấu hổ trong lòng, chẳng buồn thổ lộ cùng ai những suy nghĩ của mình: “đúng là nhà quê lên tỉnh”. Đêm đó chiếu bộ phim Nổi gió do nghệ sỹ Thế Anh đóng vai Trung úy Phương, xem say sưa mà tôi quên hết mệt nhọc, ngày hôm sau chúng tôi nghỉ cả ngày chờ đến tối tiếp tục đi ra.



VỀ XUÔI

oạn đường còn lại chúng tôi được thông báo không phải đi bộ mà chuyển qua đi bằng các phương tiện khác. Chúng tôi được thông báo tới đến tập trung tại bến phà Cửa Năm để lên tàu thủy đi tiếp, hôm ấy đi suốt đêm. Lần đầu được nằm trên boong tàu, nhìn lên bầu trời, thấy các vì sao lấp lánh thật êm đềm và thơ mộng, thật sự được hít thở không khí trong lành, tâm hồn thật thoải mái. Mặc dù phải chịu đựng sự khắc nghiệt của cuộc sống trong rừng, khi nằm trên boong tàu, tôi nhớ vẫn có những lúc ngồi xả hơi, bên dòng suối trong vắt chảy len lỏi giữa những rễ cây rừng, đoàn chúng tôi dừng lại tìm nước uống. Ngồi bên bờ suối, tôi đưa mắt nhìn quanh quan cảnh xung quanh mình, nhưng ở đây chẳng có một tia nắng nào, lùa gió lao xao từ rất xa trong rừng ùa đến hơi lạnh làm tôi rùng người. Khi đưa mắt nhìn lên bầu trời và lắng nghe tiếng hót của một con chim nào đó trong rừng vọng lại, cũng thời điểm nhìn thấy một con chim mẹ rời tổ đi kiếm thức ăn cho lũ chim con, hình ảnh ấy làm tôi liên tưởng đến mẹ mình. Ước gì có cánh như chim, tôi sẽ bay cao giữa bầu trời mênh mông - một bầu trời không có quân thù ngăn cản tôi về bên mẹ hiền. Tôi sẽ nhận được sự ngọt

ngào của tự do và được giải thoát khỏi những khổ đau thân xác trong lúc này. Tôi còn ước mơ nhiều điều đến cùng một lúc, mong hòa bình đến sớm trên quê hương Việt Nam, để con không mất cha, vợ mất chồng, anh em phải xa nhau, người ở Nam, người ra Bắc.

Suốt 3 tháng trời rong rui trên đường Trường Sơn, trong đó có cả đường thủy, bây giờ thật sự tôi đã đặt chân trên miền Bắc XHCN. Được đến nơi an toàn, tôi thấy ngày trở về đoàn tụ gia đình xa vời vợ. Lúc nằm trên boong tàu, gió thổi, tôi thiu thiu chớp mắt được một chút, bao suy nghĩ mơ hồ về tương lai của mình, kèm theo nỗi nhớ mẹ và người thân. Tôi nhớ mình đã lầm bầm: “Tình yêu thương của mẹ dành cho con luôn âm thầm, lặng lẽ như mạch nước ngầm trong lành đi theo suốt cuộc đời con”. Tôi gọi thầm tên mẹ, như muốn truyền âm thanh vô hình ấy đi xuyên qua rừng vang vọng trên tầng mây xanh đến được tai mẹ. Khi ý nghĩ này lóe lên, tôi thấy mình vững tin bước vào cuộc sống mới, đón nhận những thử thách nghiệt ngã trong tương lai.

Tối đó tàu chạy mãi đến sáng thì dừng lại ở huyện Quảng Trạch, thuộc tỉnh Quảng Bình và nghỉ lại. Chúng tôi được trang bị áo quần, ba lô và mỗi người được 29 đồng, đây là ngày đầu tiên tôi nhận được tiền phụ cấp. Ngày hôm đó chúng tôi được nghỉ xả hơi, tôi cùng các chị đi dạo ra chợ, thấy cái gì chúng tôi cũng thèm ăn, ở trong rừng nhiều năm thiếu thốn, đói khát đủ thứ. Trưa hôm đó tôi ăn một lúc hết 20 quả trứng vịt luộc mà không đã thèm, ăn như chưa bao giờ được ăn, mua nguyên con gà trống hết 6đ, tôi khen rẻ nhưng khi về cán bộ

họ nói: “Con gà đó chỉ mấy hào thôi”. Tôi tiếc lắm nhưng đã lỡ rồi biết làm sao, mới từ núi ra đồng bằng, tôi đâu có biết được giá trị của đồng tiền ở miền Bắc. Sau này nghĩ lại thấy mà buồn cười “đúng là người trên núi xuống”. Ngày hôm sau chúng tôi tiếp tục đi đến Đức Thọ thuộc tỉnh Hà Tĩnh, chỗ tôi đến dừng chân đóng quân, nơi đây người dân trồng toàn cây cọ. Vừa đến nơi thì bị bão lớn ập đến, chúng tôi ở lại Đức Thọ hết mấy ngày, chờ bão qua, chúng tôi mới đi tiếp.

Lộ trình đi của đoàn chúng tôi bây giờ ngược với ở Trường Sơn, ban ngày nghỉ vì sợ máy bay địch phát hiện nên toàn đi vào ban đêm. Đầu tháng 7 năm 1971, chúng tôi đến huyện Thường Tín tỉnh Hà Tây. Ở đây cái gì cũng lạ lắm, nhất là các chị bộ đội lái xe ô tô. Tôi như người cung trăng rơi xuống, quá ấn tượng phụ nữ cầm vô lăng lái xe, thật thích thú như được rửa con mắt. Đến Thường Tín nghe nói gần Hà Nội, chúng tôi rất mong đi thăm thủ đô nhưng chẳng ai đưa đi. Nghỉ lại đây vài hôm đoàn quay ngược trở về Nam Hà và giao chúng tôi cho đơn vị an dưỡng là Trung đoàn 583. Đơn vị chúng tôi là đại đội 3 (C3) đóng tại xã Khả Phong, huyện Kim Bảng, tỉnh Nam Hà. Đến đơn vị chưa đầy nửa tháng, vào đầu tháng 8 năm 1971, thời gian này lũ lụt gây ra bao thiệt hại cho các tỉnh phía Bắc. Lụt rất lớn, do vỡ đê sông Hồng, nước ngập mênh mêng, đơn vị chúng tôi phải chuyển lên vùng núi Ba Sao nơi các vị lão thành cách mạng và những người không nơi nương tựa được Nhà nước ta nuôi dưỡng để ở nhờ. Chúng tôi sơ tán ở đó cả nửa tháng chờ nước rút đơn vị mới cho về chỗ cũ. Trận lũ này dân ở đây gọi là lũ lịch sử, nó nhấn chìm cả đồng bằng Bắc bộ trong biển nước. Bộ đội giúp dân sơ tán

đến nơi cao ráo để tránh lũ và giữ đê. Trận lũ đó tàn phá, cuốn cả nhà cửa, hoa màu, thú nuôi như trâu, bò và các loại gia cầm khác. Bộ đội cứu dân hy sinh cũng nhiều, dân ta chết cả ngàn người, lần đầu tiên trong đời tôi chứng kiến trận lũ kinh hoàng lịch sử.

Nước lũ rút, đơn vị bắt tay vào làm mọi thủ tục cần thiết như, chế độ cho thương bệnh binh từ chiến trường miền Nam ra, khám sức khỏe, phân loại thương bệnh binh, bố trí ổn định nơi ăn ở, nhất là thương bệnh binh nặng. Số thương bệnh binh nhẹ thì cho an dưỡng điều trị tại chỗ, còn nặng cho chuyển lên tuyến trên điều trị.



Lần chết hụt

Tôi được đơn vị đưa đến bệnh viện 203 huyện Nam Hà điều trị, bệnh viện này nằm sát dòng sông Châu Giang êm đềm và thơ mộng. Khi vừa đặt chân đến đây, tôi chỉ kịp nhìn thoáng qua. Mỗi ngày bệnh tôi trở nặng, do hậu quả sốt rét nhiều khi còn ở chiến trường miền Nam, không được chữa đúng phát đồ điều trị, nên bệnh luôn tái phát, dẫn đến gan, lách to, khớp sưng và nhiều bệnh khác kéo theo. Lúc đầu cảm thấy rất bi quan, nếu điều trị không khỏi, có lẽ mình sẽ bỏ xác nơi xứ người. Cả chuyến đi ấy, tôi không tài nào ngủ được thẳng giấc và hầu như ăn để cảm hơi. Bây giờ đến được bệnh



Minh Nguyệt, 1972

viện 203 chung quanh tôi chỉ có 4 bức tường vô lạnh. Nhớ mẹ, nhớ quê hương đến cháy lòng, tiếng nước nở đã thoát ra từ lồng ngực khi nghĩ về sự bấp bênh bệnh tật trong cơ thể mình. Tôi đắm chìm trong nỗi sợ của chính mình, chỉ nghĩ sự tồn tại của chính mình mà thôi, ngay trong thời điểm này, không thể nào tả nổi cảm giác của mình lúc đó. Chỉ khi thấy tôi không còn nở nụ cười trên môi, lúc này các anh chị bộ đội nằm điều trị cùng phòng mới thấy rõ bệnh tình của tôi, họ thường đến thăm và động viên an ủi tôi rất nhiều.

Dù đau nặng, nhưng hằng ngày tôi phải chứng kiến cảnh đồng đội rên rỉ, đau đớn quần quai trên giường bệnh mà thấy đau lòng. Nhiều người nằm bất động một chỗ, họ không đi lại được, còn tôi có đỡ hơn, thỉnh thoảng vẫn cố đi lại để động viên các anh. Trên tường nơi chỗ tôi nằm có câu khẩu hiệu “Dũng cảm trên chiến trường, kiên cường trên giường bệnh”, qua những lời động viên của đồng đội và câu khẩu hiệu trên, dần dần tôi lấy lại được tinh thần và an tâm hơn để điều trị. Hằng ngày bác sĩ cho tôi tiêm và uống bao nhiêu là loại thuốc, đến bây giờ tôi vẫn nhớ các loại thuốc đó như “Si rê Pa, Ivôsceron, mê thi ô nin, sa la mít...” có một lần y tá tiêm tôi loại thuốc gì tôi không rõ, vừa bơm thuốc vào cánh tay trái thì tôi thấy nóng rát, rất đau, tôi bảo: “Chị ơi đau quá tôi không chịu nổi”. Chị đó mắng tôi: “Sao không chịu khó, tiêm thuốc như kiến cắn có gì mà kêu, Mỹ không sợ mà sợ tiêm thuốc là sao?”. Tôi cắn răng chịu đựng không kêu ca nữa nhưng thực tình tôi đau quá mà chảy cả nước mắt. Khi tiêm thuốc xong, tay tôi tím bầm cả một vùng vẫn nóng rát, tôi chạy ngay đến phòng bác sĩ trực trình bày sự việc trên. Bác sĩ nói: “Chết rồi”, không nói gì thêm, vội vàng chạy đến phòng tiêm lấy ra rất

nhiều bình thuốc và châm vào tay tôi vô số cây kim và chích hết bình nước thuốc này, đến bình nước thuốc khác. Dần dần tôi thấy dễ chịu hơn, sau đó tôi hỏi bác sĩ: “Cô y tá tiêm thuốc gì cho tôi mà đau dữ vậy?”. Bác sĩ nói: “Đó là loại thuốc can xi. Thuốc này chỉ định được tiêm vào tĩnh mạch, không được tiêm vào bắp thịt, may cho em là phản ứng kịp thời chứ không thối thịt phải cưa tay”. Ôi dù có đau nhưng tôi vẫn thầm cảm ơn chị bác sĩ đó, nếu mà chị vẫn quan liêu như cô y tá kia chắc tay tôi không còn nguyên vẹn (đến bây giờ trên cánh tay tôi vẫn còn vết tích). Ngoài những loại thuốc trên bệnh viện còn thí nghiệm cho tôi uống thuốc Nam như rễ (tua) cây Đa, tôi ngoan ngoãn uống mà không ngần ngại miễn sao tôi hết bệnh.

Tất cả những thương bệnh binh điều trị ở đây đều chiến đấu ở chiến trường miền Nam ra, nên Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm. Thời gian điều trị ở đây cũng khá lâu, nhưng bệnh tình của tôi không thuyên giảm, dù được y, bác sĩ đã tận tình cứu chữa, mỗi ngày càng trầm trọng hơn. Tôi nằm liệt giường mấy tháng liền, không ăn uống gì được, bác sĩ điều trị chỉ định cho tôi ăn chế độ tự do (vô tiêu chuẩn), nhưng không sao ăn được. Chẳng bù lại hồi ở chiến trường đói khát, không được tý gì để ăn, bây giờ như mâm cỗ đầy, nhiều món ngon vật lạ mà chẳng ăn uống được, thật là trái ngược nhau. Nghĩ trong đầu: “Có lẽ họ biết tôi sắp chết không qua nổi bệnh tật, nên ưu đãi là vậy”. Lúc này tôi nghĩ thương chị gái Ánh Hồng và đồng đội tôi, ước gì những món ăn này được đưa đến cho đồng đội tôi ở miền Nam cùng thưởng thức. Hằng ngày món ăn được hộ lý đưa lên, rồi lại bê xuống, không sao nuốt nổi, có chăng cố gắng lắm cũng vài thìa cháo lỏng. Khi rơi vào tình cảnh này, tôi lại nhớ những ngày đói khát cùng đồng đội,

thấy mà tiếc đứt ruột, nghĩ thương đồng đội, người thân còn ở chiến trường miền Nam, hằng ngày chiến đấu với quân thù, bom đạn chết chóc, đói khát còn tôi thì nằm đây được Đảng, Nhà nước quan tâm chăm sóc lẽ nào tôi lại phụ lòng tốt những người đã quan tâm đến tôi, tự động viên lòng: “Nguyệt ơi hãy cố gắng vươn lên để chiến thắng với bệnh tật như chữ viết trên tường”, “Kiên cường trên giường bệnh”.

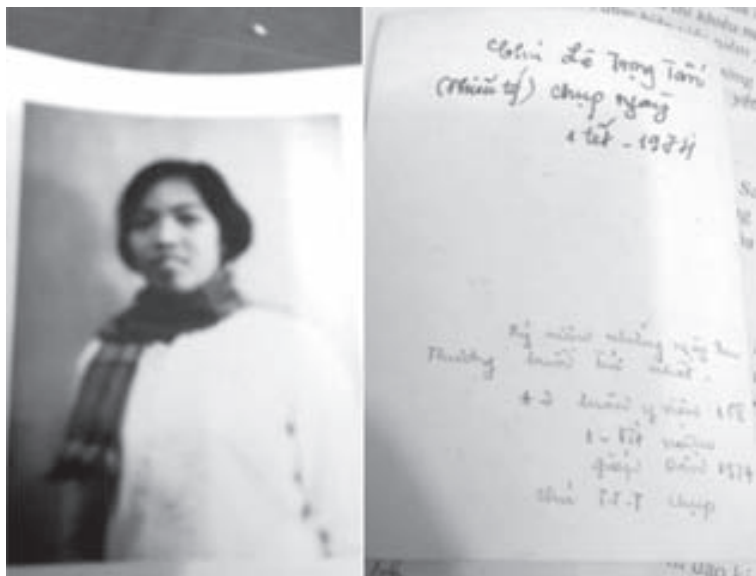
Thời gian đó tôi cấp cứu hoài, da chuyển màu vàng, bụng to, đít teo, nhiều lúc hôn mê rồi tỉnh lại, đây là giai đoạn khó khăn nhất cuộc đời tôi, cảm nhận cái chết đến từ từ, tôi vô cùng kiệt sức và chán nản. Nỗ lực của cơ thể bắt đầu thất bại trong tôi, ước muốn được chết hòa quyện với bản năng sống, khi cảm xúc đó xuất hiện, tôi nghĩ về gia đình mình nhất là mẹ: “Mẹ ơi định mệnh nào đang chờ đợi con phía trước? Con không đủ sức khỏe về gặp mẹ được nữa”. Đó là những gì tôi còn nhớ trước khi ngất lịm, gan, lách sưng to chèn ép và suy tim làm tôi khó thở nhiều lần, đó cũng chính là nguyên nhân làm tôi hôn mê sâu, chết từ lúc nào không biết. Sau này nghe y tá thuật lại: “Độ 7 giờ sáng, chị hộ lý đến dọn phòng bệnh, phát hiện em đã bất tỉnh nên chị gọi y, bác sĩ đến cấp cứu, nhưng không cứu được, bệnh viện mang em ra bỏ nhà xác”. Nghe nói tôi nằm trong nhà xác từ sáng hôm trước, đến sáng hôm sau thì tỉnh lại. Khi tỉnh dậy nhìn chung quanh thấy tối đen mịt mù, tôi ngồi dậy quờ quạng tìm nước uống mà chẳng có. Đến khi trời gần sáng, thấy có vài bao vải màu trắng quần quanh như là thân thể người, phần quá khát nước tôi không để ý những gì xung quanh mình. Khi nghe tiếng bước chân ai đi qua phòng, tôi gọi với và xin nước uống. Lúc này bước chân người như chạy về hướng khác, không đến phòng

của tôi, khoảng sau vài phút có nhiều bước chân đến cùng một lúc. Cửa mở ra, tôi thấy mọi người kéo nhau tới rất đông, chẳng biết việc gì đã xảy ra cho tôi. Ngay lúc đó mọi người cán tôi ra khỏi phòng, lo cấp cứu cho tôi, có chị lau mặt, người lau chân tay, người pha sữa nóng. Khi tôi bình tâm các chị mới kể chuyện, thì ra bệnh viện nghĩ tôi đã chết nên mới đem bỏ vào nhà xác.

Lúc này bệnh viện xôn xao, nhất là các chị trong đơn vị, cũng là đồng hương biết được tin này đã kéo đến vây kín bệnh viện, yêu cầu bệnh viện chuyển tôi đi lên bệnh viện tuyến trên, không thể để cho tôi chết oan uổng được. “Còn nước còn tát”, các chị đã làm đơn kiến nghị lên thủ tướng chính phủ và sau đó có một phái đoàn lãnh đạo cấp trên đến thăm hỏi tôi.

Thời gian sau bệnh viện 203 đã chuyển tôi lên Quân y viện 5 thuộc tỉnh Ninh Bình để điều trị tiếp. Khi chuyển lên tuyến trên điều trị, bệnh tình có khả quan hơn, nằm một mình suy nghĩ, thật ngạc nhiên bởi chính sức mạnh của mình. Mặc dù không tìm thấy câu trả lời, tôi đã nhận ra một điều: thời khắc tôi phải chết chưa đến. Nhưng ngoài sức mạnh cơ thể của tôi, còn có sức mạnh từ tổ tiên và các vị thần tối cao trong vũ trụ bao la che chở. Sau khi chuyển đến bệnh Viện quân y 5 (thị xã Ninh Bình) tôi điều trị ở đó cũng rất lâu, bệnh tình có thuyên giảm hơn, đi lại được, hằng ngày các anh chị thương bệnh binh thường xuyên đến động viên an ủi, cũng nhờ thế phần nào bớt cô đơn hiu quạnh. Tính cách tôi vốn rất hồn nhiên, sôi nổi nên dễ thích nghi với môi trường mới, không chịu phải nằm yên một chỗ. Bớt sốt tôi đi lại động viên, thăm hỏi các anh chị bệnh nặng hơn. Khi trải qua một lần chết hụt, tôi tìm thấy được ý nghĩa của cuộc sống, khi chúng ta vô cảm


với nỗi đau và cái chết của đồng đội, thì đó cũng chính là lúc chúng ta đối mặt với cái chết vô hình - chết khi đang sống. Và đây mới là cái chết tồi tệ và đáng sợ nhất. Cuộc sống cho tôi hiểu rõ “hơi thở” là món quà vô giá của trời đất ban tặng cho nhân loại, vì vậy tôi cần phải nỗ lực và có trách nhiệm hơn với chính cuộc sống của mình và mọi người sống quanh tôi.



Lần chết hụt năm 1974

Chẳng thể nào biết trước chuyện gì sẽ xảy ra, nhưng dù thế nào chẳng nữa nó cũng không khiến tôi quá bận tâm. Tôi luôn tự động viên an ủi mình hãy sống mạnh mẽ và dũng cảm như tôi đã và đang sống.

Vượt lên chính mình

 Cuộc sống cay nghiệt thuở nhỏ, chiến tranh tạo hoàn cảnh không được sống cùng mẹ từ lúc lên 9, 10 tuổi. Chính thời gian đó đã tạo tính cách tự lập cho tôi rất sớm, luôn ý thức quanh mình sẽ không có người thân ruột thịt, nhưng bù lại có đồng đội, đồng chí. Cuộc hành trình vượt Trường Sơn đến được vùng đất Bắc này đối với tôi thật không dễ dàng, phải vượt qua khoảng đường đầy gian khổ phía trước mới thật sự đến được cái đích hôm nay. Thời gian thấm thoát trôi qua bệnh tình đã tạm ổn định, bác sĩ vẫn giữ tôi ở lại bệnh viện để theo dõi diễn biến bệnh. Thời gian trôi qua lặng lẽ và vô vị, cơ thể thấy khỏe lên nhiều, nên chiều chiều tôi thường đi dạo ra ngoài đến các trường học, thấy các em cắp sách đến trường mà lòng ao ước: “Giá như mình được đi học”. Bản năng cầu tiến đẩy tôi về hướng các bạn, lân la làm quen xin xem sách vở. Sau những lần trò chuyện, đêm về luôn mơ tưởng: “nếu được học hành tử tế chắc tương lai của mình thật sáng lạng”. Muốn thực hiện được hoài bão này, tôi nghĩ ra cách tự học để sau này khi hết bệnh, tôi sẽ xin vào trường, như vậy khỏi bỡ ngỡ vì mình đã chuẩn bị trước. Bao suy nghĩ tích cực làm lòng tôi thấy hưng phấn nghĩ: “Ta sẽ cố gắng học

giỏi, sau này còn trở về xây dựng quê hương khi đất nước hòa bình lập lại”.

Xuất phát từ những ham muốn đó, tôi nhờ các anh chị trong đơn vị tìm mua sách giáo khoa như Toán, Lý, Hóa, và các bài tự giải. Sau khi có sách rồi, đêm ngày mày mò nghiên cứu cách làm bài tập, học thuộc lòng các công thức, tự giải các bài toán, có khi bí không giải được lại nhờ các anh chị đi trước chỉ vẽ thêm. Song song với việc học văn hoá, tôi còn học thêm và đan len, học thêm thật khó, nhưng quyết không nản lòng. Có lúc phải đứng hàng tiếng đồng hồ, các chị mới chỉ cho cách thêu, nhất là các chị ở tù chính trị được thả về, chị nào cũng thêu đẹp, một thời gian chăm chỉ, tôi đã thêu và cả đan áo len đẹp không kém gì các chị.

Nằm viện lâu ngày thấy người bực bội nên tôi xin bác sĩ được ra viện. Về đơn vị an dưỡng điều trị tiếp, được về đơn vị tư tưởng thoải mái hơn, bớt nhìn thấy cảnh đau thương của đồng đội. Lúc khỏe hơn tôi cũng tham gia những công việc nhẹ như trồng rau, chăn bò, trực ban, giúp chị nuôi nấu ăn. Nhớ có lần trực ban cuối ngày đi báo cáo tình hình tại trung đoàn bộ, vô tình gặp lại anh Phạm Quang Dậu là thương binh con nuôi của mẹ tôi hồi ở quê nhà. Quá bất ngờ tôi chạy đến ôm anh vào lòng, như vừa gặp được người thân ruột thịt, nhiều cảm xúc buồn tủi ùa về, hai anh em chẳng nói câu nào cho trọn nghĩa, câu trước chồng lên câu sau. Lúc đó anh Dậu chủ động nói: “Nguyệt ơi báo cáo xong anh em mình sẽ tâm sự sau nhé”. Sau khi báo cáo, giao ban xong, tôi ngồi nán lại ở hội trường chờ đợi anh. Được nghe giọng nói của anh sao mà thân thương quá đỗi, xa mẹ và hai chị nay lại gặp được anh, có khác gì gặp được mẹ. Khi còn ở quê nhà, được ở gần anh,

nhưng mỗi người có công việc khác nhau, lúc đó tôi cũng bận công việc lên kế hoạch tác chiến đánh địch ở đồi Núi Chúa Nông Sơn, nên anh em ít có cơ hội nói chuyện, lần này gặp nhau như “cá gặp nước”, tha hồ kể chuyện. Khi nhắc đến tên mẹ, tôi không kìm được nước mắt, anh luôn động viên tôi: “hôm nay anh em mình gặp nhau, anh sẽ thay mẹ chăm lo cho em”, anh đâu biết được tôi hạnh phúc, còn hơn gặp vàng. Anh cho tôi niềm tin bước đi vững chãi trên đất khách quê người, qua lời động viên đó, anh kể chuyện cho tôi nghe vì sao anh được ra Bắc: “do hồi đó vết thương anh tái phát, nhiễm trùng, nên đơn vị cho ra miền Bắc điều trị và an dưỡng, hiện nay anh là phó Chính ủy Trung đoàn 583”. Ôi! đây cũng chính là đơn vị nơi tôi an dưỡng, thật kỳ diệu như trời đất thương cảm đứa con lạc loài nên đưa anh ra Bắc để có ngày hôm nay. Sau nhiều lần trong năm anh em chúng tôi thường tìm đến thăm hỏi nhau và động viên, anh hứa sẽ có ngày anh đưa tôi về thăm quê anh ở Thái Thụy tỉnh Thái Bình, vợ và các con anh đang sống ở đó, đây là người thân duy nhất của tôi nơi đất Bắc.

Câu chuyện rồi cũng đến hồi kết, tôi phải trở về đơn vị. Lúc đi mưa nhỏ, khi trở về nước lũ tràn về (từ chỗ trung đoàn đi bộ về chỗ tôi đóng quân rất xa gần 10 cây số phải đi bộ) khi về ngang qua nhà thờ Châu Sơn, huyện Nho Quan thì nước lũ đã dâng lên băng đồng, tôi sợ quá nếu không vượt qua đoạn nước lũ này thì không biết làm sao. Quay lại trung đoàn đường bộ thì quá xa, còn đơn vị thì gần đến chưa đầy một cây số. Tôi dẫn đo mãi rồi tìm một cái cây chống dò đường, hạ quyết tâm về đơn vị cho bằng được. Dò dẫm từng bước một trong lúc nước đầu nguồn đổ về ngày càng cuồn cuộn, đục ngầu cả đoạn đường tôi phải băng qua, vừa đi vừa sợ lỡ nước

cuốn trôi thì đơn vị chẳng biết tôi đi đâu mà tìm, đi trong nỗi sợ hãi kinh hoàng. Khi vượt qua được tôi hú vía kể lại cho các chị trong đơn vị mọi người đều lo lắng họ nói: “Lỡ có việc gì thì đơn vị biết đâu mà tìm”, nhưng đã về được an toàn ai cũng vui mừng. Sau lần dũng cảm vượt sông liễu lĩnh đó, tôi được đơn vị tuyên dương và cũng phê bình nhẹ: “lần sau em đừng để trường hợp tương tự xảy ra nhé”.

Về đơn vị nhận công tác được một thời gian ngắn lại phát bệnh, phải vào viện điều trị tiếp. Cứ lặp đi lặp lại như vậy, hết quân y viện 5 đến quân y viện 108. Hơn 3 năm trời bệnh tật hoành hành, nhiều mối nguy hiểm đang bao quanh thân thể tôi, có khi nhìn thấy cả thần chết đứng gần đó, nhưng tôi cũng nhìn thấy cha mẹ và cả đồng đội phù hộ cho tôi. Sức mạnh của thần chết luôn là nỗi ám ảnh của con người, dù đã làm tư tưởng nhiều lần, cố quên câu chuyện buồn xảy đến với mình, nhưng mỗi khi bệnh hoạn kéo về trên thân thể rã rời này, là ngay lập tức ký ức buồn (chết hụt) hiện về trong trí nhớ. Lần này tôi không đơn độc, có anh chị đồng hương tiếp sức, hỗ trợ tinh thần rất nhiều, quan trọng chính trong tâm mình phải có thần kinh thép: “Hãy tin tưởng là cuộc đời đáng sống. Lửa niềm tin sẽ thắp sáng tim ta”. Tim còn đập là còn phần đầu, trong đầu lúc này luôn xuất hiện lời nói động viên của mẹ: “Hãy can đảm tin ở chính mình, nhận lấy mọi thử thách cuộc sống đã ban tặng, con sẽ mạnh mẽ đi trên chính đôi chân của mình, mẹ luôn đồng hành cùng con trong chính cơ thể con đó”.



Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không

Thời gian này sức khỏe của tôi có phần tạm ổn, bệnh vẫn còn trong thời kỳ theo dõi để chuẩn bị có lịch mổ nội soi ổ bụng. Ngày điều trị ở bệnh viện Quân y 108, cũng là lúc máy bay B-52 Mỹ tập kích đánh phá 12 ngày đêm vào thủ đô từ ngày 18 đến 30/12/1972. Mỹ thả bom xuống miền Bắc, nghe nói đây là chiến dịch cuối cùng của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam, ngày 18-12 đến 30-12 năm 1972. Tại chiến dịch này, Mỹ sử dụng lực lượng không quân với B-52 làm nòng cốt ném bom rải thảm hủy diệt xuống Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên và các mục tiêu khác liên tục trong 12 ngày đêm. Liên tiếp dội bom xuống khu vực sân bay Nội Bài, Đông Anh, Yên Viên, Gia Lâm... Cuộc chiến đấu ác liệt của quân dân Hà Nội và của lực lượng phòng không, mở đầu chiến dịch 12 ngày đêm “Hà Nội Điện Biên Phủ trên không”. Nhiều máy bay công kích bắn phá các khu vực nội ngoại thành. Trong đêm đầu tiên, bệnh viện sơ tán vào thôn Cán Hữu, xã Cán Thượng, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.

Khi chuyển đến huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây, tôi có lịch mổ nội soi ổ bụng. Trong lúc ngồi chờ, suy nghĩ lung tung tôi sợ quá chưa hình dung được họ mổ như thế nào. Khi nằm trên bàn mổ sợ quá tim mạch huyết áp không đo được, bác sĩ đưa tôi ra phòng chờ. Tôi suy nghĩ họ cũng như mình sao họ chịu đựng được mà mình lại không? Thật ra lúc đó bên cạnh không có một người bạn nào để động viên, tôi chỉ biết gọi mẹ trong lòng: “Mẹ ơi! hãy cứu con với”. Lấy lại tinh thần nắm chặt 2 tay hạ quyết tâm không sợ, bước vào phòng đề nghị bác sĩ cho tôi được mổ. Bác sĩ kiểm tra tim mạch thấy ổn và đưa tôi lên bàn mổ, lúc này tôi cắn chặt hai hàm răng, tự động viên mình không sợ... Cuộc phẫu thuật diễn ra, tôi nằm nghe từng vết dao ngọt lịm cứa vào ruột lạnh ngắt. Sau đó họ đưa dụng cụ vào ổ bụng để nội soi, tôi nghe bác sĩ bảo người phụ mổ quay điện 8vol lên 10 rồi 12vol cảm giác nóng rát, tưởng tượng như chín cả ruột gan. Không thể chịu nổi nóng rát tôi nói bác sĩ: “Nóng quá bác ơi”, bác nói: “Biết rồi cháu cố chịu khó, để mau khỏi bệnh”. Sau khi nội soi, kiểm tra gan lách, bác sĩ tiếp tục bơm ôxy vào ổ bụng tôi, ôxy chạy khắp người rất khó chịu và đau tức. Nó căng phồng toàn cơ thể như quả bóng bơm hơi, cố chịu đựng không kêu la, nhưng nước mắt tự dưng chảy dài, lúc này tôi nghĩ có lẽ tôi chết mất vì đau đớn quá không biết rồi sức tôi có chịu đựng được không? Nhỡ chết mà không gặp được mẹ và những người thân thì tôi ân hận lắm, tôi nhớ mẹ, ước gì lúc này có mẹ bên cạnh để vỗ về âu yếm thì có lẽ cơn đau sẽ dịu bớt, tôi thầm gọi tên mẹ nhiều lần: “Mẹ ơi! Mẹ ơi! Con nhớ mẹ...”. Ca mổ thành công, tôi được đưa về nhà dân nằm điều trị. Biết tôi vừa được mổ, anh Trần Đức Minh là thương binh quê Điện Bàn và chị Thu quê


Bình Định cũng đang điều trị trong viện đến thăm tôi. Lúc này không nói nên lời khi nhìn thấy các anh chị, tôi xúc động tự dưng nước mắt ràn rụa, khóc không thành tiếng anh chị động viên ôm tôi vào lòng và nói: “dừng cảm lên em nhé, rồi tất cả sẽ qua đi...”. Tôi nằm bất động mấy ngày liền không dám trở người, vì mỗi lần cử động ôxy tràn ra rất đau. Khi vết thương ổn định bác sĩ đến thăm khám tôi hỏi: “Bác ơi! gan cháu có bị xơ không hả bác?”, không biết bác sĩ có dấu bệnh tật của mình không? Cuối cùng tôi cũng biết rõ bệnh tình của mình, được bác sĩ giải thích: “Gan cháu hiện nay trong quá trình viêm nhiễm nên nó tiết ra chất nhầy đã dính vào mạng sườn, nên phải bơm ôxy để bóc tách ra, bây giờ tốt rồi, cháu yên tâm điều trị nhé”.

Sau 12 ngày đêm, thắng lợi của quân và dân ta trong chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc về mọi mặt suốt 8 năm chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Tôi được chứng kiến và được nghe qua báo đài, đây là cuộc đọ sức quyết liệt nhất từ trước tới nay. Nghệ thuật tác chiến phòng không hiệp đồng chiến đấu, quân binh chủng của bộ đội ta đã chứng tỏ sức mạnh tổng hợp của lực lượng phòng không ba thứ quân, mà nòng cốt là bộ đội Phòng không - Không quân¹. Khi bình ổn trở lại trên phố phường Hà Nội, bệnh viện đưa thương bệnh binh trở về bệnh viện 108 ở khu B thị xã Hà Đông tiếp tục điều trị.

¹ *Số liệu của Việt Nam:*

81 phi cơ bị bắn rơi gồm có 34 B-52 (16 rơi tại chỗ) và 5 F-111

Hoài niệm tuổi 18

hồi gian điều trị được chuyển nhiều bệnh viện, đây chính là thời điểm tôi được biết thêm nhiều người bạn, trong số đó có các anh chị từ trong Nam ra. Lúc này tôi cũng vừa tròn 18 tuổi, trong thời kỳ này, cũng có các anh đồng hương ngộ ý muốn tỏ bày tình cảm riêng tư như anh Sơn Đông, Hà Văn Huynh, anh Hải, nhưng tôi luôn tìm cách từ chối một cách khéo léo để khỏi mất lòng các anh. Tất cả đều có nguyên nhân, có những chuyện tế nhị chưa thể nói ra, vốn là người kín miệng, không thích kể chuyện đời tư của mình ra nói với người khác. Mỗi lần các anh ngộ ý nói yêu, trong lòng lại xuất hiện những vần thơ ngọt ngào anh Liên dành tặng tôi trước lúc ra đi nhận nhiệm vụ mới, như có vật cản vô hình. Nghĩ đến đó, tôi thấy lòng thấp thỏm không yên, từ lâu tôi cố giấu bí mật đó vào trong lòng, cộng thêm chút vui mừng xen lẫn thẹn thùng mình đã có người yêu trong mộng, nhưng chỉ qua thơ từ. Chủ nhân của lá thư ấy là người đàn ông mà tôi đã từng nhớ nhưng, chính anh ấy đã dạy cho tôi biết thế nào là tình yêu đích thực.

Trong số anh có ý muốn tỏ bày tình cảm, riêng anh Nguyễn Tiến Dũng là người kiên trì nhất, có đôi lúc thấy phiền

lòng, cuối cùng tôi phải nói sự thật tình cảm mình đã dành cho một người khác đó là anh Huỳnh Ngọc Liên. Thậm chí tôi đưa cả thư anh Liên viết cho tôi khi còn ở chiến trường miền Nam, và cả nhật ký tôi viết cho anh khi hai đứa xa nhau. Nếu có dịp nhắc lại chuyện tình qua thư giữa hai chúng tôi, luôn làm trò hề cho mọi người. Họ nói: “Tình yêu ấy không thực tế, bây giờ người ở Bắc người ở Nam, xa mặt cách lòng, em yêu như vậy được sao?”. Khi nghe câu nói đó, tim tôi như thất lại, dù có đau thật, nhưng luôn tự động viên mình: “Có thể nào đi chăng nữa, em vẫn chờ đợi anh như trong thư anh đã hứa với em”, “Nguyệt ơi! Anh cảm động viết lên cho Nguyệt đôi dòng chữ tâm tình, yêu thương với tấm lòng nồng nhiệt trước giờ từ giã và xa nhau. Thôi em hãy yên trí ra đi thành thoi như chiếc đò kia đã sắp rời bến cũ, nhưng làm sao cho con đò này nó sẽ trở lại với chúng ta trong một mùa xuân tuyệt đẹp, huy hoàng của non sông đất nước mau đến với chúng ta trong một ngày quyết định...anh biết Nguyệt rất buồn và hãy thông cảm cho anh em nhé, hẹn ngày tái ngộ...”. Tôi vẫn không thay đổi ý niệm thương nhớ anh, sự nhiệm màu cũng bắt đầu từ lá thư đầu đời anh viết cho tôi, mỗi dòng chữ đã sưởi ấm tâm hồn tôi bằng sự quan tâm chân thành và giản dị của anh, tôi tìm thấy một tình cảm ấm áp, một trái tim nhân hậu và biết chia sẻ. Tôi vẫn thường nhớ lại buổi chiều sắp chia tay, đầy nắng và gió, những tia nắng ấm áp của buổi chiều hôm ấy đã sưởi ấm cả những nơi sâu kín nhất trong tâm hồn tôi. Đây chính là mối tình đầu thật khó phai, tình cảm chúng tôi dành cho nhau chỉ qua vài trang thư, sao mà nó khăng khít đến lạ, vượt lên cả tình cảm hiện nay đang đeo đuổi tôi.

Dù phương trời cách trở, mỗi khi có ai trong huyện Qué Sơn ra miền Bắc công tác, hoặc chữa bệnh, chúng tôi luôn liên lạc thăm hỏi hội đồng hương. Nhờ đó tôi biết tin anh Huỳnh Ngọc Liên bị địch bắt bỏ tù, thời gian đầu tôi đau buồn thật nhiều, nhưng chẳng biết tâm sự cùng ai. Cả mấy đêm liền tôi luôn khóc thầm, như một trận mưa thê lương thấm đẫm trái tim non nớt của tôi, cảm thấy vô cùng chua xót, nhưng sau đó tự an ủi lòng: “Chiến tranh gây bao đau thương cho nhiều người không chỉ riêng ta, hãy luôn chấp nhận nó là hành trang để trải nghiệm”. Trong thời gian đau buồn, anh Tiến Dũng quê



Nguyễn Tiến Dũng

ở Hòa Tiến huyện Hòa Vang, lại nói nửa đùa, nửa thật: “Nguyệt ơi! Liên đi tù rồi thôi đến với anh, khi nào anh ấy ra tù, anh sẽ trả em lại cho Liên”. Nói thật thời gian này tôi cảm thấy mình cô đơn, cũng có đôi lần thấy mến anh Dũng, nhưng về đêm nằm suy nghĩ, lục lại cảm xúc tình cảm ấy, sao thấy không như tình cảm mình dành tặng cho anh Liên, thế là một lần nữa phải từ chối, qua một bài thơ tôi nói lên cảm xúc của mình.

*“Tuyết vẫn ước, băng trinh hồn 18,
Tuổi thơ ngây chim bướm lượn hoa cười,
Dù thời gian có vạn lần thay đổi,
Em vẫn là em gái của anh thôi...”*

Khi nhận được thơ tôi, anh buồn viết thơ trả lời: “Đời anh bây giờ nó như một chiếc xe không phanh đang lao nhanh

xuống dốc, vượt qua bao nhiêu gai góc hiểm trở, xông thẳng xuống vực sâu thăm thẳm, đi đến tuyệt vọng và dừng lại ở nẻo đời cuối cùng ...” anh còn tặng thơ cho tôi:

*Minh Nguyệt! em gái quê hương.
Mà sao cảm thấy dễ thương quá chừng,
Ngày mai anh đã về rùng
Lòng còn lưu luyến ngập ngừng nhớ ai,
Nhớ em trong những ngày dài,
Buồn vui câu chuyện ngày mai của mình,
Sao cho vẹn nghĩa trọn tình,
Đời ta chám dứt chiến chinh cõi lòng”...*

Đọc thơ anh, tôi thấy nội tâm thất vọng qua con chữ, nhưng tim tôi đã có một bóng người... Cũng trong thời gian này, đơn vị anh đang huấn luyện chuẩn bị trở về Nam chiến đấu, đi cùng anh có anh Ngô Văn Sáng, anh Trường quê Hòa Liên và nhiều anh khác. Trong thời gian có nhiều nỗi buồn đến cùng một lúc, tôi thật sự thấy lòng trống trải, vô vị biết nhường nào. Bỗng một tin vui đến bất ngờ, như trời đất thấu hiểu lòng tôi, đưa đẩy chị ruột Ánh Hồng ra Bắc điều trị, vui hơn nữa là được về cùng Trung đoàn an dưỡng 583 của tôi. Thật hạnh phúc không tả nỗi cảm xúc lúc đó, mừng chị vẫn bình an vô sự, có hạnh phúc nào bằng hằng ngày gặp lại chị trên đất Bắc, thấy trong người như vừa được tiêm liều thuốc hồi sinh và một tin vui nữa là có thư của anh Liên gửi cho tôi. Ôi! xúc động quá, tim như nghẹn lại, tôi nhìn những dòng chữ thân quen, như đang nhảy múa cùng nhịp đập con tim tôi. Không tài nào tin nổi, thư anh đi xuyên qua bao núi rừng mới đến tay tôi, nó còn mang cả hơi ấm tình quê hương, trong đó có đồng đội tôi. Một con chữ anh đã truyền cho tôi thêm

sức mạnh để vượt qua tất cả những chông gai thử thách trong cuộc đời, anh viết”... Nguyệt ơi! Chắc bây giờ em đã đoàn tụ với chị rồi, rồi mai đây xuân lại về quê nhà vắng chị, vắng em tha phương sẽ đến với em một mùa đoàn tụ, còn anh nơi quê hương đơn giá này, một mình anh lang thang nơi Đèo Le, Dốc Lếch nặng trĩu trên vai với những chuyến hàng rong, còn em nơi thị thành hoa lệ, em lả lướt vui xuân bên người chị hiền từ... hãy cố gắng lên em hẹn ngày tái ngộ...”. Đọc thư anh trong đầu tôi đầy ắp những hình ảnh khi sắp chia tay, tôi thẹn thùng nhìn anh, đôi mắt đỏ như đang nhìn thấu cảm xúc của tôi, trống ngực lúc đó càng đập mạnh hơn khi được anh trao thư, khi nỗi niềm trong tôi chưa tìm được lời giải đáp, tôi và anh lại xa nhau. Bỗng dưng đọc được thư anh, tôi cảm thấy vô cùng buồn bã. Giờ phút này không biết anh đang làm gì, có nhớ đến bé Nguyệt này không? Cảm xúc ứa về, tôi nhắm mắt lại, hai hàng nước mắt lăn dài trên má. Nước mắt thấm ướt cả gò, đêm ấy chị tôi chẳng hay biết gì, vì vượt Trường Sơn suốt 3 tháng, đêm đầu tiên gặp được em gái chị tôi thả lỏng tâm hồn chìm vào giấc ngủ say, tôi thì không sao ngủ được, nhẹ nhẹ ôm chị vào lòng, đầu áp vào lưng lắng nghe nhịp đập người thân, như thể mình đang ôm mẹ vào lòng. Càng trong tĩnh lặng tôi càng lắng nghe tâm hồn mình nhiều hơn, nhớ buổi gặp chị đầu tiên, tôi ôm chặt lấy cổ chị, đó là lần được khóc một cách thoải mái. Chỉ khi được ở bên mẹ và hai chị, tôi mới có thể thoát khỏi cái bóng là một người phụ nữ trưởng thành để trở về một đứa trẻ con.

Từ ngày có chị ra miền Bắc, hai chị em luôn chăm sóc cho nhau mỗi khi trái gió trở trời. Ngoài này về mùa đông lạnh hơn trong Nam, nên các bệnh về khớp hay tái diễn, nhưng

chúng tôi đã có nhau mọi đau đớn được chia đôi rồi cũng sẽ vượt qua. Nhớ đêm đầu tiên, chị kể chuyện: “Mỹ đi càn vào làng, chúng nó phục kích bắn vào đầu gối của chị, lúc đó chạy không được, chị vừa bò, vừa lết cổ nằm ép sát vào bờ ruộng, kéo rom bà con vừa thu hoạch đắp lên người làm nguy trang để Mỹ khó phát hiện. Chị nằm phơi nắng cả ngày trên đồng ruộng, vết thương quá nặng, máu chảy thấm đỏ cả vùng nước, những con đũa khát máu nhân cơ hội bu vào hút máu chị. Chờ đến tối chị mới dám bò vào rừng tìm đồng đội, do vết thương quá nặng, khi mò, lết đến được bìa rừng thì ngất xỉu, nằm lại đó mấy ngày, sau đồng đội đi tuần mới phát hiện. Vết thương không được băng bó bị nhiễm trùng, có nhiều con giòi bò lúc nhúc, phần đau đớn do vết thương, phần đói và khát nên chị đã kiệt sức”. Nghe chị kể thấy đau nhói trong tim, tất cả những chuyện chị vừa kể, tôi đã nhiều lần chứng kiến đồng đội mình trải qua hoàn cảnh như chị, kể một tôi hiểu nỗi đau chị phải chịu đựng đến mười lần. Đây chính là cơ hội tôi hạnh phúc được chăm sóc cho chị, để bù lại những gì chị đã trải qua mà tôi không có mặt.

Chiến tranh là vậy, nó có chừa một ai. Ngày đoàn tụ hôm đó như ngày hội riêng của chị em chúng tôi, thật là một điều kỳ diệu. Chỉ biết mỗi đêm cầu xin trời đất, linh hồn tổ tiên và linh hồn các chiến sỹ phù hộ cho chúng tôi và cả dân tộc Việt Nam sớm đánh thắng giặc ngoại xâm, để mọi người được đoàn tụ với người thân. Sau những ngày đau khổ, bệnh tật, cả thử thách của cuộc đời, đến hôm nay nhìn lại thấy chị em tôi còn được nhiều may mắn hơn các đồng đội mình, qua nhiều lần chết hụt, đã ngàn lần thâm cảm ơn trời đất, linh hồn tổ tiên cùng đồng đội che chở cho tôi sống đến được ngày hôm nay.

Chị em tôi an dưỡng ở Trung đoàn 583 đến đầu năm 1974 chúng tôi được trung đoàn cho ra quân đi học văn hoá tiếp, ở các trường thương binh như Gia Viễn Ninh Bình, An Dương Hà Nội, Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú. Chị em chúng tôi may mắn được sống cùng nhau ở trường Thương binh Thị xã Phú Thọ. Lúc này tuy sức khoẻ tôi có hồi phục nhưng không được khiêng vác nặng, nên công việc nặng, phục vụ cho sinh hoạt cá nhân chị luôn hỗ trợ, đảm nhiệm giúp tôi, mỗi ngày cảm nhận rõ tình thương chị dành cho tôi nhiều.



Chị Ánh Hồng năm 1974

Khi ai đã từng trải qua một lần chét hụt, họ sẽ biết quý trọng sinh mạng của chính mình và biết quý trọng tình yêu thương của mọi người. Bốn năm xa quê, cảnh vật thay đổi, nhưng không phải tất cả đều mất hết, thời gian vẫn lưu lại rất nhiều hồi ức quý giá, nhiều khi khiến tôi giống như một bà cụ non, hay xâu chuỗi những điều đi qua cuộc đời mình. Tôi cầu mong mẹ được sống khỏe mạnh, bình an chờ ngày con trở về trong đó có cả anh Huỳnh Ngọc Liên.

Tình yêu qua trang thơ thật tinh khiết, như giọt sương mai, như mạch suối đầu nguồn...cứ ngỡ rằng những năm tháng xa nhau nỗi nhớ sẽ nguôi dần, qua bốn mùa, cách hàng bao cánh rừng, nó vẫn nồng cháy như thuở ban đầu, nỗi nhớ vẫn nguyên vẹn... Chính tình yêu của chị và của anh đã tặng cho tôi thêm sức mạnh, thêm nghị lực để vượt qua những khó khăn của bệnh tật...

Một thời gian sau, anh Dũng đến thăm và chào tạm biệt để trở về miền Nam, tôi nhờ anh chuyển thư cho mẹ và anh Ngọc Liên. Đến lúc này anh Dũng vẫn không tin hai chúng tôi thương nhau, tôi mở phong thư gửi cho anh Liên, đưa anh Dũng đọc, lúc này anh trở mặt nói: “Viết thư cho anh Liên nghe tình cảm da diết, còn viết thư cho anh thì cộc lốc”. Sau ngày 29 tháng 4 năm 1973 chúng tôi tiễn các anh lên đường, tại Đồn Dương, Yên Thủy tỉnh Hoà Bình. Cuộc tiễn đưa kẻ ở người đi diễn ra rất xúc động, các chị níu kéo nằm lăn ra đường gào khóc chặn đầu xe không cho xe chạy, dùng dằng mãi hơn 8 giờ xe bắt đầu chuyển bánh, chúng tôi nhìn theo đoàn xe chạy khuất, chị em mới ra về. Trên đường về mỗi người mang tâm trạng khác nhau, người nào người nấy mắt đỏ hoe buồn khi phải chia tay mỗi người mỗi ngã. Mỗi một chuyến vô Nam có nghĩa xác định không có ngày trở về, chiến trường miền Nam lúc đó thật ác liệt, các anh sẽ hy sinh rất nhiều.

Từng chặn đường đi vào Nam, đến điểm dừng nghỉ lại anh Dũng luôn viết thư cho tôi. Thư anh ghi rõ ngày tháng, viết đều đặn không sót ngày nào, mỗi trạm luôn có người đưa thư, anh làm thơ tặng tôi:

*“Anh đi muôn dặm trùng dương
Vẫn mong vẫn nhớ tình thương quê nhà
Gửi về xứ Quê quê ta
Tình thương tha thiết mặn mà tới em”.*

Khi anh trở vào Nam, trên mỗi chặng đường anh đi qua, mỗi trạm dừng chân anh đều có thư về cho tôi. Tôi vẫn trân trọng tình cảm mà anh đã dành cho mình, anh cũng mang một

tâm hồn thi sĩ, không kém gì anh Huỳnh Ngọc Liên. Hôm đó anh đi đến Quảng Bình nghỉ lại ngẫu hứng làm thơ tặng tôi:

*“Màu trắng là màu mây của em
Trắng trời anh lại nhớ em thêm
Anh đi muôn dặm thư về chậm
Chỉ lấy màu mây trắng nhắn em...”*

Những ngày này chị em chúng tôi có nhiều nỗi buồn khác nhau, cầm cuốc xới đất tấng gia mà không tài nào cầm nổi. Thương nhất là cô Hồng (còn gọi là cô Đoan), cô cũng có người con vào Nam chiến đấu, nay không thấy trở lại, cô thương anh Dũng và tôi như con đẻ. Cô và tôi ở chung một đại đội, thấy cô đem đôi giày của anh để lại ra ngắm nghía rồi khóc. Nhớ có một lần cô bị gãy tay, thấy cô đau đớn mà tim tôi thắt lại, giá như cô gánh nặng tôi sẽ san sẻ cho cô bớt một phần. Cử chỉ của cô làm tôi liên tưởng đến mẹ mình, đã nhiều lần lén gạt nước mắt khi nhìn cô khóc.

Qua thư từ tôi biết anh đi cũng khá lâu, nay có thể vào chặng đường Trường Sơn, thư anh gửi ra thưa dần, lá thư cuối cùng tôi nhận cũng là ngày anh vượt Trường Sơn đến được đất Quảng Nam, Đà Nẵng.

*“Sông Hàn nước chảy lững lờ
Người đi xa vắng mong chờ từ lâu
Bao giờ Nam Bắc chung cầu
Cùng đi chung một chuyến tàu về Nam...”*

Mỗi lần nhận được thư người thân quen, tôi luôn viết trong trang nhật ký của mình: “Tạm biệt anh, tạm biệt những người đồng chí thân thương, các anh hãy vững tâm mà chiến đấu bởi trong cuộc sống này vẫn có người đang nghĩ đến các anh”.

Ước mơ được chấp cánh

Ngày đầu tiên chia tay Trung đoàn 583, tạm biệt những người bạn, người chị chúng tôi thật lưu luyến, nhưng cùng sống trên đất Bắc chúng tôi vẫn thường xuyên liên lạc qua thư từ. Nơi chúng tôi đến là trường văn hóa Thương binh thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú. Đây cũng là thời điểm ra quân, đợt này có bạn thân của tôi là Trần thị Thanh Xuân quê



Trần Thị Thanh Xuân

Mộ Đức, người ở tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi ổn định tổ chức, nơi ăn chốn ở, chúng tôi bắt đầu nhận nhiệm vụ mới. Nhà trường quán triệt tư tưởng, học văn hóa cũng như đi chiến đấu nên mọi người phải nỗ lực phấn đấu, đa số chị em chúng tôi đều chưa học đến nơi đến chốn, bây giờ được Đảng, Nhà

nước quan tâm cho đi học. Nhiều đêm nghĩ: “mình học không ra hồn thì xấu hổ”, các chị tâm sự: “đi chiến đấu với quân thù dễ hơn đi học văn hóa”. Về phần tôi, thời gian nằm viện tôi đã nghĩ ra cách tự mày mò học trước, nên bây giờ khi được đi học, chẳng thấy ngại ngùng, mà còn háo hức chờ đợi đến ngày kiểm tra chất lượng đầu vào. Tôi mạnh dạn đăng ký dự thi vào lớp 7 (hệ 10 năm, cuối chương trình cấp 2). Còn bạn tôi là Trần Thị Thanh Xuân thi vào lớp 4, sau khi thi xong tôi được điểm cao nên nhà trường đã xếp tôi vào học lớp 7, sợ nhiều chỗ mình còn mất căn bản, nên xin nhà trường cho học lại lớp 6 để nắm chắc hơn, nhà trường đồng ý.

Bài học đầu tiên của tôi là bài giảng văn về bài thơ “Đi học” viết về bà Hồ Thị Bi, bài thơ có đoạn:

*“Tiếng keng reo vang trong nắng ấm
Chị vào lớp học bước băng khuâng
Bao nhiêu năm trước từng mơ ước
Cấp sách tung tăng đến học đường....”*

Qua khổ thơ trên, thấy sao nó giống tâm trạng của mình trong quá khứ, chiến tranh xảy ra nên bao người trẻ như tôi không được đến trường. Nay được học bài thơ này, thật cảm xúc vô cùng, như ai đó đã nói thay suy nghĩ của mình, càng đọc lòng thấy càng hưng phấn, học hết giờ lúc nào cũng không hay biết. Từ đó trở đi tôi lao vào việc học như con thiêu thân, không để phí thời gian, sau giờ lên lớp về nhà tôi cặm cụi làm bài tập, không bỏ sót bài nào. Có những bài toán khó, tôi cùng chị Trần Thị Hà (người Nam bộ) chơi thân với nhau, cùng học một lớp, hai chị em thi nhau giải bài tập, bằng nhiều phương pháp khác nhau, sau đó đối chiếu kết quả, chẳng mấy chốc

tôi trở thành học sinh giỏi toàn diện. Thấy việc học của mình quá dễ dàng không có gì trở ngại, tổng kết năm học tôi đạt học sinh giỏi, nhà trường giao làm cán sự kèm lại cho các chị học yếu. Một nghịch lý xảy ra, các chị học yếu thường hay trốn học đi xem phim, còn chúng tôi lúc nào cũng lè kè những cuốn sách. Khi lên lớp thầy kiểm tra thì các chị chỉ chép lại của tôi, các chị chỉ mong sao cho “qua cầu” lên lớp khỏi học lại là mừng rồi.

Ngoài giờ học chúng tôi còn tăng gia sản xuất, chăn nuôi để cải thiện đời sống, tham gia văn nghệ thể thao. Tôi tập bóng chuyền, bóng bàn, là người ham hiểu biết, thích vận động, sống sôi nổi hoạt bát nên thích nghi rất nhanh. Chị Hà và tôi những lúc rảnh rỗi thường rủ nhau chơi bóng chuyền, hết giờ học chị em trong trường ra sân tập luyện, chẳng bao lâu sức khỏe tôi dần dần hồi phục, tham gia nhiều hoạt động của nhà trường, như biểu diễn văn nghệ phục vụ cho nhân dân nơi tôi đóng quân. Nhớ có một lần tôi được chọn trong đội văn nghệ, có mặt trong vở kịch dâng ca Liên khu 5, “Hai chị em”, tôi và Nguyễn Thị Tới (quê Tam Kỳ) biểu diễn được hoan nghênh nhiệt liệt... Xong một đêm biểu diễn, mặt mũi chúng tôi đen nhám vì khói của đèn dầu (còn gọi là đèn gió, thời kỳ này không có điện). Những ký ức đẹp được sống trong nhà trường XHCN luôn sống mãi trong lòng tôi. Học ở trường thương binh thị xã Phú Thọ gần 3 năm, nơi đây cũng để lại cho tôi bao nhiêu kỷ niệm êm đềm.

Rạng sáng ngày 29- 3- 1975, nghe tin Quảng Nam - Đà Nẵng và các tỉnh hoàn toàn giải phóng. Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng kết thúc thắng lợi đã góp phần to lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho chiến dịch giải phóng thành phố Hồ Chí

Mình giành thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam. Nghe tin Đà Nẵng sau 10 ngày giải phóng đã ổn định, cuộc sống nhân dân đã trở lại sinh hoạt bình thường. Quần chúng nhân dân hân hoan, phấn khởi. Ngày 15- 5 - 1975, cả thành phố bắn pháo hoa mừng cả nước sạch bóng quân thù, mừng đất nước hòa bình, độc lập. Chúng tôi ở ngoài miền Bắc mừng vui khôn xiết, ôm nhau nhảy múa reo hò, thức thâu đêm suốt sáng ăn mừng thắng lợi. Nổi vui mừng đó không tài nào diễn tả nổi bằng ngôn ngữ, chúng tôi tụ tập ngồi quanh loa phát thanh nghe ngóng thông tin từng ngày, từng giờ, chiến thắng của quân và dân ta như nước triều dâng, niềm vui của chúng tôi hoà cùng niềm vui chung của dân tộc. Những ngày tháng này tôi thấy trong người khỏe hẳn ra, đón tin chiến thắng vọng về như liều thuốc hồi sinh, tinh thần phấn chấn tin tưởng thắng lợi đã đến rồi, chúng tôi sẽ trở về quê hương chung tay góp sức xây dựng quê hương sau bao nhiêu năm bị chiến tranh tàn phá...

Đà Nẵng, Quảng Nam với truyền thống của mảnh đất kiên cường, luôn đứng ở đầu ngọn gió, đã hai lần đi đầu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Với đại thắng mùa Xuân 1975 của dân tộc, một pho sử oai hùng của sự nghiệp giữ nước vĩ đại của dân tộc trong đó có đóng góp to lớn của nhân dân Đà Nẵng - Quảng Nam. Thắng lợi đó đã mở ra những trang sử mới gắn liền với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương trên con đường xây dựng, đổi mới nhằm mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước ngưỡng cửa của một thiên niên kỷ mới. Trong nhận thức sơ khai của tôi: “Trong công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, chúng tôi chỉ cần có lòng dũng cảm, nhiệt tình với cách mạng là có



Minh Nguyệt - 1973

thể hăng say đánh Mỹ, còn bây giờ đất nước thống nhất, tiến lên xây dựng CNXH mà chỉ có lòng dũng cảm, nhiệt tình không thôi thì không đủ mà phải có kiên thức mới có thể góp phần xây dựng quê hương, đất nước”.

Chính vì trong chiến tranh không được học hành, tôi luôn mơ ước có ngày được cấp sách đến trường, ước mơ ấy đã thành hiện thực và với suy nghĩ muốn góp phần xây dựng quê hương, có nghĩa ta phải có kiến

thức, từ đó tôi luôn hăng say học tập. Trong hai năm học tiếp theo tôi đều đạt học sinh giỏi, khi tốt nghiệp cấp 2, tôi mong muốn được đi học tiếp nhưng nhà trường không cho, đành phải chờ đợi thời cơ đến. Một hôm, nhà trường thông báo có đợt thi tuyển vào các trường Trung cấp như trung cấp y, dược, trung cấp kế toán tài chính, lương thực, thực phẩm, mặc dù không muốn những ngành nghề này, nhưng tôi cũng đi thi để giết chết thời gian. Trong giai đoạn này, ngành lương thực, thực phẩm là ưa chuộng nhất, thi cả ngàn người mà chỉ lấy mấy chục, sau khi thi xong tôi được kết quả 33, 5 điểm (trong đó toán 10, hoá 9, 5, lý 9, văn 5). Trường tôi chẳng ai đạt điểm cao như tôi, khi nhận được kết quả, các chị trong phòng tập thể công kênh đưa tôi lên, vì điểm của tôi rất cao. Lúc này tâm trạng tôi chẳng thấy vui, vì không đúng nguyện vọng, thi cử

để thử sức mình. Đạt điểm cao như vậy cũng là lẽ thường với lực học của tôi, ấy thế tôi chẳng được trúng tuyển vào ngành lương thực, tôi chẳng hiểu vì sao? cũng chẳng buồn khi mình trượt trung cấp.

Sau khi miền Nam hoàn toàn được giải phóng, chúng tôi hòa cùng niềm vui chung của dân tộc, nước nhà đã sạch bóng quân thù cả nước chuẩn bị hiệp thương để thống nhất đất nước. Trong thời gian này có lệnh cho bộ đội tập kết ra miền Bắc xuất ngũ về địa phương, trong đó có trường văn hoá thương binh tỉnh Vĩnh Phú của chúng tôi. Được tin phục viên các chị có trình độ văn hóa thấp đã chấp nhận chủ trương trên đăng ký xuất ngũ về địa phương, riêng còn một số anh chị em trong đó có tôi và Chị Quỳnh (quê Quảng Ngãi), chị Ánh Hồng, chị gái của tôi không muốn phục viên, vì xét cho cùng, chúng tôi còn có khả năng phục vụ cho cách mạng, nên mọi người đăng ký xin tiếp tục cống hiến đến hơi thở cuối cùng cho cách mạng. Tôi là người cầm bút thay mặt các anh chị miền Nam, viết đơn gửi lên văn phòng chính phủ nhiều lần, nhờ anh con nuôi mẹ tôi tên Thái Hoàng công tác bên bộ ngoại giao chuyển cho ông Dũng ở văn phòng chính phủ, nhờ ông can thiệp và chuyển cho lãnh đạo của tỉnh Quảng Nam. Gửi thư cho bác Hồ Nghinh ra hộp ở Trung ương, đề nghị mong muốn được trở về quê hương phục vụ công tác xây dựng lại quê hương sau chiến tranh, chúng tôi “tàn nhưng không phế” còn đủ sức để cống hiến cho cách mạng. Sau khi gửi đơn, chúng tôi kiên trì chờ đợi nghe ngóng tin tức và được sự đồng ý của tỉnh.

Tháng 12 năm 1976, Sở Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Nam cho xe ra miền Bắc đón chúng tôi về đơn vị trại

thương bệnh binh của tỉnh đóng tại Đà Xu Hoà Cường thành phố Đà Nẵng. Sau khi về đơn vị mới, các anh chị lần lượt xin ra quân, đi xây dựng đập Phú Ninh hoặc về các đơn vị khác, còn tôi vẫn nằm chờ chưa biết đi đâu. Tôi vẫn nuôi hy vọng được đi làm một ngành nào đó có tính chiến đấu cao như các cơ quan trong khối nội chính, nhưng vì chưa quen biết ai nên chẳng biết xin việc ở đâu, đành phải nằm chờ đợi sự phân công của tổ chức.

Bỗng một hôm đang chơi bóng chuyền dưới sân, lãnh đạo trạm thương binh gọi tôi lên trao đổi nói: “Có các anh là cán bộ tổ chức Viện kiểm sát tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đến tuyển chọn cán bộ”. Lúc này tôi được lãnh đạo Trạm chọn và hỏi ý kiến của tôi: “Chị có đồng ý về Viện kiểm sát Quảng Nam không?”. Nghe vậy tôi mừng lắm, trước đây tôi cũng có nguyện vọng về làm cán bộ kiểm sát để giữ cán cân công lý, vì ngành kiểm sát theo tôi hiểu nó có tính chiến đấu cao, phù hợp với tính cách mạnh mẽ vốn có trong tôi. Ngay lúc đó tôi đồng ý về Viện kiểm sát Tỉnh Quảng Nam. Trong ngày hôm đó thấy lòng thật hạnh phúc, bao hoài bão cũng dần xuất hiện, như trời đất, tổ tiên thấu hiểu ý nguyện của mình.

Tháng 5 năm 1977, tôi nhận nhiệm vụ tại Viện kiểm sát tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng. Lúc đầu còn bỡ ngỡ nhưng tôi cố gắng tìm tòi học hỏi và được cơ quan tạo điều kiện cho đi học một khoá thống kê tội phạm. Khi được tiếp cận thực tế, tôi đã làm tốt công việc được giao. Sau khi ổn định công việc, tôi tìm hiểu trường lớp để tiếp tục theo đuổi việc học văn hóa. Anh chị ở Viện kiểm sát khuyên tôi nên theo học cuối cấp 2 (lớp 9), không nên học cấp 3 vì chương trình ở miền Bắc dạy hệ 10 năm, còn ở miền Nam dạy hệ 12 năm. Tôi thật sự băn

khoản, suy nghĩ nên nộp đơn 2 nơi: 1 là Trường Trung học Trung Vương Đà Nẵng, 2 Trường cấp 3 Phan Châu Trinh, thành phố Đà Nẵng. Sau đêm học đầu tiên ở trường Trung Vương, thấy chương trình không nặng, nên tôi xin chuyển qua trường Phan Châu Trinh học lớp 10, khi kết thúc năm học, tôi được khen tặng học sinh tiên tiến, học lực khá và giỏi.

Đến kỳ nghỉ hè, tôi cùng các anh trong lớp như anh Tâm, Liệu và hai người nữa nhờ thầy Thuận, cùng hai thầy đang dạy trong trường dạy kèm cho chúng tôi 3 môn - toán - lý - hoá lớp 11. Học xong chương trình lớp 11 chúng tôi nộp đơn vào lớp 12, sau 2 năm học lớp 12a và 12b, tôi đạt học sinh khá trong học kỳ và được khen thưởng học sinh tiên tiến thi tốt nghiệp cấp 3. Như vậy việc học văn hoá của tôi diễn ra suôn sẻ. Đến giai đoạn thi vào trường Cao đẳng Kiểm sát, tôi thấy trong lòng hơi lo lắng, nhưng nhờ các anh chị trong Viện luôn động viên, hy vọng tôi thi sẽ đỗ. Miệt mài học tập, cuối cùng kết quả không phụ lòng tin yêu của mọi người. Khi thi xong số



Năm 1986 vui xuân cùng gia đình

điểm của tôi cao nhất so với anh chị cùng thi trong lần đó. Thi đậu vào trường Cao đẳng Kiểm Sát, tôi chuẩn bị gói ghém hành trang bắt đầu cuộc sống sinh viên như tôi hằng mơ ước...

Đây cũng là bước ngoặt lớn trong cuộc đời sự nghiệp của tôi sau này. Tháng 5 năm 1981, tôi tạm biệt mẹ và hai chị lên đường tìm tương lai, một lần nữa xa rời Đà Nẵng thân yêu ra Hà Nội học tập. Trên suốt đoạn đường đi ra Bắc, liên tục tự hỏi tại sao mình đăng ký học một trường cao đẳng xa nhà, xa người thân, xa bạn bè. Nhưng tôi biết, bây giờ không phải là lúc xem xét lại quyết định của mình. Tôi không ngừng tự nhủ rằng mình đang trên đường đi học, để mở rộng chân trời của mình. Những tuần đầu tiên đặt chân vào nhà trường, thật khó khăn đối với tôi, khi tất cả số học sinh đã nhập học, tôi hơi lo lắng với việc phải làm quen với số nữ sinh trong cùng tầng ký túc xá. Nhưng rồi mọi chuyện cũng được ổn thỏa, cũng nhờ có những năm tháng được sống trong tập thể quân đội, tôi có kỹ năng hòa đồng rất nhanh. Đây là giai đoạn rất quan trọng trong tương lai của tôi, luôn nhắc nhở mình: “vẫn phải thận trọng để không lãng quên nó, mà thay vào đó là tập trung vào hiện tại và hướng tới tương lai”. Suy nghĩ thật nhiều, nếu



Nữ sinh viên lớp 1B khóa đào tạo 1 trường Kiểm sát Hà Nội

không đi qua thời kỳ này, tôi sẽ bỏ lỡ rất nhiều thứ, bỏ lỡ những cuộc trò chuyện đêm khuya.

Thời kỳ còn trong cơ chế bao cấp, cả nước cùng gặp

hiều khó khăn, nhất là lương thực, sinh viên chúng tôi toàn ăn bo bo hạt, đói vô cùng. Đến bữa mỗi sinh viên ăn được 1 chén hạt bo bo đã nấu chín hoặc chị nuôi quan tâm hơn thì máy bột lược mỗi người cũng chỉ một nắm nhỏ, canh thì “toàn quốc”. Khổ nhất ở trường luôn thiếu nước sinh hoạt, giếng nước thì có phèn, chúng tôi phải tự chế dụng cụ để lọc nước, như tận dụng thùng sắt đục lỗ cho sỏi, cát, than củi bỏ vào thùng để lọc phèn, khổ nổi nước phèn cũng không có mà dùng để lọc, chúng tôi phải lấy nước sông Nhuệ. Thời gian này sông Nhuệ nước lúc nào cũng đỏ ngầu, bao hóa chất độc hại của các nhà máy thả trực tiếp ra sông, cộng thêm chất thải của bệnh viện Hà Đông. Biết vậy nhưng không có nước sạch, buộc chúng tôi phải nhắm mắt dùng liều thứ nước bị ô nhiễm đó, các bạn ở Nam mới vào trường không chịu nổi dòng nước ô nhiễm, nên toàn thân nổi ghẻ ruồi, nám hắc bào, có nhiều bạn nam về mùa đông cả tháng chỉ tắm vài lần.

Khó khăn đủ mọi điều cho sinh viên miền Nam, nhưng khóa học đào tạo 1 của chúng tôi thì khởi chê, ai nấy thức thâu đêm, suốt sáng thi nhau học tập. Chúng tôi thường hay nói đùa câu: “Ăn như tu, ở như tù, nói như lãnh tụ”. Sau khi vào học được 1 học kỳ nhà trường thấy tôi ốm đau hoài, sợ không theo nổi, cộng với thời tiết khắc nghiệt, ăn uống kham khổ. Ông hiệu trưởng lo lắng cho sức khỏe của tôi, nên gọi lên văn phòng thông báo cho nghỉ học, đưa tôi trả về đơn vị công tác. Khi nghe tin này, tôi thật sự hoang mang, lo lắng không biết tương lai của mình sẽ ra sao, bệnh tật liên miên, nghĩ thời gian trong chiến trường mình đã trải qua bao thăng trầm của cuộc sống, không thể bỏ cuộc trong lúc này. Biết lực học của mình sẽ vượt được kỳ thi này, tôi mạnh dạn làm đơn đề xuất nguyện vọng với nhà trường, cũng may lúc này có ông

Nguyễn Ngọc Long (nguyên phó viện trưởng) Viện kiểm sát tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đang theo học lớp chuyên tu, tôi tranh thủ nhờ ông năn nỉ nhà trường giúp tôi được theo học tiếp. Thời kỳ đó, thật nhiều khó khăn cản trở con đường học của tôi, tôi làm đơn cam kết: “Nếu quá trình học tập mà nhờ tôi có chết thì gia đình tôi không được khiếu nại”, nhà trường thấy quyết tâm của tôi tha thiết, nên ban lãnh đạo nhà trường động lòng, ủng hộ cho tôi được tiếp tục học tập.



Chi bộ lớp 1B trường Kiểm Sát

Năm học đầu tiên, tôi đã phấn đấu học tốt cuối học kỳ tôi được nhà trường khen tặng học sinh tiên tiến. Sức khỏe cũng dần khá lên, thích nghi với môi trường mới, nhưng khi trời đổi gió, vẫn thường xuyên ốm đau, tôi luôn tự động viên lòng: “không nản chí luôn hướng về phía trước”. Thời gian này tôi được bầu vào ban chấp hành phụ nữ của trường, làm phó bí thư chi bộ và ban cán sự lớp. Trong lớp có thành lập một chi bộ Đảng, anh Nguyễn Đức

Hạnh làm bí thư, tôi và anh Phạm Văn Mịch làm phó bí thư, lớp tôi có 9 chị em nữ, mỗi người mỗi quê nhưng rất thương nhau, động viên chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống.

Sống ở Trường Cao đẳng kiểm sát Hà Nội 4 năm đầy khó khăn gian khổ, chúng tôi thường hay nói đùa với nhau trường 3K: “khô, khó, khổ” đầy ắp những kỷ niệm buồn vui, thầy trò rất gần gũi chia cho nhau từng điều thuốc lá, sống vô tư chỉ lo học tập không lo nghĩ việc gì khác. Chiều chiều cắp sách thả hồn bên bờ sông Nhuệ, ngồi dưới hàng phi lao học bài, cảm thấy lòng thanh thản bình yên, chính nhờ sự lạc quan đó mà tôi đã vượt qua tất cả những ốm đau, bệnh tật và những khó khăn của cuộc sống mang đến. Nhớ có một lần ôn thi hết năm học của môn hình sự, lúc này tim tôi có vấn đề, thường hay ngất xỉu nhiều lần, bạn cùng phòng thì lên lớp ôn thi, còn tôi phải nằm lại một mình trong phòng, cũng nhờ các bạn lớp chuyên tu như Khánh Bình, Hằng Nga đến túc trực thay nhau bên cạnh để săn sóc canh giữ tôi.

Ngày thi đã đến các thầy khuyên tôi hoãn lại đề thi sau, nhưng tôi vẫn quyết tâm xin vào lớp đề thi, tự tin vì tôi đã học rất kỹ, thuộc lòng, không có gì trở ngại, chỉ sợ sức khỏe cản trở. Nhưng rồi kết quả không phụ lòng mong đợi của mọi người, ngoài sức tưởng tượng của thầy cô và bạn bè, tôi đạt được điểm khá, giỏi môn hình sự và dân sự.

Tích tắc đã qua 4 năm ngồi trên ghế nhà trường, khi quay ngược dòng thời gian, nhiều điều trải nghiệm trong môi trường sinh viên thật là tuyệt. Đúng vậy đấy, có rất nhiều sự thay đổi khi chúng ta gia nhập vào thế giới học trò “nhất quỷ, nhì ma, ba là học trò” có nhiều chiêu khó đỡ cũng phát sinh ra từ lũ học trò tinh nghịch. Buộc phải làm quen với nhiều thứ, như thức đêm học thi và những lần thiếu ngủ, đó là khoảng thời gian để tôi và các bạn trưởng thành, trở nên mạnh mẽ hơn trong



*Cùng bạn đồng hương Quảng Nam
tại trường Cao đẳng Kiểm sát Hà Nội*

đầy đủ khuôn mặt thân thương. Trong sổ lưu niệm đầy ắp những dòng chữ thân thương triu mến của các bạn gửi tặng tôi có cả những lưu bút của các thầy, các cô...

*“...Xa nhau rồi, bao cái nhớ cái thương
Em gửi lại trong con tim mình tất cả
Chúc chị niềm vui không nề hà vất vả
Vươn tới ngày mai tươi sáng cuộc đời...”*

*Xa nhau rồi, chị mãi nhớ thương ơi!
Nhớ đôi mắt suốt đời luôn bình dị
Nhớ tâm lòng trọn đời luôn tri kỷ
Nhớ! Nhớ hoài, nhớ mãi không thôi.
Nhớ mãi trong em, chị Nguyệt đang cười*


Qua 4 năm học, tôi có nhiều niềm vui mang về tặng mẹ, đó là thành quả học tập, đều đạt học sinh tiên tiến, được khen

trương lai. Khi năm học kết thúc, thật đáng buồn cười là tôi đã khóc thật nhiều, vì nhiều lý do, nhất là bạn bè đã bước qua cuộc sống của tôi và biết rằng khó có ngày gặp lại

thường, tất cả nhờ tình yêu thương của mẹ và hai chị, nên tôi luôn có một sức mạnh vô hình cộng thêm sự nỗ lực của bản thân luôn quyết tâm phấn đấu hết mình. Sau khi tốt nghiệp ra trường, trở về Viện Kiểm sát tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng và được phân công làm nhiệm vụ mới, kiểm sát điều tra án hình sự. Sau thời gian tôi được tăng cường về Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phụ trách khâu công tác điều tra và xét xử án hình sự, sau đó tôi được bổ nhiệm phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, đến khi chia tách địa giới hành chính tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng thành tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung ương, tôi được bổ nhiệm làm Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu.



Sống cùng kỷ niệm

ề công tác tại Viện Kiểm sát, nhiều người thấy tôi chưa lập gia đình, họ khuyên tôi nên xúc tiến tìm hiểu nếu ai đó tâm đầu ý hợp thì kết bạn, đừng để tuổi xuân trôi qua một cách vô vị. Khi nghe được những lời khuyên ấy, tôi thầm cảm ơn bạn bè đã quan tâm đến đời sống riêng tư của mình. Trước mặt mọi người, tôi luôn nở nụ cười thân thiện ít ai đoán được tâm trạng của tôi. Khi trở về phòng ngủ tập thể, đây chính thời gian nội tâm của tôi gợn sóng, bỗng dưng thấy lòng vô cùng buồn bã và trống trải, lại nhớ đến tình cảm đầu đời không thành, những vần thơ anh Liên gửi cho tôi trong thời chiến luôn nằm trên đầu giường. Đã qua hàng chục năm trôi, có dịp đọc lại, vẫn mang nhiều cảm xúc trong lòng như thuở lần đầu đọc thư anh. Ép vội lá thư mong manh vào ngực, hai hàng nước mắt cứ thế lăn dài trên má, thấm ướt cả chiếc gối: “Anh bây giờ vui vậy bên vợ con”. Tôi biết mình không có quyền phán xét điều ấy, nhưng khi nghĩ đến lòng vẫn thấy ghen ngào, chính anh là người đã từng làm tôi ngày đêm nhớ mong, rót giọt đắng hòa quyện cả yêu thương, để rồi tan vào hư không.

Vết thương lòng chưa nguôi, thì vết thương chiến tranh đang lộng hành trên gối trái của tôi, như cố tình làm cơ thể tôi suy sụp thêm, đau nhức dữ dội, không tài nào đi lại được,

buộc phải vào Viện quân y C17 khám. Khi nhập viện bác sĩ chỉ định phải mổ gấp để gấp mảnh đạn ra khỏi đầu gối, không sẽ gây biến chứng. Lập bệnh án tôi được đưa ngay vào phòng mổ, sau này được bác sĩ kể lại “mảnh đạn nằm ngay ổ khớp gối, vì vậy ca mổ phải kéo dài vài tiếng đồng hồ mới hoàn thành”. Sau đó tôi chuyển đến buồng hậu phẫu, đến tối tôi mới tỉnh dậy, đầu vẫn còn choáng váng, sau đó tôi lại lịm người vào giấc ngủ mê man. Phải đến gần 3-4 giờ sáng mới chừa mình tỉnh dậy, nhìn quanh phòng không một bóng người, cổ họng khô và đắng, chân đau ê ẩm, vừa khát nước, mà cũng muốn tiểu tiện, chân lúc đó bị bó bột cố định, không làm sao bước xuống đất được, thật tiến thoái lưỡng nan. Nhìn xuống chân giường lại có một cái bô, tôi cố trườn người xuống để đi vệ sinh, loay hoay mãi, vết thương mới quá đau, không tài nào làm được, đến đoạn bí quá không chịu nổi liền mình cuối xuống thấp hơn, lúc này cả thân hình ngã sóng soài trên nền nhà, cũng là lúc tôi không còn biết điều gì xảy ra cho mình. Khi tỉnh lại thấy mình nằm ở buồng khác, lúc này có y tá, y sĩ và hộ lý túc trực theo dõi tôi.

Nằm viện nhiều tuần vết thương hành hạ tôi dữ dội, cuối cùng nó cũng lành miệng, cứ ngỡ mình sắp được ra viện, ai ngờ thật xuôi xẻo, bên ngoài lành nhưng bên trong lại ung mủ, đầu gối lại sưng to. Hằng ngày y sĩ phải lấy kim hút cả ly mủ ra khỏi đầu gối, sau đó tiêm thuốc trực tiếp vào ổ khớp, phải mát cả tháng trời mới lành. Khi gối lành cũng đồng nghĩa chân không co duỗi được, việc đi lại phải ngồi trên xe lăn. Mỗi ngày thấy lòng càng bi quan, như thế này làm sao đi làm việc được, tôi đã thầm khóc một mình, khi vào viện tôi không thông báo cho mẹ, biết được mẹ sẽ đau lòng. Ngồi xe lăn độ 3 tháng, thời gian này tôi luôn tự động viên mình, phải cố tập

đi từng bước một, tập đi bằng đôi nạng gỗ, trong thời gian này thỉnh thoảng có em Nguyễn Thị Hồng Thanh cùng công tác ở Viện vào viện đưa tôi đi dạo quanh, nhờ thế tôi thấy mình tự tin hơn. Khi còn một mình ở phòng, mỗi ngày tôi tự tập luyện, dần chân co gập được, đến lúc này tôi bỏ nạng gỗ ra đi men theo bờ tường mỗi ngày một bước nhỏ, cuối cùng trời cũng không phụ lòng kiên nhẫn của tôi, nên đã cho tôi đi được trên chính đôi chân của mình. Hậu quả của lần nhiễm trùng ấy để lại chân trái tôi bị teo, lần đó chân vẫn còn đau nhưng tôi quyết tâm trở lại công tác. Cuộc sống là vậy, có ai học được chữ ngờ...

Ba tháng nằm viện, bao tuổi hờn một thời xa vắng lại ùa về. Nhớ lại khi còn ở miền Bắc, vào khoảng cuối năm 1974, nhận được thư anh Liên tôi rất phấn khởi, cứ ngỡ mình sẽ đón nhận những lời yêu thương từ miền Nam gửi ra, có ai ngờ đó là lá thư buồn anh viết: “Nguyệt ơi! Hãy quên anh đi bởi vì tuổi xuân của người con gái có thì, biết bao giờ chiến tranh kết thúc, nếu chờ đợi anh lỡ cả cuộc đời của em thì sao? Hiện tại ba anh già yếu, ông cũng mong con trai mình xây dựng gia đình, nên giữa chữ hiếu, chữ tình anh chọn một...”. Đọc thư anh tôi cảm thấy vô cùng chua xót, ngày hôm đó, trận mưa đầu tiên của mùa đông đã rơi xuống, từng giọt mưa tí tách, một cơn gió bắc thổi tới mang cả bầu trời xám xịt bao trùm cả linh hồn tôi. Tôi như người chết đuối trên cạn, biết không thể níu kéo anh chờ đợi tôi: “đúng xa mặt cách lòng”, nhưng sau đó, tôi tự trách mình đã quá ích kỷ. Trước khi đưa ra suy nghĩ viết vào thư, đêm đó trong lòng cũng có một trận mưa thê lương, thấm đẫm trái tim nặng nề của tôi “bên hiếu, bên tình”. Cuối cùng tôi cũng khuyên anh nên làm tròn chữ hiếu, mấy đêm liền, sau đó không tài nào chớp mắt được, ký ức xưa

lại quay về, cảm giác tủi thân lại nhớ đến mẹ vô cùng: “Mẹ ơi! Con sẽ về ở bên mẹ, con có mẹ là có tất cả”. Nhờ có những suy nghĩ tích cực, tôi lấy lại dũng khí tách rời cảm xúc tiêu cực, từ đó tim tôi như chết lặng “mộng ước chưa thành đã lẽ đời” lâu dài tình yêu của tôi như đã trảng xây cát biển đông, tôi sống trong im lặng và buồn tủi.

Nhiều năm sau đó, vốn là người có lòng tự trọng cao, kín tiếng, không muốn đem chuyện riêng tư của mình ra chia sẻ với bạn bè. Thế là tôi cố nuốt bí mật đó vào trong tim, cố chôn sâu dĩ vãng, từ đó không muốn đặt vấn đề xây dựng gia đình, bởi vì còn nhiều lý do khác. Cuộc chiến đi qua, để lại trong thân thể tôi bao nhiêu bệnh tật, nên chẳng muốn lập gia đình, nhờ bệnh hoạn xảy ra gây thêm gánh nặng cho chồng con, thời gian này cũng có nhiều người thương yêu tôi thật sự, đến bay giờ tôi vẫn còn nhớ những bài thơ các anh gửi tặng.

*“Trời Đà Nẵng đổ mưa
Trăng đêm nay vắng bóng
Nỗi nhớ Trăng thấp thỏm
Ngay trong giấc ngủ mơ
Câu chuyện thật không ngờ
Bạn anh ché lãng mạn
Anh cười xoà trong đó
Bờ Đà Nẵng vắng Trăng
Ơi! ngày rằm có đẹp....”*

Thơ với thân! chẳng còn cảm xúc, lúc đó tôi vẫn có những bản thảo suy nghĩ về lời khuyên của mẹ: “Nguyệt ơi! mẹ ra đi rồi, con chưa lấy chồng sau này con ở với ai”. Đúng như lời mẹ nói, mắt mẹ càng thấy lòng trống trải. Có một thời gian tôi không thể kiểm soát nổi tư duy của mình, thi thoảng, lại nhớ về những chuyện đã qua, tôi luôn mơ tới cuộc sống khi

được ở bên mẹ. Mẹ mất vào tháng 7 năm 1976 tôi chẳng biết nương tựa vào ai, ngày tháng cứ trôi đi một cách lặng lẽ và vô vị, dường như nó cứ trôi đến vô tận, nỗi đau lớn nhất trong đời tôi, khi mẹ còn sống, tôi vẫn chưa lập gia đình, để mẹ được chứng kiến ngày con gái lên xe hoa: “Mẹ ơi! tất cả là do định mệnh sắp đặt, nào ai muốn mà được, con chỉ biết xin mẹ tha thứ cho con”, nhiều lúc ân hận thì cũng đã muộn.

Từ dạo mẹ về đoàn tụ với cha, mỗi đêm trăng tròn, tôi hay ngồi một mình ngắm trăng trước hiên nhà. Đêm đó trăng tròn giống như một cốc nước đầy, khi tình yêu và những chuyện đã qua như nước tràn ra khỏi miệng cốc, luôn ám ảnh những lời hứa, năm lần bảy lượt được mong nói lại có chung một kết cục, làm sao có thể tin vào câu nói ngắn gọn (anh yêu em) mật ngọt của cánh đàn ông, khi tình yêu năm lần bảy lượt được nhắc tới rồi lại bị hủy. Thất vọng ở mỗi tình đầu chớm nở, tôi luôn hoài nghi, vì vậy vẫn không muốn kết bạn với bất kỳ bạn trai nào, khi những lời đường mật cứ lập đi lập lại, những lời hứa tốt đẹp không còn khiến tôi xúc động, một chút cũng không thể, một giọt sòng cũng không thể. Trái tim như đã trở thành mặt nước bị đóng băng, hai chữ “chờ đợi” quen thuộc với tôi, quen thuộc đến nỗi càng sợ hãi, cảm giác cô đơn đưa tôi sống khép kín, tâm trạng đầy ắp những hoài niệm của tuổi thơ, bên những chiến hào chiến đấu, những đêm dài không ngủ, tâm trạng của tôi giống như bài thơ viết về “Chị” của Vương Trọng:

*“ Hẹn một lời, chờ đợi mấy ngàn ngày.
Anh đi biệt phương trời không trở lại.
Căn nhà rộng ngày lẻ loi mình chị,
Đêm thấp đèn thêm bóng nữa thành đôi...”*

Sống với những kỷ niệm xưa, với những trang thơ và trang nhật ký, tôi thấy còn dễ chịu, đã một thời cho tôi biết

rung động, đến giờ vẫn khiến cho trái tim tôi thổn thức. Những vần thơ ấy, luôn có chỗ đứng trong những kỷ niệm của tuổi thanh xuân, chưa bao giờ phai nhạt. Thơ còn nguyên lời hẹn ước, người lặng lẽ ra đi, sự chờ đợi trong 6 năm qua bỗng chốc vỡ òa, tan tác muôn nơi. Khi cảm xúc ấy về, tôi ôm chặt chiếc gối khóc thầm lặng lẽ trong đêm tối, qua cử chỉ, ánh mắt buồn có người cảm nhận được nội tâm của tôi, họ làm thơ chia sẻ:

*“Trăng sáng trong anh nửa cuộc đời
Sao em cứ để lá vàng rơi.
Mai vàng đang đợi mùa xuân tới
Sao chẳng cho đời Trăng sáng ơi!..”*

Bài thơ này một người khác tặng tôi vào năm 1988, mặc dù tôi vẫn có những băn khoăn suy nghĩ, nhưng vẫn chưa dám mở lòng cùng ai. Một suy nghĩ ở vậy hay lập gia đình nó dẫn dắt tôi, tôi đắn đo suy nghĩ rất nhiều, đấu tranh với quân thù thì dễ chỉ một mất một còn, nếu đứng trước quân thù mà do dự thì kẻ thù sẽ giết chết ta, nên ta sẵn sàng nổ súng. Còn khi đấu tranh với lĩnh vực tư tưởng bao giờ cũng gay go phức tạp, mất ăn mất ngủ có khi dẫn đến tuyệt vọng! Lúc này tôi nhớ mẹ hơn bao giờ hết, nếu không nghe lời mẹ thì mình là đứa con bất hiếu, thôi thì đành chấp nhận lập gia đình để mẹ yên lòng nghỉ ngơi nơi chín suối, từ suy nghĩ này nên tôi mở lòng để đón nhận tình cảm nếu phù hợp với mình...

Thời gian sau, có đôi lần tôi muốn khóc, nhưng không tìm được lý do để khóc. Bởi vì, những chuyện đau khổ mà tôi trải qua trước đây đã lấy hết nước mắt của tôi rồi:

*“Ngày nào cất bước sang nhà mới.
Ai đắp dùm tôi nắm mộ tình...”*

Một bước ngoặt lớn trong cuộc đời

Sau một thời gian khá lâu, tình cờ gặp lại anh Tân Văn Bảo - chồng tôi bây giờ, (trước tôi có quen ở trường Kiểm sát), hai chúng tôi gặp nhau trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt, có lẽ đây là mối nhân duyên “Trời định”. Anh Bảo là một người đàn ông hiền lành, tốt bụng, lịch thiệp, tôi nghĩ người đàn ông ấy có những đức tính mà tôi tin rằng có thể gửi gắm bản thân và cùng anh đi suốt cuộc đời, xây dựng một cuộc sống gia đình hạnh phúc. Cả anh và tôi, là những người đã trải qua cuộc khủng hoảng tinh thần, được sống sót sau cuộc chiến tranh chống Mỹ, thời điểm này cả hai gần như không còn sức lực để chờ một tình yêu bay bổng. Chúng tôi chỉ muốn gầy dựng và ổn định lại cuộc sống càng nhanh càng tốt, sau bao nhiêu biến động và xáo trộn. Tình bạn, mối đồng cảm và sự tương thân tương ái đã là quá đủ.

Qua hai năm tìm hiểu, chúng tôi chính thức đặt vấn đề đi đến hôn nhân. Cuộc hôn nhân đến trong niềm vui riêng của chúng tôi có cả hai bên gia đình họ hàng bạn bè chúc phúc. Đúng trước bàn thờ Tổ tiên ngày đó tôi đã khóc thật nhiều và khẩn nguyện: “Mẹ ơi! Con đã thực hiện đúng nguyện vọng của mẹ, cầu xin Tổ tiên, ông bà, cha mẹ gia hộ cho chúng con

sống được hạnh phúc như mẹ hằng mong ước, đúng vào ngày 18 tháng 3 năm 1990 (tức ngày 24 tháng 2 năm Canh Ngọ) con gái Nguyễn Vũ Minh Nguyệt lên xe hoa”.



Đám cưới năm 1990

Sau 2 năm yêu nhau với bao thăng trầm, chuẩn bị cho một đám cưới hằng mong ước, cuộc đời tôi rẽ sang một bước ngoặt mới trong bộ áo dài cưới tinh khôi. Từ đây giã từ cuộc sống độc thân để tay trong tay với người chồng về ngôi nhà mới, xây tổ ấm lứa đôi của riêng mình. Chúng tôi sống với nhau rất hạnh phúc, đến ngày 04 tháng 1 năm 1991 đưa con gái đầu lòng tôi chào đời. Thời gian mang thai cháu, do bệnh tật tiềm ẩn trong cơ thể và thời kỳ đó gia đình còn gặp nhiều khó khăn, ăn uống thiếu chất dinh dưỡng, khi con gái chào đời, cháu cũng bị suy dinh dưỡng từ trong bào thai. Còn nhiều nguyên nhân khác chưa rõ, nên dẫn đến sinh non, chưa đủ tháng. Phần do tắc trách của ca trực ngày hôm đó, họ không

quan tâm theo dõi diễn biến bệnh, lúc đó tôi lên con co thất tim, không thở nổi, khiến cháu bị vạ lây, suýt nữa bỏ mạng cả 2 mẹ con. Cũng may phước đức của gia đình tôi quá lớn, nên mẹ con tôi qua được cơn nguy kịch lần vượt cạn đó.



Bé Morina 6 tháng tuổi

Cháu bé sinh ra chỉ có 2kg2 lúc đó cũng ngạt thở tím tái, nên bệnh viện cho nằm vào lồng kính. Hơn một tuần, cháu tạm ổn ra viện, con bé háu ăn nên cháu mau bình

phục, phát triển tốt rất kháu khỉnh niềm hạnh phúc vợ chồng tôi nhân lên gấp bội. Nhưng khổ nỗi do bệnh tật, nên khi sinh cháu tôi không có sữa cho con bú, chồng và người thân của tôi bế cháu đi xin sữa khắp nơi, nhưng cũng không đủ, phải mua sữa ngoài rất tốn kém, ba ngày một lon MORINAGA, (tôi đặt tên cháu Mô Ri Na). Cũng may lúc đó có chị Hồng của tôi hỗ trợ về vật chất và tinh thần nên vợ chồng tôi đã vượt qua khó khăn hiện tại. Lương thời đó, hai vợ chồng ba cọc ba đồng không đủ sống, sau giờ làm việc tôi làm thêm đủ thứ, nào thêu ren áo cho công ty xuất nhập khẩu, may gia công, dán bao cù là, bao đũa, khâu đóng sách cho nhà in, nuôi heo để kiếm thêm thu nhập...

Những công việc trên là sở trường của tôi, chỉ có nuôi heo là cực nhất, tôi phải vào tận chợ Bà Rén trên chiếc xe đạp cọc cạch để mua heo giống. Hằng ngày tôi đi chở nước mã khắp xóm về cho heo ăn, nuôi nhiều lắm, lúc nào trong chuồng heo của tôi cũng có 3 loại: loại heo con, loại choai choai, loại lớn, kế tiếp nhau như vậy vừa đỡ tiền giống vừa đỡ thức ăn. Hai tháng là xuất chuồng một lần trên 4 tạ, nên cũng có thu nhập, cuộc sống có đỡ hơn. Tôi cố gắng chịu đựng “không lẽ nổi nhọc nhằn cơ cực cứ đeo bám mãi đời tôi sao”, “sông có khúc, người có lúc”, sau cơn mưa trời sẽ tạnh, thời đó tôi nuôi heo mau lớn, hàng xóm nói: “có lẽ do Nguyệt mát tay”, nuôi heo chóng lớn và không có bệnh tật.



Cu Linh 6 tháng tuổi

Cuộc sống cứ vậy trôi qua cháu bé Mô Ri Na đã 3 tuổi, tôi tiếp tục mang bầu và sinh cháu thứ 2 vào năm 1994. Gia đình luôn đầy ắp tiếng cười của trẻ thơ, chồng tôi ở bộ đội nên thường

công tác xa nhà, một mình nuôi con, cáng đáng mọi công việc gia đình và xã hội. Có nhiều đêm án mạng xảy ra, hay khám nghiệm hiện trường tử thi, tôi đóng cửa nhốt con ngủ trong nhà để tham gia khám nghiệm, mặc dù cuộc sống muôn phần vất vả nhưng tôi vẫn vui, vì bên cạnh tôi cũng có rất nhiều người hiểu và cảm thông chia sẻ... Một hôm mấy anh ở trong

Đảng bộ quận Hải Châu ngồi tâm sự với tôi: “Em bỏ sức lao động để chăn nuôi là việc làm đáng trân trọng, nhưng anh thấy thương em, đường đường là Quận ủy viên, Viện trưởng Viện Kiểm sát một quận trung tâm, hết giờ làm họ đi ăn, đi nhậu còn em thì hì hà, hì hụp chui chuồng lợn, vào các quán xá để chờ nước mã, anh thấy xót xa, chẳng có cách nào giúp em... bỏ sức lao động để chăn nuôi là việc làm đáng trân trọng, không dễ chi người khác làm được như em, anh vẫn tự hào về em, nhưng anh vẫn thấy thương em”.

Từ những lời tâm sự chân tình đó tôi rất cảm động và suy nghĩ, họ cảm thông, nhưng kinh tế có ai can đảm chia sẻ. Thôi mỗi nhà mỗi cảnh, cố gắng chịu đựng “sông có khúc, người có lúc”, nuôi heo là nguồn thu nhập chính của gia đình tôi. Thời gian sau có chủ trương không cho nuôi heo trong thành phố. Lúc này hết đường tôi mới chấm dứt việc chăn nuôi, cũng là thời gian chấm dứt nỗi nhọc nhằn cơ cực của tôi.



Gia đình tôi

Sau khi chấm dứt công việc chăn nuôi heo, tôi làm thêm nhiều việc như may gia công áo quần cho công ty xuất nhập khẩu và thuê ren cho công ty ngoại thương, đóng sách cho nhà in báo Đà Nẵng, mỗi ngày lại thêm đơn đặt hàng. Có thời gian làm thêm bánh bột lọc, lúc đem ra chợ không ai mua, chị gái tôi phải mua hộ cho công nhân ăn. Mỗi lần như thế chị cho vợ chồng tôi 10 ngàn đồng, cũng nhờ từ đó gia đình tôi cũng tạm ổn vượt qua cảnh túng thiếu, con cái cũng dần khôn lớn, nổi nhọc nhằn cũng lắng xuống. Khi cầm một bát cơm trắng trong tay, mùi thơm bốc tỏa lên mũi khơi dậy ký ức về một thời đói khổ trong chiến tranh, mơ mình được ăn một bát cơm trắng. Hồi ấy đội du kích xã Sơn Viên chúng tôi sống bằng sắn mót, rau dại, cá chết bom... Đến giờ, vẫn còn nhớ nồi cá sặc mùi thuốc súng và sáng rực ánh lân tinh. Cũng nhờ những con cá nhiễm độc đó mà đội du kích đủ sức để đánh giặc. Hôm nay kể chuyện cho con cháu cùng các em học sinh, làm sao hiểu nổi những khó khăn mà người lính đã đi qua trong chiến tranh. Sẽ không thể hình dung được chúng tôi sống bằng những thứ nhiễm độc mà có thể làm nên những trận núi Chúa, núi Vú Bạt vĩa quân thù, đã từng bắn hạ hai chiếc máy bay giặc. Núi Chúa, theo truyền thuyết của người dân Quế Lộ, là ngọn núi thiêng, vừa hùng vĩ, vừa hiểm trở, không có đường lên. Đó là nơi để các bậc thần tiên, vua chúa “đi mây về gió”.

Trong những năm 65 – 69 là thời gian tôi trải qua nhiều thử thách, những năm đầy áp kỷ niệm vui buồn. Thời gian cứ lặng lẽ trôi đi, cứ ngỡ lòng đã khép kín có ai ngờ khi đọc lại bức thư của bạn năm xưa lòng vẫn thấy xót xa, thương nhớ đồng đội đã hy sinh.



Hội nghị Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu năm 2000



Thư đồng đội

10 ơi! Nói như liệt sĩ, chiến tranh bom đạn nó chừa mình lại đến ngày hôm nay, thì hồi đó mình làm một người viết ký thiết thực để ghi lại những sự kiện của quê hương một thời chiến tranh khốc liệt, cả những gian và thời gian, thì có lẽ hôm nay người viết lại sẽ chừa xác hộc. Còn bây giờ ghi lại được cũng có cái như cái quên, ngay cả tên của trong thời mình cũng quên mất, như tên quên họ, còn về một thời gian đó là sẽ không chính xác, dù như mọi mùa những cũng có thể chép như thế.

Hồi đó mình còn nhỏ lắm, như nhất lớp, so với lúc tuổi 17 bây giờ chỉ mới là học sinh lớp 8 lớp 9. Mà học sinh lớp 8 lớp 9 bây giờ đã làm việc gì ngoài việc học. So sánh như vậy mình nói tháng tuổi 17 của học sinh thiết thực anh hùng. 16 tuổi đã vào trận chiến, viết khẩu súng trường K44 của anh dũng, nếu mạng chừa đến thì cũng sống đã chiến hết đất này, vậy mà cũng sống xong phong trào đánh Mỹ. Súng trường K44 mà cũng đánh đi đó sống với AR 15 Đại liên 60, Krôn 12, Pháo 105 - 175 cũng với xe tăng máy bay cò lái. Thật là nó tiếng mà là nó tiếng thật với nó tiếng có thật, nếu như không có người viết lại có lẽ con cháu mình sẽ không bao giờ tin là chuyện có thật.

Cuối tháng chạp năm 1967 với chúng nó chia lửa cũng chiến với Mậu Thân. Địch lính của họ chỉ mang xe từ Sơn Khương và Sơn nên phải hợp với xã 1 đó Đu Kiệt đi tấn công Địch trả trung đoàn. Từ Đu Kiệt vào đến gần có Nguyệt, Minh và Phan Văn, từ của Sơn Khương có Đặng Nghĩa (tên 2 Nhân) Lê Quý và Nguyễn Ngọc Anh (tên Tuấn) họ quyết tâm đánh phá chốt địch trả. Thật đúng là chiến tranh mới có những chuyện như vậy. Chỉ có 6 người mà cũng đánh đi tấn công diệt chốt

kiến cô của đòch. Trên đòch hay Ichang thành, bà vì đi gần tới
chết thì đòch bị vướng lều đòch bị thủng mất 3 người, Lê Sơ, Nguyễn
và Miết. Nguyễn còn nhớ không khi về đòch ban chỉ hung trên ruộng
ở gần tại xóm có thừ Sứ và Ngõ xóm Thọ hằng bỏ cho mình,
màu da nhiều quá, người lớn như lớn, con trẻ đến hơn anh,
cái chèo đã trên có xếp cho anh đòch lớn rồi mình cũng chạy
không về nhà của 2 người để lại đòch, sáng hôm sau mình
đi về đòch xã Ngõ xóm Thọ.

Sau đó 3 tháng, tháng 3 hay tháng 4 năm 1968. Phối hợp cùng Đu
Kiến Sơn, Trương và Lê Thị Huyền, tôi cùng đòch từ Lào (trên
này chắc là có anh) bởi vì lúc đó mình không còn tác chiến
mũi và tiền chiến cũng tác làm như Kỳ Bội xã đòch, Anh
Phan Thiệu làm bí thư, Đảng ủy Huyện phó bí thư.


Trên đòch tôi ta ta diệt gần đòch tôi 30g bảo an ngay, để
đòch dân Miết bỏ đòch Huyền hay sinh, Anh hai tôi cũng
hợp sức ở đòch này, anh như Kỳ nội viết, đòch làm Kỳ niệm
cho cuộc đời; Khi nào có hai nhớ gửi về mình xem với cho vui

Có sáng trung chiến tranh nói thấy trên cái giá phải trả
cho nhà con người, cho nhà cuộc đời, chiến tranh trả cái gì thì trả cái,
cấp mà cái trả thanh xuân làm nhiều trong đòch, cấp cái những
người chúng yêu nhất của mình. Bấy giờ thấy họ trả công
trong lửa binh làm nhiều anh lực, trả vui. Sống sống không biết
chúng có nghĩ về tôi trả ban mình lại tôi không hề kể gì
một thời nước ngoài họ mình để lại đòch 17 một thời thì vui
biết mấy.

Chúc anh khỏe mạnh - Hạnh phúc.

Huyền Ngọc Liên

Vượt qua thử thách một đời người

 i qua bao cung bậc thăng trầm của cuộc sống, từ cô du kích nhỏ, rồi chính thức vào ngành kiểm sát nhân dân. Từ đó đến nay đã gần 49 năm gắn bó với sự nghiệp cách mạng, được giữ nhiều chức vụ quan trọng khác nhau trong xã hội như: Phó Viện trưởng VKSND thành phố Đà Nẵng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu từ năm 1994 - 2008. Trong những năm đó tôi nhận nhiều danh hiệu cao quý của Đảng và Nhà nước trao tặng, như Huân chương, Huy chương, chiến sĩ thi đua liên tục 10 năm liền trong ngành Kiểm sát. Nhiều bằng khen của các cấp từ trung ương đến địa phương, “Doanh nhân tiêu biểu thành phố Đà Nẵng và sơ kết 5 năm thi hành luật công chứng, được Chủ tịch UBND TP. Đà Nẵng tặng bằng khen. Nhiều năm liền khen tặng “Thực hiện tốt chính sách pháp luật về nghĩa vụ thuế”. Được người tin dùng bình chọn. “Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011 và 2014”.

Cuộc thi nhân tố mới thời đại Hồ Chí Minh đã chọn được những gương mặt xuất sắc nhất, là những nhân tố tiêu biểu cho thời đại Hồ Chí Minh. Nguyễn Vũ Minh Nguyệt vinh

dự được tôn vinh trong cuộc thi này. Năm 2013 được Trung tâm văn hóa doanh nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng “Bảng vàng lưu danh Doanh nhân văn hóa thời đại Hồ Chí Minh”.

Năm 2008, nhận quyết định nghỉ hưu. Sau nhiều năm tháng phấn đấu không mệt mỏi, không tiếc máu xương để góp phần giải phóng đất nước cũng như đứng mũi chịu sào, cầm cân nảy mực trong đấu tranh phòng chống tội phạm, tôi có thể sống an nhàn lúc xế chiều. Thế nhưng thôi thúc từ bên trong và cuộc sống buộc tôi phải xắn tay lập văn phòng công chứng. Lúc đó thật sự có rất nhiều lo lắng trong lòng, trăn trở vì đây là lĩnh vực hoàn toàn mới, rủi ro cao... nhiều lúc nản chí định rút lui nhưng nghĩ đi nghĩ lại mình có điều kiện thì phải tiếp tục cống hiến, làm việc gì đó có ích để phục vụ nhân dân. Vậy là tháng 8 năm 2008 văn phòng công chứng Bảo Nguyệt chúng tôi ra đời. Hơn 6 năm qua, văn phòng công chứng Bảo Nguyệt liên tục phát triển đội ngũ công chứng viên, chuyên viên ngày càng chuyên nghiệp. Từ năm 2009 tôi còn xây dựng trang điện tử: <http://www.congchungbaonguyet.com.vn>, liên tục cập nhật dữ liệu liên quan đến trong và ngoài nước, truy cập.

Trong bối cảnh đất nước hội nhập, các giao dịch dân sự kinh doanh, thương mại và các quan hệ trong nhiều lĩnh vực khác đang ngày càng đa dạng và phức tạp. Vì vậy công chứng trở thành loại hình dịch vụ pháp lý quan trọng và cần thiết, góp phần đảm bảo cho các mối quan hệ được phát triển bền vững, ổn định và đúng pháp luật.

Hiểu được pháp luật, tôi mạnh dạn tiên phong tham gia xã hội hóa lĩnh vực công chứng ở thành phố Đà Nẵng. Văn phòng công chứng Bảo Nguyệt tại số 50 Hoàng Văn Thụ quận

Hải Châu thành phố Đà Nẵng ngay trong những ngày đầu đi vào hoạt động đã khẳng định được chủ trương xã hội hóa hoạt động công chúng của Đảng hoàn toàn hợp với lòng dân. Để tạo điều kiện tối đa hơn nữa cho khách hàng, văn phòng công chúng Bảo Nguyệt tiên phong đưa trang thông tin điện tử vào hoạt động nhằm phổ biến pháp luật đến mọi người dân cũng như các cơ quan tổ chức.

“Bảo Nguyệt luôn ý thức được trách nhiệm phát triển văn phòng luôn đồng hành cùng các hoạt động phục vụ cộng đồng, hướng tới cộng đồng nên đã tích cực tham gia nhiều hoạt động công tác thiện nguyện”.

Bận rộn với biết bao công việc, lòng tôi vẫn luôn đau đáu nghĩ về người nghèo và gia đình chính sách. Hòa bình trên đất nước đã qua 39 năm cũng là bảy năm mang nhiều thương tích hậu quả của chiến tranh để lại. Nhưng nhìn lại đời mình vẫn còn nhiều may mắn hơn đồng đội đã ngã xuống. Trong cuộc sống thường nhật vẫn còn có bao điều cao cả nhưng bình dị khiêm nhường khiến chúng ta phải ngỡ ngàng. Nhiều gương sáng của anh hùng liệt sĩ, các mẹ Việt Nam anh hùng không tiếc máu xương vì một đất nước hòa bình và cần mẫn tận tụy cống hiến hết mình tô điểm cuộc sống mà không màng đến bằng vàng hay tấm huân chương. Luôn tự nhắc nhở lòng: “Dù bất cứ ở đâu, bất cứ hoàn cảnh nào phải luôn quyết tâm học tập tấm gương của các mẹ đã làm”.

Trải qua 49 năm (1965-2014) cùng đồng đội chiến đấu trên quê hương, cùng đồng đội xây dựng đất nước tiến lên xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh”. Làm sao kể hết chi tiết trong quyển hồi ký này, có rất nhiều lần tự đặt câu hỏi cho

chính mình: “Làm cách nào tôi còn sống sót đến tận bây giờ”. Đây là một câu hỏi không dễ trả lời, tôi có thể chia sẻ với bạn đọc rằng: “Tất cả tình yêu thương của Tổ tiên, ông bà, cha mẹ, đồng đội, cùng bao người dân vô tội đã khuất trên chính quê hương đã che chở cho tôi”.

Đó là câu chuyện của tôi. Nó không chỉ thật một cách sâu sắc, tôi nghĩ rằng câu chuyện của mình còn dài lắm nhưng chỉ gói gọn một phần nhỏ trong quyển hồi ký này.

Được sống sót, tôi thấy mình phải có trách nhiệm duy trì ngọn lửa của tinh thần cách mạng mà đồng đội tin yêu. Luôn quý trọng những thành quả của cách mạng đã mang lại nền Độc lập, Tự do, Thống nhất cho Tổ quốc.

“Quá khứ vinh quang chỉ được trân trọng khi hiện tại làm đẹp cho đời...”

Cầu mong linh hồn Tổ tiên, ông bà, cha mẹ và đồng đội tôi, cùng bao người dân vô tội xã Sơn Viên sống mãi trong đoạn hồi ký này.

Cầu mong những trang hồi ký này tôn vinh và nhắc nhở mọi người hãy luôn luôn yêu thương và sống trong hòa bình đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

“Sống để yêu thương và chia sẻ. Sống để cảm thông và cống hiến, sống hết mình theo lý tưởng và những điều nhân nghĩa mà Bác Hồ kính yêu đã dạy”.



Anh Hồ Thanh Xuân



Ngày nào đó em là Đe' llo'
 Chứa tới mũi nhưng tay tuyệt vô'
 Khỏe lắm, khoẻ lắm, khoẻ lắm, khoẻ lắm
 Khỏe lắm, khoẻ lắm, khoẻ lắm, khoẻ lắm
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám

Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám

Lời hứa em là bầu trời xanh
 Giữa cánh quạt, trời như, cánh địa
 Giữa núi, giữa núi, giữa núi, giữa núi
 Giữa núi, giữa núi, giữa núi, giữa núi
 Giữa núi, giữa núi, giữa núi, giữa núi

Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám

Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám
 Chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám, chờ Đám



Mạo ngộ sao, Biệt kích đồ hồn
 Muốn cái xông trời đồ chiều nghiêng
 Giấc Biệt kích chưa say ngon mết
 Muốn nổ súng, Quân thù gần hết
 Cả bầu trời mịt mịt khơi khơi (6)

Giấc Mỹ kia lữ cấp đồ hồn
 Muốn về chết tằm nhện giáp mặt
 Nhử ngọc lừa không bao giờ tắt
 Muốn chạy lên Thiên Bách quân thù
 Em là người Du. Lộc chiến khu
 Muốn Nguyệt hỡi! em là Dũng Sĩ.

Chưa cuối xuân Tân Mão 30.4.2011.

Anh ở hàng) Ucub

Chú thích:

- 1, rình chờ trong hầm để giết hoặc chặn lại địch nếu cao nhất có thể là, trên cầu đẹp có hơn 30, đầu chân cao hơn ngày xưa, để đầu súng, (c) dấy dấy như hoi, xuống áp. Ngày xưa ngày ra người ra gọi hát say vào 5'. và cũng Ngọt khi chưa này Trung Quốc tranh đấu để bắt kể quan sát không chỉ là cả 2 bên dứt đi, và chuyên gia.
- 2, Mì cái ăn mì hấp tức là thịt, cũng là mì, chân công ta tìm hiểu 1 trong 10 bí quyết Mỹ hơn 30 tên. Chết công sự ở đó về mình người và ở đó phải thì hay cũng 2000 quân 6' là phần Pháp 100' ngọt. hay là 3 30' Ngọt - Ngọt - Pháp 30' họ 500'.
- 3, Ta cũng phải thấy 155 của đời cái tên Thành trấn ở dưới đất.
- 4, 200' Pháp - Ngọt nhất mạt về không mạt về nói phải phải 155 này trên 50kg. Từ người nói chưa có ở cao Mỹ đúng về nhất cao. (1200m)
- 5, Mìn lên cái mìn 5-7 ngày đời nói ở quân bắt kể.
- 6, Cả bầu trời nói chưa 2 máy bay phóng phải phải kể công nói nói mìn, cũng nói về Mỹ star star tung tên cả bầu trời đến ngày.

Những bài báo thời nay

CHUYÊN ĐỀ THÁNG 8-2004

Hồ sơ kiểm sát

BÀI DỰ THI: -VIẾT NHỮNG KỶ NIỆM SÂU SẮC VỀ NGÀNH KIỂM SÁT NHÂN DÂN-

Người nữ du kích núi Chúa ngày ấy... bây giờ

“Ai đã một lần đến Viện KSND quận Hải Châu - TP.Đà Nẵng hẳn sẽ còn nhớ chị. Gương mặt để gấn, dáng người phúc hậu trong màu áo thiên thanh thân thuộc... chị là Nguyễn Vũ Minh Nguyệt - Viện trưởng VKSND quận Hải Châu suốt từ năm 1997 cho đến bây giờ.



Chị Nguyệt nhận Cờ thi đua đơn vị xuất sắc cho VKSND Quận Hải Châu từ tay đồng chí Trương Quang Dược (nguyên Bí thư Thành ủy Đà Nẵng) trao tặng. Ảnh: T.L.

Sinh ra trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng, cô bé Nguyệt đã sớm biết nuôi dưỡng lòng căm thù với quân đế quốc bạo tàn. Ông cố nội vốn là nghĩa quân của phong trào Cần Vương, đã bị giặc Pháp xử tử, bố là Đảng viên Đảng Lao động Việt Nam đã mất khi chị còn trong bụng mẹ. Gia đình là một cơ sở cách mạng trong suốt những năm 50, nuôi giấu các cán bộ lãnh đạo của Đảng nằm vùng hoạt động như đồng chí Hà Đông (nguyên bí thư huyện ủy huyện Quế Sơn)... và tiếp tế cho quân kháng chiến. Năm 1959 mẹ chị bị bắt đi tù theo luật 10/59 của Mỹ ngụy, nhà chị còn lại ba chị em, chị cả mới lên 10. Cho đến bây giờ, chị vẫn không sao quên được hình ảnh của mẹ mặc áo dài đen bị dẫn đi bằng qua cảnh đông đúc một toán lính Ngụy. Có bé Nguyệt lên 7 chạy theo

ôm chân mẹ mà khóc, bị bọn giặc đâm đạp vào người không thương tiếc. Lòng căm thù được rhen nhừ từ ngày ấy lại bùng lên khi người em (con cô nội) là chiến sỹ hoạt động cách mạng bị một bị địch giết hại dã man ở đập Vĩnh Trinh cũng hàng trăm đồng đội khác mà đến bây giờ vẫn không tìm được xác. “Con về theo cách mạng, trả thù cho em con!” Đó là năm 1965, 13 tuổi chị theo kháng chiến.

Những ngày mới đầu, chị luôn xin cấp trên cho cầm súng giết giặc mặc dù đồng con chưa cao bằng cây tiêu lên. Sức vóc chưa mang nổi súng, chị được đồng chí Lưu Hữu (nguyên trưởng ban Bình định vận tỉnh Quảng Nam) giao nhiệm vụ hoạt động giao liên bình vận bí mật. Sau một lần bị chỉ điểm và bị Quốc dân đảng lùng bắt rồi nhốt tại Đà Nẵng, chị về Quế Lộc

(nguyên là xã Sơn Thọ) làm xã đội du kích. Lúc đó chị 14 tuổi. Cho đến bây giờ, hình ảnh một cô du kích nhỏ xinh xắn vai đeo một khẩu R15, quanh hông quần đầy tạp dạn nhầy như bay qua hàng rào để bám sát địch vẫn còn nằm nguyên trong tâm trí mỗi người dân xã Quế Lộc anh hùng.

Xã Quế Lộc (H. Quế Sơn - Quảng Nam) nằm như một thung lũng nhỏ trong lòng ba ngọn núi: núi Chúa, Bằng Thăng, núi Vũ. Trong những năm 65 - 66 nơi đây là một “xã trắng” vô cùng ác liệt và tàn khốc. Dân bỏ làng, bỏ xã chạy nạn gần hết, chỉ còn du kích ở lại đào hầm chiến



Cô du kích Nguyệt lúc 16 tuổi

đấu cầm cự (du kích trắng). Du kích dành tập kích địch khắp các làng, làm nhiệm vụ dẫn đường cho bộ đội... Họ sống bằng săn mồi, rau dại, cá chết bom... Đến giờ, chị vẫn còn nhớ những nỗi că của du kích ngày ấy, nó sắc mũi thuốc súng và sáng rực ánh lên tình. Chị lắc đầu cười: “Cùng nhớ những con cá nhấm lên bình đó mà đội du kích của tôi dù sử dụng để đánh giặc.”

(Xem tiếp trang 12)

Người nữ du kích...

(Tiếp theo trang 11)

ít có ai nghĩ rằng chỉ sống bằng những thứ đó mà họ có thể làm nên những trận Núi Chúa, Núi Vũ bắt via quân thù, đã từng bắn hạ hai chiếc máy bay giặc. Dịch đã treo giải thưởng: "20.000 USD cho đứa nào bắt được con Nguyệt, 5.000 USD cho đứa nào bắt được một tên du kích Quế Lộc".

Chỉ kể: Núi Chúa theo truyền thuyết của người dân Quế Lộc là một ngọn núi thiêng, vừa hùng vĩ vừa hiểm trở, không có đường lên. Đó là nơi để các bậc thần tiên, vua chúa "đi mây về gió". Năm 1968, địch nhiều lần đổ quân chiếm đóng núi Chúa làm cao điểm không chế cả xã Quế Lộc, nhiều người dân vô tội bị giết hại. Lòng căm thù giặc sôi dậy mãnh liệt, đội du kích xã chỉ khoảng mười người, tuổi sắn 15, 16 dưới sự chỉ huy của chị đã quyết định đánh tập kích núi Chúa. Lúc bấy giờ, xung quanh núi Chúa là một "vùng trắng" mờ mịt, một con gà chạy qua cũng có thể bị bọn biệt kích núi Chúa, Bàng Thùng bắn chết... Du kích Quế Lộc đã cài tiền đạn Ca-nông và bom

những quả bom có sức công phá lớn. Những "du kích li hồn" núi Chúa đã chuẩn được 4 quả bom lựu lên đỉnh núi chỉ trong vòng một đêm, chờ địch đổ quân là cho phốt nổ. Họ đã làm nên một trận núi Chúa vang dội, tiêu diệt được hai trung đội địch và ngăn không cho chúng chiếm đóng ngọn núi này. Lần ấy địch dùng máy bay quân thù ác liệt hàng tiêu diệt du kích, bốc quân và lấy xác nhưng chúng đã bị du kích Quế Lộc dùng súng tiểu liên từ dưới bắn lên, giữ chân hai ngày hai đêm ròng. Một lần khác, chị bị chỉ huy ba du kích (toàn nam) đột nhập vào trung tâm chỉ huy của địch tại núi Vũ. Trận này đội đã thu được chiến lợi phẩm lớn là huý chiếc ba lô chứa đạn, Radio, máy điện đàm, USD... mang về phục vụ cho kháng chiến và gây cho địch một nỗi hoang mang lớn.

Chị làm xã đội du kích đến đầu năm 1969. Trong bốn năm gian khổ ác liệt đó có những kỷ niệm mà cho đến bây giờ, khi ngồi kể lại cho tới mắt chị vẫn nức nung. Năm 1967 là thời kỳ khó khăn nhất, đói khổ nhất. Trong đội có anh Toàn chỉ còn một bộ quần áo rách nát. Chị bèn lấy mảnh chăn đắp của mình may cho anh

một bộ đồ mới. Anh Toàn rất vui, bảo chị: "Anh để dành mặc nó vào ngày chiến thắng" và gửi kỷ vào lòng quần. Nhưng ngay trong đêm hôm đó, địch tập kích vào làng và anh Toàn đã hy sinh. Đạn giẫm dẫm trên thân thể anh, xuyên lỗ chỗ quần cả bộ quần áo mới anh chưa kịp mặc. Bộ đồ để dành cho ngày giải phóng đã trở thành bộ đồ tang liệm suốt âm ảnh trong lòng chị mãi...

Tháng 2 - 1969, chị về làm bộ đội địa phương của huyện Quế Sơn. Năm 1971, chị bị thương và được đưa ra Bắc. Từ đây, cuộc đời chị chuyển sang một giai đoạn mới. Chị đi học, rồi chính thức vào ngành Kiểm sát nhân dân từ năm 1977. Lý do chị chọn ngành Kiểm sát nhân dân cũng bởi chị muốn vào một ngành nào đó có tính chiến đấu, có kỷ cương phép tắc... Từ đó đến nay đã gần 30 năm chị gắn bó với ngành, giữ nhiều chức vụ khác nhau như Phó Viện trưởng VKSND thành phố Đà Nẵng (1994 - 1997), rồi Viện trưởng VKSND quận Hải Châu - TP Đà Nẵng từ năm 1997 đến nay. Chị là chiến sỹ thi đua của ngành trong suốt năm năm liền (1996 - 2001). Năm 2003, chị được Hội LHPN Việt Nam trao tặng huý chương "Vi sự nghiệp giải phóng phụ nữ" bởi những đóng góp nhiệt tình của chị cho phụ nữ ngành Kiểm sát.

THÚY DƯƠNG

12 BẢO VỆ PHÁP LUẬT

Viện Kiểm sát Nhân dân quận Hải Châu (Đà Nẵng):

Vững vàng trên đường phát triển



Bà Nguyễn Vũ Minh Nguyệt

Ngay từ đầu năm 2005, được sự quan tâm của Viện Kiểm sát Nhân dân (KSND) thành phố, Viện KSND quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng đã thi hành 817 vụ việc, thu hồi được 2.063.903.928 đồng. Viện Kiểm sát tham gia đầy đủ 06 vụ cưỡng chế thi hành án phối hợp cùng với Cơ quan điều tra, Tòa án đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án trọng kỳ, đặc biệt là các vụ án khởi tố năm trước chuyển sang, không để xảy ra tình trạng tồn đọng.

Bên cạnh đó, Viện đã phát hành công văn yêu cầu cơ quan điều tra chấn chỉnh vi phạm thời gian xác minh, giải quyết tin tố giác, tin báo tội phạm theo điều 103 BLTTHS. Viện cũng thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu dự bị tin báo tội phạm của cơ quan điều tra, phân công lãnh đạo và kiểm sát viên họp hàng ngày với cơ quan điều tra chuyển xử lý hình sự nhiều tin báo tội phạm. Có nhiều vụ theo quan điểm của cơ quan điều tra là xử lý hành chính, (vụ: Trần Thanh Cử, Hà Văn Quang, Nguyễn Đức Sang... gây tai nạn giao thông, hay Trương Thị Cúc phạm tội trộm cắp tài sản), nhưng Viện Kiểm sát đã kiên nhẫn khởi tố và vụ án đã được xét xử.

Trong công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam, hàng ngày đều có kiểm sát viên kiểm sát nhà tạm giữ, tạm giam của Công an quận Hải Châu, Viện trưởng Viện KSND quận Hải Châu kiểm sát nhà tạm giữ, tạm giam định kỳ bằng tháng đều có kết luận, trong đó có 03 kết luận xác định vi phạm về chế độ

HẢI THÀNH

đối với người bị tạm giữ, tạm giam và người chấp hành án phạt tù, các nội dung kiến nghị đều được nhà tạm giữ chấp nhận sửa chữa khắc phục. Do vậy, không có sai, sót trong việc tạm giữ, tạm giam.

Trong năm, Viện KSND quận Hải Châu nắm chắc các trường hợp được hoãn thi hành, rà soát các bị án chưa thi hành để thúc đẩy thi hành, không có trường hợp bỏ trốn. Do đó công tác thi hành án nhân chung đảm bảo đúng các quy định của pháp luật, các trường hợp hoãn, tạm đình chỉ thi hành án đều có căn cứ và đúng luật, không có trường hợp nào dấy dưng kéo dài, 100% đơn đã được chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Lãnh đạo, kiểm sát viên Viện thực hiện nghiêm túc quy chế tiếp dân, đã thụ lý và giải quyết dứt điểm 37 đơn. Đây là thành quả lớn mà tập thể kiểm sát viên, lãnh đạo Viện KSND quận Hải Châu đã đạt được.

Mặc dù còn tồn tại một số công việc, song Viện KSND quận Hải Châu vẫn duy trì và phát triển phong trào văn nghệ, thể thao. Nhiều cán bộ, kiểm sát viên của Viện đã giành được giải thưởng lớn trong các Hội thi của ngành và địa phương. Ghi nhận những thành quả mà Viện KSND quận Hải Châu đã đạt được, ngành KSND đã tặng Viện KSND quận Hải Châu cờ thi đua; Viện KSND TP. Đà Nẵng tặng "Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở" cho các đồng chí: Nguyễn Vũ Minh Nguyệt; Nguyễn Thị Ân, Phạm Tấn Ánh; Viện trưởng VKSND tối cao tặng bằng khen cho đồng chí Nguyễn Vũ Minh Nguyệt; UBND TP. Đà Nẵng tặng bằng khen cho đồng chí Trương Thị Bích Thu; VKSND TP tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" cho 9 đồng chí.

Trong thời gian tới, nhiệm vụ trọng tâm của ngành sẽ tiếp tục đồng vận các cán bộ trong ngành hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đẩy mạnh đồng bộ các khâu công tác, thực hiện tốt các chuyên đề nghiệp vụ... vững vàng trên đường phát triển đồng thời làm tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tập trung chỉ đạo rà soát các đơn khiếu kiện liên quan đến hoạt động tư pháp, phấn đấu đến cuối năm không còn trường hợp đơn thư khiếu kiện chưa được giải quyết.

HT

14 **Công an** Số 291 (3055) • Thứ tư: 29-10-2010

Tôi gặp chị vào một ngày giữa mùa mưa tháng 10, trong không gian của quán cà-phê cóc ven đường. Cũng thật tình cũ, trong một lần cùng với đồng nghiệp tin tức thông tin cho bài viết, tôi gặp lại chị. Sau khi tiếp xúc, trò chuyện, tôi chợt nhận thấy ấn sâu cái vẻ bề ngoài hơi nghiêm nghị ấy, chị là một phụ nữ kiên cường trong chiến đấu, thẳng thắn trong công việc, mạnh mẽ trong cuộc sống đời thường... Và hơn cả - là một người có tâm lòng bao dung, độ lượng... Người mà chúng tôi luôn nhắc đến là chị Nguyễn Vũ Minh Nguyệt, thường bình 214, nguyên Viện trưởng Viện KSND Q.Nội Châu, hiện là Trưởng văn phòng Công chứng Bảo Nguyệt (Đà Nẵng).

Nữ du kích núi Chúa ngày ấy... bây giờ!



Chị Nguyệt và hai đồng đội của mình lúc đang công tác, chiến đấu tại Huyện Đệ Nhất Sơn.



TRANG KỶ ỨC HÀO HÙNG...

Đã và chiến đấu tại Trung đội pháo 61 thuộc Huyện đội Quế Sơn. Nổi tiếp những tháng ngày đầy gian khổ, sống cùng muối rừng, sắt máu và đặc biệt là vết thương trong trận đánh biệt kích ở núi Hòn Tàu năm 1971 đã làm chị kiệt sức. Dầu ước nguyện muốn được tiếp tục cầm súng chiến đấu bảo vệ quê hương vẫn luôn cháy bỏng nhưng "lực bất song tâm", chị đành phải gạt nước mắt tạm biệt đồng đội để ra Bắc điều trị. Cũng từ đây, cuộc đời của chị bước sang trang mới. Với tư tưởng kiên định: "Thương binh tàn nhưng không phế", không thể cầm súng được nữa thì cầm sách, cầm bút... Và những ngày ở miền Bắc, chị miệt mài học tập. Đến năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, ngày non sông thống nhất cũng là lúc chị được trở lại quê hương nhận công tác ở ngành Kiểm sát. Với cương vị mới và những đóng góp của mình, sau một thời gian làm Viện phó VKSND TP Đà Nẵng (tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng). Năm 1987, tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng chia tách, chị được bổ nhiệm làm Viện trưởng VKSND Q. Hải Châu (TP Đà Nẵng) cho đến ngày nghỉ hưu.

Lúc còn là Viện trưởng VKSND Q. Hải Châu - chị là một người hết sức tận tụy, liêm khiết trong công việc. Trên cương vị ấy, 5 năm liền (1996-2001), chị được công nhận là "Chiến sĩ thi đua" của ngành; năm 2003, chị được T.Ư Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tặng thưởng Huy chương "Vì sự tiến bộ của phụ nữ"...

Khí được hỏi tại sao nghỉ hưu rồi mà chị vẫn "tham công việc" vậy, lại là công việc có liên quan đến pháp luật, chị thành thật rằng: "Mở Văn phòng công chứng bởi vì mình yêu thích nghề này, công việc lại rất công tâm, có thể giúp ích cho nhiều người nên mình rất tâm huyết". Dầu hết sức bận bịu với công việc nhưng chị vẫn luôn dành thời gian và tình cảm cho quê hương Quế Sơn. Thủy trang thiết bị, phương tiện làm việc của địa phương hết sức thiếu thốn, chị tận tụy đi tìm mua hàng



Bông hồng xứ Quảng

Đầu tháng 6-2013, tôi được tin chị Nguyễn Vũ Minh Nguyệt được tôn vinh “Nhân tố mới thời đại Hồ Chí Minh”. Cả Đà Nẵng chỉ mình chị

“Sống để yêu thương và chia sẻ. Sống để cảm thông và công hiến. Sống hết mình theo lý tưởng và những điều nhân nghĩa mà Bác Hồ kính yêu đã dạy” - Hành trình ấy đã đưa chị Nguyễn Vũ Minh Nguyệt đến với phần thưởng cao quý: “Nhân tố mới thời đại Hồ Chí Minh”.



nhận được danh hiệu cao quý này. Đây là cuộc thi nhằm hưởng ứng Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư T.Ư Đảng về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động báo chí, xuất bản. Sau hơn một năm phát động,

Ban tổ chức nhận được hơn 200 tác phẩm, tuyển được gần 100 bài đăng trên Tạp chí điện tử Văn hiến Việt Nam và chọn 10 tác phẩm (1 giải nhất, 2 giải nhì, 3 giải ba và 4 giải khuyến khích). Trong đó, tác phẩm “Bông

hồng nơi xứ Quảng anh hùng” của Báo Trâm viết về chị Nguyệt được nhận giải Ba...

Khá lâu rồi mới gặp lại, vẫn bình dị thân thương như ngày nào, chị Nguyệt thổ lộ: “Nhận được thư mời ra Hà Nội tham gia Lễ trao giải

thường Cuộc thi viết “Nhân tố mới thời đại Hồ Chí Minh”, chị bất ngờ và mừng lắm. Đây là phần thưởng cao quý nhất, chị sẽ nâng niu, gìn giữ mãi mãi em ạ.

Hóa ra những gì tôi biết về chị Nguyệt là quá ít ỏi so với công hiến của chị cho cuộc đời. Sinh ra trong chiến tranh, hơn 10 tuổi, chị đã tình nguyện tham gia cách mạng, tòng quân trong đội du kích bảo vệ quê hương Sơn Viên (Nông Sơn, Quảng Nam). 13 tuổi, cô du kích nhỏ vóc sừng cùng đồng đội tham gia nhiều trận đánh địch. Với lòng dũng cảm, thông minh và ước muốn góp phần đánh thắng giặc, đội du kích của chị Nguyệt tích cực tham gia các trận đánh lớn. Trận Núi Chúa - Quế Lộc (1968), đội du kích Sơn Viên của chị tiêu diệt cả 2 trung đội lính Mỹ được trang bị khí tài quân sự lợi hại bậc nhất lúc bấy giờ. Với chiến công ấy, Nguyễn Vũ Minh Nguyệt được tặng danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ”, được chọn báo cáo điển hình “Đánh biệt kích giỏi”. Bọn địch thất điên bát đảo, mệnh danh chị Nguyệt là “Bông hồng Núi Chúa” và treo thưởng “20.000USD cho đứa nào bắt được con Nguyệt, 5.000USD cho đứa nào bắt được 1 tên du kích Quế Lộc”. Thế nhưng chị Nguyệt vẫn không hề nao núng, liên tiếp sau đó, chị tham gia nhiều trận đánh khác... Đi qua chiến tranh ác liệt, “Bông hồng Núi Chúa” Minh Nguyệt mang trên mình hàng chục vết thương do bom đạn. Sau cuộc chiến, chị trở về với đời thường với tấm thẻ thương binh hạng ¾...

Hòa bình lập lại, chị Nguyệt tiếp tục cống hiến cho xã hội ở ngành Kiểm sát, từng là Phó Viện trưởng VKSND TP Đà Nẵng và sau khi chia tách tỉnh QN-ĐN được bổ nhiệm Viện trưởng VKSND Q. Hải Châu - địa bàn trung tâm Đà Nẵng. Trong 10 năm (1997-2007), chị liên tục phấn đấu và được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua của ngành Kiểm sát, được Trung ương Hội LHPN Việt Nam tặng thưởng Huy chương “Vì sự tiến bộ của phụ nữ”.

Năm 2008, chị Nguyệt nghỉ hưu. Sau những năm tháng phấn đấu không mệt mỏi, không tiếc máu xương để góp phần giải phóng đất nước cũng như đứng mũi chịu sào, cầm cân nảy mực trong đấu tranh phòng chống tội phạm, chị Nguyệt có thể sống an nhàn lúc xế chiều. Thế nhưng thôi thúc từ cuộc sống buộc chị xắn tay áo lập Phòng công chứng tư. “Lúc đó rất nhiều lo lắng, trăn trở vì đây là lĩnh vực hoàn toàn mới, rủi ro cao... Nhiều lúc nản chí định rút lui nhưng nghĩ đi nghĩ lại, mình có điều kiện thì phải tiếp tục cống hiến, làm việc gì đó có ích để phục vụ nhân dân” - chị tâm sự. Vậy là tháng 8-2008, VP Công chứng Bảo Nguyệt ra đời. Hơn 5 năm qua, VPCC Bảo Nguyệt liên tục phát triển, đội ngũ công chứng viên, chuyên viên ngày càng chuyên nghiệp. Từ năm 2009, chị còn xây dựng trang điện tử <http://www.congchungbaonguyet.com.vn>, liên tục cập nhật dữ liệu liên quan đến nghiệp vụ công chứng và các văn bản hướng dẫn pháp luật cho người dân, đến nay có gần nửa triệu

lượt người trong và ngoài nước truy cập.

Bận rộn với biết bao công việc, vậy mà người nữ du kích năm xưa vẫn luôn đầu đầu nghĩ về người nghèo và gia đình chính sách. Khi còn công tác trong ngành kiểm sát, ngoài giờ làm việc, chị gõ cửa từng nhà, từng đơn vị quyên góp xây nhà tình nghĩa cho bà Nguyễn Thị Hồng có hoàn cảnh neo đơn, thuộc đối tượng chính sách ở xã Sơn Viên, Nông Sơn. Tháng 10-2010, VPCC Bảo Nguyệt vượt sóng to gió lớn đến với bà con dân nghèo tại Quảng Bình với 240 suất quà, mỗi suất 200.000 đồng và liên tục có nhiều chuyến thiện nguyện giúp đỡ mẹ liệt sĩ ở Tam Kỳ (Quảng Nam), hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam ở Hòa Vang (Đà Nẵng). Mỗi dịp Xuân về, chị lại cùng cán bộ VPCC trích lương, thường ủng hộ Quỹ vì người nghèo của UBND phường Phước Ninh (Q.Hải Châu) - nơi đứng chân của VPCC Bảo Nguyệt, hỗ trợ kinh phí cho Hội LHPN xã Sơn Viên quê hương chị. Trong chuyến “hành trình về nguồn” vào tháng 7 - 2012, chị Nguyệt cùng Hiệp hội nữ doanh nhân Đà Nẵng về lại chiếc nôi cách mạng ở xã Trà Bui, H. Bắc Trà My, Quảng Nam và đóng góp từ thiện 6 triệu đồng cho cơ sở. Nhân ngày Doanh nhân Việt Nam, chị lại cùng Hiệp hội nữ doanh nhân TP tặng 200 suất quà cho người lang thang cơ nhỡ tại Trung tâm bảo trợ xã hội TP Đà Nẵng...

Nghĩ về chị Nguyệt, lăm lăm tôi tự hỏi phải chăng mình quá hời hợt

nên dù đã được gặp từ hơn 20 năm trước, vậy mà vẫn không hề biết chị từng có quá khứ thật oanh liệt và hiện vẫn mang trên mình bao vết thương chiến tranh buốt như khi trái gió trở trời. Bây giờ tôi mới hiểu, dù lúc nào cũng đau đầu nhớ tháng ngày gian khổ, đạn bom, thiếu cơm lạc muối và sự sống - cái chết kề bên, nhưng chị chỉ trầm lặng giữ lại tất cả điều đó như là kỷ vật và tiếp tục cống hiến. Chị tâm sự, hồi đất nước chiến tranh, ai cũng cầm súng đánh giặc chứ đâu phải riêng chị. Ngày hòa bình, dù mang thương tích nhưng vẫn may mắn hơn bao đồng đội đã ngã xuống. Tìm về chiến trường xưa, đến với gia đình chính sách và người nghèo là điều hạnh phúc vì được trở về giữa âm áp ân tình...

Thế mới hiểu, trong cuộc sống thường nhật còn có bao điều cao cả nhưng bình dị khiêm nhường khiến chúng ta phải ngỡ ngàng. Đúng như cái tên Minh Nguyệt, chị như ánh trăng quê luôn tỏa sáng. Ánh trăng ấy không lung linh diễm lệ mà thanh khiết, mộc mạc, giản dị như là lẽ sống của người con gái Việt Nam: không tiếc máu xương vì một đất nước hòa bình và cần mẫn, tận tụy cống hiến hết mình để tô điểm cuộc sống mà không màng đến bằng vàng hay tấm huân chương. Có phải vậy chăng nên dù bất cứ ở đâu, bất cứ hoàn cảnh nào, “bông hồng Núi Chúa” năm nào vẫn luôn luôn ven nguyên một trái tim nhận hậu!

N.Đ.N



Nhân tố thời đại mới

Trong bối cảnh đất nước hội nhập, các giao dịch dân sự, kinh doanh, thương mại và các quan hệ trong nhiều lĩnh vực khác đang ngày càng đa dạng và phức tạp. Vì vậy công chúng trở thành loại hình dịch vụ pháp lý quan trọng và cần thiết, góp phần đảm bảo cho các mối quan hệ được phát triển bền vững, ổn định và đúng pháp luật.

Tiền phong tham gia xã hội hóa lĩnh vực công chứng ở Đà Nẵng, văn phòng công chứng (VPCC) Bảo Nguyệt tại số 50 Hoàng Văn Thụ, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng ngay trong những ngày đầu đi vào hoạt động đã khẳng định được chất lượng này hoàn toàn hợp với lòng dân.

+ Nơi giá trị pháp lý được đảm bảo

Công chứng là loại hình dịch vụ pháp lý quan trọng và cần thiết, là nhu cầu tất yếu của xã hội. Nhà Nước chủ trương xã hội hóa dịch vụ công chứng, theo đó các sản phẩm công chứng từ văn phòng công chứng và từ Phòng Công chứng Nhà nước đều có giá trị ngang nhau nhằm tạo điều kiện cho mọi tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công chứng một cách thuận tiện, hiệu quả nhất, đáp ứng mục tiêu xây dựng một cơ chế dịch vụ công vụ lợi ích của nhân dân.

Y thức sâu sắc được điều này, sau khi Luật Công chứng có hiệu lực, VPCC Bảo Nguyệt đã thành lập và tập trung vào việc tuyển chọn, xây dựng đội ngũ chuyên viên giàu kinh nghiệm, trình độ cao, tôn trọng đạo đức nghề nghiệp. Tính đến thời điểm hiện tại,

VPCC Bảo Nguyệt đã có số lượng chuyên viên vượt kế hoạch so với đề án ban đầu. Bên cạnh đó, tiến hành đào tạo bồi dưỡng đội ngũ chuyên viên quản lý



* Bà Nguyễn Vũ Minh Nguyệt, Trưởng VPCC Bảo Nguyệt đứng giữa

trẻ, năng động và nhạy bén, nhằm đáp ứng yêu cầu công chúng phải đúng pháp luật, đầy đủ, rõ ràng, minh bạch theo mong muốn của các bên tham gia giao dịch.

Bên cạnh đội ngũ nhân viên năng động, sắc bén, VPCC Bảo Nguyệt cũng đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ hiện đại, đảm bảo phục vụ nhân dân với tinh thần "Khách hàng là thượng đế, hết lòng phục vụ, nhanh chóng, kịp thời, chính xác và đúng pháp luật". Mục tiêu cung cấp cho khách hàng các dịch vụ về công chứng toàn diện với chất lượng cao, đồng thời tạo dựng uy tín và duy trì các mối quan hệ lâu dài với khách hàng theo triết lý "Niềm tin tạo nên sức mạnh". Vì vậy, sau những năm tháng nỗ lực hoạt động, VPCC Bảo Nguyệt đã trở thành địa chỉ tin cậy của khách hàng

+ Đồng hành cùng cộng đồng

Trưởng VPCC Bảo Nguyệt, bà Nguyễn Vũ Minh Nguyệt cho biết, xuyên suốt quá trình hoạt động, Bảo Nguyệt luôn theo phương châm: Hết lòng phục vụ - Nhanh chóng - Kịp thời - Chính xác - Đúng pháp luật. Mọi tổ chức, cá nhân đều nhận được sự đón tiếp lịch sự, chu đáo, được phục vụ theo nguyên tắc bình đẳng, đúng thủ tục. Luôn tạo sự thoải mái tối đa cho khách hàng. Không đứng lại ở đó, để tạo điều kiện hơn nữa cho khách hàng, những người không có thời gian hoặc không có điều kiện đi lại, VPCC Bảo Nguyệt còn phục vụ khách hàng với dịch vụ công chứng tại nhà, ngoài giờ, ngày nghỉ, lễ... Hoạt động công chứng mang tính xã hội cao, phục vụ mọi tầng lớp nhân dân. Bảo đảm tính xác thực, giá trị pháp lý của các giao dịch được công chứng, bảo vệ quyền lợi ích chính đáng của người dân, hạn chế thấp nhất rủi ro, tranh chấp, hạn chế việc

kiện tụng, góp phần giảm gánh nặng kiện tụng, giải quyết tranh chấp về phía các cơ quan chức năng.

Để tạo điều kiện tối đa hơn nữa cho khách hàng, VPCC Bảo Nguyệt tiên phong đưa trang thông tin điện tử vào hoạt động nhằm phổ biến pháp luật đến với người dân, cũng như các cơ quan, tổ chức.

Song song với việc nâng cao chất lượng phục vụ, đảm bảo an toàn cho các giao dịch. Vừa qua, VPCC Bảo Nguyệt tiếp tục mua bảo hiểm với mức bảo hiểm cao nhất lên đến 10 tỷ đồng. Đây cũng là VPCC đầu tiên của TP. Đà Nẵng mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.

Bà Nguyễn Vũ Minh Nguyệt, Trưởng VPCC Bảo Nguyệt khẳng định, Bảo Nguyệt luôn ý thức được trách nhiệm phát triển văn phòng luôn đồng hành cùng các hoạt động phục vụ cộng đồng, hướng tới cộng đồng. Để hiện thực hóa trách nhiệm với cộng đồng, bà Nguyễn Vũ Minh Nguyệt và VPCC Bảo Nguyệt đã tham gia tích cực nhiều công tác thiện nguyện: tặng 240 suất quà cho người dân vùng lũ tỉnh Quảng Bình, hỗ trợ cho 3 cháu nghèo mồ côi ở TP. Tam Kỳ, ủng hộ thôn Bó Bán, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng 20.000.000đ và người nghèo 20 phần quà, ủng hộ 5.000.000đ cho quỹ Người nghèo của UBND p. Phước Ninh, Q. Hải Châu, Đà Nẵng, 5.000.000đ cho Hội Phụ nữ xã Sơn Viên, huyện Nong Sơn, Quảng Nam và qua kết cho mẹ liệt sỹ và người nghèo... ■

BÔNG HỒNG NƠI XỨ QUẢNG ANH HÙNG

Bảo Trâm

(Văn Hiến) Xứ Quảng – miền Trung quê chị nghèo! Xứ Quảng – miền Trung quê chị đất đai cằn cỗi, khí hậu khắc nghiệt nên con người quả cảm, gan dạ lạ lùng. Trong một phần huyền thoại được lưu giữ của miền đất trung dũng, kiên cường Quảng Nam, có bóng dáng những “bông hồng” như chị. Nữ du kích Quế Lộc “dũng sĩ diệt Mỹ” năm xưa và nữ doanh nhân tâm huyết, tài năng Nguyễn Vũ Minh Nguyệt, Trưởng Văn phòng công chứng Bảo Nguyệt, 50 Hoàng Văn Thụ, Đà Nẵng hôm nay.



Ông Uông Chu Lưu - Ủy viên Ban Chấp hành TW Đảng -
Phó Chủ tịch Quốc hội trao Kỷ niệm chương
“Nhân tố mới Thời đại Hồ Chí Minh” cho bà Nguyễn Vũ Minh Nguyệt
Trưởng văn phòng công chứng Bảo Nguyệt

“BÔNG HỒNG GAI” TRÊN NÚI CHÚA

Minh Nguyệt chưa kịp lớn thì chiến tranh đã hiện diện trên quê hương mình. Những năm tháng cả dân tộc chung một chiến hào chống Mỹ đó mãi là một ký ức đẹp trong tiềm thức chị cũng như những người dân mảnh đất Quảng Nam anh hùng. Hồi đó, quê hương Sơn Viên, Nông Sơn của chị ngập trong những trận càn đẫm máu, những bố ráp vây lùng của đám quân ngoại quốc và bè lũ tay sai ngụy quyền. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước, hơn 10 tuổi, Minh Nguyệt đã tình nguyện tham gia cách mạng, tòng quân trong đội du kích bảo vệ quê hương. 13 tuổi, cô du kích tí hon đã vác súng lên vai cùng đồng đội tham gia những trận đánh lớn khiến quân địch kinh hồn bạt vía.

Khi đó, mảnh đất quê chị phong trào cách mạng lên cao, nhà nhà tham gia nuôi giấu cán bộ, chuẩn bị lực lượng cho những cuộc tấn công từ trong lòng địch. Vì thế, đây cũng là nơi nhận được sự chú ý đặc biệt của địch. Nhiều trận càn quét lớn, các đợt bố ráp nhằm xóa tận gốc các cơ sở cách mạng đã được chính quyền ngụy Sài Gòn và lực lượng quân sự xâm lược Mỹ thực hiện. Năm 1968, trong khi bộ đội chủ lực của ta bận chuẩn bị cho các chiến dịch, các trận đánh lớn, lực lượng du kích các chị trở thành những mũi tấn công khiến địch lo ngại ở những trận đánh nhỏ lẻ. Sức vóc nhỏ bé, nhưng với lòng dũng cảm, thông minh, ý chí quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, chị đã làm nên những chiến công phi thường, khiến cho quân địch nhiều phen khiếp vía. Đặc biệt, từ đánh nhỏ lẻ, đội du kích của chị

đã mạnh dạn tham gia các trận đánh lớn. Đáng chú ý như trận đánh Núi Chúa - Quế Lộc (1968), đội du kích Sơn Viên của chị đã tiêu diệt cả hai trung đội lính Mỹ được trang bị khí tài quân sự lợi hại bậc nhất lúc bấy giờ. Sau trận đánh vang dội, đội du kích của chị được tặng danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ”, được chọn báo cáo điển hình “Đánh biệt kích giỏi”.



*“Bông hồng gai” Minh Nguyệt và đồng đội
hồi công tác, chiến đấu tại Huyện đội Quế Sơn*

Sau trận chiến đấu vang dội ở Núi Chúa, quân địch phải co cụm về. Không dám đối đầu trực tiếp với đội du kích trong đó có những “bông hồng Núi

Chúa” Minh Nguyệt, địch nghĩ ra cách treo thưởng: “20.000 USD cho đứa nào bắt được con Nguyệt, 5.000 USD cho đứa nào bắt được một tên du kích Quế Lộc”. Nhưng ý đồ đó của địch không thể thực hiện được, đội du kích được sự bao bọc của bà con ngày càng lớn mạnh. Chị còn tham gia rất nhiều trận đánh lớn nhỏ khác góp phần tiêu diệt sinh lực địch... Cuộc chiến tàn khốc với những lần đối đầu với lực lượng mạnh của kẻ thù đã vinh danh đội du kích Sơn Viên của chị nhưng cũng đã để lại cho chị không ít thương tích. Đi qua chiến tranh ác liệt, “bông hồng gai” núi Chúa Minh Nguyệt ngày nào mang trên mình hàng chục

vết thương bom đạn. Tài sản sau cuộc chiến của chị là tám thê thương binh hạng 3/4... Những vết đạn bom trong cơ thể chị đến bây giờ vẫn hoành hành dữ dội những khi trái gió, trở trời.

Sau ngày hòa bình lập lại, nữ thương binh Minh Nguyệt tiếp tục cống hiến cho xã hội ở ngành Kiểm sát. Trưởng thành hơn, chín chắn hơn, người nữ du kích gan dạ năm nào giờ trở thành người bảo vệ cán cân công bằng của lẽ phải, của pháp luật. Chị tiếp tục kinh qua nhiều chức vụ quan trọng trong ngành kiểm sát địa phương, từng là Phó viện trưởng VKSND thành phố Đà Nẵng của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ).

Năm 1997, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng chia tách, chị được bổ nhiệm là Viện trưởng VKSND quận Hải Châu (TP Đà Nẵng). Rời xa núi Chúa, nữ du kích năm nào giờ được giao giữ trọng trách bảo vệ cán cân công lý ở một địa bàn thuộc trung tâm thành phố Đà Nẵng, nơi tập trung hầu hết các cơ quan đầu não của thành phố cũng như cơ quan trung ương đóng tại địa phương, các trung tâm thương mại, tài chính lớn... Đầu não nên rất phức tạp, số lượng án hình sự, dân sự, kinh doanh thương mại mỗi năm lên đến cả ngàn vụ, việc và tính chất đều phức tạp hơn nhiều so với các quận huyện khác. Nhưng với sự quyết tâm của người du kích gan dạ năm nào, chị đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không làm oan sai, lọt tội phạm, góp phần giữ vững an ninh, chính trị của địa bàn trung tâm. Trên cương vị ấy, 10 năm liên tục (1996 - 2007), Minh Nguyệt được công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua" của ngành, được T. Ư Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tặng thưởng Huy chương "Vì sự tiến bộ của phụ nữ"...

NGƯỜI MỞ ĐƯỜNG CHO CÔNG CHỨNG TƯ

Năm 2008 đánh dấu một mốc mới trong cuộc đời Minh Nguyệt. Rời vị trí người cán bộ ngành bảo vệ pháp luật về hưu nhưng chị chưa cho phép mình dừng lại để tận hưởng sự an nhàn của cuộc sống. Khi đó, luật bắt đầu cho phép được thành lập các văn phòng công chứng tư nhằm mục tiêu giảm tải bớt gánh nặng cho các cơ quan công chứng nhà nước vốn khá ít ỏi hiện tại. Sự am hiểu pháp luật và những năm tháng cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ pháp luật đã thôi thúc chị đứng ra thành lập Văn phòng công chứng - một mô hình hoàn toàn mới bên cạnh các phòng công chứng theo Luật công chứng năm 2006 và chủ trương “xã hội hóa hoạt động công chứng” của Đảng và Nhà nước ta. Phải nhìn nhận lúc ấy, người trẻ cũng ít ai dám dấn thân vào lĩnh vực mới mẻ này chứ đừng nói một người phụ nữ đã qua tuổi ngũ tuần như chị. Chị tâm sự rằng, lúc đó cũng rất nhiều trăn trở, lo toan, vì đây là lĩnh vực hoàn toàn mới, tiếp xúc rất nhiều thành phần xã hội với yếu tố rủi ro cao... Có nhiều lúc, chị đã nản chí, định rút lui nhưng bản lĩnh của người chiến sĩ cách mạng, sự tận tụy cống hiến, quyết tâm tiếp tục làm việc gì đó thật có ích để phục vụ nhân dân, xã hội đã thôi thúc chị. Và, Văn phòng công chứng Bảo Nguyệt được khai sinh vào ngày 25/8/2008 như bước khởi đầu cho những hoài bão tốt đẹp ở chị. Đây cũng là Văn phòng công chứng đầu tiên của thành phố Đà Nẵng nói riêng và khu vực miền Trung - Tây Nguyên nói chung do chị làm Trưởng Văn phòng kiêm công chứng viên. Minh Nguyệt một lần nữa lại trở thành người đặt viên gạch nền móng cho nghề công chứng tư ở dải đất miền Trung nắng gió này.

Và thực tiễn đã chứng minh hoài bão của chị. Từ khi thành lập đến nay, Văn phòng công chứng Bảo Nguyệt liên tục phát triển, đội ngũ công chứng viên, chuyên viên ngày càng chuyên nghiệp, thái độ phục vụ khách hàng tận tâm. Máy móc, trang thiết bị, các phần mềm phục vụ hoạt động công chứng đều được ưu tiên số một, đảm bảo xử lý các yêu cầu nghiệp vụ công chứng. Ra làm công chứng tư, chị để ra tên chỉ cho mình. Đó cũng là Slogan của Văn phòng công chứng Bảo Nguyệt từ trước tới nay: “Hết lòng phục vụ, nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật”.

Ngoài ra, với mong muốn phục vụ nhu cầu tìm hiểu pháp luật về công chứng và phục vụ cho dịch vụ công ích, chị cũng sớm xây dựng trang điện tử <http://www.congchungbaonguyet.com.vn/> ngay từ năm 2009 và liên tục cập nhật các cơ sở dữ liệu liên quan đến nghiệp vụ công chứng, như các văn bản pháp luật về công chứng, biểu mẫu giao dịch, hợp đồng, tư vấn trực tuyến, tin tức báo chí liên quan về hoạt động công chứng... Đến nay, đã có gần 300.000 lượt truy cập không chỉ ở Đà Nẵng hay Việt Nam mà rộng hơn là trên toàn thế giới.

Văn phòng công chứng của chị đã góp phần không nhỏ bảo đảm sự an toàn, tính pháp lý và hạn chế đáng kể những rủi ro cho các giao dịch, hợp đồng trong nhân dân, nhất là các giao dịch phức tạp liên quan đến đất đai, nhà cửa, thế chấp, ủy quyền, các giao dịch có giá trị hàng trăm triệu, hàng tỷ đồng. Công việc của chị đã góp phần làm giảm đáng kể sự than phiền, đợi chờ của người dân mỗi khi đi công chứng như trước đó, giảm đi không ít khúc mắc, tranh chấp trong nhân dân liên quan đến rất nhiều giao dịch. Sự thành công của Văn phòng công chứng Bảo Nguyệt hôm nay là bằng chứng cho thấy tính đúng đắn trong chủ trương “xã hội hóa hoạt động công chứng” của Nhà nước.

Đáp lại tâm nguyện tận tụy phục vụ nhân dân của chị, ngày càng nhiều người dân, tổ chức, doanh nghiệp yêu mến, tin tưởng đến với Văn phòng công chứng của chị. Hiện nay, Văn phòng công chứng Bảo Nguyệt đã trở thành địa chỉ quen thuộc của nhiều khách hàng là cá nhân, tổ chức, trong đó đặc biệt có các đối tác là các tập đoàn, doanh nghiệp lớn như: Công ty CP đầu tư Bất động sản Phương Trang (Futa Land), Công ty CP Tập đoàn Mặt trời (Sun Group), Tập đoàn Trung Nam, Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Đà Nẵng, Ngân hàng Đầu tư và PT, Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu, Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Ngân hàng Đại tín, Ngân hàng Kiên Long, Ngân hàng Eximbank, Maritime Bank.

ĐỒNG HÀNH VỚI NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHÓ

Không phải bây giờ, khi đã có “bát ăn bát để”, khi đã là chủ một doanh nghiệp thành đạt mà từ xa xưa, khi còn làm Viện trưởng Viện kiểm sát, một cán bộ pháp luật tưởng chừng sống khô khan, nguyên tắc, chị đã có tâm nguyện làm việc thiện. Hồi đó, ngoài giờ làm việc, chị đã lặn lội trong đêm tối, gõ cửa từng nhà xin quyên góp xây nhà tình nghĩa cho bà Nguyễn Thị Hồng, người có hoàn cảnh neo đơn, thuộc đối tượng chính sách ở xã Sơn Viên, Nông Sơn, Quảng Nam quê chị. Chị cũng từng quyên góp và vận động cán bộ của mình quyên góp tiền bạc, quần áo, chia sẻ cơm gạo cho đồng bào gặp thiên tai, lũ lụt, mất nhà, mất cửa.

Khi rời xa công việc Nhà nước, tâm nguyện làm việc thiện của chị càng đau đáu hơn. Bây giờ, chị mới có thời gian cũng như tài lực để chia sẻ cùng bà con – những mảnh đời bất hạnh.

Tháng 10/2010, Văn phòng công chứng Bảo Nguyệt của chị vượt sóng to gió lớn đến với bà con dân nghèo tại huyện Hướng Hóa, Quảng Bình trong đợt lũ lịch sử. Đợt đó, chị trích với 240 suất quà, mỗi suất 200.000đ tặng bà con. Ngoài ra, thăm cảnh khổ đau mất người thân trong chiến tranh, Văn phòng công chứng của chị còn hỗ trợ cho 3 chị em cháu Nguyệt nhà nghèo, mồ côi ở Tam Kỳ, Quảng Nam 5 triệu đồng, ủng hộ thôn Bồ Bản, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng số tiền 20 triệu đồng và hỗ trợ người nghèo 20 suất quà, mỗi suất trị giá 1, 5 triệu đồng. Ngoài ra, trong các dịp Tết đến, Xuân về, cảm cảnh người nghèo, chị còn cùng cán bộ của mình, trích tiền lương, tiền thưởng cuối năm ủng hộ 10 triệu đồng cho Quỹ Vì người nghèo của UBND phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Đà Nẵng (nơi doanh nghiệp đóng trụ sở), hỗ trợ Hội Phụ nữ xã Sơn Viên, Nông Sơn, Quảng Nam quê chị 5 triệu đồng. Đặc biệt, không chỉ sẻ chia nỗi đau thời chiến, chị còn đến thăm và tặng 100 suất quà Tết cho mẹ liệt sỹ và người nghèo, mỗi suất 300.000đ vào tháng 1/2012 vừa rồi. Cảm nỗi đau mất mát dai dẳng của những gia đình đi qua chiến tranh như mình, trong Ngày chất độc da cam, chị và Văn phòng công chứng Bảo Nguyệt đã ủng hộ 10 triệu đồng cho nạn nhân chất độc da cam tại xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng. Gần đây, trong chuyến “Hành trình về nguồn” vào tháng 7/2012, chị đã cùng Hiệp hội nữ doanh nhân về lại Cái nôi cách mạng ở xã Trà Bui, Bắc Trà My, Quảng Nam và đóng góp từ thiện 6 triệu đồng cho cơ sở. Nhân ngày doanh nhân Việt Nam, chị cùng Hiệp hội nữ doanh nhân thành phố Đà Nẵng tặng 200 suất quà cho những người lang thang cơ nhỡ, không nơi nương tựa tại Trung tâm bảo trợ xã hội thành phố Đà Nẵng.



*Trao quà cho phụ nữ nghèo tại xã Sơn Viên,
Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam*

Những đóng góp, cống hiến của chị cũng đã được ghi nhận. Năm 2011, doanh nghiệp của chị được khách hàng trên toàn quốc bình chọn vào “Top 100 sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng” do Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và VCCI tổ chức. Chị cũng được nhận nhiều bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Cục Thuế thành phố Đà Nẵng, Hiệp hội Nữ Doanh nhân... Văn phòng công chứng Bảo Nguyệt do chị lãnh đạo cũng nhiều lần được đưa tin khen ngợi trên các phương tiện truyền thông. Qua tổng kết 5 năm thi hành luật công chứng, Văn phòng công chứng Bảo Nguyệt được chủ tịch uỷ ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng Văn Hữu Chiến tặng Bằng khen: “Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động công chứng giai đoạn 2007-2012”.

Ngoài ra, chị còn có nhiều cống hiến trong công tác Đảng, xây dựng Chi bộ trong doanh nghiệp, xây dựng phong trào đoàn thể và thi đua rèn luyện thể thao trong đời thường...

Ở tuổi xế chiều, “bóng hồng” núi Chúa năm nào vẫn giữ trong mình trái tim nhân hậu. Sống để yêu thương và chia sẻ! Sống để cảm thông và cống hiến. Sống hết mình theo lý tưởng và những điều nhân nghĩa mà Bác Hồ kính yêu đã dạy – đó là triết lý sống của chị. Trong tiềm thức của đồng đội, bạn bè và những người dân cần lao, chị xứng đáng là một Nhân tố mới thời đại Hồ Chí Minh để các thế hệ kế tiếp noi theo!

Theo www.vanhien.vn



Cùng gia đình bên nội



Tài sản sau cuộc chiến của Nguyễn Vũ Minh Nguyệt



Bà Nguyễn Vũ Minh Nguyệt - Trưởng Văn phòng Công chứng Bảo Nguyệt
Thay mặt văn phòng nhận Giải thưởng Top 100 SPDV Việt Nam
được tin dùng lần II năm 2014



Ông Nguyễn Xuân Phúc - Ủy viên Bộ Chính trị - Phó Thủ tướng Chính phủ chụp ảnh lưu niệm tại lễ trao giải thưởng top 100 lần 2 - 2014 (trong đó có bà Nguyễn Vũ Minh Nguyệt)

Chúc mừng Vũ Minh Nguyệt.
Viện trưởng thành Doanh nhân
Lại là Doanh nhân giỏi
Nức tiếng xa, tiếng gần.

Tuổi nhỏ là Dũng sĩ
Đánh trăm trận vẫn hăng
Bao nhiêu thằng giặc Mỹ
Chết dưới tay “hồng quân”

Làm Kiểm sát nhân dân
“Công minh... và khiêm tốn”,
Suốt một đời cống hiến
Được đồng nghiệp tin yêu

Dẫu đã tuổi “xế chiều”
Còn sức - còn cống hiến...
Xứng những lời yêu mến:
Trung hậu và Đảm đang

*Nhà thơ: Bùi Quang Thanh
Tặng Nguyễn Vũ Minh Nguyệt
Ngày 20/10/2014*



*Đoàn đại biểu hiệp hội nữ doanh nhân TP. Đà Nẵng
tại Đại hội thành lập Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam*





Thay lời kết

*“... Mẹ hỏi mẹ! Làm sao về nơi mẹ
Bên nấm mồ năm tháng có gì không?
Nấm đất kia đè nặng một giấc nồng
Ươm ướp lệ, mẹ ơi! Con đã khóc...”*

Mẹ mất ngày 20/7/1986



Mộ mẹ

MỤC LỤC

	Trang
1. Lời giới thiệu.....	3
2. Lời tác giả	5
3. Tuổi thơ ở bên mẹ	7
4. Lần đầu xa mẹ	11
5. Chim đàn lẻ cánh.....	15
6. Ngày đầu tham gia vào du kích.....	17
7. Nhận nhiệm vụ mới.....	20
8. Hồi ức trong rừng.....	22
9. Giai điệu huyền thoại	23
10. Những năm ác liệt	29
11. Chiến công thâm lặng.....	33
12. Mở đường máu	34
13. Những phút giây nghẹn lòng.....	37
14. Phút thư giãn	41
15. Vào trận chiến	43
16. Khúc bi ai	45
17. Khoảng lặng	51
18. Nhớ mẹ.....	57
19. Sinh tồn	59
20. Mậu Thân (năm 1968).....	63
21. Một trang sử mới.....	65
22. Nhiệm vụ mới	68
23. Công tác Ban chỉ huy HĐQS (tháng 7 năm 1969)	85
24. Những ngày giáp Tết 1969.....	107

25. Tình đồng đội.....	114
26. Chuyển viện về bệnh viện C17.....	121
27. Vượt Trường Sơn (1971).....	130
28. Về xuôi.....	137
29. Lần chết hụt.....	141
30. Vượt lên chính mình.....	147
31. Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không.....	151
32. Hoài niệm tuổi 18.....	154
33. Ước mơ được chấp cánh.....	163
34. Sống cùng kỷ niệm.....	177
35. Một bước ngoặt lớn trong cuộc đời.....	183
36. Thư đồng đội.....	190
37. Vượt qua thử thách một đời người.....	192
38. Những bài báo thời nay.....	199
39. Bông hồng nơi xứ Quảng anh hùng.....	209
40. “Bông hồng gai” trên Núi Chúa.....	210
41. Người mở đường cho công chứng tư.....	213
42. Đồng hành với những người khốn khó.....	215
43. Thơ: Bùi Quang Thanh.....	221
44. Thay lời kết.....	224
45. Sách tham khảo.....	227

SÁCH THAM KHẢO

1. Lịch sử Đảng bộ xã Quế Lộc
2. Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Quế Sơn (1945-1975)
3. Lịch sử Đảng bộ huyện Quế Sơn (1930- 1975)
4. 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975)
tác giả: Nguyễn Huy Toàn

VÀNG TRẮNG SÁNG MÃI
NGUYỄN VŨ MINH NGUYỆT
HỒI KÝ

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐÀ NẴNG
Lô 103, đường 30 tháng 4, Hòa Cường Bắc, Đà Nẵng
ĐT: 0511 3797814 - 3797823; Fax: 0511 3797875
website: nxbdanang.vn
email: xuấtban@nxbdanang.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc : TRƯƠNG CÔNG BÁO
Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập : NGUYỄN KIM HUY

Biên tập : NGUYỄN THÙY AN
Bìa, trình bày: NGUYỄN VŨ MINH NGUYỆT
Sửa bản in : NGUYỄN VŨ MINH NGUYỆT

In 1000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty TNHH MTV XSKT&DV In Đà Nẵng, số 308 đường 2/9, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Theo TNKH số 2107-2014/CXB/01-114/ĐaN cấp ngày 13 tháng 10 năm 2014; Số 229/QĐ-ĐaN Nhà xuất bản Đà Nẵng cấp ngày 31 tháng 10 năm 2014. In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2014.